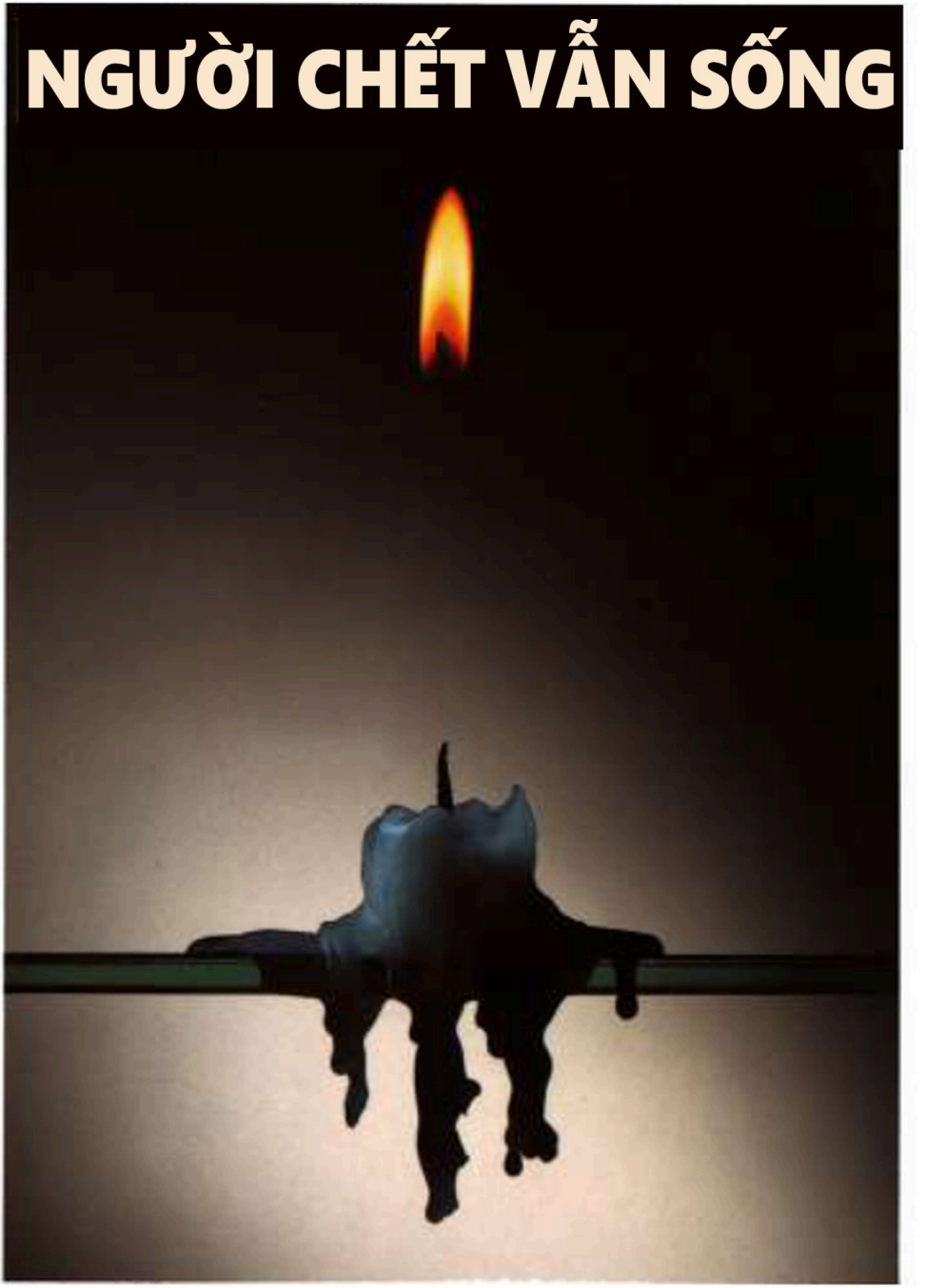
VẬY MÀ



Sự bất tử của linh hồn

Hans-Jörg Ronsdorf

Vậy mà người chết vẫn sống

Sự bất tử của linh hồn

Christliche Literatur-Verbreitung

Postfach 11 01 35 • 33661 Bielefeld

Bản Kinh Thánh được sử dụng (ấn bản tiếng Đức): Überarbeitete Elberfelder, 1999, CSV, Hückeswagen

Ấn bản thứ 1, 1992

Ấn bản thứ 2, 1994

Ấn bản thứ 3, có hiệu đính và bổ sung, 2004 (ấn bản tiếng Đức)

© 1992 by

CLV • Christliche Literatur-Verbreitung

Postfach 110135 • 33661 Bielefeld

CLV trên Internet: www.clv.de

Dàn trang: CLV

Bìa: Dieter Otten, Gummersbach

In và đóng sách: Ebner & Spiegel, Ulm

ISBN của ấn bản tiếng Đức: 3-89397-227-7

Mục lục

Lời nói đầu
1 Mở đầu 12
1.1 Ý nghĩa và tầm quan trọng của đề tài 13
1.2 Lý do và thách thức 14
1.3 Cấu trúc và bố cục 15
1.4 Thứ tự các biến cố tương lai – lịch tiên tri 16
1.5 Sự mặc khải của Kinh Thánh trong Cựu Ước và Tân Ước 17
1.5.1 Sự mặc khải của Tân Ước 18
1.5.2 Sự mặc khải của Cựu Ước 19
1.5.3 Cựu Ước cũng có ánh sáng 21
1.6 Nguồn gốc và tác động của sự chết 23
1.7 Điều gì xảy ra khi chết? 25
1.7.1 Tâm linh con người và sự chết 26
1.7.2 Linh hồn lúc lâm chung 27
1.7.3 Tâm linh và linh hồn 28
1.8 Những khía cạnh khác nhau của sự chết 28
1.9 Chiến thắng sự chết 29
1.9.1 Sự chết và tội lỗi 29
1.9.2 Sự chết và ma quỷ 32
2 Điều gì đến sau sự chết? 34
2.1 La-xa-rơ và người giàu 34
2.1.1 Đây có phải nói về sự sống sau khi chết không? 35
2.1.2 Ý nghĩa của câu chuyện 36
2.1.3 Một ví dụ? 37
2.1.4 Trước khi chết 37
2.1.5 Quan niệm của người Do Thái về thế giới bên kia 38
2.1.6 Lòng Áp-ra-ham 39
2.1.7 La-xa-rơ đã vào lòng Áp-ra-ham thế nào? 40
2.1.8 Hades 41
2.1.9 Hades trong Lu-ca 16 44

2.1.10 Sheol 46
2.1.11 Việc ngước mắt lên 47
2.1.12 Từ đằng xa 48
2.1.13 Vực sâu lớn 49
2.2 Đức Chúa Trời của kẻ sống 50
2.2.1 Người Sa-đu-sê
2.2.2 Môi-se và Ê-li trên núi hóa hình 53
2.2.3 Mối liên hệ giữa sự sống sau khi chết và sự sống lại 54
2.2.4 Hình ảnh hạt giống 54
2.3 Tên trộm trên thập tự giá 55
2.3.1 Ba-ra-đi 56
2.3.2 Ba-ra-đi trong truyền thống Do Thái 57
2.3.3 Ba-ra-đi trong Tân Ước 58
2.3.4 Có thể giải thích Lu-ca 23:43 cách khác không? 61
2.4 Vinh hiển đời đời – hy vọng khi đối diện sự chết 63
2.4.1 Người bề ngoài 65
2.4.2 Người bề trong 66
2.4.3 Nhà tạm dưới đất 67
2.4.4 Việc được mặc lấy 68
2.4.5 Chuyến đi và quê hương 71
2.4.6 Những cách giải thích khác 74
2.5 Sự chết là điều ích lợi 76
2.5.1 Những cách giải thích khác 78
2.5.1.1 Có phải nói về sự trở lại của Đấng Christ? 79
2.5.1.2 Ra đi 79
2.5.1.3 Linh hồn ngủ? 79
2.5.1.4 Chỉ là quyền riêng của Phao-lô? 80
2.5.2 Gặp Ngài! 80
2.6 Những người đã ngủ 81
2.6.1 Những người đã ngủ có ở trong giấc ngủ của linh hồn không? 82
2.6.2 Giấc ngủ ám chỉ điều gì? 83
2.6.3 Gương về cái chết của Ê-tiên 84
2.6.4 Những người đã ngủ vào lúc được cất lên 84

2.6.5 Những người đã ngủ trước sự cất lên 85
2.6.6 Kết luận 86
2.7 Đấng Christ – Chúa của kẻ sống và kẻ chết 87
2.8 Các linh hồn dưới bàn thờ 91
2.8.1 Linh hồn của những người tử đạo 92
2.8.2 Dưới bàn thờ 94
2.8.3 Biến cố này xảy ra vào thời điểm nào? 95
2.8.4 Lời kêu xin báo trả 96
2.9 Sự sống đời đời 97
2.9.1 Sự sống đời đời là gì? 98
2.9.2 Sự sống đời đời và sự bất tử 99
2.9.3 Làm sao một người có thể nhận được sự sống của Đức Chúa Trời? 100
2.9.4 Các tín hữu có sự sống đời đời như thế nào? 100
2.9.5 Sự sống đời đời và sự chết 102
2.9.6 Các tín hữu đã chết
2.9.7 Các tín hữu đang sống 103
2.9.8 Hình thức tương lai của sự sống đời đời 104
2.9.9 Đức Thánh Linh 104
2.9.10 Kết luận 105
2.10 Các linh bị giam trong ngục 106
2.10.1 Ý định của Phi-e-rơ 107
2.10.2 Lời giải thích của chúng tôi về đoạn văn
2.10.3 Bị giết về phần xác – được làm cho sống về phần Thánh Linh 108
2.10.4 Sự rao giảng cho các linh bị giam trong ngục 110
2.10.5 Nội dung của sự rao giảng 110
2.10.6 Linh hồn và các linh 111
2.10.7 Các linh ấy có phải là thiên sứ sa ngã không? 112
2.10.8 Các linh – những người đã chết
2.10.9 Ngục tù 115
2.10.10 Các tín hữu thời Cựu Ước được giải thoát khỏi Sheol? 116
2.10.11 Chúa Giê-xu xuống âm phủ? 117
2.10.12 Kết luận 118

2.11.1 Những lời kể này đúng được bao nhiêu? 120
2.11.2 Trải nghiệm lúc lâm chung trong Kinh Thánh? 121
2.11.3 Sứ đồ Phao-lô và sứ đồ Giăng 123
2.11.4 Trải nghiệm lúc lâm chung – thiên đàng và địa ngục 124
2.11.5 Sự lừa dối của bóng tối 125
2.11.6 Kẻ cầu hồn người chết là điều gớm ghiếc trước mặt CHÚA 126
2.11.7 Sau-lơ và Sa-mu-ên 127
2.11.8 Sự lừa dối của kẻ địch lại Đấng Christ trong thời kỳ cuối cùng 128
2.11.9 Kết luận
3 Quan niệm về con người trong Kinh Thánh 131
3.1 Con người gồm những gì? 132
3.2 Tâm linh của con người 135
3.2.1 Hơi sống 135
3.2.2 Thần linh từ Đức Chúa Trời và tâm linh của con người 136
3.2.3 Tóm tắt 139
3.3 Linh hồn của con người 139
3.3.1 Tóm tắt 141
3.4 Thân thể của con người 142
3.5 Kết luận 143
4 Sự bất tử của linh hồn 145
4.1 Sự sống đời đời và sự bất tử của linh hồn 146
4.2 Sự bất tử trong Tân Ước 147
4.3 Giữa sự chết và sự sống lại 149
4.3.1 Ý thức của linh hồn khi không có thân thể 149
4.3.2 Linh hồn còn cần thân thể không? 149
4.4 Sự bất tử trong Kinh Thánh và trong triết học Hy Lạp 150
4.4.1 Thuyết nhị nguyên 151
4.4.2 Sự sống lại 151
4.4.3 Sự bất tử của linh hồn không phải là trạng thái cuối cùng 152
4.4.4 Nhân cách 153
4.5 Kết luận 153
4.6 Ý nghĩa của lẽ thật này 154
5 Tương lai của người chết 156

5.1 Sự sống lại 157
5.1.1 Sự sống lại trong Cựu Ước 158
5.1.2 Sự sống lại để được sống 159
5.1.3 Thân thể trong sự sống lại 162
5.1.4 Thời điểm của sự sống lại 164
5.1.5 Sự sống lại để bị xét đoán 167
6 Con người trong cõi đời đời 171
6.1 Các tín hữu trong cõi đời đời 172
6.2 Những người không tin trong cõi đời đời 173
6.2.1 Địa ngục (*Gehenna*) 174
6.2.2 Hồ lửa 177
6.2.3 Sự chết thứ hai 177
6.3 Hình phạt kéo dài bao lâu? 178
6.3.1 "Đời đời" và "mãi mãi" trong Tân Ước 180
6.3.2 "Sự hư mất" 181
6.3.3 Tóm tắt 183
6.3.4 Sự công chính và thánh khiết của Đức Chúa Trời 183
6.3.5 Thập tự giá tại Gô-gô-tha 185
7 Phụ lục 188
7.1 Kinh Thánh dạy gì về Sheol và Hades? 188
7.2 Bảng các thuật ngữ khác nhau 194
8 Thư mục 197
Chú thích 201

Lời nói đầu cho ấn bản thứ nhất

Nghiên cứu đề tài khó khăn và phức tạp này không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Vì vậy, điều độc giả đang có trong tay không phải là một sự trình bày đầy đủ về đề tài này, như người ta có thể dễ dàng nhận thấy qua thư mục, vốn cho thấy rất nhiều sách viết về đề tài này.

Nếu không có sự cộng tác của người bạn tôi là Matthias Piel, cuốn sách này đã không thể hình thành dưới dạng này; qua đây tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn đặc biệt đến anh. Tôi cũng cảm ơn Martin Heide vì sự giúp đỡ của anh. Sau cùng, tôi cảm ơn vợ tôi, người đã phải chịu thiếu vắng tôi nhiều giờ, nhưng vẫn không thôi khích lệ tôi hoàn tất công việc này.

Nguyện Đức Chúa Trời thành tín ban phước cho cuốn sách này để tôn vinh Ngài! Tôi biết ơn mọi độc giả về những lời phê bình dựa trên Kinh Thánh.

Hans-Jörg Ronsdorf

Lời nói đầu cho ấn bản thứ ba

Cuốn sách này không viết cho các nhà thần học. Đã có những công trình cho họ, bàn về vấn đề này một cách chi tiết và sâu sắc hơn. Mối quan tâm của tôi – nhất là khi người ta nhận thấy sự hiểu biết Kinh Thánh, ngay cả trong các Hội Thánh trung thành với Kinh Thánh, còn cần được cải thiện biết bao – là trao vào tay các tín hữu một cuốn sách giúp họ làm quen với những lẽ thật này một cách đơn giản và dễ hiểu.

Ở một số chỗ có dẫn ngôn ngữ gốc. Nhưng tôi xác tín sâu xa rằng với một bản dịch tốt, người ta có thể hiểu đúng những câu hỏi được bàn đến trong cuốn sách này.

Tựa đề của cuốn sách "Sự bất tử của linh hồn" có tính khiêu khích đối với một số Cơ Đốc nhân, một phần là vì có lý do chính đáng. Tuy vậy, tôi muốn thử soi sáng nội dung của tựa đề ấy bằng lẽ thật Kinh Thánh, và đi đến kết luận rằng tựa đề ấy hoàn toàn có lý do tồn tại, miễn là chúng ta hiểu và dùng nó theo Kinh Thánh.

Sau khi ấn bản thứ 1 và thứ 2 ra đời, đã có rất nhiều thư gửi đến. Có nhiều sự tán thành, nhưng cũng có chừng ấy sự phản đối. Tôi đã đưa nhiều điểm vào ấn bản này, kể cả những điều chỉnh mà tôi đã thực hiện ở một số chỗ. Tôi biết ơn về những góp ý ấy. Sự hiểu biết của chúng ta chỉ là từng phần.

Vì trong cuốn sách này tôi bàn một cách có hệ thống mọi câu Kinh Thánh (như tôi hy vọng) liên quan đến đề tài, nên nó cũng có thể được xem như một sách tra cứu. Vì thế, tất yếu cũng có những chỗ lặp lại, vì mỗi chương có thể được đọc riêng.

Với ấn bản này nữa, vốn đã trở thành một bản hiệu đính toàn bộ với nhiều phần bổ sung, tôi rất biết ơn sự cộng tác và hỗ trợ, đặc biệt của Werner Mücher, Gummersbach, và Wolfgang Klöckner, Obergünzburg / Allgäu, người đã soạn các câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn. Họ đã giúp cho những suy nghĩ trở nên rõ ràng hơn và dễ hiểu hơn.

Trong một công việc như thế này, tôi cũng nhận thấy nền tảng thuộc linh được đặt trong thời niên thiếu của tôi ngày nay hữu ích cho tôi biết bao. Vì vậy, tôi cũng biết ơn những người đã chịu khó đặt nền tảng ấy.

Lời cầu nguyện của tôi là nhiều con cái Đức Chúa Trời được ích lợi từ cuốn sách này và có được cái nhìn còn rõ ràng hơn về sự cao cả của Chúa Giê-xu Christ trong chiến thắng của Ngài trên sự chết, và về phước lành đã từ đó mà đến với chúng ta.

Hans-Jörg Ronsdorf, Kempten (Allgäu), tháng 12 năm 2003

1 Mở đầu

Có thật sự có một sự hiện hữu, một sự tiếp tục sống sau khi chết không? Nếu có, chúng ta phải hình dung sự hiện hữu ấy như thế nào? Đó, hay những câu tương tự, là những câu hỏi được đặt ra mãi. Đức Chúa Trời đã đặt sự đời đời trong lòng con người, và điều đó khiến con người linh cảm rằng sự chết không phải là dấu chấm hết:

> *"Ngài làm mọi sự đẹp đẽ vào đúng thời của nó; Ngài cũng đã đặt sự đời đời trong lòng họ, dù con người không thể hiểu thấu công việc Đức Chúa Trời đã làm từ đầu đến cuối" (Truyền Đạo 3:11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Nếu lời này tự nó chưa có nghĩa là tấm lòng, mà trong Kinh Thánh là phần sâu kín nhất và cốt yếu nhất của con người, được tạo dựng hướng về cõi đời đời, thì ít nhất nó cũng nói rằng con người cảm nhận được – như mọi tôn giáo lớn trên thế giới và cả các tôn giáo bộ lạc từ thời xưa và thời gần đây đều xác nhận – rằng có một điều gì đó vượt quá giới hạn hiểu biết của chúng ta, cụ thể là một sự sống sau cuộc sống này. Chính Đấng Tạo Hóa đã ban cho con người ý thức về sự siêu thời gian của Ngài.[1]

Nhưng cùng một hơi thở, lời này của nhà Truyền Đạo cũng nêu ra giới hạn của sự hiểu biết. Về sự chết và tương lai, *dưới mặt trời* không có sự hiểu biết. "*Dưới mặt trời*" đối với nhà Truyền Đạo là một cách nhìn thế giới từ góc độ của con người không biết sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Và tạ ơn Đức Chúa Trời, qua Kinh Thánh chúng ta có sự mặc khải của Đức Chúa Trời trong tay. Sự mặc khải ấy đến từ Đức Chúa Trời, Đấng ở trên mặt trời, nếu tiếp tục dùng ngôn ngữ của nhà Truyền Đạo.

Người ta cố gắng giải đáp câu hỏi tối hậu này bằng mọi ngành khoa học và ngụy khoa học sẵn có. Dù giới hạn của sự hiểu biết không thể bị xóa bỏ, người ta vẫn đưa ra những giải pháp giải thích sự chết và điều đến sau đó theo một cách – nhìn từ Kinh Thánh – đầy cám dỗ và tai hại! Có người nói sự

1. Điều đó cũng không thay đổi khi ý thức này thường biểu hiện rất khác nhau và nhiều người chối bỏ sự sống sau khi chết.

chết đối với mọi người là bước chuyển vào Ba-ra-đi (thiên đàng). Người khác khẳng định sau khi chết thì chẳng còn gì nữa. Hoặc người ta cho rằng sau một sự hiện hữu có giới hạn về thời gian, sẽ đến sự kết thúc vĩnh viễn cho người này, và sự sống đời đời cho người kia.

Những cách giải thích ấy thật tai hại, vì chúng dẫn người ta vào đường lầm lạc và không hiểu sự chết đúng như bản chất thật của nó: Tiền công của tội lỗi (Rô-ma 6:23) và sự phân cách khỏi Đức Chúa Trời.

Chúng ta, những Cơ Đốc nhân, có gì để nói về điều đó? Chúng ta có đặt quan điểm của mình về câu hỏi này trên Lời Đức Chúa Trời không, và chúng ta có sẵn sàng và có khả năng giải thích về niềm hy vọng (1 Phi-e-rơ 3:15)[2] mà chúng ta có trong lòng không?

Chúng ta không cần và không được phép lẩn trốn, vì giữa mọi nỗ lực giải thích sự chết chung quanh chúng ta, sẽ luôn lộ ra rằng quan điểm của Kinh Thánh về sự chết và điều đến sau đó, và như vậy về tương lai của con người, là độc nhất vô nhị. Không ở đâu có niềm hy vọng lớn lao như vậy và một tương lai tuyệt đẹp như vậy. Tuy nhiên, có hai đích đến ở cuối một con đường rộng và một con đường hẹp (Ma-thi-ơ 7:13, 14).

1.1 Ý nghĩa và tầm quan trọng của đề tài

Đề tài của cuốn sách này đề cập đến những câu hỏi nằm ở ranh giới hiểu biết của con người trong lĩnh vực sự sống và sự chết. Chúng ta hoàn toàn phải dựa vào những gì Đức Chúa Trời phán với chúng ta trong Lời Ngài về đề tài này. Dù Kinh Thánh có nói những điều cốt yếu về những việc ấy, chúng ta cũng không được nhấn mạnh quá mức đề tài này và gán cho nó một giá trị mà Kinh Thánh không ban cho nó. Vậy chúng ta không muốn nói quá nhiều, nhưng cũng không quá ít về điều đó. Nơi nào Kinh Thánh im lặng, chúng ta cũng muốn im lặng! Về tương lai, Kinh Thánh nói rất nhiều – về khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại thì tương đối ít, vì đó chỉ là một giai đoạn trung gian sẽ có lúc chấm dứt vĩnh viễn.

Thoạt nhìn, sự sống giữa sự chết và sự sống lại dường như không liên quan trực tiếp đến nền tảng của đức tin (chẳng hạn thân vị và công việc của

2. Niềm hy vọng của chúng ta không chỉ giới hạn ở một sự sống sau khi chết. Thời gian giữa sự chết và sự sống lại "chỉ" là một điều tạm thời. Niềm hy vọng và tương lai của chúng ta là sự sống đời đời trong sự sống lại.

Chúa Giê-xu Christ, sự soi dẫn của Kinh Thánh). Việc một người tin chắc rằng sau khi chết mình sẽ chìm vào một giấc ngủ vô thức cho đến sự sống lại có lẽ chưa phải là một tà giáo.[3] Nhưng nếu – và điều này người ta thường gặp – từ đó người ta suy ra rằng trong cõi đời đời cũng có trạng thái vô thức ấy hoặc sự hiện hữu sẽ chấm dứt, chẳng hạn sự tiêu diệt những kẻ không tin kính, thì các nền tảng của đức tin Cơ Đốc bị tấn công.

Khi ấy, như chúng ta sẽ thấy, chính bản chất của Đức Chúa Trời, tình yêu, sự thánh khiết và sự công chính của Ngài cũng bị đụng chạm đến. Có lẽ một vài độc giả sẽ ngạc nhiên về mối liên hệ này. Nhưng thật ra, điều đang được bàn đến là giá trị và tác động của công cuộc cứu chuộc của Chúa Giê-xu Christ.

Khi xem xét toàn diện đề tài này, tức là tương lai của con người, chúng ta sẽ thấy vòng tròn khép lại thế nào. Vấn đề không chỉ là một sự sống giữa sự chết và sự sống lại.

1.2 Lý do và thách thức

Cách đây ít lâu, tôi đối diện với một quan điểm phủ nhận rằng linh hồn vẫn tiếp tục hiện hữu sau khi chết. Niềm tin này có trong nhiều giáo phái hay tà giáo khác nhau (trong số đó có phái Cơ Đốc Phục Lâm[4] và Nhân Chứng Giê-hô-va[5]); đại khái nó nói như sau:

> *Từ khi sinh ra, con người không có một linh hồn bất tử. Vì tội lỗi, con người phải chịu sự hay chết. Con người chỉ nhận được sự bất tử nhờ Đấng Christ và duy chỉ nhờ Ngài mà thôi. Đó là sự sống đời đời mà mọi người tin Đấng Christ đều nhận được. Do đó, mọi người không có sự sống trong Đấng Christ sẽ không sống đời đời, nhưng có lúc sẽ thôi hiện hữu, nghĩa là họ sẽ bị tiêu diệt trong địa ngục, sự hiện hữu của họ bị xóa bỏ.*
>
> *Vì linh hồn con người không bất tử mà hay chết, nên cũng không có sự sống sau khi chết. Trong sự chết, linh hồn chết, cả con người tiêu tan, mọi chức*

3. Tôi xem quan điểm này là một giáo lý sai, tự nó có lẽ không có tác động lớn, nhưng bước đi đến tà giáo, tức là một giáo lý dẫn con người vào lầm lạc và vào sự hư mất (Phục Truyền Luật Lệ Ký 27:18, Ê-xê-chi-ên 13:10), thì rất gần, và cũng đã có không ít người bước đi bước ấy.

4. Chẳng hạn Tobler, G., *Wann beginnt das ewige Leben*, (Advent-Verlag, Zürich). Tomasi, M., *Tod und Auferstehung, Himmel und Hölle*, (Advent Verlag, Zürich). *77 Fragen an die Gemeinschaft der Siebenten-Tags-Adventisten*, (Union Verlag Berlin), 1988.

5. Chắc chắn phải nhìn hai giáo phái này một cách phân biệt, nhưng ở điểm này giữa họ không có khác biệt đáng kể nào; cả hai đều chủ trương một giáo lý sai.

năng – kể cả những chức năng có bản chất tinh thần và tâm lý – đều tắt hẳn. Trong một biến thể của quan điểm này, người ta cũng gọi trạng thái "không hiện hữu" ấy là giấc ngủ của linh hồn, khi nói đến trạng thái sau khi chết và trước sự sống lại. Trong giấc ngủ của linh hồn ấy không có ý thức.[6]

Theo quan niệm này, người ta xem con người là một thể thống nhất không thể tách rời. Hoặc con người sống (trong thân thể), hoặc người ấy chết. Giữa hai hình thức hiện hữu này không có trạng thái trung gian nào. Con người, được tạo dựng như một thể thống nhất, chỉ có lại ý thức trong sự sống lại. Theo quan điểm này, không có linh hồn và không có tâm linh nào không có thân thể hoặc ở bên ngoài thân thể.

Tôi không muốn tranh luận với quan điểm vô thần và duy vật về sự chết và sự bất tử của linh hồn. Đúng hơn, tôi muốn đối diện với một quan niệm được bênh vực dựa trên Kinh Thánh.

Tuy nhiên, cuốn sách này không chỉ dành cho những ai phải đối mặt với vấn đề đặc biệt của thuyết bất tử có điều kiện hay giấc ngủ của linh hồn, mà cho tất cả những ai cũng muốn tìm hiểu đề tài này một cách căn bản.

1.3 Cấu trúc và bố cục

Trước hết, cần đi đến một sự đánh giá cân bằng về những lời Kinh Thánh liên quan đến đề tài của chúng ta: Các tiên tri trong Cựu Ước và các sứ đồ trong Tân Ước đã nghĩ gì về những điều thuộc thế giới bên kia?

Tiếp theo, cần khảo sát sự chết về nguồn gốc và cách tác động của nó. Sau đó, chiến thắng trên sự chết qua Chúa Giê-xu Christ của chúng ta sẽ được đặc biệt chú ý.

Sau phần chuẩn bị này, tôi sẽ bàn đến điều đến ngay sau sự chết. Ở đó tôi dùng đến mọi đoạn Kinh Thánh quan trọng của Tân Ước có nói về điều ấy. Những đoạn văn này là phần quan trọng nhất cho đề tài chính, vì ở đây khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại được nhiều người viết khác nhau trực tiếp đề cập. Người viết này chỉ chạm đến đề tài, người viết kia đi vào cụ thể. Không thể nói là có quá ít đoạn Kinh Thánh.

6. Quan niệm này được biết đến dưới tên gọi "thuyết bất tử có điều kiện" (Conditionalism), tuy ít phổ biến trong vùng nói tiếng Đức. Thuật ngữ này (từ tiếng La-tinh *conditio*, điều kiện) có nghĩa là sự bất tử của con người tùy thuộc vào điều kiện: người ấy có sự sống trong Đấng Christ hay không.

Điều đó lại dẫn sát đến câu hỏi: Con người là gì? Đặc biệt là bản chất và sự bất tử của linh hồn. Đó cũng là gốc rễ của những quan điểm mà thuyết bất tử có điều kiện dựa vào. Vì trạng thái trung gian sau khi chết chỉ có giới hạn về thời gian, nên sau đó chúng ta sẽ đến với biến cố lớn chấm dứt trạng thái này: sự sống lại. Trong một chương nữa, tôi sẽ bàn về trạng thái đời đời, trong đó tôi sẽ đặc biệt khảo sát số phận của những kẻ không tin kính. Câu hỏi cứ trở lại mãi: Trước tình yêu của Đức Chúa Trời, có thật sự có thể có một địa ngục đời đời không?

1.4 Thứ tự các biến cố tương lai – lịch tiên tri

Dù người ta đọc cuốn sách nào về đề tài này: Mọi cuốn sách đều dựa trên một quan điểm nhất định về thuyết mạt thế, tức là giáo lý về các biến cố tương lai. Cuốn sách này cũng không khác. Tôi muốn làm rõ trước niềm tin của tôi về thứ tự các biến cố tiên tri cũng như những điểm trọng tâm của chúng, để giúp độc giả hiểu rõ hơn các mối liên hệ. Tôi trình bày niềm tin của tôi bằng vài lời và ở đây không lập luận thêm.[7]

Tôi tin rằng mọi Cơ Đốc nhân, mọi con cái Đức Chúa Trời, sẽ rất sớm được cất lên trời, đến với Chúa Giê-xu Christ. Khi ấy, mọi tín hữu đã qua đời cho đến lúc đó sẽ sống lại và được cất lên cùng với những người còn sống. Sau đó sẽ đến một thời kỳ của những sự phán xét lớn, trong đó kẻ địch lại Đấng Christ sẽ xuất hiện và lừa dối nhiều người. Khi ấy, tâm điểm của lịch sử cứu rỗi của Đức Chúa Trời trước hết sẽ là đất và dân Y-sơ-ra-ên. Đức Chúa Trời Yahweh sẽ làm trọn mọi lời hứa mà Ngài đã ban cho dân xưa của Ngài là Y-sơ-ra-ên. Rồi Đấng Christ (tiếng Hê-bơ-rơ *Messias*) sẽ hiện ra để phán xét kẻ sống và lập vương quốc của Ngài. Không phải các Cơ Đốc nhân sẽ xây dựng vương quốc quyền năng và vinh hiển ấy, mà là Đấng Christ, khi Ngài đến để cai trị. Sau vương quốc ấy, sẽ còn có một sự lừa dối lớn nữa của Sa-tan. Chỉ sau đó mới đến sự phán xét cuối cùng của mọi người, mà người ta thường gọi là "ngày sau cùng". Khi ấy trời và đất sẽ tan rã và được tạo dựng mới.

Tuy nhiên, cách hiểu khác nhau về trình tự thời gian tiên tri không nhất thiết có nghĩa là người ta sẽ đi đến những kết luận khác nhau trong mọi điểm

7. Một cuộc thảo luận chi tiết về các quan điểm khác nhau có thể tìm thấy, trong số những sách khác, ở phần dẫn nhập của sách giải nghĩa sách Khải Huyền: W.J. Ouweneel, *Das Buch der Offenbarung*, Bielefeld (CLV) 1995, và: J.D. Pentecost, *Bibel und Zukunft*, Dillenburg (CVD) 1993.

liên quan đến đề tài của chúng ta. Chẳng hạn, về đề tài sự sống lại, có sự đồng thuận lớn về cách thức của nó, nhưng không đồng thuận về thời điểm của nó và về việc sẽ có một hay nhiều sự sống lại.

Biểu đồ bên cạnh trình bày thứ tự của các sự sống lại và các sự phán xét. Tôi xin độc giả đọc lại các câu Kinh Thánh được dẫn.

- Địa ngục[11] · Trời mới và đất mới[10] · Nhà Cha[12]
- **Trạng thái đời đời**[9]
- □ Sự phán xét **người chết** trước tòa lớn và trắng vào cuối thời đại thế gian[8]
- ▲ Sự sống lại của mọi kẻ không công chính để chịu phán xét sau thời kỳ một ngàn năm, trước tòa lớn và trắng[7]
- ▲ **Sự sống lại thứ nhất** phần B[5] những người tử đạo từ cơn hoạn nạn
- □ Sự hiện ra của Đấng Christ để phán xét **kẻ sống** vào đầu thời kỳ một ngàn năm trên đất[6]
- □ Tòa án của Đấng Christ dành cho các tín hữu đã được vinh hiển trên trời[4]
- ▲ **Sự sống lại thứ nhất** phần A[2] sự cất Hội Thánh lên trời y[3]
- **Sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ**[1]

□ = sự phán xét · ⋮ = thời gian · ▲ = sự sống lại

[1] 1 Cô-rinh-tô 15:1-23; Công Vụ Các Sứ Đồ 17:31; [2 + 3] 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17; 1 Cô-rinh-tô 15:51-54; [4] 2 Cô-rinh-tô 5:10; 1 Cô-rinh-tô 3:13-15; 4:4-5; [5] Khải Huyền 20:4-6; [6] Ma-thi-ơ 25:31-46; [7] Khải Huyền 20:5; Giăng 5:29; Giốp 14:10-12; [8] Khải Huyền 20:11-15; 1 Cô-rinh-tô 15:24; [9] 2 Phi-e-rơ 3:13; 1 Cô-rinh-tô 15:24; [10] Khải Huyền 21:1-8; [11] Ma-thi-ơ 18:8; Giu-đe 7, 13; Khải Huyền 14:11; 20:10; [12] Giăng 14:2-3; 17:24; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17

1.5 Sự mặc khải của Kinh Thánh trong Cựu Ước và Tân Ước

Nếu khảo sát toàn bộ Kinh Thánh với câu hỏi: trạng thái của con người sau khi chết và trong cõi đời đời là thế nào, thì người ta nhận thấy những khác biệt lớn giữa Cựu Ước và Tân Ước. Khác biệt cốt yếu nằm ở mức độ mặc khải, nghĩa là Đức Chúa Trời đã phán về những điều ấy đến mức nào, một mặt trong Cựu Ước và mặt khác trong Tân Ước. Chỉ Tân Ước mới trả lời câu

hỏi về thế giới bên kia và sự bất tử của con người một cách toàn diện và dứt khoát.

Điều đó không có nghĩa là trong Cựu Ước người ta tìm thấy ít điều về đề tài này. Không, Cựu Ước thậm chí còn có nhiều lời về sự chết và Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả') hơn Tân Ước. Nhưng những lời của con người trong Cựu Ước thường mang dấu ấn của sự không chắc chắn và sự không biết về sự chết, cũng có sự nghi ngờ, thậm chí cả sự sợ hãi. Đó là vì những người ấy được mặc khải rất ít về sự sống sau khi chết, và họ không có sự chắc chắn về sự bình an với Đức Chúa Trời và về một sự cứu chuộc đời đời.

Trái lại, nơi các tín hữu của Tân Ước, chúng ta thấy một thái độ hoàn toàn khác. Đối với họ, sự chết không còn là điều mà nó từng là đối với nhiều tín hữu của Cựu Ước. Đối với họ, không còn sự không chắc chắn và sự không biết ấy, cũng không còn nghi ngờ hay sợ hãi. Hãy thử so sánh những lời của Gióp với những lời của sứ đồ Phao-lô.

> *Gióp nói: "… trước khi tôi đi (và không trở lại) đến xứ tối tăm và bóng sự chết, đến xứ u ám như sự tối tăm, xứ của bóng sự chết và sự hỗn loạn, nơi ánh sáng cũng như tối tăm!" (Gióp 10:21, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*[8]
>
> *Nhưng Phao-lô có thể nói: "… hoặc thế gian, hoặc sự sống, hoặc sự chết, hoặc những sự bây giờ, hoặc những sự hầu đến: mọi sự đều thuộc về anh em" (1 Cô-rinh-tô 3:22, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*[9]

Nhờ sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ, thái độ của các tín hữu đối với sự chết đã thay đổi tận gốc. Cơ Đốc nhân biết sự chiến thắng và Đấng chiến thắng sự chết. Chiến thắng này không chỉ được tỏ ra trong sự sống lại, mà cả trong trạng thái ngay sau khi chết.

1.5.1 Sự mặc khải của Tân Ước

Tại sao Tân Ước mặc khải cho chúng ta nhiều hơn về thế giới bên kia? Vì qua sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ, sự chết đã bị đánh bại và bị

8. Xem thêm Gióp 14:12; 30:23; 38:17.
9. Xem thêm Phi-líp 1:23; 1 Cô-rinh-tô 15:54-56; 2 Cô-rinh-tô 4:7–5:10.

hủy phá, và như vậy đã xảy ra một bước ngoặt tận gốc, mà tầm vóc của nó thay đổi mọi sự. Bước ngoặt này là sứ điệp của Tin Lành:

> *"… Ngài đã cứu chúng ta và gọi chúng ta bằng một sự kêu gọi thánh, không theo việc làm của chúng ta, nhưng theo ý định riêng của Ngài và theo ân điển đã ban cho chúng ta trong Đấng Christ Giê-xu từ trước muôn đời, nhưng bây giờ đã được tỏ ra bởi sự hiện ra của Cứu Chúa chúng ta là Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã hủy phá sự chết, và đã phơi bày sự sống và sự không hề hư nát [hoặc: sự không hề mục nát] ra nơi sáng bởi Tin Lành" (2 Ti-mô-thê 1:9-10, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Lu-ca cũng diễn đạt tương tự trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ:

> *"… tức là Đấng Christ phải chịu khổ, và là Đấng đầu tiên, bởi sự sống lại từ kẻ chết, rao truyền ánh sáng cho cả dân này lẫn các dân ngoại" (26:23, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Những người viết Cựu Ước đã tìm kiếm sự sáng tỏ về những điều chỉ có thể đến nhờ công việc của Chúa Giê-xu Christ. Đối với họ, sự chết – ít nhất là về mặt chủ quan – chưa bị hủy phá bởi công việc của Đấng Christ.[10] Họ nhìn sự chết khi sự sống và sự không hề hư nát chưa được phơi bày ra nơi sáng. Đó không chỉ là vấn đề mặc khải, vì đối với Đức Chúa Trời, vén bức màn lên hẳn là một việc nhỏ. Vấn đề là sự mặc khải những điều ấy gắn liền với sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu.

Sự mặc khải trọn vẹn về những điều thuộc thế giới bên kia phải chờ sự đến của Con Đức Chúa Trời. Trước đó chỉ có ít lời hứa hay sự mặc khải về những điều thuộc thế giới bên kia, trái với điều mà ngày nay, sau sự đến của Chúa Giê-xu, chúng ta biết qua các sách Tân Ước (Giăng 3:11-13; Ê-phê-sô 1:3 và các câu tiếp theo; Phi-líp 3:20).

1.5.2 Sự mặc khải của Cựu Ước

Trong Cựu Ước, chúng ta gặp những người viết hết sức khác nhau, và do đó cũng có những thể loại văn bản khác nhau[11]. Có các sách lịch sử ghi lại đường lối của Đức Chúa Trời với dân Ngài. Rồi có các sách tiên tri, trong đó Đức

10. Tuy vậy, mọi tín hữu của Giao Ước Cũ sau khi chết đều đã đi vào Ba-ra-đi trên trời, như chúng ta sẽ thấy sau. Trước khi chết, họ không biết điều đó, nghĩa là điều đó chưa được mặc khải.
11. Sử ký, thi ca, châm ngôn, v.v.

Chúa Trời qua các tiên tri của Ngài đã phán về tình trạng đạo đức của dân Ngài và của các dân khác, cũng như về tương lai của họ.

Bên cạnh đó cũng có các sách thi ca, chẳng hạn Gióp, Thi Thiên và Truyền Đạo, là những sách bày tỏ cách đặc biệt những ý nghĩ, cảm nhận và cảm xúc của con người.[12] Trong ba sách vừa kể, chúng ta tìm thấy phần lớn những lời liên quan đến đề tài của chúng ta.

Nhà Truyền Đạo đôi khi cố gắng giải thích ý nghĩa của đời sống và của thế giới hoàn toàn từ góc nhìn ngang: Tầm nhìn của ông không vượt quá những gì ông thấy "dưới mặt trời" (1:3; 2:11, 18, 22). Một trong những câu trả lời của ông cho câu hỏi về ý nghĩa là:

> *"Vì số phận của con cái loài người và số phận của loài thú là như nhau: chúng có cùng một số phận. Loài này chết thế nào, loài kia cũng chết thế ấy, và tất cả đều có cùng một hơi thở; con người không hơn gì loài thú, vì mọi sự đều là hư không. Mọi sự đều đi về một chỗ; mọi sự đều từ bụi đất mà ra, và mọi sự đều trở về bụi đất. Ai biết được hơi thở của con cái loài người có đi lên trên chăng, và hơi thở của loài thú có đi xuống dưới đất chăng?" (Truyền Đạo 3:19-21, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Nhà Truyền Đạo đi đến những kết luận chỉ đúng khi nhìn từ góc độ của đời này. Vì thế, sách này không được trở thành nhân chứng chính về những điều thuộc thế giới bên kia, hay thậm chí về những điều đời đời. Trong Thi Thiên, chúng ta tìm thấy một số lời rất giống với lời của nhà Truyền Đạo (chẳng hạn Thi Thiên 49:12; 103:15-16). Những lời này cũng không cho chúng ta lời giải đáp sau cùng về thế giới bên kia.[13]

Nếu xem Cựu Ước tách rời khỏi Tân Ước, người ta có thể có ấn tượng rằng mình đang gặp những điều mâu thuẫn. Nhưng ấn tượng ấy chỉ có thể nảy sinh khi người ta quên rằng vào thời Cựu Ước, những điều thuộc thế giới bên kia chỉ được mặc khải một phần. Một lập luận mà trong đó những lời

12. Khi tôi nói ở đây rằng các sách này có nội dung là những ý nghĩ của con người, thì chúng vẫn được Đức Thánh Linh soi dẫn như mọi sách khác của Kinh Thánh và được ghi lại cho chúng ta với ý định của Đức Chúa Trời.

13. Thi Thiên mang một tính chất khác. Phần lớn chúng mang tính tiên tri. Điều đặc biệt là những lời tiên tri này rất thường được bày tỏ qua những ý nghĩ và cảm xúc của con người. Những sự đau khổ mà chẳng hạn Đa-vít nói đến, dưới sự dẫn dắt của Thánh Linh của Đức Chúa Trời, mang một hình thức mà rốt cuộc chỉ có thể được ứng nghiệm trong sự đau khổ của Đấng Christ.

của Cựu Ước là những lý lẽ mạnh nhất thì không thể trình bày toàn bộ lẽ thật.

1.5.3 Cựu Ước cũng có ánh sáng

Nhưng điều đó không có nghĩa là về đề tài của chúng ta hoàn toàn không có chút ánh sáng nào. Ngay cả Cựu Ước cũng cho chúng ta đủ dấu hiệu rằng với sự chết, mọi sự chưa phải là đã hết.

- "Được tụ họp về cùng dân mình".[14] Thông thường, ngay trong cách nói hằng ngày của chúng ta, "được tụ họp" có nghĩa là đem nhiều người đến cùng một chỗ vì một việc liên quan đến mọi người có mặt. Khi cách nói này cũng được dùng cho sự chết, thì trong đó ít nhất có một sự gợi ý rằng những người chết được tụ họp tại một nơi, hay trong cõi của người chết – trong Cựu Ước là Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả')[15]. Điều đáng chú ý là việc chôn cất hay mai táng được phân biệt với việc "được tụ họp".[16] Vậy ngay từ đầu lịch sử đã có những khái niệm liên quan đến thế giới bên kia.
- Bà đồng ở Ên-đô-rơ và tâm linh của Sa-mu-ên (1 Sa-mu-ên 28). Trong Y-sơ-ra-ên người ta cho rằng kẻ cầu hồn người chết có thể gọi tâm linh của một người chết lên. Điều đó giả định rằng tâm linh của người chết phải hiện hữu bằng cách nào đó và ở nơi nào đó, ít nhất người ta cũng cho rằng các linh của người chết ấy có thật. Ngoài ra, Đức Chúa Trời đã cấm, với hình phạt nặng nhất, việc hỏi các linh của người chết qua những kẻ cầu hồn người chết theo tà thuật.[17]
- Việc Hê-nóc được cất lên (Sáng Thế Ký 5:24) và Ê-li được cất lên (2 Các Vua 2). Dù điều đã xảy ra với những người này là một ngoại lệ, chúng ta vẫn được phép đặt câu hỏi: Sau khi được cất lên trời, những người này ở đâu?[18] Ê-li và Môi-se – Môi-se đã chết một cái chết tự nhiên – cả hai đều hiện ra trên núi hóa hình và nói chuyện với Chúa Giê-xu.[19]

14. Sáng Thế Ký 25:8, 17; 35:28-29; xem thêm Sáng Thế Ký 37:35; Các Quan Xét 2:10.
15. Sáng Thế Ký 37:35; 42:38; 44:31; Dân Số Ký 16:30; 1 Sa-mu-ên 2:6.
16. Sáng Thế Ký 35:29; 2 Các Vua 22:20; 2 Sử Ký 34:28.
17. Lê-vi Ký 19:31; 20:6, 27; Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:11.
18. So sánh mục 2.2.
19. Ma-thi-ơ 17:3; Mác 9:4; Lu-ca 9:30.

- Đa-vít và đứa con đã chết của ông (2 Sa-mu-ên 12:23). Đa-vít nói: "Nhưng bây giờ nó đã chết, ta còn kiêng ăn làm chi? Ta có thể làm cho nó trở lại được chăng? Ta sẽ đi đến nó, nhưng nó sẽ không trở lại cùng ta."

Sự thông công của các tín hữu với Đức Chúa Trời và lòng tin cậy của họ nơi Đức Chúa Trời không bị gián đoạn ngay cả trong sự chết của họ. Bên cạnh những lời bày tỏ nỗi sợ hãi trước sự chết, cũng có một số lời mà trong đó chúng ta thấy sự tin chắc, bình an và sự trông đợi: Thi Thiên 16:9-11; 17:6; 31:5; 49:14-15; 73:24-26; 116:15.

Tóm lại, chúng ta nhận thấy rằng Cựu Ước chỉ cho chúng ta biết về thế giới bên kia đến một mức độ nhất định. Vì thế, nếu chúng ta cố rút ra từ đó những lời khẳng định dứt khoát về sự sống sau khi chết, chúng ta sẽ làm lu mờ ánh sáng có trong Tân Ước về điều ấy. Chỉ khi chúng ta khảo sát những lời của Cựu Ước dựa trên Tân Ước và giải thích chúng trong ánh sáng của Tân Ước, chúng ta mới hiểu chúng đúng đắn. Tân Ước luôn là chìa khóa cho Cựu Ước, chứ không phải ngược lại.

Điều được nói về sự cứu rỗi trong câu sau đây cũng có thể áp dụng, theo ý nghĩa, cho tương lai của con người. Các tiên tri đã thấy và viết nhiều điều, nhưng đó là một sự tìm kiếm và tra xét; sự hiểu biết trọn vẹn chưa được ban cho họ:

> *"… về sự cứu rỗi ấy, các tiên tri đã nói tiên tri về ân điển dành cho anh em, đã tìm kiếm và tra xét, tra xét xem Thánh Linh của Đấng Christ ở trong mình chỉ về thời kỳ nào và thời kỳ thể nào, khi Ngài làm chứng trước về những sự đau đớn sẽ đến trên Đấng Christ và về những sự vinh hiển theo sau" (1 Phi-e-rơ 1:10-11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Mối quan hệ giữa Cựu Ước và Tân Ước trong vấn đề này có thể được minh họa bằng một nguyên tắc trong Hiến pháp Đức, điều 31: "Luật liên bang đứng trên luật tiểu bang" (Bundesrecht bricht Landesrecht), nghĩa là luật liên bang được ưu tiên khi các điều khoản về cùng một vấn đề có nội dung khác nhau.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy tóm tắt những gì đã được mặc khải trong Cựu Ước về một "sự sống sau khi chết"!
- Sự khác biệt về mặc khải giữa Cựu Ước và Tân Ước là gì?

- Tại sao không thể dùng Cựu Ước làm nền tảng cho giáo lý về tương lai của con người?

1.6 Nguồn gốc và tác động của sự chết

Từ tay Đức Chúa Trời đời đời,[20] là Đấng duy nhất có sự bất tử,[21] đã ra đời một công trình sáng tạo mà không có điều gì có thể tốt hơn và đẹp hơn được (Sáng Thế Ký 1:31; Truyền Đạo 3:11). Con người, được dựng nên theo hình ảnh và giống như Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 1:26-27; Gia-cơ 3:9) và vì thế là trung tâm của công trình sáng tạo hữu hình, được định để sống trong sự thông công với Đấng Tạo Hóa của mình. Con người sống trong một khu vườn tuyệt diệu, môi trường thuận lợi nhất để làm trọn mục đích ấy. Giữa vườn có cây sự sống (Sáng Thế Ký 2:9, 16; 3:22). Sự sống với sức mạnh và sự phong phú của nó là dấu ấn của công trình sáng tạo. Sự sống, và là sự sống không có bất cứ giới hạn thời gian nào, là điều cao quý nhất mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người. Con người được phép ăn trái của cây sự sống bất cứ lúc nào. Ngay từ ban đầu, con người được tạo dựng cho một sự sống không có tận cùng. Chỉ điều đó mới phù hợp với bản chất và ý muốn của Đức Chúa Trời.

Vì vậy, lời cảnh cáo về sự chết càng gây ấn tượng mạnh hơn, cho trường hợp con người vì không vâng lời mà bước ra khỏi sự lệ thuộc và sự thông công với Đấng Tạo Hóa của mình (Sáng Thế Ký 2:17). Trong cõi tràn đầy sự sống ấy, lời đe dọa về sự chết là lời cảnh cáo khủng khiếp nhất có thể có. Đối với con người, sự chết có nghĩa là phải rời bỏ công trình sáng tạo mà mình thấy được – tức là phạm vi trên đất của nó – và như vậy cũng rời bỏ Đấng Tạo Hóa mà mình đã biết trong công trình sáng tạo (hữu hình) ấy. Con người được nắn nên từ bụi đất (Sáng Thế Ký 2:7), và sẽ trở lại thành bụi đất:

> *"Ngươi sẽ làm đổ mồ hôi trán mới có mà ăn, cho đến ngày nào ngươi trở về đất [nguyên văn: về mặt đất], vì từ đó mà ngươi được lấy ra. Vì ngươi là bụi*

20. "Trước khi núi non chưa sinh ra, và Chúa chưa dựng nên đất và thế gian – thật, từ trước vô cùng cho đến đời đời Chúa là Đức Chúa Trời" (Thi Thiên 90:2). "… theo lệnh Đức Chúa Trời hằng có" (Rô-ma 16:26).

21. "… là sự mà Đấng Chủ Tể hạnh phước và có một đến kỳ sẽ bày tỏ ra, là Vua của các vua [nguyên văn: của những người làm vua], Chúa của các chúa [nguyên văn: của những người cai trị], một mình Ngài có sự bất tử, ở nơi sự sáng không thể đến gần được, chẳng người nào từng thấy Ngài và cũng không thấy được, danh vọng và quyền năng đời đời thuộc về Ngài! A-men" (1 Ti-mô-thê 6:15-16).

đất, và ngươi sẽ trở về bụi đất!" (Sáng Thế Ký 3:19, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Con người, được dựng nên để sống, sẽ tàn lụi và mất sự sống trên đất của mình, trở nên vô nghĩa như bụi đất. Còn có thể có sự tương phản nào lớn hơn chăng!?

Qua sự cám dỗ của con rắn, tức là ma quỷ, con người đã chọn sự không vâng lời, và như vậy chọn sự chết (Sáng Thế Ký 3:1-7). Tội lỗi đã mở cửa cho sự chết, để nó bắt đầu công việc khủng khiếp của nó trong công trình sáng tạo này (Rô-ma 5:12 và các câu tiếp theo). Sự chết là tiền công của tội lỗi (Rô-ma 6:23). Đó là hậu quả khủng khiếp của sự lìa bỏ Đức Chúa Trời. Đó là lời khẳng định căn bản của Kinh Thánh về sự chết. Tội lỗi là nguyên nhân, và sự chết là hậu quả không thể tránh khỏi. Qua tội lỗi, con người bước ra khỏi sự lệ thuộc vào Đức Chúa Trời, và như vậy rời bỏ Đấng có sự sống và ban sự sống.[22]

Vì thế, sự chết không phải là sự kết thúc tự nhiên, cũng không phải là sự kết thúc nhân từ của sự sống. Không có điều gì tốt trong sự chết. Sự chết chấm dứt sự sống mà con người không muốn buông bỏ. Nó là dứt khoát và không thể thu hồi, không thể đảo ngược. Việc con người không thể trở lại từ sự chết (2 Sa-mu-ên 12:23; 14:14) là số phận khủng khiếp của con người đã trở thành tội nhân. Với viễn cảnh u ám ấy, dòng lịch sử bắt đầu. Toàn bộ công trình sáng tạo đã ở dưới bản án của sự chết và sự chóng qua. Nhưng vẫn có hy vọng, vì dòng dõi người nữ một ngày kia sẽ giày đạp đầu con rắn, và như vậy mở ra con đường giải phóng toàn bộ công trình sáng tạo (Sáng Thế Ký 3:15):

"Vì muôn vật trông đợi cách sốt sắng sự bày tỏ của các con trai Đức Chúa Trời. Vì muôn vật đã bị bắt phục sự hư không [hoặc: sự chóng qua, sự phù phiếm] (không phải tự ý mình, nhưng bởi cớ Đấng đã bắt phục), với niềm hy vọng rằng chính muôn vật cũng sẽ được giải thoát khỏi ách nô lệ của sự hư nát, để vào sự tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng muôn vật đều cùng nhau than thở và cùng chịu đau đớn sinh nở cho đến bây giờ" (Rô-ma 8:19-22, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

22. Giăng 1:4; xem thêm Châm Ngôn 14:27; 19:23.

Sự chết đã xâm nhập vào công trình sáng tạo như một điều trái với tự nhiên, và là một kẻ thù mà con người không thể đánh bại, làm công việc của nó cách tàn nhẫn và không thương xót. Thông thường, con người cũng cảm nhận sự chết như vậy. Người sống không có Đức Chúa Trời chịu khổ vì sợ chết, vì không biết điều gì đang chờ mình, và cũng bị lương tâm cáo buộc, lương tâm kết án mình và khiến mình sợ hãi trước Đức Chúa Trời hằng sống (Hê-bơ-rơ 2:15).

Sau khi A-đam và Ê-va phạm tội, Đức Chúa Trời đã mặc cho họ áo bằng da thú (Sáng Thế Ký 3:21) để che sự trần truồng của họ. Lần đầu tiên họ đối diện với sự chết. Một con vật đã phải chết để làm ra những chiếc áo ấy. Còn khủng khiếp hơn nhiều đối với họ là khi họ nhìn thấy đứa con trai đã chết của mình, bị chính anh mình giết (Sáng Thế Ký 4:8). Sự chết tỏ ra là một kẻ thù hủy diệt và không thể đánh bại. Không gì cản nổi, nó bắt đầu cuộc diễu hành chiến thắng của mình (Ô-sê 13:14; 1 Cô-rinh-tô 15:54). Dù A-đam sống rất lâu (Sáng Thế Ký 5:5), điều ấy vẫn ứng nghiệm: ông phải chết và trở về bụi đất.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Sự chết từ đâu đến?
- Sự chết đã gây ra những gì?

1.7 Điều gì xảy ra khi chết?

Ở đây là nói về sự chết của thân thể, là điều do hậu quả của tội lỗi mà chấm dứt cuộc sống trên đất của con người. Nhưng điều gì xảy ra trong sự chết? Chúng ta đã gợi ý rằng sự chết gây ra một sự chia lìa và xé rời những gì thuộc về nhau. Sự chết là sự chấm dứt của một thể thống nhất, tức là tính toàn vẹn của con người.

Con người, dù là một thể thống nhất, có nhiều khía cạnh làm nên sự hiện hữu của mình. Liên quan đến sự chết, Kinh Thánh nói đến tâm linh, linh hồn và thân thể.[23] Sự chết gây ra sự chia lìa thân thể khỏi tâm linh và linh hồn, sự

23. Xem phần trình bày chi tiết ở chương 3.

chia lìa người bề trong khỏi người bề ngoài (2 Cô-rinh-tô 4:16 và các câu tiếp theo). Lời Đức Chúa Trời làm chứng điều đó nhiều lần.[24]

1.7.1 Tâm linh con người và sự chết

Khi con người chết, tâm linh con người trở về cùng Đức Chúa Trời là Đấng đã ban nó. Ngay cả nhà Truyền Đạo, người trả lời nhiều câu hỏi từ góc nhìn của đời này, cũng nói như vậy:

> *"… và bụi đất trở về đất như nguyên cũ, và tâm linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó" (Truyền Đạo 12:7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Lu-ca cũng nhắc đến điều đó trong bài tường thuật về việc con gái Giai-ru được khiến sống lại:

> *"Nhưng Ngài [Chúa Giê-xu] nắm lấy tay nó, gọi lớn tiếng rằng: Con ơi, hãy đứng dậy! Tâm linh nó trở lại, và lập tức nó đứng dậy; rồi Ngài truyền cho nó ăn" (Lu-ca 8:54-55, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Tâm linh của đứa bé gái, là tâm linh đã rời khỏi nó khi sự chết đến, đã trở lại. Khi một người chết, tâm linh rời khỏi thân thể (Thi Thiên 146:4). Gia-cơ cũng nói như vậy: "Vì như thân thể không có tâm linh thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết như vậy" (Gia-cơ 2:26).

Khi tạo dựng con người, Đức Chúa Trời đã ban cho người tâm linh (Sáng Thế Ký 2:7). Khi một người chết, Đức Chúa Trời lấy tâm linh lại:

> *"CHÚA phán, là Đấng giương các từng trời, lập nền đất, và tạo nên tâm linh trong lòng người" (Xa-cha-ri 12:1, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
>
> *"Chúa ẩn mặt đi: chúng nó bèn bối rối. Chúa lấy hơi thở chúng nó lại: chúng nó tắt hơi và trở về bụi đất. Chúa sai hơi thở Chúa ra [nguyên văn: hơi (hoặc: thần)]: chúng nó được dựng nên, và Chúa làm cho mặt đất ra mới" (Thi Thiên 104:29-30, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

---

24. Ở đây tôi không có ý nhìn con người theo cách chia làm hai hay chia làm ba. Các khái niệm *tâm linh* và *linh hồn* thường được dùng thay cho nhau. Điều quan trọng là chúng là phần của con người còn tồn tại qua sự chết và giữ nhân cách của con người vượt qua sự chết. Tấm lòng của con người cũng có một vị trí quan trọng không kém trong Kinh Thánh khi nói về bản chất của con người.

Sự chết là việc tâm linh được tiếp nhận vào tay Đức Chúa Trời (Thi Thiên 31:5). Chúa Giê-xu Christ cũng đã nói như vậy khi Ngài chết trên thập tự giá. Các tác giả sách Phúc Âm nhắc đến điều đó cách rõ ràng:[25]

> *Ma-thi-ơ: "Chúa Giê-xu lại kêu lên một tiếng lớn nữa, rồi trút tâm linh" (Ma-thi-ơ 27:50, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
> *Lu-ca: "Chúa Giê-xu bèn kêu lớn rằng: Hỡi Cha, Con xin giao tâm linh Con trong tay Cha! Nói xong thì Ngài tắt thở" (Lu-ca 23:46, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
> *Giăng: "Khi Chúa Giê-xu chịu lấy giấm rồi, bèn phán rằng: Mọi việc đã được trọn! Rồi Ngài gục đầu mà giao tâm linh" (Giăng 19:30, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Là Đấng Tạo Hóa, lúc ban đầu Ngài đã hà hơi sống vào con người, nhưng trên thập tự giá, vì Ngài hoàn toàn là người, Ngài đã giao tâm linh Ngài vào tay Cha Ngài (Thi Thiên 31:5). Ngài là người với tâm linh (Mác 8:12), linh hồn (Mác 14:34) và thân thể, là thân thể mà trong đó Ngài đã chịu khổ và chịu chết.

Ê-tiên đã cầu nguyện khi sắp chết: "Lạy Chúa Giê-xu, xin tiếp lấy tâm linh tôi!" (Công Vụ Các Sứ Đồ 7:59).

1.7.2 Linh hồn lúc lâm chung

Khi Ra-chên chết lúc sinh Bên-gia-min, linh hồn bà lìa khỏi xác (Sáng Thế Ký 35:18). Ê-li cầu nguyện xin cho linh hồn của đứa con trai đã chết của bà góa ở Sa-rép-ta được trở lại: "CHÚA nhậm lời của Ê-li: linh hồn của đứa trẻ trở lại trong mình nó, và nó sống lại" (1 Các Vua 17:22).

Đôi khi trong Cựu Ước cũng nói đến sự chết của linh hồn (chẳng hạn Dân Số Ký 23:10; Các Quan Xét 16:30). Nhưng điều đó không có nghĩa là sự chết của linh hồn, mà là của thân thể. Đó là việc linh hồn ra khỏi thân thể. Điều này được thấy rõ trong lời của Ê-li khi ông "chán sống", ngồi dưới cây giếng giêng và không mong gì hơn là được cho linh hồn mình chết (1 Các Vua 19:4). Ông xin Chúa cất linh hồn mình đi.

---

25. Chúa Giê-xu đã giao tâm linh Ngài, nghĩa là chính Ngài định thời điểm của sự giao phó ấy. Trong điều này Ngài là độc nhất. Ngài có quyền phó sự sống mình (Giăng 10:18). Con người là loài thọ tạo thì không có quyền ấy.

Giô-na cầu nguyện xin CHÚA lấy linh hồn mình đi, vì đối với ông, chết còn hơn sống (Giô-na 4:3).

Cả với A-na-nia và Sa-phi-ra lẫn với vua Hê-rốt, sự chết đến khi họ "trút linh hồn" (Công Vụ Các Sứ Đồ 5:5, 10; 12:23).[26]

Đức Chúa Trời đòi nơi người nông dân giàu có không chỉ sự sống, mà cả linh hồn người ấy (Lu-ca 12:20).

Vậy sự chết là việc linh hồn được cất đi về cùng Đức Chúa Trời (chứ không chỉ sự sống sinh học!), và không bao giờ là sự tan rã hay sự tiêu diệt linh hồn. Kinh Thánh cho thấy rõ, không chút nghi ngờ, rằng linh hồn con người không tiêu tan trong sự chết, nhưng vẫn tiếp tục sống.

1.7.3 Tâm linh và linh hồn

Trong những lời Kinh Thánh đã trích dẫn, cả tâm linh lẫn linh hồn đều chỉ về điều rời khỏi con người khi chết, để đi đến một nơi khác hoặc để hiện hữu trong một trạng thái "không có thân thể". Hai khái niệm "tâm linh" và "linh hồn" nhiều khi được dùng như từ đồng nghĩa; chúng thường chỉ về cùng một điều. Vì thế, trong phần tiếp theo của cuốn sách này, khi nói về tâm linh và linh hồn của con người, tôi sẽ kết hợp hai khái niệm này. Tôi sẽ dùng khái niệm "tâm linh – linh hồn". Khái niệm này tuy không có trong Kinh Thánh, nhưng nó giúp hiểu dễ dàng hơn.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy mô tả điều xảy ra trong sự chết, hay lúc lâm chung!
- Tại sao con người sợ chết?
- Bạn hãy giải thích mối liên hệ giữa sự chết và tội lỗi!
- Bạn hãy trình bày vai trò của ma quỷ, một mặt, và của Chúa Giê-xu, mặt khác, đối với sự chết!

1.8 Những khía cạnh khác nhau của sự chết

Sự chết không chỉ liên quan đến thân thể con người. Tân Ước cũng nói đến một sự chết thuộc linh, mà mọi người đều ở trong đó vì tội lỗi của mình.[27] Sự chết thuộc linh không phải là sự "không hiện hữu" của tâm linh con người,

26. Chữ Hy Lạp *ek-psycho*, được dịch là "tắt thở", nguyên văn có nghĩa là "trút linh hồn ra".
27. Lu-ca 15:32; Giăng 5:25; Ê-phê-sô 2:1-10; Cô-lô-se 2:13; 1 Giăng 3:14; Giu-đe 12; Khải Huyền 3:1.

hay thậm chí sự tiêu diệt nó, mà là sự phân cách tâm linh của con người khỏi Đức Chúa Trời.

Tân Ước cũng nói đến một "sự chết thứ hai".[28] "Sự chết thứ nhất" chỉ về sự chết của thân thể con người, khi người ấy rời khỏi thế giới hữu hình. Đối với những người không tin, sau khi họ sống lại sẽ đến sự chết thứ hai. Nó giống như một lần chết thứ hai sau khi họ đã sống lại, và sẽ không bao giờ chấm dứt. Sự chết thứ hai không phải là sự tiêu diệt cuối cùng của con người, mà là sự phân cách cuối cùng khỏi Đức Chúa Trời, không còn đường trở lại sự thông công với Đức Chúa Trời.

1.9 Chiến thắng sự chết

Qua tội lỗi của con người, sự chết đã bắt đầu cuộc diễu hành chiến thắng của nó trong thế gian. Bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời thì chỉ có sự chết. Sự chết là sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tội lỗi. Nhưng có phải ý muốn của Đức Chúa Trời là sự chết giữ quyền lực và con người mãi phải ở dưới sự chết thuộc linh, sự chết của thân thể và rốt cuộc là sự chết đời đời không? Không, Kinh Thánh nói về điều đó:

> *"Điều đó tốt lành và đẹp lòng Đức Chúa Trời là Cứu Chúa chúng ta, Ngài muốn cho mọi người được cứu rỗi và hiểu biết lẽ thật" (1 Ti-mô-thê 2:3-4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder); và: "Chúa CHÚA phán: Ta há có vui chút nào về sự chết của kẻ gian ác sao? Há chẳng thà vui về sự nó xây bỏ đường lối mình và nó sống sao?" (Ê-xê-chi-ên 18:23).*

1.9.1 Sự chết và tội lỗi

Để ban sự sống, vấn đề sự chết phải được giải quyết. Đức Chúa Trời là Cứu Chúa, Đấng tìm cách cứu con người đã sa vào sự chết và tội lỗi (Tít 2:11; 3:4), đã tìm ra một con đường. Đức Chúa Trời đời đời (Rô-ma 16:26), Đấng có sự sống trong chính mình (Giăng 5:26), Đấng là sự sáng (1 Giăng 1:5) và là tình yêu (1 Giăng 4:8), chiếu sáng trong thân vị của Chúa Giê-xu Christ bằng ánh sáng của sự sống (Giăng 1:4; 8:12) vào xứ của sự chết:

> *"Dân ngồi trong tối tăm đã thấy ánh sáng lớn, và trên những kẻ ngồi trong xứ và trong bóng của sự chết – ánh sáng đã mọc lên cho họ" (Ma-thi-ơ 4:16, dịch*

28. Khải Huyền 2:11; 20:6, 14; 21:8.

theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; trích từ Ê-sai 9:2).

Dù lời Kinh Thánh này mô tả dân Y-sơ-ra-ên, về nguyên tắc nó vẫn áp dụng cho mọi người. Khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài đến (Ga-la-ti 4:4; Hê-bơ-rơ 1:1) để đánh bại sự chết. Con Đức Chúa Trời đã giành được chiến thắng. Sau khi đã hoàn tất công việc trên thập tự giá và sau khi Ngài sống lại, Ngài phán: "Ta là Đầu Tiên và Cuối Cùng, là Đấng Sống, Ta đã chết, kìa nay Ta sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và của Hades" (Khải Huyền 1:17-18). Qua những lời này có thể nhận ra rằng chính Đức Chúa Trời đang phán, vì chỉ với Đức Chúa Trời những lời này mới đúng (Khải Huyền 1:8; 2:8; 22:13). Đó là chính Đức Chúa Trời đã bày tỏ mình trong Cựu Ước (Ê-sai 41:4; 44:6; 48:12).

Khi còn làm người trên đất, Chúa Giê-xu đã có quyền trên sự chết. Ngài đã chứng minh điều đó qua việc khiến La-xa-rơ sống lại (Giăng 11), người thanh niên ở Na-in (Lu-ca 7:11-14) và con gái Giai-ru (Lu-ca 8:49-56). Việc Ngài khiến người chết sống lại là bằng chứng rằng Ngài là Chúa của sự sống (Công Vụ Các Sứ Đồ 3:15), và như vậy chính là Đức Chúa Trời.

Quan trọng không kém thần tính của Đấng Christ là sự thật Ngài là người. Ngài đã trở nên người để có thể chết thay cho tội nhân. Ngài đã chết như của lễ vì tội lỗi. Ngài đã được đặt trong mồ. Sau ba ngày, Ngài được Đức Chúa Trời khiến sống lại. Trong sự sống lại, giờ đây Ngài, là người, có một sự sống không thể tan rã (Hê-bơ-rơ 7:16). Vì thế, là người đã sống lại và được vinh hiển, Ngài cầm chìa khóa của sự chết và của Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ'). Chìa khóa là hình ảnh của thẩm quyền.[29] Người Giê-xu Christ có thẩm quyền trên sự chết và Hades, tức là âm phủ (cõi của người chết). Sự chết không còn làm gì được Ngài nữa (Rô-ma 6:9-10). Vì vậy, sự chết cũng không còn làm gì được những người được kết hợp với Ngài. Đó là những người đã quay về với Ngài và có sự sống của Ngài, là sự sống của Đấng đã sống lại.

Để có thể giải phóng con người khỏi sự chết mãi mãi, chính Đức Chúa Trời phải trở nên người và chịu chết. Nhờ đó, cả vấn đề tội lỗi đã được giải quyết, lẫn sự chết đã bị đánh bại qua sự sống lại. Thật là một chiến thắng thiên thượng!

29. So sánh Khải Huyền 3:7; 9:1; 20:1; Ma-thi-ơ 16:19; 18:18; Ê-sai 22:22.

Chúa Giê-xu Christ, Con Đức Chúa Trời, là Đấng Thánh, tức là Đấng được chính Đức Chúa Thánh Linh khiến thành thai (Lu-ca 1:35). Vì thế, trong đời sống Ngài không có tội lỗi (1 Giăng 3:5), dù trong lời nói, trong ý nghĩ hay trong việc làm (2 Cô-rinh-tô 5:21; 1 Phi-e-rơ 2:22). Vì vậy, điều áp dụng cho mọi người khác không áp dụng cho Ngài: Ngài không cần phải chết. Khi Ngài chết, Ngài đã chết cách tự nguyện. Ngài có quyền phó sự sống mình, nhưng Ngài cũng có quyền lấy lại sự sống ấy từ sự chết (Giăng 10:17-18).

Điều đó đưa chúng ta trở lại mối liên hệ giữa sự chết và tội lỗi. Tội lỗi đã gây ra sự chết. Vấn đề sự chết đồng thời là vấn đề tội lỗi. Vì thế, nguyên nhân này phải được giải quyết trước. Lúc đầu, chúng ta đã nhắc rằng Đức Chúa Trời là sự sáng, nghĩa là Ngài thánh khiết tuyệt đối. Ngài không thể nhìn tội lỗi (Ha-ba-cúc 1:13) và không thể để nó mà không trừng phạt. Đức Chúa Trời không thể tiếp nhận tội nhân cùng với tội lỗi của người ấy và ban sự sống cho người ấy, nếu không có sự chuộc tội cho tội lỗi của người ấy. Vì thế, Đấng Christ, Chiên Con của Đức Chúa Trời, đã chết (Giăng 1:29). Ngài đã gánh cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên tội lỗi thay cho tội nhân (2 Cô-rinh-tô 5:21). Những đòi hỏi của Đức Chúa Trời đã được làm trọn qua sự chết của Đấng Christ. Sự thánh khiết của Ngài đã được đáp ứng trọn vẹn.

Sự chết của Đấng Christ, là sự chết đã đem lại sự chuộc tội, không phải là sự chết của một người bình thường. Sự chết của Đấng Christ là sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tội lỗi. Ngài, là Đấng Thánh, đã bị làm nên tội lỗi. Ngài đã chịu khổ từ phía Đức Chúa Trời vì tội lỗi. Sự sửa phạt đem lại sự bình an cho chúng ta đã đổ trên Ngài. Đức Chúa Trời đã phạt Đấng vô tội vì tội lỗi chúng ta. Vì thế, sự chết mà con người nhận lấy như tiền công của tội lỗi không chỉ là sự chết của thân thể, mà rốt cuộc cũng là sự chết đời đời. Hình phạt ấy, là sự chết đời đời, sự phân cách đời đời khỏi Đức Chúa Trời, Đấng Christ đã chịu trên thập tự giá, để giải phóng chúng ta, những người tin, khỏi hình phạt ấy mãi mãi.

Khi Đấng Christ sống lại sau ba ngày, Ngài đã bẻ gãy xiềng xích của sự chết bằng chính quyền năng thiên thượng của Ngài. Đấng Christ đã sống lại, tội lỗi đã được chuộc, và sự chết đã bị đánh bại. Ngài đã bẻ gãy quyền lực của tội lỗi và của sự chết (Rô-ma 5:12-21). Đó là trọng tâm của sứ điệp về sự sống lại. Đó là sự chấm dứt sự cai trị của sự chết!

Tuy nhiên, chiến thắng này không có nghĩa là sự chết ngay bây giờ đã bị bãi bỏ và bị cất khỏi thế gian. Sự chết vẫn còn cai trị trong thế gian. Ngay cả các tín hữu, là những người có sự sống phục sinh của Đấng Christ, vẫn còn chết. Nhưng đối với các tín hữu, sự chết đã bị tước mất quyền lực. "Hủy phá" có nghĩa là làm cho "mất hiệu lực" và "mất sức mạnh". Trong thế gian, sự chết vẫn tiếp tục cai trị qua tội lỗi, nhưng tín hữu đã được giải phóng khỏi quyền lực của sự chết. Đối với người ấy, sự chết không còn có nghĩa là sự phán xét, mà là lối vào sự vinh hiển. Hê-bơ-rơ 2:14-15 tóm tắt những ý tưởng này:

> *"Vậy thì, vì con cái có phần về máu và thịt, nên chính Ngài cũng đã dự vào đó cách giống như vậy, để nhờ sự chết mà hủy phá kẻ cầm quyền sự chết, là ma quỷ, và giải thoát mọi người vì sợ sự chết mà bị cầm trong vòng nô lệ trọn đời."*

1.9.2 Sự chết và ma quỷ

Việc ma quỷ cầm quyền sự chết có nghĩa là gì? Ma quỷ có thể giết người theo ý mình không? Nó có thể định đoạt sự chết không? Điều đó là không thể, vì Đức Chúa Trời cầm sự sống của mọi người trong tay Ngài và lấy lại khi Ngài muốn. Ma quỷ không thể làm điều đó, nhưng nó có quyền lực của sự chết làm đồng minh về phía nó. Bằng sự cám dỗ xảo quyệt, ma quỷ đã dụ con người phạm tội, và như vậy đặt con người dưới quyền lực của sự chết. Đó là mục đích của nó.

Như thế, ma quỷ đã có được ảnh hưởng trên con người. Nó trở thành thần của đời này (2 Cô-rinh-tô 4:4) và vua của thế gian này (Giăng 12:31; 14:30; 16:11). Quyền lực của sự chết và của sự tối tăm cai trị trong thế gian này, và ma quỷ là kẻ giết người từ ban đầu (Giăng 8:44; 1 Giăng 3:8). Xin nhắc lại: Nó không có quyền giết, nhưng nó giết người như một kẻ lừa dối xảo trá, bằng cách dẫn con người xa khỏi Đức Chúa Trời, là nguồn của sự sống. Chất độc của sự lừa dối ấy giết chết con người về thuộc linh và về thân thể, và điều đó là đời đời. Mọi người chết mà không có Đức Chúa Trời đều mãi mãi là con mồi của nó. Theo nghĩa ấy, sự chết làm việc cho ma quỷ và hỗ trợ những ý đồ đồi bại của nó.

Nhưng Đấng Christ đã hủy phá ma quỷ, bằng cách đi vào vùng quyền lực của nó, là sự chết, và giành chiến thắng qua sự sống lại của Ngài. Sự chết của

Ngài trên thập tự giá là chiến thắng trên ma quỷ (Cô-lô-se 2:15).

Ma quỷ tuy chưa bị tiêu diệt, nhưng đã phải chịu một thất bại nặng nề. Nó vẫn còn sống và vẫn còn hoạt động như lúc ban đầu. Tuy nhiên, sự kết thúc của ma quỷ và của sự chết đã được định chắc chắn.

Chiến thắng của Chúa Giê-xu hiện giờ chỉ có hiệu lực cho những người được kết hợp với Đấng Christ. Họ được giải phóng khỏi sự sợ chết, vì đối với họ, sự chết là một kẻ thù đã bị đánh bại. Theo lời sứ đồ Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 3:22), giờ đây sự chết thậm chí thuộc về họ, vì nó đưa họ đến cùng Đấng Christ trong Ba-ra-đi (thiên đàng). Khi Kinh Thánh nói rằng đối với các tín hữu, mọi sự hiệp lại làm ích cho họ (Rô-ma 8:28), thì ngay cả sự chết cũng không bị loại trừ.

Đối với tất cả những ai không biết Đấng chiến thắng sự chết, nỗi sợ chết có thể là sự nô lệ suốt đời. Nỗi sợ chết nơi con người lớn nhất khi đối diện với sự chết, nếu lương tâm họ đã thức tỉnh về tội lỗi chưa được chuộc và cáo buộc họ. Vì thế, khi viết Hê-bơ-rơ 2:14-15, người viết hẳn đặc biệt nghĩ đến những người ở dưới ách nô lệ của luật pháp và không có sự chắc chắn về sự tha thứ tội lỗi của mình.

Chiến thắng của Chúa Giê-xu Christ đã bẻ gãy ách nô lệ của sự chết và của nỗi sợ chết. Tội lỗi, sự chết và ma quỷ đã bị đánh bại qua sự chết chuộc tội và sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Đó là nền tảng để chẳng bao lâu nữa tội lỗi sẽ bị cất khỏi vũ trụ (Giăng 1:29; Hê-bơ-rơ 9:26) và sự chết, là kẻ thù cuối cùng, sẽ bị hủy diệt (Khải Huyền 20:14).

> *"Kẻ thù bị hủy diệt sau cùng là sự chết" (1 Cô-rinh-tô 15:26, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
>
> *"Khi thể hay hư nát này mặc lấy sự không hề hư nát, và thể hay chết này mặc lấy sự bất tử, thì sẽ được ứng nghiệm lời Kinh Thánh đã chép: 'Sự chết đã bị nuốt mất trong sự chiến thắng'. 'Hỡi sự chết, sự chiến thắng của mày ở đâu? Hỡi sự chết, cái nọc của mày ở đâu?'" (1 Cô-rinh-tô 15:54-55, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; so sánh Ê-sai 25:8; Ô-sê 13:14).*
>
> *"Vì điều này mà Con Đức Chúa Trời đã hiện ra, để hủy phá công việc của ma quỷ" (1 Giăng 3:8, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ngài đã thật sự làm điều đó và sẽ làm cho trọn! Ngợi khen Chúa!

2 Điều gì đến sau sự chết?

Về trạng thái của con người sau khi chết cho đến sự sống lại, Kinh Thánh không nói nhiều lắm. Đúng hơn, Kinh Thánh hướng sự trông đợi của chúng ta về ngày hoàn tất. Niềm hy vọng của Cơ Đốc nhân hướng về sự đến của Chúa Giê-xu Christ để đưa dân Ngài về quê hương trên trời. Trước niềm hy vọng phước hạnh ấy, sự sống giữa sự chết và sự sống lại lùi xuống hàng thứ yếu.

Không thể khác được, vì niềm hy vọng của chúng ta không được thành tựu với sự chết. Không phải qua sự chết mà chúng ta đạt đến mục tiêu cuối cùng, nhưng chỉ vào thời điểm của sự sống lại. Tuy nhiên, trạng thái trung gian là chặng cuối cùng trước mục tiêu cuối cùng, và đó là một sự hiểu biết phước hạnh, đã chứa đựng một sự nếm trước về sự hoàn tất.

Khi nói về sự sống sau khi chết, chúng ta nói về một trạng thái trung gian có giới hạn về thời gian. Câu hỏi mà tôi muốn tìm hiểu sau đây là: Trạng thái ý thức của con người sau khi chết là thế nào? Trong đó, đôi lần tôi sẽ tranh luận với quan điểm phủ nhận mọi ý thức sau khi chết và phủ nhận thế giới bên kia nói chung.

Bây giờ tôi sẽ tìm hiểu những câu hỏi này qua 11 điểm, trong đó tôi sẽ đi vào các đoạn Kinh Thánh quan trọng trong Tân Ước. Mỗi chương được trình bày đầy đủ đến mức có thể dùng riêng. Vì thế, có thể có một vài chỗ lặp lại.

2.1 La-xa-rơ và người giàu

Khi nói đến sự sống sau khi chết, chắc chắn nhiều người nghĩ đến câu chuyện quen thuộc này trước tiên. Câu chuyện cũng luôn được hiểu theo nghĩa ấy. Vậy mà vẫn có những cách giải thích tách câu chuyện này hoàn toàn khỏi sự sống sau khi chết, như thể nó chẳng nói gì về điều đó. Một mặt, tôi sẽ làm rõ ý nghĩa của câu chuyện; mặt khác, tôi cũng sẽ bày tỏ quan điểm về những cách giải thích sai.

> *"Có một người giàu mặc áo tía và vải gai mịn, mỗi ngày ăn ở rất vui vẻ và xa hoa. Lại có một người nghèo, tên là La-xa-rơ, nằm trước cổng người giàu ấy, mình đầy những ghẻ, ước ao được ăn cho no những đồ ở trên bàn người giàu*

rớt xuống; nhưng cả đến chó cũng tới liếm ghẻ người. Xảy ra người nghèo chết, và được các thiên sứ đem đặt vào lòng Áp-ra-ham. Người giàu cũng chết và được chôn. Và khi ở trong Hades ngước mắt lên, đang lúc bị khổ hình, người thấy Áp-ra-ham ở đằng xa và La-xa-rơ trong lòng người. Người bèn kêu lên rằng: Hỡi Áp-ra-ham tổ tôi, xin thương lấy tôi, sai La-xa-rơ nhúng đầu ngón tay vào nước đặng làm cho mát lưỡi tôi; vì tôi bị khổ trong ngọn lửa này. Nhưng Áp-ra-ham nói: Con ơi, hãy nhớ lại lúc con còn sống đã được hưởng những điều tốt của con, còn La-xa-rơ cũng chịu những điều xấu như vậy; bây giờ nó ở đây được an ủi, còn con thì bị khổ. Ngoài ra, giữa chúng ta và các ngươi có một vực sâu lớn đã được đặt cố định, để những ai muốn từ đây qua đến các ngươi thì không thể được, và người ta cũng không thể từ đó qua đến chúng ta. Người giàu nói: Vậy, tôi xin cha sai La-xa-rơ đến nhà cha tôi, vì tôi có năm anh em, để người cảnh cáo họ cách khẩn thiết, kẻo họ cũng đến nơi khổ hình này chăng. Áp-ra-ham nói với người rằng: Chúng nó đã có Môi-se và các tiên tri; chúng nó hãy nghe lời các tiên tri ấy. Người giàu nói: Không, thưa Áp-ra-ham tổ tôi; nhưng nếu có người từ nơi kẻ chết đến cùng họ, thì họ sẽ ăn năn. Áp-ra-ham nói với người rằng: Nếu họ không nghe Môi-se và các tiên tri, thì dù có ai từ kẻ chết sống lại, họ cũng chẳng tin" (Lu-ca 16:19-31, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

2.1.1 Đây có phải nói về sự sống sau khi chết không?

Những lý do sau đây cho thấy rõ ràng rằng ở đây là nói về một sự sống sau khi chết:

- Phần lớn câu chuyện này, chiếm hơn hai phần ba, mô tả những điều xảy ra "sau" khi hai người chết. Hoàn toàn không nói đến sự sống lại của hai người ấy.
- Cả "Hades" (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ'), nơi người giàu ngước mắt lên sau khi chết, lẫn "lòng Áp-ra-ham", nơi người nghèo được đem đến sau khi chết, đều chỉ về những nơi chốn hay trạng thái bên kia sự chết. Những khái niệm này không thể giải thích cách nào khác.
- Người Do Thái quen thuộc với những khái niệm này. Trong truyền thống của họ, những mô tả này hoặc tương tự về thế giới bên kia rất quen thuộc với họ.

- Người giàu đã ở trong trạng thái của sự chết khi các anh em ông còn sống. Các anh em cùng hiện hữu một lúc, những người này trên đất, người kia trong Hades.[30]

Ở đây Con Đức Chúa Trời vén bức màn sang một bên và bày tỏ một điều mà cho đến lúc ấy chưa được mặc khải trong các sách Cựu Ước.

2.1.2 Ý nghĩa của câu chuyện

Khi chúng ta nói rằng câu chuyện này nói về trạng thái ngay sau khi chết, chúng ta không bỏ qua văn mạch (các ví dụ khác), cũng không bỏ qua những người – người Pha-ri-si – được câu chuyện này nhắm đến trực tiếp. Trong câu chuyện này, Chúa Giê-xu trình bày sự xa hoa và ích kỷ của người giàu với tầm mức đáng sợ của nó. Người giàu không được trình bày như một kẻ vi phạm luật pháp cách công khai, vì tội của ông không nằm ở đó, và tội của người Pha-ri-si cũng vậy. Tội của họ, tức là sự tham tiền, được che giấu dưới chiếc áo choàng giả hình của sự sùng đạo (Lu-ca 16:14). Sự tham tiền (1 Ti-mô-thê 6:10) có những hậu quả cho cõi đời đời, và những hậu quả ấy bắt đầu ngay sau khi chết. Đó là đề tài của câu chuyện.

Câu chuyện về người quản gia bất công vốn dành cho các môn đồ của Chúa (Lu-ca 16:1).

Nhưng người Pha-ri-si đã đứng cách một khoảng khá xa mà nghe được (Lu-ca 16:14). Vì sau đó họ chế nhạo Chúa, Ngài quay sang nói trực tiếp với họ. Họ nhận được một bài học đặc biệt nghiêm trọng và không thể hiểu lầm. Chúa Giê-xu nói với họ qua cách sống của người giàu.

Sự dạy dỗ này không chỉ giới hạn ở việc quở trách sự tham tiền của người Pha-ri-si. Lời cảnh cáo cũng không chỉ dừng lại ở chỗ mọi người, dù giàu hay nghèo, một ngày kia đều phải chết, nhưng trước hết nó hướng về điều đến sau đó. Vì thế, phần dài hơn hẳn nói về những biến cố bên kia sự chết, đặc biệt là số phận của người giàu. Những biến cố sau khi hai người chết không phải là một khung cảnh vô nghĩa để đặt vào đó một bài học về tiền bạc, mà là nội dung chính của câu chuyện này.

30. Như vậy cũng chưa có sự thay đổi nào trong dòng chảy của thế giới này, chẳng hạn như sự khởi đầu của Nước Đức Chúa Trời hay sự sống lại.

2.1.3 Một ví dụ?

Người ta đã nói nhiều về câu hỏi câu chuyện này có phải là một ví dụ hay không. Một số người nhấn mạnh rằng đó là một ví dụ, không nhằm đưa ra những lời khẳng định về giáo lý hay bày tỏ những điều trước đó chưa được biết. Người ta cũng không thể giải thích từng chi tiết của một ví dụ, vì ví dụ chỉ chứa một ý tưởng cốt lõi. Ở đây, ý tưởng ấy là quở trách lòng tham tiền của người Pha-ri-si và việc dùng tiền sai trái. Theo họ, đó, chứ không phải sự sống sau khi chết, là điều cốt lõi.

Lu-ca không gọi câu chuyện này là một ví dụ. Có lẽ chúng ta đã chờ đợi điều đó nơi ông, vì trong sách Phúc Âm của mình ông nói đến ví dụ không dưới mười một lần. Lý lẽ mạnh nhất cho thấy đây không phải là một ví dụ là một tên riêng, cụ thể là La-xa-rơ, được dùng, điều mà trong các ví dụ khác không có. Tên riêng – La-xa-rơ là một tên quen thuộc (xem Giăng 11) – cho thấy đây là một biến cố đã thật sự xảy ra.

Tại sao Chúa Giê-xu dùng những khái niệm vốn được dùng rõ ràng cho thế giới bên kia? Qua đó Ngài chạm đúng vào quan niệm của người Pha-ri-si, vào điều họ tin về thế giới bên kia, nhưng họ không áp dụng sự nghiêm trọng của vấn đề cho chính mình.

2.1.4 Trước khi chết

Chỉ ba câu đầu mô tả cuộc sống trên đất (Lu-ca 16:19-21), và chứa đúng những gì có tính quyết định cho sự sống của hai người sau khi chết. Người giàu, không được nêu tên, sống ích kỷ. Quần áo của ông thuộc loại tốt nhất. Dù có lẽ ông hiểu sự giàu có của mình là phước lành của Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời, Đấng ban mọi ân tứ, lại vắng bóng trong đời sống ông. Ông dường như không biết đến tình yêu thương người lân cận, điều thấy rõ qua cách ông đối xử với người nghèo. Người nghèo chịu chung số phận với những con chó ở cổng vào nhà người giàu, nơi anh lay lắt kiếp ăn mày khốn khổ và sống nhờ đồ thừa của người giàu. Không phải sự giàu có là tội của người giàu, mà là sự ích kỷ khiến ông không đoái đến người nghèo, dù có lẽ ngày nào ông cũng thấy anh. Những con chó dường như còn tỏ lòng thương xót La-xa-rơ hơn người giàu.

Khác với tên người giàu, tên của người nghèo được nêu ra. *La-xa-rơ* có nghĩa là "Đức Chúa Trời là sự giúp đỡ". Trong tên này có chìa khóa cho thái độ sống của người nghèo. Anh tìm được sự giúp đỡ nơi Đức Chúa Trời, Đấng mà trong cảnh nghèo khó anh phải nương cậy. Nhưng không phải sự nghèo khó của anh đã đưa anh vào lòng Áp-ra-ham sau khi chết, mà là lòng tin cậy của anh nơi Đức Chúa Trời.

Như với mọi người, đối với hai người này cũng đến ngày họ phải từ giã trái đất. Cả hai đều chết cùng một cái chết. Người giàu được chôn cất, còn việc chôn cất người nghèo thì không được nhắc đến. Nhưng với sự chết của họ, mọi sự bỗng được nhìn trong một ánh sáng khác.

Khi một người chết, giờ của sự thật đến, khi đối với người ấy được tỏ ra điều gì thật sự có giá trị và còn tồn tại qua sự chết. Khi ấy không còn tự lừa dối, cũng không còn vô tín.

Lúc đó, con người không còn đòi bằng chứng nữa, là điều mà suốt đời họ luôn đòi hỏi mỗi khi có ai nói với họ về sự sống sau khi chết.

Chúa Giê-xu xác nhận rằng sự khác biệt giữa hai người sau khi chết lớn hơn nhiều so với trong cuộc sống trên đất của họ. Tình thế đã đảo ngược, vì người nghèo đang ở nơi phước lành và không cần tiếc nuối việc từ giã cuộc sống trên đất. Các thiên sứ, là các thần hầu việc những người sẽ hưởng sự cứu rỗi (Hê-bơ-rơ 1:14), đem La-xa-rơ vào lòng Áp-ra-ham ngay lúc anh chết.

2.1.5 Quan niệm của người Do Thái về thế giới bên kia

Người ta đều công nhận rằng ở đây Chúa Giê-xu dựa vào quan niệm của người nghe, là quan niệm mà chính Ngài, là người Do Thái, cũng biết. Vì thế, sẽ hữu ích nếu giải thích ngắn gọn quan niệm thời ấy về thế giới bên kia.

Người Do Thái tin rằng linh hồn hay các linh của người chết đi vào Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả'). Đó là âm phủ (cõi của người chết), chỉ là nơi ở tạm thời trong khi chờ đợi sự sống lại. Họ cũng tin – và điều này vượt quá lời chứng của Kinh Thánh Cựu Ước – rằng ở đó có sự phân chia giữa người công chính và kẻ không công chính. Những người này ở trong hạnh phúc, còn những người kia nhận hình phạt và sự báo trả. Vì thế, đối với họ, chẳng có gì phải bàn rằng người chết vẫn giữ trọn ý thức của mình, vì nếu không thì phước lành và hình phạt đều vô nghĩa.

Sử gia Josephus mô tả niềm tin của người Pha-ri-si như sau: "Họ cũng tin rằng các linh hồn là bất tử và rằng, tùy theo con người đã sống đạo đức hay sống trong tội lỗi, các linh hồn ấy nhận phần thưởng hay hình phạt ở dưới đất, đến nỗi những kẻ sống trong tội lỗi phải mòn mỏi trong ngục tù đời đời."[31] Với bối cảnh ấy, người Pha-ri-si không gặp khó khăn gì để hiểu câu chuyện này. Chúa Giê-xu đã nói về sự sống và sự hiện hữu của con người sau khi chết.

Ngài cũng nói về việc sự hiện hữu ấy được quyết định bởi cuộc sống trên đất như thế nào.

Tôi không có ý khảo sát xem người Pha-ri-si đã đi đến quan điểm vượt quá Cựu Ước này như thế nào. Điều quan trọng là niềm tin này không mâu thuẫn với Cựu Ước. Chúa Giê-xu cũng không lên án hay sửa lại quan điểm này, mà dựa vào ý tưởng căn bản[32] của quan niệm ấy, đồng thời với sự toàn tri thiên thượng, Ngài bày tỏ điều đến sau sự chết.

Ở đây Con Đức Chúa Trời làm sáng tỏ, mà không chịu ảnh hưởng của triết học Do Thái hay Hy Lạp, rằng có một sự sống sau khi chết, trong niềm vui cũng như trong khổ hình. Ai thừa nhận Chúa Giê-xu Christ thì không thể giải thích lệch những lời này mà không đặt nghi vấn về chính thân vị của Ngài.

2.1.6 Lòng Áp-ra-ham

Lòng Áp-ra-ham là một cách nói đặc trưng của người Do Thái. Người nghe đều biết cách nói ấy. Trong Kinh Thánh, cách nói này chỉ xuất hiện một lần. Lòng Áp-ra-ham là nơi phước lành, nơi người công chính được tiếp nhận sau khi chết. Đối với người Do Thái, cách nói "lòng của những người công chính" cũng chỉ về một nơi bên kia sự chết. Áp-ra-ham, bạn của Đức Chúa Trời, ở đây là trung tâm. Đối với người Do Thái, chẳng có gì phải bàn rằng Áp-ra-ham vẫn tiếp tục sống sau khi chết (Lu-ca 20:27-40). Đối với người Do Thái, lòng Áp-ra-ham là một chỗ danh dự mà sau khi chết họ nhất định muốn có được. Chỗ ấy chỉ về sự thông công, sự gần gũi và niềm vui (Giăng 1:18; 13:23).

---

31. Flavius Josephus, *Jüdische Altertümer*, quyển 18, chương 1.3., Wiesbaden (Fourier Verlag), 1985, tr. 506, 507.

32. Tôi nói rõ là "ý tưởng căn bản", vì trong thế giới tư tưởng thời ấy có một trí tưởng tượng rất phong phú, điều không được Lu-ca 16 xác nhận.

Sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu Christ không chỉ áp dụng cho người Do Thái, dù Ngài đã dựa vào quan niệm của họ; phù hợp với những lời khác trong Tân Ước, về nguyên tắc nó áp dụng cho mọi người. Vì thế, "lòng Áp-ra-ham" cũng có thể được gọi là "Ba-ra-đi" (thiên đàng). Ý tưởng này cũng không xa lạ với người Do Thái. Chẳng hạn, nó vang lên trong "Targum về sách Nhã Ca"[33], nơi chép rằng linh hồn của những người công chính đã qua đời được các thiên sứ đem vào Ba-ra-đi.

Lòng Áp-ra-ham không phải là Nước Đức Chúa Trời trong tương lai, như đôi khi có người khẳng định. Ở chỗ khác Kinh Thánh có nói đến một bữa tiệc với các tổ phụ trong Nước ấy (Ma-thi-ơ 8:11), nhưng điều đó sẽ diễn ra trên đất. Tuy nhiên, ở đây không nói về điều đó. Trong câu chuyện này, chúng ta thấy La-xa-rơ và người giàu không ở trên đất, mà ở bên ngoài thế giới hữu hình. Đồng thời, năm người anh em của người giàu lúc ấy vẫn còn sống trên đất. Người giàu muốn có ai đó từ những người chết được sai đi cảnh cáo họ, vì rõ ràng họ đang sống như ông đã từng sống.

2.1.7 La-xa-rơ đã vào lòng Áp-ra-ham thế nào?

Khi một người chết, tâm linh – linh hồn của người ấy vẫn tiếp tục sống, trong khi thân thể tan rữa. Nhưng trong câu chuyện này, La-xa-rơ được trình bày như một con người trọn vẹn được đem vào lòng Áp-ra-ham. Không có chép rằng chỉ tâm linh – linh hồn của anh được đem đến đó. Điều này không mâu thuẫn, vì về các linh hồn đã ra đi, Kinh Thánh luôn nói như thể họ đang ở trong trạng thái của sự sống trong thân thể. Những cảm nhận và những biểu hiện sự sống của những người đã ra đi không thể được mô tả bằng ngôn ngữ hay hình ảnh nào khác hơn cách Chúa Giê-xu làm ở đây, và theo cách phù hợp với thực tại của sự sống trong thân thể.

Việc mô tả những biến cố tiếp theo sau sự chết của hai người không khác gì việc mô tả cuộc sống của họ trước khi chết. Ở đây, về ý thức và sự nhận biết của hai người, rõ ràng sự chết không thay đổi gì cả. Nhân cách của con người, sự nhận biết có ý thức về môi trường chung quanh, và trí nhớ vẫn được giữ nguyên vẹn sau khi chết.

33. Sách ngụy kinh từ thời kỳ giữa hai Giao Ước.

2.1.8 Hades

Người giàu ngước mắt lên trong Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') và đang ở trong khổ hình. Hades là một khái niệm quen thuộc từ thế giới Hy Lạp. Ở đó, Hades là thần của cõi âm và cũng là nơi của người chết.

Không được lẫn lộn Hades với địa ngục. Đáng tiếc là trong một số bản dịch Kinh Thánh (chẳng hạn bản Luther, bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức), chữ Hy Lạp "Hades" được dùng ở đây lại được dịch là "địa ngục", khiến người ta có thể nghĩ rằng hai khái niệm này chỉ về cùng một điều. Nhưng đây là hai điều khác nhau, như tôi sẽ đi vào chi tiết hơn ở phần sau. Trước khi tìm hiểu kỹ hơn về Hades trong Lu-ca 16, để không đi đến một cách giải thích "tách rời" và do đó sai lầm, chúng ta hãy xem qua cả 10 chỗ trong Tân Ước có nhắc đến Hades.

1. và 3. Lần xuất hiện: "Còn ngươi, Ca-bê-na-um, là thành đã được nhắc lên đến trời, sẽ bị hạ xuống tận Hades" (Ma-thi-ơ 11:23; Lu-ca 10:15).

Ở đây "Hades" đối lập với "trời". Ca-bê-na-um đã được nhắc lên đến trời, vì Đấng Mê-si-a đã làm phần lớn các phép lạ của Ngài trong thành ấy (Ma-thi-ơ 9:1). Ở đây, sự sa sút sâu thẳm của Ca-bê-na-um trong ngày phán xét được làm rõ bằng sự tương phản lớn giữa nơi "cao nhất" và nơi "thấp nhất". Theo nghĩa này, Kinh Thánh thường nói đến "trên" và "dưới".[34] Ở đây Hades là nơi phán xét, cách xa không thể với tới trời, là nơi phước lành.

2. Lần xuất hiện: "và trên vầng đá này Ta sẽ xây hội chúng Ta [hoặc: Hội Thánh Ta], và các cửa Hades sẽ không thắng được hội ấy" (Ma-thi-ơ 16:18).

Chúa Giê-xu Christ, Con của Đức Chúa Trời hằng sống, là nền tảng không thể chiếm được và không thể lay chuyển, mà trên đó Ngài sẽ xây Hội Thánh Ngài. Được xây trên vầng đá này, ngay cả Hades cũng không thể thắng được Hội Thánh. Hades có quyền lực, điều được bày tỏ cách tượng trưng qua các cửa. Đằng sau Hades ẩn giấu quyền lực của sự chết. Hades và quyền lực của sự chết không thể thắng được và "chiếm lấy" Hội Thánh, vì Hội Thánh được đặt nền trên Đấng là sự sống và đã đánh bại sự chết. Hades là một quyền lực gian ác, ở đây tự bày tỏ như một kẻ thù của Hội Thánh.

34. So sánh Giăng 8:23; 1 Ti-mô-thê 6:9; 2 Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6; Khải Huyền 20:1; Châm Ngôn 9:18; 15:24.

4. Lần xuất hiện: "Và khi ở trong Hades ngước mắt lên, đang lúc bị khổ hình, người thấy Áp-ra-ham ở đằng xa và La-xa-rơ trong lòng người" (Lu-ca 16:23).

5. và 6. Lần xuất hiện: Phi-e-rơ nói về Chúa Giê-xu, khi trích dẫn Thi Thiên 16: "vì Ngài sẽ không bỏ linh hồn tôi nơi Hades, và không để Đấng Thánh của Ngài thấy sự hư nát" (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27; xem thêm câu 31).

Đa-vít đã nói những lời này nhiều thế kỷ trước (Thi Thiên 16:10). Trong bài giảng ngày Lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ trích dẫn những lời ấy như một lời tiên tri về sự chết và sự sống lại của Đấng Mê-si-a. Hades như thể giơ tay ra về phía linh hồn thánh của Cứu Chúa để giật lấy và chiếm giữ. Nhưng Hades không thể chiếm được linh hồn Ngài, vì Ngài là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời.[35] Khi Ngài chết, Ngài không rơi vào Hades, nhưng đi vào Ba-ra-đi (thiên đàng). Thân thể Ngài được đặt vào mộ, nhưng không thấy sự hư nát, vì Ngài đã được khiến sống lại.

Ở đây thấy rõ rằng Hades là nơi có linh hồn của những kẻ không công chính. Thân thể, xác thịt, liên quan đến mồ mả và sự hư nát. Ở đây và ở mọi chỗ khác, linh hồn liên quan đến Hades. Ở đây, mồ mả và Hades được phân biệt rõ ràng với nhau. Chúng không phải là cùng một điều.

7. Lần xuất hiện: "… Ta đã chết, kìa nay Ta sống đời đời, cầm chìa khóa của sự chết và của Hades" (Khải Huyền 1:18).

Đó là những lời của Chúa Giê-xu là Đấng đã sống lại. Vì Ngài đã chết và sống lại, Ngài có quyền trên sự chết và Hades. Cả sự chết (liên quan đến thân thể) lẫn Hades (liên quan đến linh hồn) đều phải cúi đầu trước Con Đức Chúa Trời. Mọi sự đều phục dưới Ngài! Âm phủ và mọi người ở đó đều ở dưới thẩm quyền của Ngài, vì "Đấng Christ đã chết và sống lại chính vì điều

35. Phần lớn các bản dịch ở đây có: "Ngài sẽ không để linh hồn tôi (ở lại) trong Hades" hoặc tương tự. Theo cách diễn đạt này, Chúa đã ở trong Hades. Khi ấy, Hades, giống như Sheol, nói chung là nơi của người chết, không phân biệt người công chính và kẻ không công chính. Điều đó phù hợp với những lời của Cựu Ước. Xem về điều này C. Briem, *Ein Volk für seinen Namen*, phần 2, Hückeswagen (CSV), 1983, tr. 100-103. Tôi không đồng ý với quan điểm này, vì chính Lu-ca, tác giả sách Công Vụ Các Sứ Đồ, trong sách Phúc Âm của mình là người duy nhất, một mặt, trong Lu-ca 16 đặt Hades và lòng Áp-ra-ham đối lập nhau (nghĩa là lòng Áp-ra-ham không ở trong Hades hay là một phần của Hades), và mặt khác, trích dẫn lời Chúa rằng khi Ngài chết, Ngài đi vào Ba-ra-đi. Hơn nữa, vào thời Chúa Giê-xu đã có ý kiến cho rằng nơi của những người được phước ở trên trời, còn nơi của kẻ không công chính ở trong Sheol. Tôi xem Hades trong Tân Ước trước sau như một là nơi của những kẻ không công chính, là những người ở dưới quyền lực của sự chết. Đấng Christ đã không ở đó (xem về điều này phần Phụ lục).

này: để làm Chúa của kẻ chết và kẻ sống" (Rô-ma 14:9). Các tín hữu không cần phải sợ hãi nữa!

Quyền năng của Ngài cũng bao gồm việc khiến người chết sống lại, bằng cách dùng chìa khóa mở Hades và đưa các linh hồn ra, để trong sự sống lại kết hiệp chúng với thân thể.

8. Lần xuất hiện: "Và tôi [Giăng] nhìn xem, kìa, một con ngựa vàng vàng, người cưỡi nó tên là Sự Chết, và Hades theo sau người" (Khải Huyền 6:8).

Sự chết và Hades liên hệ chặt chẽ với nhau, vì chúng cùng làm một việc chung.[36] Sự hợp tác của chúng là gì? Sự chết chiếm lấy thân thể, còn Hades chiếm lấy linh hồn. Theo nghĩa ấy, Hades theo sau sự chết để thu nhận các linh hồn mà sự chết không thể đụng đến (Ma-thi-ơ 10:28).

Xét theo lịch sử ngôn ngữ, chữ "Hades" có thể có nghĩa là "kẻ thu nhận tất cả". Hades nuốt người chết với cơn đói không bao giờ no. Ở điểm này có sự giống nhau với Sheol (Hades trong Cựu Ước; tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*, bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả'), là chữ mà trong ý thức ngôn ngữ của người Hê-bơ-rơ được liên kết với "đòi hỏi" (so sánh Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31).[37]

9. và 10. Lần xuất hiện: "và sự chết và Hades giao lại những người chết ở trong đó, và họ bị xét đoán, mỗi người tùy theo công việc mình. Rồi sự chết và Hades bị ném xuống hồ lửa" (Khải Huyền 20:13-14).

Những người chết ở trong Hades. Bên cạnh câu chuyện trong Lu-ca 16, đây là chỉ dẫn rõ ràng nhất về bản chất của Hades. Hades là nơi của những người chết đã không tin Tin Lành. Chỉ những người này mới xuất hiện trước tòa lớn và trắng.

Ở đây chúng ta thấy sự kết thúc của sự chết của thân thể. Sự chết bị ném xuống hồ lửa, tức là địa ngục. Vì vào thời điểm ấy mọi người chết đều đã sống lại, nên không còn linh hồn hay các linh của người chết nào có thể ở trong Hades. Tất yếu đó cũng là sự kết thúc của Hades. Những người hư mất bị ném vào địa ngục cùng với thân thể mà họ đã nhận trong sự sống lại. Vì thế, Hades không còn cần đến nữa, và cũng như sự chết, nó đến chỗ kết thúc trong địa ngục.

---

36. So sánh 2 Sa-mu-ên 22:6; Ê-sai 28:15, 18; Ô-sê 13:14; Ha-ba-cúc 2:5.
37. Châm Ngôn 1:12; 27:20; 30:16; Ê-sai 5:14.

Tóm tắt: Hades thu nhận linh hồn của những người đã qua đời, là những linh hồn bị tách khỏi thân thể bởi sự chết. Hades liên hệ với quyền lực của sự chết. Chỉ những người không tin mới ở dưới sự chết dẫn đến sự hư mất đời đời ấy. Như vậy, Hades cũng chỉ là nơi ở của những người đã chết mà không có Đấng Christ. Hades là nơi đi qua và nơi ở của những kẻ không tin kính cho đến sự sống lại.

2.1.9 Hades trong Lu-ca 16

Ý nghĩa của Hades trong Lu-ca 16 hoàn toàn phù hợp với điều đã rõ qua các đoạn đã khảo sát. Ngoài ra còn có thêm những chi tiết khác chỉ được nhắc đến ở đây.

Người giàu đã được chôn cất. Trái lại, tâm linh – linh hồn của ông không ở trong mồ, mà ở trong Hades. Điều đầu tiên được nói về ông là ông đang "bị khổ hình". Vậy qua sự chết ông đã không mất đi cảm giác. Nhưng ông không chỉ giữ cảm giác, mà còn giữ trọn ý thức của mình vượt qua sự chết: Ông nói, bày tỏ ý nghĩ, và có thể nhớ lại. Hơn nữa, ông có thể dùng mắt nhận biết môi trường chung quanh, mang dấu ấn của khổ hình và đau đớn. Chính người giàu gọi môi trường ấy là "nơi" khổ hình (câu 28). Vậy Hades không chỉ là một trạng thái, mà cũng là một nơi ở có thật.

Khổ hình mà người giàu cảm thấy và sức nóng của ngọn lửa dường như giả định một thân thể bằng thịt và máu. Nhưng sau khi chết cho đến khi sống lại, con người không còn thân thể ấy nữa. Vì thế, chúng ta hiểu sự mô tả khổ hình này như một sự mô tả bằng hình ảnh về một thực tại mà chúng ta, những người còn ở trong thân thể, không biết đến, và chiều sâu cùng tầm mức của nó chỉ người tự mình chịu đựng mới hiểu được. Hình ảnh này, mà chúng ta cũng gặp dưới hình thức tương tự khi nói về địa ngục, là cần thiết để trình bày cho chúng ta những sự đau khổ của Hades sao cho chúng ta cũng có thể hiểu được.

Hermann Cremer mô tả những sự đau khổ này: "[Linh hồn] trong sự chết giống như người nghèo, có quá nhiều để chết, quá ít để sống – một trạng thái khủng khiếp, sự lơ lửng và lo sợ giữa sống và chết, sự chết không có tận cùng! Bao lâu sự chết chưa mở mắt con người về điều này, người ta còn có thể tự lừa dối và chìm trong ảo tưởng như thể linh hồn mình chẳng thiếu gì. Chúng ta có thể lẩn tránh mọi cảm nhận và nhu cầu của linh hồn mình, bao

lâu chúng ta còn làm chủ thân thể mình và còn có thể giao tiếp với thế giới chung quanh qua công việc hay sự giải trí. Nhưng với sự chết, khả năng ấy chấm dứt, và sự bất lực của linh hồn được tỏ ra trong một sự suy kiệt không cùng. Bị giật lìa khỏi Đức Chúa Trời, trong sự xa cách Đức Chúa Trời, linh hồn cũng xa cách sự sống đến từ Đức Chúa Trời. … đời đời không sức lực, bị kìm hãm và trói buộc, sự bất tử của linh hồn đối với nó không phải là điều gì tốt hơn sự chết, mà là điều khốn khổ và tệ hại hơn nhiều, một cuộc vật lộn đời đời để tồn tại, một sự thiếu thốn đời đời mọi sự thỏa mãn, một sự hao mòn không cùng dưới sự chống đối của Đức Chúa Trời thánh khiết đối với mọi điều không tin kính và xa cách Đức Chúa Trời. Đối với con người tội lỗi, chưa được cứu chuộc, sự bất tử chẳng là gì khác hơn sự chết đời đời, không phải một tia sáng soi tỏ đêm tối, mà chỉ là bóng của ánh sáng."[38]

Dĩ nhiên, điều đó hoàn toàn khác với một giấc ngủ của linh hồn, hay thậm chí sự không hiện hữu sau khi chết. Câu chuyện này chứng minh chính điều ngược lại. Để duy trì giáo lý sai về giấc ngủ của linh hồn, cần có một cách giải thích hoàn toàn khác về câu chuyện này, cho rằng Hades chẳng là gì khác hơn mồ mả, nơi thi thể người giàu được chôn. Ở đây người ta dựa vào những cách đọc làm thay đổi ý nghĩa của câu bằng một cách đặt dấu câu khác.[39] Như vậy Hades trở thành mồ mả mà người giàu được đặt vào. Người ta đọc như sau: "Người giàu chết và được chôn vào Hades. Khi người ngước mắt lên trong khổ hình …" Cho cách chia văn bản này, thậm chí không có được hai hay ba bản văn Hy Lạp làm chứng. Cách chia này cũng không có trong bất kỳ bản dịch Kinh Thánh nào ngày nay được biết là đáng tin cậy.

Văn mạch cũng như sự phù hợp về nội dung với toàn bộ Tân Ước là điều quyết định cho việc đặt dấu câu của một câu. Như chúng ta đã thấy, không có chỗ nào trong Tân Ước xác nhận rằng Hades đồng nhất với mồ mả.

Xét theo lịch sử ngôn ngữ, chữ "Hades" cũng có nghĩa là "điều vô hình" và "điều không thể nhận biết".[40] Cũng vì thế mà không thể nào cách nói "Hades" lại chỉ về một ngôi mộ.

Có thể quan niệm cho rằng Hades và mồ mả là một đã nảy sinh từ chỗ "Hades" thật sự là bản dịch tiếng Hy Lạp của chữ Hê-bơ-rơ "Sheol", nhưng

38. Hermann Cremer, *Jenseits des Grabes*, Gießen (Brunnen-Verlag), không ghi năm, tr. 31, 32.
39. Dấu câu là những ký hiệu không có trong bản văn nguyên thủy và chỉ được thêm vào vài thế kỷ sau.
40. Dictionary of New Testament Theology, Vol. 2 (Paternoster Press) 1981, tr. 206

trong Cựu Ước, chữ "Sheol" có một ý nghĩa rộng hơn, như chúng ta sẽ thấy trong phần tiếp theo.

2.1.10 Sheol

Từ việc Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27 trích dẫn Thi Thiên 16:10, có thể thấy rằng "Hades" là bản dịch của chữ Hê-bơ-rơ "Sheol". Trong bản Bảy Mươi (Septuaginta), chữ "Sheol" được dịch là "Hades", nhưng đôi khi cũng được dịch là "sự chết". Trong Cựu Ước, "Sheol" xuất hiện 65 lần. Hơn một nửa số lần ấy ở trong các sách Gióp, Thi Thiên và Châm Ngôn.

Sheol có ý nghĩa gì trong Cựu Ước? Chúng ta có thể nhận ra nhiều ý nghĩa của chữ này trong Cựu Ước. Nói chung, Sheol liên quan đến lĩnh vực của sự chết, bao gồm cả nỗi sợ chết, mồ mả, vực sâu và âm phủ.

- Sheol là mồ mả hay huyệt: Sáng Thế Ký 37:35; 42:38; 44:29; Dân Số Ký 16:30; Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:22; 1 Sa-mu-ên 2:6; Gióp 7:9; Thi Thiên 139:8; Truyền Đạo 9:10; Ê-xê-chi-ên 31:16.
- Sheol là mồ mả hay huyệt, nhưng có gợi ý về một sự sống có ý thức sau khi chết: 2 Sa-mu-ên 22:6; 1 Các Vua 2:6-9; Gióp 17:13-16; A-mốt 9:2.
- Sheol là âm phủ, nơi ở của các linh hồn: Thi Thiên 16:10; Châm Ngôn 15:11; 27:20; Ê-sai 14:9-15.
- Sheol theo nghĩa tượng trưng là quyền lực của sự chết, của điều ác, của sự sợ hãi, của cảnh khốn cùng và của sự giam cầm: Thi Thiên 116:3; Ê-sai 28:15; 57:9; Giô-na 2:2.

Những câu Kinh Thánh này cho thấy rõ rằng chữ "Sheol" có nhiều ý nghĩa. Sẽ là sai nếu nói rằng Sheol luôn luôn là mồ mả hay huyệt. Vì thế, đem ý nghĩa ấy áp dụng cho Hades trong Tân Ước cũng sai như vậy.

Quan niệm về Sheol của người Do Thái vào thời Chúa Giê-xu kể câu chuyện này về căn bản phù hợp với sự mô tả Sheol hay Hades trong Lu-ca 16.

Strack & Billerbeck viết: "Nhiều điểm tương đồng giữa Hê-nóc 22 và Lu-ca 16:19 và các câu tiếp theo cho thấy có lẽ quan niệm về Sheol mà Hê-nóc 22 trình bày đã được phổ biến khá rộng trong dân Do Thái và vào thời Chúa Giê-xu là ý kiến phổ thông của đại đa số."[41]

41. Trích từ *Kommentar zu Talmud und Midrasch IV*.

Trong nhiều sách khác nhau của người Do Thái (chẳng hạn sách Hê-nóc), Hades là nơi ở của các linh hay linh hồn của những người đã qua đời. Bên cạnh đó, quan niệm cho rằng Sheol có những ngăn dành cho người công chính và cho kẻ không công chính cũng phổ biến. Người công chính ở đó có niềm vui, kẻ không công chính chịu khổ hình.

Dù Sheol thường là mồ mả, Sheol và mồ mả vẫn là hai khái niệm khác nhau, không phải lúc nào cũng được dùng như đồng nghĩa. Mồ mả, khác với Sheol, cũng xuất hiện ở số nhiều, được đào ra (chẳng hạn Sáng Thế Ký 50:5), thuộc về những người nhất định (chẳng hạn 1 Các Vua 13:30; 2 Sử Ký 34:28), và thi thể được đặt vào đó.[42] Những đặc điểm này không áp dụng cho Sheol. Vua Ê-xê-chia nhắc đến trong một câu ba khái niệm mà ông phân biệt, và vì thế không thể có cùng một nghĩa: "Vì Sheol chẳng ngợi khen Chúa, sự chết chẳng ca tụng Chúa; những kẻ đã xuống huyệt chẳng còn trông đợi sự thành tín của Chúa" (Ê-sai 38:18).

Vì thế, về "Sheol" trong mối liên hệ với "Hades" trong Tân Ước, cần xác định như sau:

Trong Cựu Ước, những điều bên kia mồ mả hoàn toàn chưa được mặc khải, hoặc chỉ được gợi ý. Vì thế, từ góc nhìn của Cựu Ước, không thể nói nhiều về Sheol. Không được phép đem chỉ *một* trong những ý nghĩa của Sheol đã nêu trên (chẳng hạn ý nghĩa mồ mả) mà áp dụng cho Hades trong Tân Ước.

2.1.11 Việc ngước mắt lên

Chúng ta đọc thấy rằng người giàu ở trong Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') đã ngước mắt lên (Lu-ca 16:23). Việc "ngước mắt lên" khiến người ta nghĩ đến một người thức dậy khỏi giấc ngủ. Chúa Giê-xu dùng cách nói này để mô tả sự ngạc nhiên, sự sửng sốt và đồng thời nỗi kinh hoàng của người giàu. Ông bỗng nhận ra một môi trường và một tình trạng hoàn toàn khác với điều ông vẫn quen cho đến lúc ấy. Là dòng dõi của Áp-ra-ham, ông đã không ngờ đến điều đó.

Những người cố tìm thấy trong câu chuyện này thuyết linh hồn ngủ thì giải thích việc "ngước mắt lên" là sự sống lại. Nếu người ta nói rằng Hades là mồ mả, thì cũng không còn cách giải thích nào khác. Trong mồ mả, mắt

42. Chẳng hạn 2 Các Vua 13:21; Thi Thiên 88:5; Giê-rê-mi 26:23.

không mở ra. Thoạt nhìn, cách giải thích này dường như không hẳn là vô lý, vì mối liên hệ giữa giấc ngủ của sự chết và việc thức dậy gắn với sự sống lại là điều dễ nghĩ đến. Thế nhưng cách giải thích này đáng ngờ, vì trong câu chuyện này, ở câu 30 và 31, có nói theo nghĩa đen về một sự sống lại. Thật khác thường nếu sự sống lại có lúc được nói đến theo nghĩa đen, lúc khác lại chỉ theo nghĩa bóng.

Từ "nâng lên" (tiếng Hy Lạp *epairo*) thường xuất hiện cùng với "đôi mắt" và việc "nhìn".[43] Tân Ước không bao giờ dùng cách nói này để mô tả việc thức dậy khỏi giấc ngủ, càng không mô tả sự sống lại. Khi những kẻ không công chính sống lại, ngay sau đó họ sẽ bị xét xử trước tòa lớn và trắng, rồi bị ném vào hồ lửa, tức là địa ngục (Khải Huyền 20:11-15). Sự phán xét cuối cùng không có trong câu chuyện này. Ở trong Hades, người giàu chưa bị đưa ra trước mặt Đấng Phán Xét. Trạng thái cuối cùng không phải là Hades, mà là hồ lửa. Không được lẫn lộn Hades với địa ngục, dù ngay ở đó cũng đã có khổ hình và đau đớn. Khi những kẻ có tội bị ném vào địa ngục, thì Hades, vốn là nơi ở của những kẻ không công chính, không còn cần thiết nữa (xem ở trên).

2.1.12 Từ đằng xa

Người giàu thấy La-xa-rơ từ đằng xa trong lòng Áp-ra-ham. Cách nói "từ đằng xa" cho thấy rõ nơi ấy là nơi không thể đến được, và tình cảnh là hư mất vô vọng và không thể thay đổi. Theo một nghĩa nào đó, khoảng cách này đã có ngay trong cuộc đời của hai người. Giờ đây khoảng cách này lớn hơn nhiều và không còn có thể xóa bỏ được. Phải chăng đó cũng là một dấu hiệu cho thấy sự xa cách Đức Chúa Trời, mà những kẻ không tin kính sẽ phải chịu như hình phạt đời đời trong địa ngục (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9), theo một cách nào đó đã bắt đầu ngay sau khi chết?

Người giàu xin Áp-ra-ham để được bớt khổ hình. Ông xin cho La-xa-rơ nhúng đầu ngón tay vào nước để làm mát lưỡi ông. Người giàu đã hiểu tình cảnh của mình, vì lời xin này thật nhỏ nhoi và không còn giống cách cư xử quen thuộc của ông như người ta biết qua cuộc đời ông. Giọt nước rơi xuống từ đầu ngón tay chẳng phải tương ứng với những miếng bánh vụn mà người nghèo đã thèm khát cách vô ích sao? Ngay cả lời xin này cũng không được

43. Ví dụ Ma-thi-ơ 17:8; Lu-ca 6:20; 18:13; Giăng 4:35; 6:5; 17:1.

đáp ứng. Áp-ra-ham cũng không còn có thể thay đổi gì trong tình trạng của người giàu.

Từ đó thấy rõ rằng mọi ảnh hưởng trên người chết – dù tốt hay xấu, dù đến từ con người hay những lời cầu nguyện của họ, hay từ thiên sứ hoặc các quỷ – đều hoàn toàn bị loại trừ. Sau khi chết, con người chỉ duy nhất ở trong tay Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 10:31). Kinh Thánh không biết đến sự cầu thay hay những lời cầu nguyện cho người đã qua đời.

2.1.13 Vực sâu lớn

Giữa Hades và lòng Áp-ra-ham có một vực sâu lớn đã được đặt cố định, không thể bắc cầu qua được. Hầu như không có sự mô tả nào ấn tượng hơn để cho thấy rằng sau khi chết, người ta không còn có thể thay đổi nơi ở của mình. Không còn cơ hội nào để ăn năn nữa. Vực sâu ấy không thể vượt qua được, dù bằng lòng thương xót hay bằng sự tùy tiện. Chính người giàu cũng thấy rằng đối với ông không còn cách nào để thoát khỏi nơi này.

Sau khi chết không còn sự thương xót nữa, vì đời sống trên đất của con người đã đủ cơ hội và thời gian để nhận lãnh ân điển của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu Christ (Rô-ma 2:4; 2 Cô-rinh-tô 6:2). Chúa Giê-xu nghiêm túc lưu ý những người nghe Ngài rằng đời sống trên đất quyết định cõi đời đời.

Ai viện đến một cơ hội ăn năn sau khi chết – như một cơ hội thứ hai – và còn rao giảng điều đó, thì giống như một ngôi sao đi lạc, chỉ đường vào nơi tối tăm (Giu-đe 13). Trông đợi một cơ hội thứ hai sau khi chết là điều tai hại. Cơ hội ấy không có, dù con người muốn có nó đến đâu.

Đối với người giàu không còn sự cứu nào nữa, nhưng ông nghĩ đến các anh em mình. Ông còn có thể làm gì để cảnh báo họ? Ông nảy ra ý nghĩ rằng có lẽ họ sẽ nghe một người đã chết và có thể làm chứng về điều đến sau sự chết. Nhưng Áp-ra-ham đáp rằng các anh em của người giàu cũng sẽ không nghe một người từ cõi chết trở về. Đối với những người khước từ Lời Đức Chúa Trời trong thời nay, ngay cả một lời chứng ngoạn mục như thế cũng không đủ để khiến lòng họ ăn năn.

Ít lâu sau, Chúa gọi một La-xa-rơ khác từ cõi chết trở về (Giăng 11). La-xa-rơ này chính là một người như người giàu đã đòi hỏi. Nhưng nơi La-xa-rơ, câu trả lời của Áp-ra-ham được xác nhận. Thay vì tiếp nhận lời chứng của

Ngài, người Do Thái thậm chí còn đi đến chỗ bàn mưu giết Chúa của sự sống và sự chết, để bịt miệng lời chứng này về quyền năng vô hạn của Ngài.

Chính Chúa Giê-xu đã từ cõi chết trở về. Dù sự sống lại của Ngài đã được những người tận mắt chứng kiến xác nhận, và các môn đồ Ngài đã truyền rao sứ điệp này, người ta vẫn không muốn tiếp nhận lời chứng ấy. Lòng bại hoại của con người không muốn cúi mình trước lẽ thật.

Thật vậy, người có tội không được dẫn đến với Đức Chúa Trời bằng những bằng chứng, mà chỉ bằng một tấm lòng ăn năn và một lương tâm được soi sáng.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy nêu lý do vì sao câu chuyện trong Lu-ca 16 không phải là một ví dụ!
- Bạn hãy tóm tắt ý nghĩa của các từ "Hades" trong Tân Ước và "Sheol" (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả') trong Cựu Ước!
- Điều gì trong Lu-ca 16 cho thấy rõ rằng sau khi chết không thể còn có cơ hội thứ hai?

2.2 Đức Chúa Trời của kẻ sống

Cuộc tranh luận nổi tiếng giữa người Sa-đu-sê với Chúa Giê-xu trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem là về sự sống lại của người chết. Người Sa-đu-sê nổi tiếng là không tin có sự sống lại. Các tác giả Phúc Âm Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca đều đồng thanh nhắc đến điều đó.

> *"Có mấy người Sa-đu-sê đến gần, là những người chối rằng không có sự sống lại, hỏi Ngài rằng: Thưa Thầy, Môi-se đã viết cho chúng tôi: Nếu anh của ai chết đi, để lại vợ mà không có con, thì em phải cưới người vợ ấy và gây dòng dõi cho anh mình. Vậy, có bảy anh em. Người thứ nhất cưới vợ rồi chết mà không có con; người thứ hai và người thứ ba cũng cưới người ấy; cả bảy người đều như vậy: họ không để lại con cái mà chết. Sau cùng, người đàn bà cũng chết. Vậy đến sự sống lại, người đàn bà ấy sẽ là vợ của ai trong những người ấy, vì cả bảy đều đã lấy nàng làm vợ? Chúa Giê-xu phán cùng họ: Con cái của đời này thì cưới vợ và lấy chồng; nhưng những người được kể là xứng đáng dự phần đời kia và sự sống lại từ trong kẻ chết thì không cưới vợ cũng không*

lấy chồng; vì họ cũng không thể chết nữa, bởi họ giống như thiên sứ, và là con cái Đức Chúa Trời, vì là con cái của sự sống lại. Còn về việc kẻ chết sống lại, thì chính Môi-se cũng đã cho thấy 'ở chỗ bụi gai', khi ông gọi Chúa là 'Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp'. Ngài không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống; vì đối với Ngài ai nấy đều sống. Có mấy thầy thông giáo cất tiếng thưa rằng: Thưa Thầy, Thầy nói phải lắm. Vì họ không còn dám hỏi Ngài điều gì nữa" (Lu-ca 20:27-40, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder, so sánh Mác 12:18-27; Ma-thi-ơ 22:23-33).

Chúng ta hãy xem xét kỹ hơn một chút nhóm người Sa-đu-sê và quan điểm của họ.

2.2.1 Người Sa-đu-sê[44]

Trước khi xem xét một vài chi tiết của đoạn văn này, chúng ta hãy nghe thêm một lần nữa tác giả Phúc Âm Lu-ca, lần này trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ: "Vì người Sa-đu-sê nói rằng không có sự sống lại, cũng không có thiên sứ, cũng không có linh" (chương 23:8; so sánh Công Vụ Các Sứ Đồ 4:2). Giáo lý của người Sa-đu-sê tự nó nhất quán và triệt để. Nếu không có sự sống lại, thì cũng không có sự hiện hữu của các linh, tức là các linh của những người đã qua đời,[45] tách rời khỏi thân thể (Hê-bơ-rơ 12:23; 1 Phi-e-rơ 3:19).

Lời chứng ngoài Kinh Thánh của sử gia Josephus xác nhận điều đó, khi ông viết rằng người Sa-đu-sê chối bỏ sự bất tử của linh hồn cũng như hình phạt và phần thưởng trong âm phủ.[46]

---

44. Người Sa-đu-sê (có lẽ được đặt tên theo thầy tế lễ thượng phẩm Xa-đốc vào thời Sa-lô-môn) xuất thân từ một tầng lớp quý tộc tế lễ lâu đời, và trong khoảng thời gian từ khoảng năm 150 TCN đến năm 70 SCN đã họp thành một đảng phái bảo thủ và thân La Mã trong dòng dõi tế lễ Do Thái. Trái với người Pha-ri-si, là những đối thủ "truyền thống" của họ, người Sa-đu-sê chối bỏ sự tiếp tục sống của linh hồn và sự hiện hữu của thiên sứ và các linh. Họ cũng không tin Đức Chúa Trời can thiệp vào việc của con người. Ngoài ra, là đối thủ của người Pha-ri-si, họ khước từ Torah truyền khẩu và đặt sự quan phòng của Đức Chúa Trời lên trên ý chí tự do của con người. Họ chỉ công nhận năm sách của Môi-se là sự mặc khải, nhưng bác bỏ niềm hy vọng về sự sống lại và niềm tin vào thiên sứ (Công Vụ Các Sứ Đồ 23:8). Vì người Sa-đu-sê không có chỗ dựa rộng rãi trong dân chúng, nên họ đã biến mất như một nhóm có ảnh hưởng về chính trị và tôn giáo.
45. Câu này phân biệt thiên sứ và các linh, điều đó chứng tỏ các linh ở đây là các linh của những người đã qua đời. Ở những chỗ khác, thiên sứ cũng được gọi là các linh (ví dụ Hê-bơ-rơ 1:14).
46. *Geschichte des Jüdischen Krieges*, quyển 2, chương 8.14.

Ở đây có ngụ ý rằng sự sống lại và sự hiện hữu ngoài thân thể của tâm linh – linh hồn sau khi chết có liên hệ trực tiếp với nhau và phụ thuộc lẫn nhau. Người Sa-đu-sê biết rằng sự sống lại và tâm linh – linh hồn tách rời khỏi thân thể không mâu thuẫn với nhau, mà gắn bó chặt chẽ đến nỗi không thể có điều này mà không có điều kia. Vì thế họ chối bỏ cả hai.[47]

Câu trả lời của Chúa Giê-xu cho lối lý luận xảo biện này là: Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống, vì đối với Ngài ai nấy đều sống (câu 38). Chúa rút ra sự thật này từ lời Yahweh phán với Môi-se từ bụi gai đang cháy: "Ta là Đức Chúa Trời của cha ngươi, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp" (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:6; xem thêm câu 14, 15). Những người nghe biết rằng vào lúc Yahweh phán những lời này, không ai trong ba tổ phụ còn sống. Họ đều đã chết. Vậy nếu sự chết có nghĩa là sự xóa sạch hoàn toàn, hay dù chỉ là tạm thời, và là "sự không hiện hữu", thì làm sao Yahweh có thể nói rằng Ngài là Đức Chúa Trời của họ? Khi ấy Đức Chúa Trời thật sự là Đức Chúa Trời của kẻ chết. Nhưng Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của một điều không hiện hữu. Những người nghe hiểu điều đó, vì mấy thầy thông giáo nói rằng Ngài đã nói phải. Người Sa-đu-sê không thể đối đáp gì trước sự khôn ngoan thiên thượng này[48] – Ngài đã khiến họ phải im lặng, vì họ lầm lạc lắm (Ma-thi-ơ 22:34).

Có người giải thích điều này rằng các tổ phụ sống trong trí nhớ hay trong ý định của Đức Chúa Trời, vì một ngày kia họ sẽ được khiến sống lại. Nhưng câu này không cho phép rút ra kết luận nào khác hơn là: vào lúc Đức Chúa Trời phán từ bụi gai, các tổ phụ phải đang sống theo một cách nào đó (tức là không chỉ như một ý nghĩ trong ký ức). Không có chép rằng Đức Chúa Trời "đã là" Đức Chúa Trời của các tổ phụ, hay "sẽ là" Đức Chúa Trời của họ khi nhìn đến sự sống lại, mà là Ngài "là" Đức Chúa Trời của họ, và cho đến ngày nay vẫn vậy. Cũng không có chép rằng đối với Ngài họ "đã sống", mà là họ "đang sống".

---

47. Trái lại, những giáo lý này lại thuộc về niềm xác tín của người Pha-ri-si (so sánh Công Vụ Các Sứ Đồ 23:6-7).

48. Điều thú vị là Chúa Giê-xu đã trích dẫn sách Xuất Ê-díp-tô Ký, vì người Sa-đu-sê chỉ công nhận 5 sách của Môi-se là Lời Đức Chúa Trời. Qua những lời Ngài nói về sự sống lại, về sự hiện hữu của thiên sứ và về sự bất tử (vì thiên sứ không chết), Ngài đã bác bỏ cùng lúc nhiều quan điểm của người Sa-đu-sê.

Chỉ có Lu-ca thuật lại rằng Chúa Giê-xu mở rộng sự thật rằng người chết vẫn sống ra cho mọi người, vì Ngài phán: "vì đối với Ngài *ai nấy* đều sống" (tức là không chỉ các tổ phụ). Điều đó rõ ràng cũng bao gồm những người – như các tổ phụ – đã chết từ lâu.

2.2.2 Môi-se và Ê-li trên núi hóa hình

Chính các tác giả Phúc Âm cho chúng ta một ví dụ về hai tín hữu thời Cựu Ước vẫn sống sau khi chết. Khi Chúa Giê-xu được vinh hiển[49] trên núi hóa hình, Môi-se và Ê-li đã hiện ra. Ê-li không chết, mà đã được cất lên trời (2 Các Vua 2:11), Hê-nóc cũng vậy (Sáng Thế Ký 5:24).

Người ta còn có thể hiểu được việc Ê-li đích thân hiện ra ở đó, vì ông đã không chết. Nhưng còn Môi-se thì sao? Ông đã chết (Phục Truyền Luật Lệ Ký 34:6; so sánh Giu-đe 9). Vậy Môi-se từ đâu đến, nếu sau khi chết ông không còn sống nữa? Phải chăng ông đã sống lại rồi? Kinh Thánh không nói gì về điều đó, và điều đó cũng không thể có, vì không phải Môi-se, mà Đấng Christ là trái đầu mùa của những người đã ngủ (1 Cô-rinh-tô 15:20, 23), và sự sống lại của các tín hữu chưa xảy ra.

Đức Chúa Trời đời đời (Rô-ma 16:26) là Đức Chúa Trời của kẻ sống. Vì vậy Môi-se cũng đang sống, bây giờ, sau khi ông chết và trước khi ông sống lại. Đức Chúa Trời đã không khiến Môi-se và Ê-li sống lại cho lần hiện ra này rồi lại cho họ ngủ tiếp. Và không thể hình dung được rằng chỉ riêng hai người ấy – chứ không phải mọi tín hữu – đang ở trong một trạng thái có ý thức và phước hạnh. Các tín hữu của mọi thời đại hiện nay đều ở trong Ba-ra-đi (thiên đàng).[50]

Như vậy, từ việc Môi-se và Ê-li hiện ra, từ lời Chúa khi Ngài trả lời người Sa-đu-sê, cũng như từ mạch văn của toàn bộ Kinh Thánh, đều thấy rõ rằng mọi người đã chết đều đang sống.

Đối với nhiều người Do Thái (trừ người Sa-đu-sê), việc những người đã qua đời vẫn sống là điều hiển nhiên. Chẳng hạn, họ tin rằng Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp hiện đang ở một nơi mà người Do Thái trung tín cũng đi đến, để được các tổ phụ tiếp đón tại đó.[51]

---

49. Ma-thi-ơ 17:1-8; Mác 9:2-8; Lu-ca 9:28-36.
50. So sánh mục 2.3.
51. Ngụy kinh 4 Ma-ca-bê 13:16.

Chính Đức Chúa Trời không chỉ là Đấng gìn giữ sự sống cho những người đang sống trên đất, mà cũng cho những người đã qua đời, vì họ và mọi vật có sự sống đều phụ thuộc vào Ngài. Theo nghĩa này, sự bất tử của linh hồn không phải là một sự bất tử tự nó có, mà phụ thuộc vào Đức Chúa Trời là nguồn sự sống.

Khi Chúa Giê-xu nói về các tổ phụ, vấn đề không phải là trạng thái sau khi chết, mà là sự sống lại. Nhưng Ngài phán rằng một bằng chứng cho sự sống lại chính là sự thật rằng các tổ phụ đang sống vào thời điểm ấy. Điều này vô cùng quan trọng, và nói gọn lại là: Vì linh hồn của những người đã qua đời đang sống, nên phải có sự sống lại. Tại sao lại như vậy?

2.2.3 Mối liên hệ giữa sự sống sau khi chết và sự sống lại

Sự chết, vốn đã vào thế gian bởi tội lỗi, đã phá ngang chương trình sáng tạo của Đức Chúa Trời đối với con người. Sự chết chấm dứt đời sống thể xác, tức là sự hiện hữu bằng thân thể của con người trên đất, trong khi con người vẫn tiếp tục sống như một nhân cách tâm linh – linh hồn. Tuy nhiên, một nhân cách tâm linh – linh hồn không có thân thể không phải là ý định của Đức Chúa Trời khi Ngài tạo dựng con người.[52] Vì những ý định và chương trình của Ngài không hề thay đổi (Rô-ma 11:29), nên thân thể phải được khiến sống lại, để những chương trình Đức Chúa Trời đã có từ ban đầu được thành tựu và con người được phục hồi trong sự "trọn vẹn" của mình. Sự chết không có lời sau cùng. Nếu các linh hồn cứ mãi không có thân thể, và đó là trạng thái đời đời của họ, thì điều ấy sẽ chứng tỏ rằng sự chết đã chiến thắng. Trái với điều đó là niềm tin của người Hy Lạp, vốn xem sự chết là sự giải thoát vĩnh viễn khỏi thân thể. Sự sống lại phục hồi con người trong sự hợp nhất mà Đức Chúa Trời muốn.

2.2.4 Hình ảnh hạt giống

Phù hợp với sự thật rằng *ai nấy* đều sống, cũng có hình ảnh mà Phao-lô dùng để minh họa sự sống lại. Ông nói về hạt giống, trước hết được gieo xuống đất rồi mới kết quả. Ông so sánh nó với thân thể đã chết của người tín hữu đã qua đời, là thân thể một ngày kia sẽ sống lại (1 Cô-rinh-tô 15:35-44; so sánh Giăng 12:24).

52. So sánh mục 3.4.

Điều đáng chú ý là hạt giống ở trong đất thật ra không thật sự chết theo nghĩa là quá trình sống của nó hoàn toàn chấm dứt. Nếu hạt giống hoàn toàn mục nát và tan rữa, thì sẽ không bao giờ có trái. Nhưng từ mầm phôi, vốn vẫn còn sống, một cây mới mọc lên. Mầm phôi mang trong nó mọi thông tin di truyền quyết định cây sẽ mọc lên. Lớp vỏ hạt bọc quanh mầm phôi thì rơi ra và mục nát. Vậy theo nghĩa đen, chỉ phần này chết mà thôi.

Quá trình này là một dấu hiệu nữa cho thấy sự thật rằng con người (trong 1 Cô-rinh-tô 15 là một tín hữu) vẫn tiếp tục sống sau khi chết. Lớp vỏ bên ngoài của hạt được so sánh với thân thể, là phần mục nát. Mầm phôi có thể được so sánh với người bề trong (2 Cô-rinh-tô 4:16), tức là tâm linh – linh hồn. Phần này của con người vẫn tiếp tục sống sau khi chết. Đồng thời đó cũng là lý do thân thể sẽ được khiến sống lại, giống như mầm phôi sinh ra một trái mới.

Chúng tôi lưu ý rằng việc gieo hạt xuống đất được gọi rõ ràng là "chết", dù hiển nhiên một phần của hạt vẫn tiếp tục sống. Điều đó không mâu thuẫn, vì trong Kinh Thánh, sự chết của con người không bao giờ có nghĩa là sự chấm dứt hoàn toàn của người ấy, mà là sự phân rẽ tâm linh – linh hồn khỏi thân thể.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Có mối liên hệ nào giữa sự sống sau khi chết và sự sống lại?
- Tại sao phải có sự sống lại?
- Hình ảnh hạt giống không chỉ là hình ảnh về sự sống lại, mà còn về sự sống sau khi chết, theo nghĩa nào?

2.3 Tên trộm trên thập tự giá

Lời của Chúa Giê-xu Christ nói với một trong hai tên trộm cho thấy rõ rằng có sự sống sau khi chết. Ở đó Ngài phán: "Quả thật, Ta nói cùng ngươi, hôm nay ngươi sẽ được ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi" (Lu-ca 23:43).

Cảnh tượng tại Gô-gô-tha thật cảm động. Đối với hai tên trộm ở bên phải và bên trái Chúa Giê-xu, sự cuối cùng đã đến. Họ nhận lãnh điều xứng với việc mình đã làm. Không còn một tia hy vọng nhỏ nhất nào cho họ. Trong cơn tuyệt vọng, một trong hai tên trộm, ăn năn về tội lỗi mình, quay sang người ở giữa – đó là điều duy nhất hắn còn có thể làm. Hắn nói: "Lạy Chúa, khi Ngài đến trong nước Ngài, xin nhớ đến tôi!" (Lu-ca 23:42). Tên trộm linh

cảm rằng người bên cạnh mình, mà hắn tin chắc là vô tội, hẳn phải là Đấng Mê-si-a và là Vua mà Đức Chúa Trời đã hứa. Vậy nếu đối với hắn còn có chút hy vọng nào, thì đó là nơi Đấng một ngày kia sẽ là Vua trên muôn vật và có lời sau cùng.

Trong những giây phút ấy, tên trộm nghĩ đến tương lai, đến thời điểm Đấng Mê-si-a sẽ đến để lên ngôi cai trị. Niềm hy vọng của người Do Thái hướng về điều đó. Từ Cựu Ước, người ta đã biết nhiều điều về Đấng Mê-si-a: sự cai trị của Ngài, vương quốc của Ngài, sự cao cả và quyền năng của Ngài.[53] Tên trộm biết về sự sống lại khi Đấng Mê-si-a hiện ra vào lúc khởi đầu vương quốc của Ngài (Đa-ni-ên 12:2; Ê-sai 26:19). Hắn xin Ngài nhớ đến mình, để hắn có thể cùng được dự phần vào vương quốc của Ngài.

Chúa Giê-xu đưa ra một câu trả lời đáng chú ý: "Hôm nay ngươi sẽ được ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi". Câu trả lời có vẻ đáng chú ý như vậy vì trong lời Ngài, Đấng Cứu Thế thật ra không đáp lại lời xin của tên trộm. Tên trộm nghĩ đến vương quốc tương lai, nhưng Đấng Cứu Thế lại nói về Ba-ra-đi (thiên đàng). Ngài không nói về tương lai, mà về một "hôm nay".

Đôi khi Chúa Giê-xu dường như không trả lời thẳng những câu hỏi người ta đặt ra cho Ngài. Nhưng nếu nhìn kỹ hơn, người ta nhận thấy những câu trả lời của Ngài tuyệt diệu biết bao, vì chúng bày tỏ nhiều hơn hẳn điều mà các câu hỏi nhắm đến (so sánh Giăng 2:19-22). Ở đây cũng vậy, vì hiển nhiên Ba-ra-đi và vương quốc không có cùng một nghĩa.

Vì vậy chúng ta hãy xem xét điều Kinh Thánh muốn nói qua từ *Ba-ra-đi*, và tên trộm, hay người Do Thái nói chung, đã có quan niệm gì về Ba-ra-đi.

2.3.1 Ba-ra-đi

Từ này có lẽ đến từ tiếng Ba Tư và có nghĩa đại khái là "hàng rào hay tường bao tròn", "công viên". Thời ấy người ta dùng từ này cho những khu vườn lộng lẫy của các vua Ba Tư. Trong Cựu Ước, từ này cũng được dùng tương tự.[54] Trong bản Bảy Mươi (Septuaginta), bản dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp, từ này được dùng cho vườn Ê-đen, tức là Ba-ra-đi trên đất,[55] hoặc đơn giản cho một khu vườn.[56] Qua những chương đầu tiên của Kinh Thánh,

53. Ví dụ Thi Thiên 2; 8; 24; Ê-sai 4; 9; 11; 53; Đa-ni-ên 2; 7; Mi-chê 5 và những chỗ khác.
54. Nê-hê-mi 2:8; Truyền Đạo 2:5; Nhã Ca 4:13.
55. Sáng Thế Ký 2:8; 13:10; Ê-sai 51:3; Ê-xê-chi-ên 31:8.
56. Dân Số Ký 24:6; Ê-sai 1:30; Ê-xê-chi-ên 31:8.

chúng ta nhận biết Ba-ra-đi trên đất là một nơi đẹp đẽ biết bao. Đức Chúa Trời đã sửa soạn nơi ấy làm chỗ ở cho con người. Sau sự sa ngã, con người bị đuổi ra khỏi Ba-ra-đi và không được phép bước vào đó nữa. Sau đó chúng ta không còn nghe gì về Ba-ra-đi này nữa. Ba-ra-đi nguyên thủy trên đất tại Ê-đen không còn nữa. Như vậy rõ ràng Chúa Giê-xu không có ý nói đến Ba-ra-đi này.

Vì những điều Cựu Ước cho biết chỉ giới hạn trong Ba-ra-đi tại Ê-đen, và cũng không nơi nào trong Cựu Ước nói về một Ba-ra-đi khác, nên chúng ta dùng truyền thống Do Thái như một nguồn thông tin ngoài Kinh Thánh, để tìm hiểu vào thời Chúa Giê-xu người ta hiểu *Ba-ra-đi* là gì.

2.3.2 Ba-ra-đi trong truyền thống Do Thái

Vào thời Chúa Giê-xu, truyền thống Do Thái, hay nhà hội thời xưa, biết đến Ba-ra-đi dưới ba hình thức khác nhau.[57]

- Ba-ra-đi nguyên thủy trên đất, là điều quyết định mọi quan niệm khác về Ba-ra-đi.
- Ba-ra-đi của các linh hồn, là nơi ở của linh hồn những người công chính đã ngủ trong trạng thái trung gian. Người ta tin vào một Ba-ra-đi trên trời của các linh hồn. Theo quan niệm này, Hê-nóc và Ê-li, và cả các tổ phụ, đã được tiếp nhận vào đó.
- Ba-ra-đi của thời kỳ cuối cùng trên đất, mà trung tâm sẽ là Y-sơ-ra-ên và Giê-ru-sa-lem dưới quyền Đấng Mê-si-a, và sẽ được giao cho những người được phước sau sự sống lại và sự phán xét cuối cùng.

Vì Đức Chúa Trời đã đóng Ba-ra-đi trên đất lại và rút nó khỏi mặt đất, nên người ta đi đến xác tín rằng giờ đây nó ở trên trời, đồng thời sẽ lại xuất hiện như vương quốc hòa bình giống như Ba-ra-đi. Ba-ra-đi trên đất trở thành hình mẫu cho Ba-ra-đi thuộc thế giới bên kia và Ba-ra-đi tương lai.

Những tên gọi khác được biết đến trong Do Thái giáo cho nơi ở trên trời của những người được phước là:

- "Đất kẻ sống" – dựa theo Thi Thiên 116:9: "Tôi sẽ đi trước mặt CHÚA trong đất kẻ sống."

57. Strack & Billerbeck, *Kommentar zum Neuen Testament aus Talmud und Midrasch*, München (C.H. Beck).

- "Bó những người sống" (1 Sa-mu-ên 25:29) – bó những người sống, được buộc chặt nơi Chúa, thường được hiểu là nơi của những người được phước.
- "Kho báu"[58] – "nguyện linh hồn ngươi được gìn giữ trong kho báu của sự sống đời đời."
- "Dưới ngai Đức Chúa Trời" – linh hồn của những người công chính được gìn giữ dưới ngai vinh hiển.[59]
- "Trời" – các linh hồn ở trên trời cho đến khi họ được hợp nhất lại với thân thể trong sự sống lại.

Những chứng cứ này cho thấy rõ rằng vào thời Chúa Giê-xu đã có một sự hiểu biết, hay một quan niệm, về thế giới bên kia, vượt xa sự mặc khải của Cựu Ước. Khó xác định được sự hiểu biết ấy đến từ đâu. Điều quyết định là Chúa Giê-xu, trong mối liên hệ này, đã dùng các từ "Ba-ra-đi" (Lu-ca 23:43), "địa ngục"[60] và "Hades" (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') (ví dụ Lu-ca 16:23), là những từ mô tả niềm tin về thế giới bên kia của người Do Thái thời ấy, đặc biệt của người Pha-ri-si. Phao-lô là một người Pha-ri-si, và ông cũng tin vào sự tiếp tục sống của linh hồn sau khi chết và vào sự sống lại. Vậy những từ này không mới đối với người Do Thái. Qua đó, Chúa Giê-xu Christ xác nhận điều cốt lõi của niềm tin này, vốn chứa đựng một mức độ lẽ thật nhất định.[61] Bối cảnh này giúp ích cho sự hiểu biết của chúng ta. Nhưng tiêu chuẩn để phán đoán điều gì là lẽ thật thiên thượng thì luôn luôn chỉ duy nhất là Kinh Thánh, Lời được soi dẫn của Đức Chúa Trời.

2.3.3 Ba-ra-đi trong Tân Ước

Hiển nhiên Chúa Giê-xu đã nối kết với quan niệm thời ấy, theo đó Ba-ra-đi là nơi linh hồn của những người công chính đã ra đi đang ở. Điều đó tất yếu được suy ra từ hoàn cảnh. Ngay trong ngày chịu chết trên thập tự giá, họ sẽ đi vào Ba-ra-đi. Đại ý Đấng Cứu Thế phán: "Ngươi không cần phải chờ cho đến khi Ta hiện ra trong vương quyền; không, ngay hôm nay ngươi đã có thể theo Ta vào Ba-ra-đi." Đấng Cứu Thế chết trong ngày ấy và giao tâm linh

58. Như trên.
59. So sánh Khải Huyền 6:9.
60. Tiếng Hy Lạp "Gehenna" (ví dụ Ma-thi-ơ 5:22).
61. Xem "Facts and Theories as to a future State" trong F.W. Grant, *Old Testament Shadows*, Charlotte, North Carolina (Books for Christians), 1972, tr. 246 và các trang tiếp theo.

Ngài vào tay Cha. Tên trộm chết ít lâu sau Ngài. Khi Chúa chết, Ngài đi vào Ba-ra-đi, và tên trộm theo Ngài đến đó như một tội nhân được ân xá.

Ngoài Lu-ca 23:43, từ "Ba-ra-đi" chỉ xuất hiện thêm hai lần nữa trong Tân Ước. Phao-lô thuật lại về Ba-ra-đi và về kinh nghiệm phi thường khi ông được đem lên đó:

> *"Tôi biết một người trong Đấng Christ, cách đây mười bốn năm (hoặc trong thân thể, tôi không biết, hoặc ngoài thân thể, tôi không biết; Đức Chúa Trời biết), một người đã được đem lên đến tầng trời thứ ba. Và tôi biết người như thế (hoặc trong thân thể hoặc ngoài thân thể, tôi không biết; Đức Chúa Trời biết), rằng người ấy đã được đem lên Ba-ra-đi và nghe những lời không thể nói ra, là những lời con người không được phép nói" (2 Cô-rinh-tô 12:2-4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Phao-lô gọi Ba-ra-đi là tầng trời thứ ba. Tên gọi này chỉ xuất hiện trong mạch văn này và cho thấy rõ đó là một Ba-ra-đi trên trời. Có thể giải thích từ "tầng trời thứ ba" như một từ đồng nghĩa với Ba-ra-đi như sau: Tầng trời thứ nhất là bầu khí quyển nơi chúng ta sống, tầng trời thứ hai là không gian vũ trụ của các vì sao, và tầng trời thứ ba là Ba-ra-đi, nơi Đức Chúa Trời ngự.

Chúng ta tìm thấy một sự tương ứng hữu ích trong Hê-bơ-rơ 9:23 (so sánh 8:5). Ở đó chép rằng đền tạm và sự thờ phượng gắn liền với nó trong Cựu Ước là hình bóng của những sự trên trời. "Tầng trời thứ ba" cho biết một thứ tự và một bậc thang, như cũng có thể nhận thấy trong đền tạm. Từ hành lang (1), người ta đi qua nơi thánh (2) vào nơi chí thánh (3). Ở đó có hòm giao ước, là ngai của Đức Chúa Trời. Ở đó Đức Chúa Trời ngự. Đền tạm là nhà của Đức Chúa Trời, là nơi ở của Đức Chúa Trời trên đất.[62]

Vậy từ "*tầng trời thứ ba*" gợi đến ý nghĩ về nơi ngự của Đức Chúa Trời. Đó là một đặc điểm cốt yếu của Ba-ra-đi. Vì thế ở đó, như xưa kia trong đền tạm, có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Giờ đây sự vinh hiển ấy được chiêm ngưỡng trên mặt Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 4:4-6), vì Ngài ngồi bên hữu Đức Chúa Trời ở đó (1 Phi-e-rơ 3:22).

Đối với Phao-lô, không thể nào dùng lời lẽ loài người mà kể lại sự vinh hiển choáng ngợp ấy. Điều ông đã thấy và nghe ở đó vượt quá sức tưởng

62. Nhờ công việc đã hoàn tất của Đấng Christ, giờ đây các tín hữu có quyền tự do đến gần sự hiện diện của Đức Chúa Trời, đến ngay bên cạnh Ngài, một cách thuộc linh trong đức tin (Hê-bơ-rơ 4:16; 10:19 và các câu tiếp theo; Ê-phê-sô 2:18).

tượng của con người, như người ta có thể nhận ra qua lời ông.

Chúng ta đã xác định rằng khi Chúa Giê-xu nói với tên trộm, Ngài đã nối kết với quan niệm của người Do Thái về Ba-ra-đi như nơi ở của các linh hồn sau khi chết. Tuy nhiên, trong 2 Cô-rinh-tô 12:2 không thể tìm thấy ý nghĩa này. Từ đó suy ra, như chỗ thứ ba cũng sẽ cho thấy, rằng chúng ta không thể giới hạn từ "Ba-ra-đi" chỉ vào nơi ở của các tín hữu đã ngủ. Ba-ra-đi không được "lập ra" cho mục đích này và cho một thời gian có hạn. Chắc chắn ý định của Đức Chúa Trời không phải là cho Phao-lô biết về tình trạng của các tín hữu đã ngủ trong Ba-ra-đi. Không, điều Ngài muốn là cho ông thấy những sự vinh hiển trên trời, mà trung tâm là Đấng Christ đã được vinh hiển,[63] để khích lệ và trang bị ông cho chức vụ về sau của ông.

Thế nhưng từ 2 Cô-rinh-tô 12 cũng rút ra được một sự thật căn bản, quyết định đối với trạng thái trung gian. Phao-lô hai lần nhắc đến (câu 2, 3) rằng ông không biết mình đã được đem lên Ba-ra-đi trong thân thể hay ngoài thân thể. Như vậy, ông có thể ở trong Ba-ra-đi ngoài thân thể. Chính điều đó cũng xảy ra khi một tín hữu chết. Thân thể người ấy mục nát và tan rữa, trong khi tâm linh – linh hồn đi vào Ba-ra-đi. Đó là một bằng chứng rõ ràng rằng có một sự hiện hữu có ý thức ngoài thân thể, hay không có thân thể.

Trong Khải Huyền 2:7, Ba-ra-đi được nhắc đến lần thứ ba:

> *"Ai có tai, hãy nghe điều Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh! Kẻ nào thắng, Ta sẽ cho ăn trái của cây sự sống ở trong Ba-ra-đi của Đức Chúa Trời."*

Ở đây cũng nói đến Ba-ra-đi trên trời. Sự mô tả này nối kết với sự mô tả về khu vườn tại Ê-đen. Vì ở đây cũng nói đến cây sự sống. Xưa kia cây ấy đứng giữa vườn (Sáng Thế Ký 2:9), cũng như từ khi thăng thiên, Đấng Christ, là Người đã được vinh hiển, là trung tâm của Ba-ra-đi trên trời. Trong cây sự sống, Đấng Christ được nhìn thấy là nguồn sự sống thật (Giăng 14:6; Công Vụ Các Sứ Đồ 3:15).

Những người thắng được hứa rằng họ sẽ ăn trái cây sự sống ở trong Ba-ra-đi của Đức Chúa Trời. Lời hứa này, về nguyên tắc dành cho mọi tín hữu, không giới hạn vào thời gian sau khi chết cho đến sự sống lại, mà sẽ là phước hạnh của các tín hữu cho đến đời đời. Vì thế chúng ta cũng còn thấy cây sự sống trong cuộc sáng tạo mới (Khải Huyền 22:2, 14, 19).

---

63. Ê-phê-sô 1:3; 2:6; Cô-lô-se 3:1-4; Phi-líp 3:20.

Ở đây nữa, từ "Ba-ra-đi" không giới hạn vào một trạng thái trung gian có hạn về thời gian, và vào nơi ở của các linh hồn đã ra đi. Ở đây, đó là Ba-ra-đi của vương quốc hòa bình và của cuộc sáng tạo mới, nơi các dân tộc và các thánh đồ đã sống lại sẽ được hưởng cây sự sống.

Từ sự xem xét này, chúng ta kết luận rằng Ba-ra-đi trên trời là nơi (và luôn luôn đã là nơi) Đức Chúa Trời, là Cha, ngự. Chúa đã đi đến cùng Cha khi Ngài trên thập tự giá giao tâm linh Ngài vào tay Cha. Nơi gần gũi trực tiếp với Đức Chúa Trời này đầy dẫy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, là sự vinh hiển giờ đây được chiêm ngưỡng trong Đấng Christ. Các thánh đồ của mọi thời đại đi đến đó khi họ ngủ. Họ về nhà, vì thiên đàng là quê hương của họ (2 Cô-rinh-tô 5:8; Phi-líp 3:20). Họ (tức là tâm linh – linh hồn của họ) ở lại đó cho đến ngày sống lại. Ở đó họ được nghỉ ngơi khỏi công lao mình (Khải Huyền 14:13) trong sự hiện diện của Đấng Cứu Chuộc họ (Phi-líp 1:23).

2.3.4 Có thể giải thích Lu-ca 23:43 cách khác không?

Nếu người ta cho rằng không có sự sống sau khi chết, thì dĩ nhiên Ba-ra-đi (thiên đàng) không thể là nơi của các linh hồn đã ra đi. Vì vậy người ta cố lập luận rằng Ba-ra-đi ở đây là vương quốc tương lai. Nhưng truyền thống Do Thái (xem ở trên) bác bỏ ý nghĩ này. Điều đó được thấy rõ không kém qua lời Chúa trên thập tự giá: "Hôm nay [không phải trong tương lai] ngươi sẽ được ở với Ta trong nơi Ba-ra-đi." Chúa nói "hôm nay" vì chính trong ngày Ngài chết, Ngài đi vào Ba-ra-đi.

Chữ "hôm nay" là một trở ngại cho quan điểm cho rằng vương quốc và Ba-ra-đi là một, vì vương quốc trong quyền năng cho đến nay vẫn chưa có. Người ta đã cố giải quyết trở ngại này bằng cách đặt dấu phẩy, hay dấu hai chấm, không phải trước chữ "hôm nay", mà sau chữ "hôm nay". Khi ấy, "hôm nay" không còn chỉ về thời điểm đi vào Ba-ra-đi nữa, mà chỉ về thời điểm Chúa Giê-xu nói lời ấy.

Về nguyên tắc cần lưu ý rằng các trước giả Tân Ước không biết đến dấu chấm câu. Các dấu câu và việc tách chữ chỉ được thêm vào về sau, vào khoảng thế kỷ 4 SCN. Tuy nhiên, chỉ có một bản chép tay duy nhất(!) dùng dấu câu để gắn chữ "hôm nay" với thời điểm nói lời ấy,[64] chứ không gắn với

64. Bản chép tay tiếng Syriac, bản Syriac Cureton, thế kỷ 5.

việc đi vào Ba-ra-đi.[65] Điều đó cũng hoàn toàn trái với cách dùng chữ của Lu-ca, như các chỗ Lu-ca 2:11; 4:21; 19:5, 9; 22:34 cho thấy.

Điều đó cũng đúng với Gia-cơ 4:13 và Hê-bơ-rơ 3:7. Trong những câu này, chúng ta thấy một cấu trúc câu tương tự. Ở đây cũng vậy, chữ "hôm nay" không đứng đó để chỉ thời điểm của lời nói, mà để nhấn mạnh thời điểm của sự việc. Ý nghĩa của chữ "hôm nay" thật rõ ràng. Hơn nữa, trong Lu-ca, đó sẽ là một sự lặp lại thừa, vì những chữ "Ta nói cùng ngươi" vốn đã ở thì hiện tại. Chẳng lẽ tên trộm không rõ khi nào mình nghe lời Chúa sao? Không.

Trong câu trả lời của Ngài, Chúa Giê-xu đáp ứng nhu cầu thật sự của tên trộm. Nhu cầu ấy là: điều gì sẽ xảy đến cho hắn trong ngày hắn chết, trong cái "hôm nay" của thập tự giá. Hắn sẽ đi đâu ở bên kia sự chết? Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi cốt yếu và quyết định trong những giây phút ấy, dù chính tên trộm đã không hỏi điều đó. Như vậy, trong những giờ phút lâm chung, sự trông đợi và niềm hy vọng của tên trộm đã được thành tựu còn hơn cả mong đợi. Nó được vượt xa, vì ngay sau khi chết, hắn được theo Đấng Christ vào Ba-ra-đi trên trời.

Qua đó, chúng ta được ban cho một lời an ủi thiên thượng, đó là điều tên trộm đã nhận được cũng áp dụng cho chúng ta. Tình trạng của chúng ta đã y như tình trạng của tên trộm. Chúng ta đã không có hy vọng, và vì tội lỗi đã mắc, chúng ta bị phó cho bản án tử hình. Nhưng ân điển của Ngài đã xóa bỏ bản án ấy, vì Ngài đã chết trên thập tự giá. Và vì thế, nếu chúng ta chết trước khi Ngài đến, chúng ta cũng được đi vào Ba-ra-đi. Có lẽ chúng ta sẽ không được miễn khỏi sự chết, cũng như tên trộm đã không được miễn. Nhưng sự chết đưa chúng ta đến với Chúa của chúng ta.

Sau khi chính con người đã đánh mất lối vào Ba-ra-đi vì sự không vâng lời của mình, thì chính Đấng Christ, bởi ân điển Ngài, mở đường cho chúng ta vào Ba-ra-đi, không phải chỉ đến khi có cuộc sáng tạo mới, mà ngay khi chúng ta chết.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- "Ba-ra-đi" có nghĩa là gì

65. Câu này cũng đã bị thay đổi hay thêm thắt khi được sao chép. Qua một số bản chép tay, người ta có thể nhận ra rằng những phần câu như "Vậy hãy vững lòng", "vườn Ê-đen" thay cho "Ba-ra-đi", "Ngươi có thật tin không", đã được thêm vào về sau. Xem Bruce Metzger, *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, London (United Bible Societies), 1975, tr. 181, 182.

- trong Cựu Ước?
- nơi Chúa Giê-xu Christ trong Lu-ca 23?
- nơi Phao-lô trong 2 Cô-rinh-tô 12?
- Ai đang ở đó?
- Ba-ra-đi có ý nghĩa gì đối với con người nói chung?

2.4 Vinh hiển đời đời – hy vọng khi đối diện sự chết

Có lẽ đoạn văn trong thư thứ hai của Phao-lô gửi người Cô-rinh-tô là đoạn chi tiết nhất và soi sáng nhất về đề tài của chúng ta mà chúng ta tìm thấy trong các thư tín Tân Ước. Việc thường xuyên đối diện với sự chết qua những sự khổ vì có Đấng Christ đã khiến sứ đồ Phao-lô viết về sự chết, về sự sống lại và về khoảng thời gian ở giữa. Những câu này chứa đựng một sự an ủi thiên thượng lớn lao (2 Cô-rinh-tô 1:3; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:16), mà thế gian không biết đến (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13).

Thật ra người ta có thể nghĩ rằng người Cô-rinh-tô đã được dạy dỗ chi tiết về đề tài này trong 1 Cô-rinh-tô 15. Ở đó vấn đề là chống lại một tà giáo chối bỏ sự sống lại (câu 12). Điều đó khiến Phao-lô viết những điều căn bản về sự sống lại. Còn ở đây, vấn đề là niềm hy vọng này có tác dụng thế nào trong cảnh khó khăn của đời sống hằng ngày, nó có thể mang lại sự khích lệ, sự an ủi và lòng tin chắc nào. Vì mạch văn, chúng tôi trích đoạn văn từ 2 Cô-rinh-tô 4:16 đến 5:10:

> *"Vì vậy chúng ta không mỏi mệt, nhưng dù người bề ngoài của chúng ta bị hao mòn, thì người bề trong của chúng ta cứ đổi mới ngày này qua ngày khác. Vì sự hoạn nạn nhẹ nhàng, qua mau của chúng ta đem lại cho chúng ta một sức nặng vinh hiển đời đời vượt quá mọi mức độ, vì chúng ta không chăm xem những điều thấy được, nhưng những điều không thấy được; vì những điều thấy được chỉ là tạm thời, còn những điều không thấy được là đời đời.*
>
> *Vì chúng ta biết rằng nếu nhà dưới đất của chúng ta, là cái lều [hoặc: nhà tạm], bị đổ nát, thì chúng ta có một nhà ở từ Đức Chúa Trời, một ngôi nhà không phải do tay người làm ra, là nhà đời đời ở trên các từng trời. Vì thật trong lều này chúng ta than thở và khao khát được mặc thêm nhà ở của chúng ta, là nhà từ trời đến: miễn là khi đã được mặc lấy, chúng ta không bị thấy là trần truồng. Vì thật chúng ta, là những người đang ở trong lều này, than thở và nặng nề, vì chúng ta không muốn bị lột trần, nhưng muốn được mặc thêm,*

để điều hay chết bị sự sống nuốt mất. Đấng đã sửa soạn chúng ta cho chính điều ấy là Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho chúng ta của tin của Thánh Linh. Vậy chúng ta luôn luôn vững lòng và biết rằng bao lâu chúng ta ở nhà trong thân thể, thì chúng ta xa nhà khỏi Chúa (vì chúng ta bước đi bởi đức tin, chứ không phải bởi mắt thấy); nhưng chúng ta vững lòng, và thà xa nhà khỏi thân thể mà ở nhà với Chúa thì hơn. Vì thế, dù ở nhà hay xa nhà, chúng ta cũng gắng sức để đẹp lòng Ngài. Vì tất cả chúng ta đều phải hiện ra trước tòa án của Đấng Christ, để mỗi người nhận lãnh điều mình đã làm trong thân thể, tùy theo điều mình đã làm, hoặc thiện hoặc ác".

Trong lời Kinh Thánh này, những điều tạm thời, chóng qua và những điều đời đời, thuộc về trời được đặt đối chiếu với nhau. Trên cán cân của đức tin, sự hoạn nạn chẳng nặng gì khi so với sức nặng của vinh hiển đời đời. Bởi đức tin, ngay bây giờ chúng ta đã hướng mắt về sự vinh hiển tương lai mà chúng ta được kêu gọi đến (1 Phi-e-rơ 5:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12), phải, là điều ngay bây giờ đã là gia tài của đức tin chúng ta. Đức Thánh Linh luôn luôn muốn giữ cho niềm hy vọng về sự vinh hiển được sống động trong lòng chúng ta (Cô-lô-se 1:27; Tít 2:13; 1 Phi-e-rơ 4:14). Điều đó thật cần thiết, vì chúng ta có khuynh hướng hướng đời sống mình theo những điều thấy được và để chúng chi phối (4:18).

Phao-lô viết về vinh hiển đời đời khi ông nghĩ đến những sự khổ do chức vụ không mỏi mệt của ông vì Đấng Christ gây ra. Biết bao lần ông đã đối mặt với sự chết (2 Cô-rinh-tô 4:7-15; 11:23-28)! Có khả năng ông sẽ chịu chết vì cớ Đấng Christ. Phao-lô dường như không còn loại trừ việc ông sẽ chết trước sự trở lại của Đấng Christ.

Đoạn văn này nói về việc chết, về trạng thái sau khi chết cho đến sự sống lại, và về sự sống lại và sự biến hóa của thân thể hay chết. Để giải thích điều này cách sinh động, Phao-lô dùng ba hình ảnh lấy từ đời sống hằng ngày. Đó là những hình ảnh đem những điều tương lai đến gần chúng ta hơn. Không ai trong các trước giả Tân Ước có thể mô tả trạng thái trung gian này, hay thân thể sống lại trong vinh hiển, sao cho chúng ta có thể hiểu được.[66] Không, đối với chúng ta vẫn còn một sự hồi hộp lớn lao, đầy trông đợi, xem một ngày kia điều ấy sẽ vinh hiển biết bao.

66. Dù Phao-lô đã được đem lên Ba-ra-đi, ông cũng không thể thuật lại điều mình đã nghe, đã thấy và đã trải qua ở đó.

Phao-lô dùng những hình ảnh sau đây trong 10 câu đầu của chương 5:

- Nhà tạm dưới đất
- Việc được mặc lấy
- Chuyến đi và quê hương

Trước khi xem xét kỹ hơn hình ảnh thứ nhất, chúng ta hãy xem 2 Cô-rinh-tô 4:16, nơi chúng ta tìm thấy một chìa khóa để hiểu những hình ảnh này.

> *"Vì vậy chúng ta không mỏi mệt, nhưng dù người bề ngoài của chúng ta bị hao mòn, thì người bề trong của chúng ta cứ đổi mới ngày này qua ngày khác."*

Ở đây có nêu ra hai khái niệm cốt yếu, có ý nghĩa đối với sự hiện hữu của con người sau khi chết: người bề ngoài và người bề trong.

2.4.1 Người bề ngoài

Người bề ngoài là con người chóng qua, hay chết, mà quá trình suy tàn diễn ra trước mắt chúng ta. Trong chương 4 và 5, người bề ngoài còn được mô tả bằng những cách nói sau:

- chậu bằng đất (4:7)
- thân thể (4:10)
- xác thịt hay chết (4:11)
- nhà tạm dưới đất (5:1)
- điều hay chết (5:4)

"Người bề ngoài" là phần của một con người mà thế gian thấy được từ bên ngoài. Trong sự hiện hữu trên đất, nó bị hao mòn và kiệt quệ bởi mọi điều đổ dồn vào nó và tấn công nó. Nơi Phao-lô, điều đó xảy ra đặc biệt qua sự bắt bớ vì có Đấng Christ, và qua sự tận tụy không mỏi mệt của ông cho Nước Đức Chúa Trời và cho Hội Thánh của Đức Chúa Trời (2 Cô-rinh-tô 4:7-12; 11:23-28).

Người bề ngoài như bao bọc người bề trong, và vì thế chúng ta cũng nói đến cái vỏ hay chết. Thế nhưng ở đây, việc phân tách linh hồn và thân thể, phần vật chất và phần tinh thần, không đơn giản. Người bề ngoài bao gồm mọi điều tạo nên sự hiện hữu trên đất của chúng ta trong một thân thể hay

chết. Các chức năng tâm lý và trí óc, cũng như cảm xúc, gắn liền với người bề ngoài đến nỗi sự thất vọng, sự chán nản và sự kiệt sức bắt nguồn từ đó.

Người bề ngoài phải chịu sự chóng qua và sự tạm thời. Cuối cùng, sự chết sẽ đập vỡ cái chậu dễ vỡ ấy. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã khiến Chúa Giê-xu từ cõi chết sống lại, cũng sẽ ráp lại cái chậu đã vỡ của thân thể, vốn như đã vỡ thành từng mảnh, trong sự sống lại, và trình bày nó cách trọn vẹn (2 Cô-rinh-tô 4:14).

2.4.2 Người bề trong

Nhưng một con người không chỉ gồm người bề ngoài, mà còn gồm người bề trong. Người bề trong chỉ về phương diện hướng vào trong, phi vật chất và không thấy được của con người. Trong 2 Cô-rinh-tô 4:16–5:10 là nói về các tín hữu,[67] vì chỉ họ mới kinh nghiệm sự đổi mới hằng ngày. Người bề trong không có giới hạn tuổi tác; nó được Đức Thánh Linh không ngừng đổi mới. Người bề trong có thể chăm xem những điều đời đời và nắm lấy chúng bằng đức tin. Đức Chúa Trời làm tươi mới người bề trong, vậy nên nó có một nguồn sức mạnh kín giấu.

Phi-e-rơ nói về "người bề trong giấu ở trong lòng" (1 Phi-e-rơ 3:4). Từ tấm lòng phát ra tâm linh dịu dàng và bình lặng, là điều không hư nát (siêu thời gian!, tức là luôn luôn tồn tại, kể cả bên kia sự chết).

Chúa Giê-xu phán: "Vì từ *bên trong*, từ lòng người mà ra những ý tưởng xấu … mọi điều ác ấy đều từ *bên trong* mà ra và làm ô uế con người" (Mác 7:21-23; so sánh Ma-thi-ơ 7:15; Lu-ca 11:39-40).

Người bề trong sống bởi Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời. Nó vui thích luật pháp của Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:22). Tín hữu được Thánh Linh của Đức Chúa Trời làm cho mạnh mẽ trong người bề trong, để Đấng Christ có thể ngự trong lòng người ấy bởi đức tin (Ê-phê-sô 3:16-17).

Từ tất cả những điều đó suy ra rằng điều Phao-lô nói trong câu 18 cũng áp dụng cho người bề trong: "vì những điều thấy được chỉ là tạm thời, còn những điều không thấy được là đời đời." Người bề trong sẽ sống đời đời.[68] Nó không phải chịu sự chết của thân thể.

---

67. Người không tin cũng có một người bề trong, nhưng theo một nghĩa khác, đó là tâm linh – linh hồn.
68. Người bề trong là một tên gọi khác cho cuộc sáng tạo mới, hay người mới. Sự sống đời đời mà tín hữu nhận lãnh cũng có liên hệ chặt chẽ với điều đó.

Tại sao tôi gọi các khái niệm "người bề ngoài" và "người bề trong" là những khái niệm then chốt?

Trong những hình ảnh tiếp theo, chúng ta thấy một sự tương ứng: Nhà tạm và việc được mặc lấy tương ứng với người bề ngoài. Người bề trong ở nhà trong thân thể này, và cư ngụ trong đó. Nó ở trong một nhà tạm, được mặc lấy, và có thể xa nhà khỏi thân thể.

2.4.3 Nhà tạm dưới đất

> *"Vì chúng ta biết rằng nếu nhà dưới đất của chúng ta, là cái lều, bị đổ nát, thì chúng ta có một nhà ở từ Đức Chúa Trời, một ngôi nhà không phải do tay người làm ra, là nhà đời đời ở trên các từng trời" (2 Cô-rinh-tô 5:1, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ở đây hình ảnh thứ nhất được trình bày: Sự hiện hữu trên đất của chúng ta trong thân thể con người, tức là hình thức tạm thời, thuộc đất của thân thể, được so sánh với một nhà tạm, trái với hình thức đời đời, thuộc trời của nó, là nhà ở từ Đức Chúa Trời. Phao-lô, người may lều (Công Vụ Các Sứ Đồ 18:3), nói từ kinh nghiệm đời sống. Nhà tạm thuộc về đất, vì con người được nắn nên từ đất (Sáng Thế Ký 2:7) và có chỗ ở trong cõi thuộc đất (1 Cô-rinh-tô 15:48). Nhà tạm nhắc đến sự không bền vững của đời sống, đến cuộc lữ hành, và cũng đến việc ở ngắn ngủi tại một nơi. Một ngày kia con người sẽ phải rời bỏ trái đất. Ngoài ra, cái lều cũng nói về chỗ trú và nơi ở. Người ta ở trong đó, như chúng ta ở trong thân thể mình.[69]

Khi nhà tạm dưới đất này, tức là sự hiện hữu trên đất của chúng ta trong thân thể, bị sự chết làm đổ nát, thì *ngay* sau đó chúng ta có một nhà ở từ Đức Chúa Trời. Đó là một sự an ủi lớn, vì khi ấy sự chết là bước chuyển trực tiếp sang một hình thức hiện hữu thuộc trời, không phải do tay người làm ra. Vậy nó không thể so sánh với sự hiện hữu trên đất của chúng ta trong thân thể hay chết. Như vậy, nhà ở từ Đức Chúa Trời này trước hết mô tả trạng thái của chúng ta sau khi chết, mà sứ đồ mô tả trong câu 8 bằng cách nói "ở nhà [ở quê nhà] với Chúa".

Người ta cũng có thể bị sự chết "lột trần" khỏi nhà tạm này (câu 4). Ba hình ảnh Phao-lô dùng chuyển tiếp vào nhau, đến nỗi trong câu 2, nhà ở

69. Ê-sai 38:12; Mác 14:58; Giăng 2:19-22.

đồng thời cũng là y phục. Vậy người ta cũng có thể "dọn ra" khỏi nhà tạm này và đã rời bỏ nó (câu 8). Ở đây có ngụ ý rằng con người có thể ở (cư ngụ) trong thân thể (nhà tạm), nhưng cũng có thể rời bỏ nó (dọn ra khỏi đó) để ở một nơi khác.

Chúng ta tìm thấy cùng ý nghĩ ấy nơi sứ đồ Phi-e-rơ trong 2 Phi-e-rơ 1:13-14. Chẳng bao lâu nữa ông sẽ chết như một người tử đạo và từ biệt trái đất (câu 15), để được ở nhà, bên Chúa của mình. Ông dùng chữ "sự ra đi" (tiếng Hy Lạp *exodus*) cho cái chết của mình. Đó là việc dọn ra khỏi nhà tạm dưới đất. Rõ ràng sự hiện hữu của Phi-e-rơ đã không chấm dứt. Ông đi đến một nơi khác bên kia sự chết – đến cùng Chúa của mình. Ông đã đổi nhà tạm mong manh lấy nhà ở không thể phá hủy của Đức Chúa Trời.

Về hình thức hiện hữu này, chúng ta chỉ biết rằng nó là đời đời và thuộc về trời. Nhưng từ hai đặc điểm ấy, người ta có thể kết luận rằng phước hạnh và niềm vui của chúng ta đã lớn lao ngay trước sự sống lại. Thế nhưng đó vẫn là một trạng thái trung gian, chứ không phải là trạng thái cuối cùng. Thân thể đã tan rữa và vẫn còn ở dưới quyền lực của sự chết. Dường như sự chết có lời sau cùng. Nếu thật như vậy, Đức Chúa Trời không thể đạt đến sự vinh hiển trọn vẹn của Ngài. Nhưng Đức Chúa Trời sẽ đạt đến mục đích cuối cùng của Ngài, vì Ngài là Đấng chiến thắng sự chết. Điều đó đã được chứng minh qua sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Vì vậy trong sự sống lại của các tín hữu, Đức Chúa Trời sẽ phục hồi sự hợp nhất của con người, gồm tâm linh, linh hồn và thân thể. Như thế, "nhà ở từ Đức Chúa Trời" cũng bao gồm thân thể sống lại của chúng ta, là phần đời đời của chúng ta.

Nhà ở này mang ý nghĩa ấy trong các câu 2 và 4 tiếp theo. Đức Chúa Trời ban cho (xây cho) tín hữu một ngôi nhà đời đời, trái với một cái lều mong manh. Đó là thân thể vinh hiển mà Đấng Christ hiện có (Phi-líp 3:21; 1 Giăng 3:2). Ngôi nhà này thuộc về trời, vì đó là một thân thể thuộc trời (1 Cô-rinh-tô 15:48-49), có mục đích và quê hương ở đó. Sự chết không còn có thể chạm đến nó, càng không thể phá hủy nó, vì đó là một ngôi nhà đời đời, không phải do tay (loài người) làm ra, mà do Đức Chúa Trời làm nên.

2.4.4 Việc được mặc lấy

"Vì thật trong lều này chúng ta than thở và khao khát được mặc thêm nhà ở của chúng ta, là nhà từ trời đến" (2 Cô-rinh-tô 5:2, dịch theo bản Kinh Thánh

tiếng Đức Elberfelder).

Thân thể dưới đất của chúng ta chịu khổ vì hậu quả của tội lỗi. Mỗi ngày chúng ta than thở vì những đau yếu, khó khăn và hạn chế đã vào thế gian bởi tội lỗi. Vì vậy chúng ta khao khát giây phút được nhận một thân thể mới, không còn dính dáng gì đến tội lỗi và hậu quả của nó. Nhà ở này đã sẵn sàng cho chúng ta. Khi điều đó xảy ra, chúng ta sẽ được "mặc thêm". (Ở đây hình ảnh thứ nhất về nhà ở chuyển sang hình ảnh thứ hai về y phục.) Trong giây phút ấy, có một sự thay đổi y phục. Chiếc áo cũ, là điều hay chết (câu 4), bị cởi bỏ mãi mãi, vì nó phải nhường chỗ cho chiếc áo mới của sự sống. Trong 1 Cô-rinh-tô 15:51-54, giây phút này được gọi là "sự biến hóa".

Chúng ta, những người đang sống, sẽ được biến hóa khi Chúa Giê-xu Christ trở lại để đem con cái Đức Chúa Trời về quê hương trên trời, vào nhà Cha (Giăng 14:3). Câu này chỉ nói về những tín hữu còn sống vào giây phút ấy, vì các tín hữu đã ngủ không được "mặc thêm", mà được "mặc lấy" khi họ nhận thân thể sống lại: "Vì điều hay hư nát này phải mặc lấy sự không hề hư nát, và điều hay chết này phải mặc lấy sự bất tử" (1 Cô-rinh-tô 15:53).

Những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại, và những người đang sống sẽ được biến hóa. Khi ấy, tất cả sẽ giống như Con Đức Chúa Trời và có thân thể sống lại thuộc trời, để ở mãi mãi trong nhà Cha trên trời.[70]

Trong 2 Cô-rinh-tô 5:3, Phao-lô đưa ra một lời cảnh báo nghiêm túc về sự trần truồng:

" … miễn là khi đã được mặc lấy, chúng ta không bị thấy là trần truồng."

Trong mệnh đề xen này, Phao-lô xác định rằng dù được mặc lấy, vẫn có khả năng bị trần truồng. Điều đó có vẻ mâu thuẫn, vì người đã được mặc áo thì không thể đồng thời trần truồng. Bị thấy là trần truồng có nghĩa là gì? Cách nói này mang ý nghĩa pháp lý: ra trình diện trước một tòa án và được nhận biết trong tình trạng của mình – có tội hay vô tội. Trong câu này, phán quyết "bị thấy là trần truồng" chỉ về tình trạng thuộc linh của tấm lòng.

Chúng ta tìm thấy một minh họa thích hợp cho điều này nơi A-đam. Sau khi ông phạm tội, Đức Chúa Trời gọi ông ra khỏi chỗ ẩn núp. Ông đã ẩn mình vì nhận ra mình trần truồng (Sáng Thế Ký 3:7, 10, 11). Để che sự lõa lồ

70. Giăng 14:1-3; 17:24; 1 Cô-rinh-tô 15:51-55; Phi-líp 3:20-21; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18; Giu-đe 21.

của mình, ông đã kết một cái khố bằng lá cây vả. Nhưng chiếc áo ấy không đứng vững được trước mặt Đức Chúa Trời. Lá cây không thể che sự lõa lồ của ông. Trước mặt Đức Chúa Trời, dù có mặc áo, ông vẫn trần truồng.

Rồi chính Đức Chúa Trời làm cho con người những chiếc áo bằng da thú (Sáng Thế Ký 3:21). Những con thú ấy phải chết. Điều đó nói theo hình bóng về sự chết và huyết đã đổ ra của Đấng Christ, nhờ đó người có tội được cứu, khi người ấy được mặc "áo cứu rỗi".[71]

Tín hữu được mặc lấy sự công chính của Đấng Christ và được bao bọc trong đó. Trái lại, những người không tin thì trần truồng về phương diện thuộc linh, và một ngày kia sẽ đứng trước mặt Đức Chúa Trời trong tình trạng ấy, như A-đam (Khải Huyền 20:11-15). Ở đó, họ sẽ bị phơi bày và lột trần trong tội lỗi mình, vì họ không có "áo choàng công chính". Vì vậy họ bị hư mất và đi vào khổ hình đời đời.

Mệnh đề xen ngắn này là một lời cảnh báo nghiêm túc cho mọi người bề ngoài có vẻ là Cơ Đốc nhân và chỉ khoác lấy một hình thức bên ngoài của đời sống Cơ Đốc. Khi Chúa đến, sẽ lộ ra rằng họ đã không mặc áo cứu rỗi, là điều duy nhất đứng vững được trước mặt Đức Chúa Trời. Ngày ấy sẽ đến với họ trước ngai Đức Chúa Trời, khi mọi sự đều sẽ bày tỏ ra. Khi ấy không còn vẻ bề ngoài và không còn sự che đậy nữa; mọi sự đều trần trụi và lộ ra trước mắt Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 4:13).

Đoạn văn tiếp tục với những lời này:

> *"Vì thật chúng ta, là những người đang ở trong lều này, than thở và nặng nề, vì chúng ta không muốn bị lột trần, nhưng muốn được mặc thêm, để điều hay chết bị sự sống nuốt mất" (2 Cô-rinh-tô 5:4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

"Bị lột trần" là việc nhà tạm dưới đất bị sự chết dỡ bỏ (câu 1). Dù nhờ sự sống lại của Đấng Christ, sự chết đã trở thành đầy tớ của chúng ta (1 Cô-rinh-tô 3:22-23) để đưa chúng ta đến cùng Đấng Christ trong Ba-ra-đi (thiên đàng), Phao-lô vẫn không muốn bị lột trần (chết), nhưng muốn được mặc thêm (được biến hóa), để đổi thân thể hay chết lấy thân thể đời đời và thuộc trời.

---

71. Ê-sai 61:10; Lu-ca 15:22; Ga-la-ti 3:27; Khải Huyền 3:17-18.

Ngay cả trên giường bệnh lúc lâm chung, con cái Đức Chúa Trời vẫn còn trông đợi sự đến của Đấng Christ trong giờ phút họ qua đời. Các tín hữu không chờ đợi sự chết.[72] Niềm hy vọng của họ là trông đợi Chúa Giê-xu Christ từ trời đến (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10), để khi ấy được biến hóa. Vì vậy Phao-lô thà được thấy sự đến của Đấng Christ trước khi ông chết.

> *"Đấng đã sửa soạn chúng ta cho chính điều ấy là Đức Chúa Trời, Đấng đã ban cho chúng ta của tin của Thánh Linh" (2 Cô-rinh-tô 5:5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Việc nhìn về tương lai và sự trông đợi gắn liền với nó không phải là một chuyện bấp bênh đối với chúng ta. Đức Chúa Trời đến gặp chúng ta trong sự yếu đuối của chúng ta, và ban cho chúng ta, là những người có thể bị nghi ngờ tấn công, một sự bảo đảm và một sự bảo lãnh. Ngài tự ràng buộc mình phải thực hiện lời hứa của Ngài. Ngài đã ban cho chúng ta Đức Thánh Linh làm của tin (hay tiền đặt cọc) (2 Cô-rinh-tô 1:22; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:8).

Nếu Đức Chúa Trời không biến hóa chúng ta hay không khiến chúng ta sống lại, thì Ngài sẽ mất của tin, là Đức Thánh Linh! Đó chính là điều lời này muốn nói! Thánh Linh sẽ ở với chúng ta đời đời (Giăng 14:16); ngay cả sau khi chết, Ngài vẫn ngự trong chúng ta (Rô-ma 8:2, 11). Lẽ thật này rõ ràng ủng hộ sự sống sau khi chết.

Thân thể của các tín hữu là đền thờ của Thánh Linh Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 6:19; 1 Giăng 4:13) và cũng sẽ là như vậy đời đời. Đức Thánh Linh không từ bỏ thân thể của các thánh đồ, là nơi Ngài đã ngự (Rô-ma 8:11). Chính Ngài sẽ dự phần vào công việc của Đức Chúa Trời trong sự sống lại và sự biến hóa của những thân thể hay chết.

2.4.5 Chuyến đi và quê hương

> *"Vậy chúng ta luôn luôn vững lòng và biết rằng bao lâu chúng ta ở nhà trong thân thể, thì chúng ta xa nhà khỏi Chúa" (2 Cô-rinh-tô 5:6, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

72. Mặt khác, các câu tiếp theo cho thấy rằng bên cạnh niềm hy vọng về sự đến của Đấng Christ, còn có lòng tin chắc rằng sau khi chết sẽ được ở với Chúa. Bên cạnh niềm hy vọng về sự đến của Đấng Christ, đây cũng là một sự an ủi lớn lao không kém.

Việc có của tin khiến chúng ta luôn luôn vững lòng, vì đó là sự bảo đảm rằng mọi điều hay chết nơi chúng ta chẳng bao lâu nữa sẽ bị sự sống nuốt mất.

Ở đây hình ảnh thứ ba được đưa vào: việc ở nơi đất khách và việc ở nơi quê hương. Chúng ta biết rằng bao lâu chúng ta ở trong thân thể, chúng ta không ở với Chúa, là nơi chúng ta thật sự thuộc về. Vì vậy việc chúng ta ở nơi đất khách chỉ có thể kéo dài trong một thời gian có hạn. Chữ "ở nhà" ở đây có nghĩa là cư ngụ trong thân thể, hay có quê hương mình trong thân thể. Còn xa nhà khỏi Chúa có nghĩa là chúng ta ở nơi đất khách, tức là trong thế gian, nơi chúng ta là khách lạ và người lữ hành (1 Phi-e-rơ 2:11).

Sự xác định này soi sáng cho trạng thái sau khi chết. Sự tương phản này có nghĩa là chỉ có hai trạng thái, hay hai nơi ở này. Ở đây không có giai đoạn trung gian nào được nêu ra giữa hai trạng thái ấy. Có người cho rằng giai đoạn này không được trải qua cách có ý thức, và vì vậy về mặt chủ quan (tức là trong cảm nghiệm của chính mình) thì không có. Nhưng từ những câu này thấy rõ rằng một trạng thái trung gian vô thức, dù nó trông như thế nào đi nữa, về mặt khách quan là không có. Vả lại, làm sao người ta có thể khao khát một trạng thái như thế?

Tín hữu hoặc ở trong thân thể, hoặc ở với Chúa; *không có khả năng nào khác*. Chính đó là lý do chúng ta có thể vững lòng.

> *"(vì chúng ta bước đi bởi đức tin, chứ không phải bởi mắt thấy)" (2 Cô-rinh-tô 5:7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder)*

Vì đây là những điều không thấy được và vì thế là đời đời, nên lẽ thật này (câu 6) chỉ có thể được nhận biết và thấu hiểu bằng đức tin (Hê-bơ-rơ 11:1). Quê hương trên trời chỉ có thể được nắm bắt bằng đức tin (Hê-bơ-rơ 11:13-15). Vì vậy câu này cho chúng ta thấy một nguyên tắc vô cùng quan trọng cho đời sống chúng ta là Cơ Đốc nhân, là những khách lạ đang trên đường về quê hương. Niềm hy vọng của chúng ta là một vấn đề của đức tin: "Vì chúng ta được cứu trong sự trông cậy. Nhưng sự trông cậy mà đã thấy được thì không phải là sự trông cậy; vì điều người ta đã thấy, thì sao còn trông cậy nữa?" (Rô-ma 8:24).

Tín hữu không cần những lời kể về trải nghiệm cận tử và về những điều bệnh nhân đã trải qua lúc lâm chung. Các tín hữu chỉ nương cậy duy nhất

vào Lời đáng tin cậy của Đức Chúa Trời. Họ không cần để những lời kể ấy làm mình bối rối.

> *"nhưng chúng ta vững lòng, và thà xa nhà khỏi thân thể mà ở nhà với Chúa thì hơn" (2 Cô-rinh-tô 5:8, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Trong câu này, lời của câu 6 được đảo ngược. Phao-lô muốn xa nhà khỏi thân thể hơn nhiều, vì ông biết rằng khi ấy chúng ta lập tức ở nhà, tức là ở quê nhà với Chúa. Câu này là một câu then chốt để hiểu trạng thái sau khi chết.

Vậy khi người ta đã chết và không còn ở trong thân thể, thì người ta ở nhà với Chúa. Như vậy, thân thể và tâm linh – linh hồn bị phân rẽ. Nếu không, làm sao người ta có thể cùng lúc ở ngoài thân thể và ở nhà với Chúa?

"Xa nhà khỏi thân thể" đồng thời cũng là thân phận khách lạ, vì tâm linh – linh hồn, hay người bề trong, bị phân rẽ khỏi thân thể. Đó là một trạng thái chưa trọn vẹn, vốn ban đầu không được định như vậy. Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người trong một sự hợp nhất, như một nhân cách tâm linh – linh hồn – thân thể. Dù sự hợp nhất này không còn nữa vì sự chết, nó sẽ được phục hồi trong sự sống lại. Vì vậy "xa nhà khỏi thân thể" không áp dụng cho các tín hữu đã sống lại, vì họ có thân thể sống lại và vì thế không xa nhà khỏi thân thể. Trạng thái được mô tả ở đây chỉ áp dụng cho các tín hữu đã ngủ.

Khi phải chọn lựa, vào giây phút hiện tại, giữa đất khách và quê hương, tức là đến với Đấng Christ bằng con đường nhanh nhất có thể, thì Phao-lô thà chết để được ở với Đấng Christ (Phi-líp 1:23). Nếu Phao-lô có thể chọn cách mình sẽ được mặc lấy ngôi nhà đời đời, thì dĩ nhiên ông không muốn bị lột trần (chết), nhưng muốn được mặc thêm (được biến hóa) (câu 4).

> *"Vì thế, dù ở nhà hay xa nhà, chúng ta cũng gắng sức để đẹp lòng Ngài. Vì tất cả chúng ta đều phải hiện ra trước tòa án của Đấng Christ, để mỗi người nhận lãnh điều mình đã làm trong thân thể, tùy theo điều mình đã làm, hoặc thiện hoặc ác" (chương 5:9-10, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Dù có bao nhiêu khao khát về quê hương và bao nhiêu trông đợi sớm được ở đó, chúng ta không được quên một sự thật quan trọng. Trong cõi đời đời, chỉ điều chúng ta đã làm trong thân thể để đẹp lòng Chúa mới có giá trị. Điều này sẽ được bày tỏ ra trước tòa án của Đấng Christ. Mọi điều khác, là những điều không có giá trị gì đối với Ngài, sẽ không đứng vững được ở đó và

không được ban thưởng (1 Cô-rinh-tô 3:12-15). Trong những giây phút ấy, chính chúng ta sẽ nhìn toàn bộ đời mình bằng đôi mắt của Đấng Christ, và sẽ được đưa đến chỗ hoàn toàn đồng ý với sự phán đoán của Ngài về các việc làm của chúng ta. Ở đó không cần bàn đến vấn đề sự cứu chuộc nữa, vì vấn đề ấy đã được giải quyết từ lâu. Ở đây chỉ là sự đánh giá các việc làm của chúng ta.

Phao-lô nói rằng chúng ta phải gắng hết sức để sống cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, dù chúng ta ở nhà trong thân thể (câu 6) hay xa nhà khỏi Chúa (câu 8). Cả hai điều ấy chỉ áp dụng cho đời sống chúng ta trên đất. Ở đó chúng ta phải gắng sức làm điều lành để đẹp lòng Đức Chúa Trời. Sẽ đến lúc điều đó không còn có thể làm được dưới hình thức chỉ có một lần và có một không hai trong thân thể, như hiện nay trên đất, và cũng không thể làm bù lại được nữa.

2.4.6 Những cách giải thích khác

Không nên giấu độc giả rằng về đoạn văn này có những cách giải thích khác nhau, mà người ta cũng dùng để cố biện minh cho quan điểm đã bị bác bỏ trong cuốn sách này.

Nhà ở từ Đức Chúa Trời – chỉ là thân thể sống lại

Một cách giải thích rất phổ biến cho rằng nhà ở ấy chỉ duy nhất là thân thể sống lại, chứ không phải một trạng thái sau khi chết và trước sự sống lại. Theo đó, nhà tạm dưới đất chỉ được hiểu là thân thể. Khi thân thể bị sự chết làm đổ nát, Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng ta một thân thể mới, do chính Ngài nắn nên và không bao giờ còn bị phá hủy nữa. Ngoài ra, thân thể này thuộc về trời, vì chúng ta sẽ sống trên trời với thân thể ấy.

Về nguyên tắc tôi đồng ý với quan điểm này, nhưng trong những chữ "có một nhà ở từ Đức Chúa Trời", tôi vẫn thấy một sự sắp đặt của Đức Chúa Trời ngay cho giây phút chúng ta chết. Ngay sau khi nhà tạm bị dỡ bỏ, một ngôi nhà mới đã sẵn sàng. Đó chưa phải là thân thể sống lại, vì khi ấy sự sống lại chưa xảy ra. Đó là trạng thái sau khi chết cho đến sự sống lại, là một phần của nhà ở từ Đức Chúa Trời. Vì vậy, việc bao gồm trạng thái trung gian này ở đây cũng là điều hợp lý, vì Phao-lô nhắc trực tiếp đến nó trong câu 8, và trong cùng một mạch văn: Ở ngoài thân thể, tín hữu chỉ có thể ở với Chúa; không có nơi hay trạng thái nào khác. Vì vậy, vấn đề không phải là hai loại

thân thể, mà là hai loại đời sống, hai loại hiện hữu: hiện hữu trên đất và hiện hữu trên trời.

Nhà ở từ Đức Chúa Trời – một thân thể thuộc linh cho trạng thái trung gian

"Nhà ở từ Đức Chúa Trời" này có phải là một thân thể được dành sẵn cho trạng thái trung gian không? Ít nhất có hai lý do chống lại điều đó: Thứ nhất, nhà ở này được nói là đời đời. Nhưng trạng thái trung gian không phải là đời đời; nó chắc chắn sẽ chấm dứt với sự sống lại. Thứ hai, không nơi nào trong Kinh Thánh nói về trạng thái này mà chúng ta thấy mô tả một thân thể đặc biệt cho thời gian ấy. Trạng thái trung gian không cần một thân thể, vì trong thời gian ấy, tâm linh – linh hồn có thể được thấy như một người có thân thể trên đất (Khải Huyền 6:9-11). Kinh Thánh không cho chúng ta biết gì thêm về bản chất trong trạng thái trung gian.

Nhà ở từ Đức Chúa Trời – thiên đàng, nhà Cha

Một số nhà giải kinh hiểu "nhà ở từ Đức Chúa Trời" là nhà Cha (Giăng 14:2), là quê hương trên trời của chúng ta (Phi-líp 3:20). Nhưng "nhà ở từ Đức Chúa Trời" và "các từng trời" được phân biệt rõ ràng. Ở đây, các từng trời là nơi chúng ta sẽ ở; theo nghĩa đó người ta có thể nói về các từng trời như nói về nhà Cha. Nhưng "nhà ở" – và chính khái niệm này dẫn đến mối liên hệ với nhà Cha – mô tả hình thức hiện hữu thuộc trời riêng của mỗi tín hữu, cả giữa sự chết và sự sống lại lẫn trong thân thể sống lại. Với nhà ở từ Đức Chúa Trời này, chúng ta ở trên trời. Nói cách khác: Với nhà ở này, chúng ta ở trong nhà Cha.

"Bị thấy là trần truồng" – những linh hồn không có thân thể?

Sự trần truồng không mô tả trạng thái chết của thân thể như là linh hồn ở yên trong vô thức cho đến ngày sống lại. Theo câu 1, sau khi chết, các tín hữu có một nhà ở từ Đức Chúa Trời, và theo câu 8, họ ở nhà với Chúa. Dù có nhiều cách để giải thích mệnh đề xen này, cách hiểu cho rằng đó là một trạng thái trung gian không có thân thể bị loại trừ. Không thể nào cảm nhận trạng thái trung gian theo nghĩa của Phi-líp 1:23 hay 2 Cô-rinh-tô 5:8 như một sự trần truồng lạnh lẽo, ghê rợn.

Bị lột trần hay được mặc lấy?

Câu hỏi này đụng đến một vấn đề dịch thuật. Đa số các dịch giả chọn "được mặc lấy". Nếu thật sự là "bị lột trần", thì về nguyên tắc cũng không có gì thay đổi trong cách giải thích đã trình bày ở trên. Khi ấy, tín hữu sẽ bị lột

trần trong sự chết, tức là không có thân thể, nhưng vẫn không bị thấy là trần truồng. "Bị thấy là trần truồng" không chỉ về thân thể, không chỉ về nhà tạm, và cũng không chỉ về y phục. Đó là kết quả của sự xét xử của tòa án, và chỉ nhắm vào tình trạng thuộc linh của con người: Hoặc người ấy ở trong Đấng Christ, và khi ấy dù người ấy ở trong thân thể hay ngoài thân thể cũng không quan trọng; hoặc người ấy ở ngoài Đấng Christ, và khi ấy người ấy trần truồng mãi mãi, dù trong thân thể hay trong sự chết.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Sự khác biệt giữa người "bề ngoài" và người "bề trong" là gì?
- Sứ đồ Phao-lô dùng ba hình ảnh nào trong 2 Cô-rinh-tô 4-5?
- Chúng ta có thể rút ra lời cảnh báo nghiêm túc nào từ đoạn văn này?
- Điều gì có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lòng khao khát quê hương của chúng ta?

2.5 Sự chết là điều ích lợi

Sự chết là điều ích lợi! Lời này đảo ngược mọi điều sự chết có nghĩa đối với con người: Người ấy không còn cần phải sợ nó nữa. Sự chết là một kẻ thù lạnh lùng, dù trong nhiều cáo phó, sự chết, nhất là khi có bệnh tật, được trình bày như một sự giải thoát. Sự chết hoàn toàn không phải là điều ích lợi, nếu không có một Đấng đã chiến thắng sự chết. Sự chiến thắng của Ngài biến cả sự chết thành điều ích lợi.

Đó là sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời! Đức Chúa Trời có thể đảo ngược mọi sự và biến nó thành phước lành. Nơi nào tội lỗi đã gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật (Rô-ma 5:20)! Trong câu chuyện của Sam-sôn, chúng ta tìm thấy một hình bóng đẹp, khi ông giết con sư tử, rồi một đàn ong làm tổ trong xác nó và làm ra mật: "Từ kẻ ăn nuốt ra đồ ăn, từ kẻ mạnh ra vật ngọt" (Các Quan Xét 14:14). Sự chết giống như một con thú dữ cắn xé và ăn nuốt, nhưng từ con thú dữ đã bị giết lại ra mật, làm con người được bổ sức và tươi mới. Phao-lô biết Đấng chiến thắng sự chết:

> *"Vì đối với tôi, sống là Đấng Christ, và chết là điều ích lợi. Nhưng nếu sống trong xác thịt là phần của tôi – điều đó đáng công lao đối với tôi, và tôi không biết phải chọn điều gì. Tôi bị hai bề ép uổng, vì tôi muốn ra đi và ở với Đấng*

Christ, là điều tốt hơn bội phần; nhưng ở lại trong xác thịt thì cần hơn vì có anh em" (Phi-líp 1:21-24, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Những câu này thuộc về những lời rõ ràng nhất của Kinh Thánh về trạng thái sau khi chết.

Khi Phao-lô viết những lời này, ông đang ngồi tù (Phi-líp 1:13). Ông có còn sống mà rời khỏi ngục tối này một lần nữa không? Có thể người ta sẽ kết án tử hình ông. Từ hoàn cảnh ấy, ông viết ra vài suy nghĩ về điều ông cảm nhận khi đối diện sự chết, điều ông trông đợi và điều khiến lòng ông xúc động.

Cho đến giây phút ấy, Đấng Christ đã là mục đích duy nhất và là nội dung của đời ông. Từ giây phút ông gặp Ngài trên đường đi Đa-mách (Công Vụ Các Sứ Đồ 9), đối với ông đơn giản không còn gì khác ngoài Đấng Christ và công việc của Ngài. Từ cuộc gặp gỡ ấy, Phao-lô không còn xem trọng mạng sống mình như một điều có giá trị tự nó, mà muốn hoàn tất chức vụ ông đã nhận từ Chúa Giê-xu (Công Vụ Các Sứ Đồ 20:24). Ông thậm chí sẵn sàng chết như một người tử đạo, miễn là điều đó giúp cho Đấng Christ được tôn vinh (câu 20).

Qua đó Phao-lô nhận thấy rằng cái chết tử đạo không chỉ góp phần tôn vinh Đấng Christ, mà còn là một điều ích lợi cho riêng ông. Ông cho thấy sự chết sẽ đem lại cho cá nhân ông điều gì. Đời sống của ông trong xác thịt đã đầy dẫy Đấng Christ. Nhưng cái chết của ông còn có nghĩa là được thêm điều ích lợi nữa. Điều ích lợi này còn vượt hơn cả phương châm sống của ông: "đối với tôi, sống là Đấng Christ". Đối với ông, sự chết không chỉ là sự kết thúc của một đời sống đầy dẫy Đấng Christ, mà là bước chuyển sang một điều tốt hơn bội phần.

Chỉ khi Đấng Christ đầy dẫy đời sống chúng ta, sự chết mới là điều ích lợi cho chúng ta. Đối với người không có Đấng Christ, sự chết là sự kết thúc cay đắng, không thể tránh khỏi, và là dấu chấm hết cho đời sống do chính mình tự quyết định. Tóm lại một chữ: mất mát. Đời sống ấy bị hư mất, vì không có Đấng Christ thì nó không tồn tại được. Đấng Christ trong đời sống của tín hữu bảo đảm điều ích lợi là vinh hiển đời đời! Nhưng không có Đấng Christ, con người bị hư mất đời đời – một sự mất mát không bao giờ dứt.

Phao-lô suy nghĩ xem ông sẽ chọn điều gì, nếu chính ông có thể quyết định kết cục của cảnh tù đày của mình: hoặc sự chết (đó là điều ích lợi), hoặc sự tự do (sống trong xác thịt). Ông chẳng hề buồn vì phải ở lại đây, vì khi ấy

ông có thể tiếp tục phục vụ Chúa. Khi nghĩ đến người Phi-líp và lòng sốt sắng của họ đối với Tin Lành, ông được đầy dẫy niềm vui và lòng biết ơn. Ông muốn làm mọi điều để giúp đức tin của họ tấn tới.

Như vậy Phao-lô bị cả hai khả năng lôi cuốn. Một bên, ông thấy điều ích lợi lớn lao cho riêng mình; bên kia, ông thấy sự phục vụ Chúa và lợi ích của các tín hữu. Ông thẳng thắn thừa nhận rằng mình không thể quyết định dễ dàng như vậy.

Vậy Phao-lô muốn nói chính xác điều gì qua điều ích lợi ấy? Đối với ông, điều ích lợi là được ra đi và ở với Đấng Christ. Sự chết sẽ đem lại cho ông không gì kém hơn điều đó. Điều đó tốt hơn bội phần, và không thể nào so sánh với những gì ông đã trải qua cho đến lúc ấy. Khi chết, ông sẽ lập tức đến ngay bên cạnh Đấng Cứu Chuộc mình. Toàn bộ tầm vóc của điều ích lợi này nằm trong mấy chữ: "ở với Đấng Christ". Ông rất khao khát được thấy Đấng Cứu Chuộc mình mặt đối mặt. Điều lôi cuốn ông không phải là sự nghỉ ngơi sau một chức vụ đầy khó nhọc – dù cũng có điều đó[73] –, mà là một Thân Vị đã đầy dẫy đời ông ngay khi còn ở trên đất. Ở đây ông đã biết Thân Vị ấy rồi. Đáng tiếc là những hoàn cảnh của đời sống, và không kém phần là bản chất cũ, tức là xác thịt tội lỗi, có thể làm xáo trộn sự thông công và sự gần gũi này với Đấng Christ. Nhưng khi ấy điều đó cũng sẽ không còn nữa; không gì còn có thể ngăn trở ông sống với Đấng Christ. Sự thông công sâu nhiệm với Đấng Christ mà ông đã được hưởng ở đây, ở đó sẽ được sống trong sự trọn vẹn.

Sự hiểu biết về Thân Vị của Ngài (Phi-líp 3:8) khiến ông khao khát được chết, vì sự chết, như một đầy tớ (so sánh 1 Cô-rinh-tô 3:22), sẽ đưa ông đến cùng Đấng Christ. Ngày nay cũng vậy, chỉ có sự hiểu biết Đấng Christ Giê-xu mới có thể khơi dậy cùng một lòng khao khát ấy nơi các tín hữu.

Nhưng rồi Phao-lô lại bị nỗi lo cho Hội Thánh chiếm lấy, và chính ông đi đến chỗ tin chắc rằng ông sẽ ở lại vì lợi ích của họ (câu 25).

2.5.1 Những cách giải thích khác

Đáng tiếc là về những câu này cũng có những quan điểm sai lầm. Người ta chối rằng sau khi chết, tín hữu lập tức ở với Đấng Christ.

---

73. Khải Huyền 14:13

2.5.1.1 Có phải nói về sự trở lại của Đấng Christ?

Một số người nói rằng ở đây không phải nói về sự chết và việc chết của con người, mà về sự trở lại của Đấng Christ. Theo đó, chỉ khi Đấng Christ trở lại và có sự sống lại gắn liền với điều đó, các tín hữu mới được đưa đến cùng Đấng Christ để từ đó được ở với Ngài. Nhưng đó chỉ là một nửa sự thật. Đúng là khi Chúa đến, chúng ta sẽ đạt đến trạng thái trọn vẹn trong sự sống lại. Nhưng ở đây không phải nói về sự trở lại của Chúa, cũng không phải về việc đạt đến trạng thái cuối cùng trọn vẹn. Phao-lô nói về việc chết!

Nếu ở đây thật sự nói về sự đến của Chúa, thì thật đáng ngờ là Chúa sẽ chỉ đến vì một mình Phao-lô. Hệ quả của điều đó là người Phi-líp sẽ bị bỏ lại. Phao-lô sẽ đi, còn họ ở lại đây. Đó là kết luận phải rút ra, nếu ở đây nói về sự đến của Chúa. Chúng ta hầu như không cần nhấn mạnh rằng khi Chúa đến, sẽ không có một tín hữu nào bị bỏ lại.

2.5.1.2 Ra đi

Một lý do khác cho thấy ở đây không phải nói về sự trở lại của Đấng Christ và sự sống lại là chữ "ra đi". Danh từ tương ứng với "ra đi" chỉ xuất hiện thêm một lần nữa nơi Phao-lô, đó là trong 2 Ti-mô-thê 4:6. Ở đó, chắc chắn ông dùng nó cho cái chết tử đạo của mình.

Trong ngôn ngữ thông thường thời ấy, chữ "ra đi"[74] được dùng để mô tả việc tháo dây và kéo neo của một con tàu đang đậu trong cảng, sắp sửa ra khơi. Ngoài ra, nó cũng được dùng để mô tả việc dỡ một trại lều (so sánh 2 Cô-rinh-tô 5:1, 4; 2 Phi-e-rơ 1:14) khi lên đường. Từ này cũng bao hàm việc tách rời những điều vốn thuộc về nhau. Đối với sự chết, đó là sự phân rẽ tâm linh – linh hồn khỏi thân thể. Cách dùng chữ "ra đi" được nêu sau cùng này cũng ủng hộ ý nghĩ rằng ở đây là nói về sự chết.

2.5.1.3 Linh hồn ngủ?

Một số người cũng quả quyết rằng sự chết là sự khởi đầu của giấc ngủ của linh hồn. Chúng ta hãy giả sử rằng sau khi chết, Phao-lô thật sự rơi vào giấc ngủ của linh hồn, ở trong một vùng đất không người, hoàn toàn không có ý

74. Ở đây "ra đi" theo nghĩa đen là "*tháo ra*". Vậy khi chết, nhà tạm và y phục của thân thể như được tháo ra (2 Cô-rinh-tô 5:1, 4).

thức. Vậy khi ấy chúng ta phải hiểu thế nào những lời nói rằng ông muốn ra đi? Phải chăng Phao-lô muốn thoát khỏi hoàn cảnh của mình, muốn chạy trốn nhiệm vụ của mình? Chẳng phải ông mong muốn ở lại vì lợi ích của người Phi-líp và của mọi tín hữu, thay vì ra đi vào một cõi hư không tạm thời sao? Dù theo quan điểm này, đối với ông khoảng thời gian sau khi chết (về mặt chủ quan) không còn hiện hữu, và vì vậy đối với ông không có thời gian nào trôi qua từ sự chết đến sự sống lại, thì ít nhất thời gian vẫn trôi qua đối với người Phi-líp, là những người cần sự giúp đỡ và sự phục vụ của Phao-lô. Nếu Phao-lô dạy về giấc ngủ của linh hồn, có lẽ ông đã nói rằng ông muốn ở lại, để không mất dù chỉ một giờ trong một giấc ngủ của linh hồn vô ích. Ông khuyên các tín hữu hãy lợi dụng thì giờ, chứ đừng ngủ cho qua (so sánh Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5)!

2.5.1.4 Chỉ là quyền riêng của Phao-lô?

Một số người phản bác rằng không phải tín hữu nào cũng có thể nhận cho mình điều giống như sứ đồ Phao-lô. Chắc chắn có những điều chỉ dành cho Phao-lô và chỉ được ban cho ông với tư cách là sứ đồ. Nhưng trạng thái sau khi chết thì giống nhau cho mọi tín hữu, vì đó là kết quả của công việc đã hoàn tất của Đấng Christ. Ngài đã giành được chiến thắng trên sự chết cho mọi người. Những phước lành này không tùy thuộc vào một địa vị hay một chức vụ nhất định trong dân sự của Đức Chúa Trời, hay vào những kinh nghiệm đặc biệt, mà được ban cho mọi tín hữu cách như nhau và trọn vẹn.

2.5.2 Gặp Ngài!

Chúng ta hãy kết thúc chương này với một cái nhìn mà chúng ta muốn học từ Phao-lô. Nếu điều chắc chắn là mọi tín hữu khi chết đều đi đến cùng Đấng Christ, thì điều đó có ảnh hưởng gì trên chúng ta? Chúng ta có sẵn sàng trong từng giây phút để được Chúa Giê-xu Christ gọi về không? Điều quan trọng là tín hữu suy nghĩ về điều đó, để xác định xem mình còn bám víu vào đời này với mọi thứ của nó, hay đã sẵn sàng từ bỏ mọi sự bất cứ lúc nào vì Đấng Christ. Chính việc suy nghĩ về sự chết đem nhiều điều trong đời sống chúng ta ra ánh sáng. Chúng ta có tin cậy Chúa rằng Ngài sẽ chăm sóc gia đình chúng ta không? Chúng ta có sẵn sàng buông tay không? Dù là con cái Đức Chúa Trời, chúng ta đừng bao giờ loại trừ khả năng rằng bất cứ lúc nào,

ở bất cứ tuổi nào, chúng ta cũng có thể bị sự chết gọi về vương quốc trên trời của Ngài!

Ngay bây giờ chúng ta có biết Đấng Cứu Thế của chúng ta đến mức ở bên kia, chúng ta sẽ không gặp một người lạ, mà gặp một người quen không? Không phải là chúng ta đã thấy Ngài tận mắt. Không, nhưng chúng ta yêu mến Ngài, dù chúng ta chưa thấy Ngài (1 Phi-e-rơ 1:8). Sự thông công mà ngay bây giờ chúng ta được có với Ngài tạo nên một mối quan hệ thân thiết với Ngài, mà chúng ta sẽ tiếp tục ở đó. Sự hiểu biết chúng ta đã đạt được ở đây, và điều chúng ta đã thấy ở đây bằng con mắt đức tin, chúng ta sẽ mang theo đến đó.

Chúng ta sẽ choáng ngợp trước Ngài, vì khi ấy chúng ta không còn thấy Ngài bằng con mắt đức tin nữa, mà thấy tận mắt trong cả vẻ đẹp của Ngài.[75] Ở với Đấng Christ có nghĩa là thấy Ngài như vốn có[76].

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy giải thích vì sao đối với Phao-lô, sự chết là điều ích lợi!
- Cá nhân bạn có thể đồng ý với điều đó không?
- Điều kiện tiên quyết cho điều đó là gì?
- Sự hiểu biết của chúng ta về Chúa Giê-xu Christ trong đời này ảnh hưởng thế nào đến sự hiểu biết của chúng ta trong cõi đời đời?
- Tại sao nói về giấc ngủ của linh hồn là sai?

2.6 Những người đã ngủ

Cách nói "những người đã ngủ" là một tên gọi khác cho những người đã chết. Nói cho chính xác, Tân Ước chỉ dành cách mô tả này cho những người gắn bó với Đấng Christ.[77]

Tự nó, "an giấc" là một cách nói giảm nhẹ về sự chết. Vì vậy nó đặc biệt áp dụng cho các tín hữu, vì đối với họ, nhờ sự đắc thắng của Đấng Christ trên sự chết, sự chết là một kẻ thù đã bị đánh bại (Hê-bơ-rơ 2:14). Cách mô tả này cũng đẹp đẽ như vậy vì giấc ngủ bao giờ cũng chỉ kéo dài trong một thời

75. Theo nghĩa bóng của Thi Thiên 45:2; 1 Các Vua 10:7; Ê-sai 33:17.
76. 1 Giăng 3:2.
77. Chữ "những người đã ngủ" xuất hiện trong Tân Ước ở những chỗ sau: 1 Cô-rinh-tô 15:20; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13, 14, 15; chữ "ngủ" ở những chỗ sau: Ma-thi-ơ 27:52; 1 Cô-rinh-tô 7:39; 11:30; 15:6, 18, 51; 2 Phi-e-rơ 3:4. Trong Cựu Ước, từ này không giới hạn cho các tín hữu: Giê-rê-mi 51:39, 57; Đa-ni-ên 12:2.

gian nhất định. Giây phút thức dậy, tức là giây phút trỗi dậy (sống lại), sẽ đến, và một ngày đời đời sẽ rạng lên, là ngày không còn có buổi chiều nữa.

Việc sự chết được gọi là giấc ngủ[78] cũng là do sự giống nhau thấy được bề ngoài giữa một người đang ngủ và một người đã qua đời. Tuy nhiên, giấc ngủ không chỉ là một hình ảnh về sự chết nhằm làm giảm nhẹ thực tại của sự chết, mà mô tả tình trạng thật của người chết. Như vậy, giấc ngủ này đã cho thấy rằng sự chết không phải là sự kết thúc của một con người, mà chỉ là một tình trạng có thời hạn. Thật vậy, giấc ngủ như chúng ta biết bao giờ cũng kéo dài trong một thời gian nhất định. Những người đã ngủ cũng vậy. Sẽ đến lúc họ thức dậy khỏi giấc ngủ, tức là sẽ sống lại.

Chữ được dùng cho "ngủ" bắt nguồn từ nghĩa gốc "nằm", "nằm xuống nghỉ ngơi", "chìm vào giấc ngủ". Điều đối lại là sự sống lại, chỉ về việc "trỗi dậy" khỏi giấc ngủ (1 Cô-rinh-tô 15:20, 51, 52). Như vậy, giấc ngủ này giống như sự chờ đợi sự sống lại, là điều chấm dứt trạng thái trung gian và mở ra trạng thái cuối cùng.

Nhưng "an giấc" thật ra không có nghĩa là khi sự chết đến, giấc ngủ của sự chết bắt đầu, dù điều đó có thể hàm chứa trong chữ này. Đúng hơn, cách nói này mô tả quá trình chết và ra đi. Khi Tân Ước dùng chữ này, nó không có nghĩa là người chết bây giờ đang ngủ, mà là họ chết và qua đó bước sang một trạng thái khác. Vậy những người đã ngủ là những tín hữu đã chết và từ đó ở trong một trạng thái sống khác.

2.6.1 Những người đã ngủ có ở trong giấc ngủ của linh hồn không?

Câu hỏi về trạng thái trong sự chết là: giấc ngủ và sự sống lại liên quan đến điều gì? Giấc ngủ này chỉ bao gồm thân thể, hay cũng liên quan đến người bề trong, tức là tâm linh – linh hồn của người ấy? Điều người ta gọi là giấc ngủ của linh hồn là một trạng thái vô thức, hay không có ý thức, của toàn bộ con người, cả tín hữu lẫn người không tin. Có người khẳng định rằng giấc ngủ này giống như sự tắt lịm hoàn toàn của con người trong đêm tối của sự chết. Nhưng như thế thì giấc ngủ của các tín hữu đã qua đời và trạng thái của người chết hoàn toàn chưa được giải thích, như những đoạn Kinh Thánh sau đây cho thấy.

78. Giê-rê-mi 51:39; Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 9:24; Mác 5:39; Lu-ca 8:52; Giăng 11:11-14.

Trước hết, xin lưu ý rằng một người đang ngủ, thân thể ở trạng thái nghỉ ngơi, nhưng cùng lúc ấy vẫn có thể trải qua điều gì đó, chẳng hạn trong giấc mơ. Dù thân thể không hoạt động, tiềm thức vẫn có thể hoạt động. Điều này chỉ nhằm gợi ý rằng hình ảnh giấc ngủ không có nghĩa là người đang ngủ không có ý thức, vì người ấy hoàn toàn có thể trải nghiệm chính mình và môi trường chung quanh như một nhân cách trong giấc mơ. Giấc ngủ chỉ là một trạng thái sống khác với lúc thức; cũng vậy, sự chết là một trạng thái sống khác với sự hiện hữu trên đất của cùng một con người. Sự chết không phải là sự xóa bỏ sự hiện hữu của người chết, cũng như giấc ngủ của thân thể không có nghĩa là người đang ngủ không còn sự sống.

2.6.2 Giấc ngủ ám chỉ điều gì?

Trong mối liên hệ này, một biến cố lúc Chúa Giê-xu bị đóng đinh thật đáng chú ý: "… đất thì rúng động, đá thì nứt ra, mồ mả mở ra, và nhiều thân thể của các thánh đã ngủ được sống lại; sau khi Ngài sống lại, họ ra khỏi mồ mả, vào thành thánh và hiện ra cho nhiều người thấy" (Ma-thi-ơ 27:51b-53).

Trong câu này, ba khái niệm mà chúng ta đã xem xét được nhắc đến cùng một lúc: *sự sống lại*, *những người đã ngủ* và *thân thể*. Ba khái niệm này thuộc về nhau và cho thấy rõ rằng chính thân thể là cái ngủ và được khiến sống lại. Kinh Thánh nói rằng thân thể của các thánh đã ngủ được khiến sống lại, và kết quả dĩ nhiên là toàn bộ con người, tức cũng gồm cả tâm linh – linh hồn, vì sau khi Chúa Giê-xu sống lại, họ đã vào Giê-ru-sa-lem.

Chỉ có sự sống lại của *thân thể* (1 Cô-rinh-tô 15:35-44). Khi những chỗ khác nói rằng người chết sẽ sống lại, và dĩ nhiên ý nói toàn bộ con người, thì điều đó cho thấy rằng trong sự sống lại, toàn bộ con người được tái lập nhờ sự kết hợp của thân thể sống lại với tâm linh – linh hồn.[79]

Việc các thánh ấy ngủ chính là sự chết, vốn chỉ chạm đến thân thể hay chết, chứ không chạm đến tâm linh – linh hồn của họ. Vì thế, cũng chỉ có thân thể của họ được khiến sống lại. Ở đây cũng không có kết luận nào khác hơn là: việc ngủ và việc được khiến sống lại chỉ liên quan đến thân thể.

Vậy đoạn văn này cho thấy rõ rằng trạng thái ngủ trong sự chết có liên quan đến thân thể của các thánh. Không chỗ nào trong Tân Ước dùng giấc

79. Tân Ước phân biệt rõ giữa sự sống lại của thân thể và sự sống lại thuộc linh, trong đó những người chết về phần thuộc linh được làm cho sống với Đấng Christ, chẳng hạn Ê-phê-sô 2:5.

ngủ của sự chết cho linh hồn hay tâm linh. Điều đó cũng trái với bản chất của tâm linh – linh hồn, vì nó không bị ràng buộc vào thân thể. Giấc ngủ chỉ là một trạng thái của thân thể mà thôi.

2.6.3 Gương về cái chết của Ê-tiên

Gương về cái chết của Ê-tiên cũng cho thấy rõ điều đó (Công Vụ Các Sứ Đồ 7). Cũng như Chúa của ông trước đó không lâu, ông bị chính đồng bào mình giết chết. Trong những phút cuối đời, ông nhìn vào trời đang mở ra. Ở đó ông thấy Đấng Christ đứng bên hữu Đức Chúa Trời, là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm thành tín đang can thiệp cho ông, người đang ở trong cơn hoạn nạn lớn. Rồi khi đá của những kẻ giết ông ném xuống như mưa trên ông, ông cầu nguyện: "Lạy Chúa Giê-xu, xin tiếp lấy tâm linh tôi!" (Công Vụ Các Sứ Đồ 7:59; so sánh Lu-ca 23:46). Dù cái chết này không thể so sánh với một giấc ngủ êm đềm, Kinh Thánh vẫn nói rằng ông đã ngủ. Tâm linh của ông được Chúa Giê-xu tiếp nhận về với Ngài trên trời. Trước sự mô tả này, ai dám khẳng định rằng Ê-tiên đã chìm vào một giấc ngủ vô thức của linh hồn? Nếu sau đó ông vẫn rơi vào một giấc ngủ vô thức của linh hồn, thì tại sao ngay trước khi chết, ông lại được nhìn vào trời, thấy Đấng chiến thắng sự chết? Vậy lời cầu xin Chúa Giê-xu tiếp lấy tâm linh mình còn có ý nghĩa gì?

Ê-tiên (tức là tâm linh – linh hồn của ông), sau khi chết, cũng đã vào Ba-ra-đi (thiên đàng) như Chúa của ông. Các thánh và những người yêu dấu của Chúa Giê-xu ngủ trong Ngài, "trong Đấng Christ" (1 Cô-rinh-tô 15:18). Vì thế, như Ê-tiên, họ được chính Ngài đón nhận và tiếp lấy, để họ được ở với Ngài mãi mãi, trước hết như những người đã ngủ, và rồi một ngày kia như những người đã sống lại.

2.6.4 Những người đã ngủ vào lúc được cất lên

Sự cất lên trời là niềm hy vọng của các tín hữu. Chính Chúa Giê-xu sẽ đến để đưa dân Ngài vào trời. Các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca đã nhịn nhục giữ vững niềm hy vọng này (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:3). Nhưng hẳn họ đã có lý khi hỏi: điều gì sẽ xảy ra cho anh chị em trong đức tin đã ngủ, khi họ, những người đang sống, được cất lên? Phao-lô khích lệ họ và nói rằng họ không nên buồn rầu như những người khác không có hy vọng, vì:

"Vì nếu chúng ta tin rằng Chúa Giê-xu đã chết và sống lại, thì cũng vậy, Đức Chúa Trời sẽ đem những người đã ngủ qua Chúa Giê-xu cùng đến với Ngài" (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Không ai khác hơn chính Đức Chúa Trời hằng sống, Đấng mà họ đã quay về, đã chăm lo cho những người đã ngủ. Ngài sẽ giao họ cho Con Ngài khi Con ấy từ trời đến vì sự cất lên. Họ đã ngủ trong Ngài, trong Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, và như vậy họ cũng sẽ đến cùng với Ngài. Khi ấy điều câu 16 nói sẽ xảy ra:

"Vì chính Chúa sẽ từ trời giáng xuống, với tiếng ra lệnh, tiếng của thiên sứ trưởng và tiếng kèn của Đức Chúa Trời, và những người chết trong Đấng Christ sẽ sống lại trước hết."

Nói cách khác: Chúa Giê-xu đem những người đã ngủ từ trời đến, rồi những người đã ngủ, tức là những người chết trong Đấng Christ, sẽ sống lại.[80] Ở đây chúng ta thấy tâm linh – linh hồn của những người đã ngủ

đã ở với Chúa Giê-xu Christ trên trời và rồi được Ngài đem theo, để trong sự sống lại được kết hợp với thân thể.[81] Như vậy, lời này cũng xác nhận rằng sự sống lại là sự kết hợp của tâm linh – linh hồn với thân thể.

2.6.5 Những người đã ngủ trước sự cất lên

Khi các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca đã được yên lòng rằng anh chị em đã ngủ của họ cũng sẽ có mặt trong biến cố lớn lao của sự cất lên, như chính họ, những người đang sống, thì bây giờ Phao-lô còn cho họ biết những người đã ngủ ở đâu cho đến lúc được cất lên:

"Vì Đức Chúa Trời đã không định cho chúng ta bị cơn thịnh nộ, nhưng cho được sự cứu rỗi bởi Chúa chúng ta là Đức Chúa Giê-xu Christ, Đấng đã chết vì chúng ta, để dù chúng ta thức hay ngủ, chúng ta đều được sống chung với

80. Một cách giải thích khác hiểu câu này như sau: khi Đấng Christ đến trong quyền năng và vinh hiển, Ngài sẽ "đem theo" từ trời những người đã ngủ, sau khi họ đã được cất lên đó lúc họ sống lại.

81. Người ta cũng có thể hiểu sự hình thành của con người như vậy. Sự thụ thai tạo nên thân thể, tức người bề ngoài, nhưng Đức Chúa Trời sai đến hay nắn nên tâm linh ở bên trong người (Xa-cha-ri 12:1; Thi Thiên 33:15; 104:30).

Ngài" (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:9-10, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Một lời tuyệt vời, tóm gọn toàn bộ sự giàu có của các Cơ Đốc nhân! Chúng ta đã được chọn để được cứu rỗi từ trước mọi thời đại, và nhờ công việc của Đấng Christ, điều đó thật sự sẽ là phần của chúng ta. Sự cứu rỗi đã đưa chúng ta đến chỗ được sống chung với Đấng Christ mãi mãi.

"Thức" trong câu này có nghĩa là: sống trên đất; và do đó "ngủ" có nghĩa là: với tư cách là một tín hữu[82] đã chết, hay đã ngủ.[83] Phao-lô nói rằng trong cả hai trạng thái, chúng ta đều sẽ sống chung với Đấng Christ. Điều đó có nghĩa là thân thể ngủ, trong khi tâm linh – linh hồn ở với Đấng Christ. Vậy về những người đã ngủ, Phao-lô không để lại câu hỏi nào bỏ ngỏ nữa.

Trong Đấng Christ, chúng ta không chỉ có sự sống, mà còn sống "chung với Ngài". Điều thứ nhất dĩ nhiên là tiền đề cho điều thứ hai. Ở đây điều đó có nghĩa là một sự ở cùng nhau có ý thức. Ngày nay, những người đang sống trong đức tin đã kinh nghiệm sự kết hợp và sự thông công này, những người đã ngủ cũng vậy, và chẳng bao lâu nữa cả hai nhóm sẽ kinh nghiệm điều đó như những người đã sống lại.

Câu này mô tả khía cạnh đời đời trong tương lai: những người đang sống và những người đã ngủ sẽ ở với Chúa mãi mãi như nhau, tức là sẽ sống chung với Ngài, để rồi ít lâu sau cũng được hiện ra công khai cùng với Ngài (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; Cô-lô-se 3:4).

2.6.6 Kết luận

Vậy việc các tín hữu ngủ và đang ngủ không bao giờ có nghĩa là giấc ngủ của linh hồn. Nó chỉ mô tả duy nhất tiến trình của sự chết và trạng thái của thân thể con người, thân thể hay chết, cho đến thời điểm được khiến sống lại.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Tại sao khái niệm "ngủ" chỉ liên quan đến thân thể?

82. Những người ngủ ở đây không phải là những người trong chương 5:4-7, vì những người ấy sẽ không bao giờ sống với Đấng Christ. Họ không biết Đấng Christ, vì họ là con cái của ban đêm và ở trong sự tối tăm. Ngài sẽ đến với họ như kẻ trộm, và vì thế sự đến của Ngài sẽ có nghĩa là sự phán xét cho họ.
83. Có lẽ đây là lần duy nhất "ngủ" chỉ trạng thái của các tín hữu đã chết.

- Các tín hữu ở Tê-sa-lô-ni-ca lo lắng điều gì về những người đã qua đời trong vòng họ, và Phao-lô khích lệ họ thế nào?

2.7 Đấng Christ – Chúa của kẻ sống và kẻ chết

Sự thật rằng Đấng Christ cai trị trên kẻ sống và kẻ chết là một lời then chốt trong Rô-ma 14. Ở đó Kinh Thánh nói về các tín hữu có những quan điểm và cách thực hành khác nhau trong những việc không có điều răn rõ ràng của Chúa, tức là những việc mà mỗi con cái Đức Chúa Trời phải tự mình chịu trách nhiệm trước Chúa của mình. Mọi điều một tín hữu làm đều hướng về Chúa của người ấy, Đấng mà người ấy thuộc về. Phao-lô nói: "Vì không ai trong chúng ta sống cho chính mình", và để nhấn mạnh, ông nói thêm: "cũng không ai chết cho chính mình" (câu 7). Ngay cả trong sự chết, mà thời điểm không do chúng ta quyết định, người tín hữu cũng có mục tiêu của mình trong Đấng Christ. Phao-lô lặp lại lẽ thật này một lần nữa:

> *"Vì nếu chúng ta sống, là sống cho Chúa; nếu chúng ta chết, là chết cho Chúa. Vậy, dù chúng ta sống hay chết, chúng ta đều thuộc về Chúa" (câu 8, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Chúng ta sống đời sống mình cho Ngài, và trong sự chết, chúng ta chết cho Ngài. Điều này đặt nền trên sự thật rằng chúng ta thuộc về Chúa. Chúng ta thuộc về Ngài trong đời sống hằng ngày và trong sự chết. Trong sự chết, chúng ta không bị mất khỏi Ngài, vì ngay cả khi ấy chúng ta vẫn là sở hữu của Ngài. Thật tuyệt diệu! Chúng ta đã được đưa vào trong ý định bao trùm mọi sự của Đức Chúa Trời, mà trung tâm là Con Ngài:

> *"Vì chính vì điều này mà Đấng Christ đã chết và sống lại: để cai trị cả kẻ chết lẫn kẻ sống!" (Rô-ma 14:9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ý định của Đức Chúa Trời từ trước mọi thời đại là đặt mọi sự dưới quyền Con Ngài (Ê-phê-sô 1:9-10, 21-22). Là Đấng Tạo Hóa của muôn vật, Con, là Đức Chúa Trời, tất nhiên luôn có mọi sự phục dưới Ngài (Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Thế nhưng, mọi sự cũng phải được đặt dưới quyền Ngài với tư cách là một con người.[84] Vì Chúa Giê-xu đã hoàn tất công việc cứu chuộc, đã chịu chết vì mọi sự (Hê-bơ-rơ 2:9) và qua đó đã tôn vinh Đức Chúa Trời cách

84. So sánh chẳng hạn Thi Thiên 8; Hê-bơ-rơ 2:5-9; 1 Cô-rinh-tô 15:25-28.

trọn vẹn, nên với tư cách là con người, Ngài đã được tôn cao trên hết mọi sự. Giờ đây Ngài ngồi trên ngôi Đức Chúa Trời, bên hữu Đức Chúa Cha.[85] Tại đó Ngài chờ đợi thời điểm mọi kẻ thù sẽ nằm dưới chân Ngài, vì hiện nay Ngài chưa công khai nắm quyền cai trị trong thế gian (Hê-bơ-rơ 1:3; 10:12-13). Ngài vẫn còn là Đấng bị chối bỏ. Hiện nay Đức Chúa Trời vẫn còn ban thời kỳ ân điển, và qua đó ban cơ hội để trong thời kỳ này người ta đầu phục Con Đức Chúa Trời, thừa nhận thẩm quyền của Ngài và phục vụ Ngài.

Con cái Đức Chúa Trời ngay bây giờ đã thừa nhận quyền cai trị của Chúa Giê-xu. Họ phục vụ Ngài và theo Ngài (2 Cô-rinh-tô 5:15; Công Vụ Các Sứ Đồ 17:7). Nhưng cũng sẽ đến lúc mọi người khác phải thừa nhận quyền cai trị của Chúa Giê-xu. Khi ấy họ sẽ bị buộc phải làm điều đó, vì thời gian để tự nguyện làm điều đó đã qua. Khi ấy người ta sẽ không còn được hỏi có sẵn lòng hay không nữa, vì Đức Chúa Trời muốn Con Ngài được mọi người tôn kính (Phi-líp 2:9-11; Giăng 5:23).

Quyền đòi hỏi và thẩm quyền cai trị của Đấng Christ vượt ra ngoài phạm vi mà con người thấy được và vượt ra ngoài đời sống trên đất. Ngay cả người chết cũng không thể thoát khỏi quyền cai trị của Ngài. Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ'), tức cõi của người chết, cũng phục dưới Ngài như vậy. Đấng Christ được vinh hiển đã gặp sứ đồ Giăng như thế này:

> *"Khi tôi thấy Ngài, tôi ngã xuống dưới chân Ngài như chết. Ngài đặt tay hữu trên tôi và phán: Đừng sợ! Ta là Đấng Đầu Tiên và Đấng Cuối Cùng, là Đấng Sống; Ta đã chết, và kìa, Ta sống đời đời, và Ta cầm chìa khóa của sự chết và của Hades" (Khải Huyền 1:17-18, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ở đây Chúa Giê-xu tự giới thiệu là Đấng mà sự chết và Hades phục dưới. Vì ai cầm chìa khóa thì có quyền (Ê-sai 22:22; Ma-thi-ơ 16:19). Quyền cai trị của Đấng Christ trên kẻ sống và kẻ chết có nghĩa là gì, họ phục dưới Ngài theo cách nào, và Ngài cai trị họ từ khi nào?

Từ "cai trị" ở đây cũng là từ trong Lu-ca 22:25, nơi nói rằng các vua của các dân tộc "cai trị" và dùng quyền lực trên họ. Sự cai trị đòi hỏi phải có thần dân, là những người phục dưới quyền lực của người cai trị và phải cúi mình

85. Hê-bơ-rơ 8:1; 12:2; Khải Huyền 3:21.

trước thẩm quyền ấy. Trong Rô-ma 14:9, các thần dân ấy là kẻ sống và kẻ chết.

Chúa Giê-xu đã bắt đầu nắm quyền cai trị từ khi nào? Như đã gợi ý, quyền cai trị bao trùm mọi sự chỉ bắt đầu trong tương lai, vì chúng ta chưa thấy mọi sự phục dưới Ngài (Hê-bơ-rơ 2:8). Nơi những người đang sống, quyền cai trị của Đấng Christ chỉ giới hạn ở các tín hữu, vì những người không tin không đầu phục Con Đức Chúa Trời. Từ mạch văn của Rô-ma 14, có thể thấy rõ rằng mỗi tín hữu (trong trường hợp bình thường) đặt đời sống mình dưới quyền Chúa và chỉ chịu trách nhiệm trước một mình Ngài (câu 7-8, 12). Các tín hữu thuộc về Chúa của mình suốt cả cuộc đời và cả trong sự chết. Vậy, đối với các tín hữu, quyền cai trị của Đấng Christ đã bắt đầu từ khi có những tín hữu đầu phục Đấng Christ. Trong hình thức tạm thời và ẩn giấu của Nước Đức Chúa Trời, vị Vua hiện còn bị chối bỏ đang thực thi sự cai trị "lưu vong" của Ngài trên các tín hữu (câu 17; Cô-lô-se 1:13).

Tuy nhiên, trong câu 9, kẻ chết được nêu trước kẻ sống, và điều ấy cũng đúng cho họ. Ngài cũng cai trị họ, vì họ ở trong quyền của Ngài. Mỗi người khi chết, ngay sau khi chết, đều đối diện với sự thật rằng Đấng Christ là Chúa. Kinh Thánh nói rằng cả những kẻ "ở dưới đất", tức là những người chết đang ở trong Hades, cũng phải quỳ gối để xưng nhận Đấng Christ là Chúa (Phi-líp 2:10-11). Đối với người không tin, điều này có nghĩa là sự phán xét, vì vấn đề tội lỗi chưa được giải quyết. Họ đi vào cõi đời đời mà chưa được hòa giải với Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 9:27). Họ bị hư mất không thể vãn hồi. Sau khi chết, người đã qua đời không còn có thể sống cuộc đời của riêng mình nữa; khi ấy người ấy phải dứt khoát cúi mình trước thẩm quyền của Đấng Christ.

Dĩ nhiên, quyền cai trị trên người chết, dù là tín hữu hay người không tin, chỉ có thể hiểu được khi nó cũng được cảm nhận. Điều đó lại tất yếu đòi hỏi những người đã qua đời và những người đã ngủ phải có ý thức trọn vẹn. Nếu họ không có ý thức hoặc ở trong giấc ngủ vô thức của linh hồn, thì cũng chẳng có quyền cai trị nào của Đấng Christ trên người chết.

Chỉ trong đời này người ta mới có thể chống lại quyền cai trị của Đấng Christ. Sau khi chết, không còn sự chống cự nào nữa. Mỗi người khi chết đều được Đấng Hằng Sống và Chân Thật chờ đón. Nhưng có một sự khác biệt quyết định. Chúa này, Đấng là Thẩm Phán đối với những người hư mất, gặp

các tín hữu như Đấng yêu thương họ và đã chết vì họ. Vì thế, như Phao-lô, các tín hữu có thể vững lòng hướng về giây phút họ qua sự chết đi đến với Chúa yêu dấu của mình, để được ở với Ngài trong Ba-ra-đi (Phi-líp 1:23).

Niềm hy vọng của họ không phải là sự chết, mà là sự trở lại của Đấng Christ (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; 4:13-18), nhưng sự chết đã đưa họ đến với Chúa của mình trước đó rồi. Đối với những người đã ngủ, quyền cai trị của Đấng Christ có nghĩa là niềm vui, sự bình an và phước hạnh không thể nói ra được. Chúa Giê-xu Christ không chỉ giữ các tín hữu đang sống trong tay Ngài, mà cũng giữ những người đã ngủ cho đến sự sống lại, để không mất một ai, vì đó là ý muốn của Cha Ngài (Giăng 6:39; 10:29). Ngay cả sự chết cũng không thể phân rẽ người tín hữu khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời và tình yêu của Đấng Christ (Rô-ma 8:38-39)!

Kinh Thánh không nói nhiều về việc quyền cai trị của Đấng Christ trên những người không tin đã qua đời bao gồm những gì.[86] Phi-e-rơ cho một gợi ý khi ông gọi nơi những người không tin đã qua đời đang ở là "ngục" (1 Phi-e-rơ 3:19-20). Một nhà ngục đòi hỏi phải có những người và những thẩm quyền có quyền giam giữ người ta. Nhà ngục này, tức Hades, đã được đặt dưới thẩm quyền của Đấng Christ với tư cách là con người được vinh hiển (Khải Huyền 1:18). Những người không tin đã qua đời bị Ngài giam giữ ở đó và được để dành cho đến ngày phán xét (2 Phi-e-rơ 2:9) trước ngôi lớn và trắng (Khải Huyền 20:11-15).

Một bên được gìn giữ trong sự hiện diện của Chúa mình cho đến sự sống lại (như La-xa-rơ trong lòng Áp-ra-ham), bên kia bị giam giữ cho đến khi bản

86. Người ta có lý khi hỏi: trước khi Đấng Christ nắm quyền cai trị, tình trạng trong Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả'), tức cõi của người chết, ra sao? Điều gì đã khác? Trước đó không có Hades và không có Ba-ra-đi sao? Từ câu chuyện về La-xa-rơ và người giàu (Lu-ca 16), ta thấy rằng trước sự chết và sự sống lại của Đấng Christ đã có Hades và Ba-ra-đi rồi. Chỉ sau sự chết của Đấng Christ, Kinh Thánh mới nói rằng các tín hữu ở với Ngài. Ba-ra-đi được gọi là "lòng Áp-ra-ham" và không được đánh dấu bởi sự hiện diện của Đấng Christ, con người được vinh hiển (và cũng không thể như thế). Dù vậy, đó là một nơi và một trạng thái phước hạnh. Đối với các tín hữu ấy, trước và sau sự chết của Đấng Christ có thay đổi gì không, chúng ta không biết. Tuy nhiên, các tín hữu đã qua đời của mọi thời đại kinh nghiệm sự hiện diện của Đấng Christ kể từ khi Ngài chết và sống lại, vì khi chết, Ngài đã ở trong Ba-ra-đi. Từ thời điểm ấy, "ở trong Ba-ra-đi" có nghĩa là ở với Đấng Christ (Phi-líp 1:23). Chúng ta không thể nói gì thêm về câu hỏi này, vì Kinh Thánh không nói gì thêm. Những người không tin sẽ không thấy Chúa Giê-xu Christ (cho đến sự phán xét trước ngôi trắng). Họ không ở với Ngài. Nhưng – tôi tin như vậy – mọi người chết đã chết trong tội lỗi mình sẽ được cho thấy cách rõ ràng, có thể cảm nhận được, rằng ngay bây giờ Đấng Christ cũng đang cai trị trên người chết.

án được tuyên bố trước ngôi lớn và trắng (như người giàu trong Hades).

Quyền cai trị của Chúa không chỉ giới hạn ở một lần thực thi và bày tỏ quyền năng của Ngài trong sự sống lại, khi Ngài sẽ gọi người chết ra khỏi mồ mả của họ (Giăng 5:28-29). Đó là một sự phục tùng căn bản và lâu dài, bắt đầu từ khi Đấng Christ lên ngôi Đức Chúa Trời.

Tóm lại, chúng ta có thể kết luận rằng quyền cai trị của Đấng Christ trên người chết đòi hỏi một sự tiếp tục sống có ý thức của nhân cách tâm linh – linh hồn sau khi chết.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Có thể giải thích hoặc phân biệt quyền cai trị của Đấng Christ thế nào:
- một mặt nơi các tín hữu và mặt khác nơi những người không tin?
- trước và sau khi chết?
- Một đời sống có ý thức dưới quyền cai trị của Đấng Christ trông như thế nào?

2.8 Các linh hồn dưới bàn thờ

Sách Khải Huyền bày tỏ cho chúng ta sự hoàn tất các đường lối của Đức Chúa Trời đối với cõi sáng tạo, và cũng cho chúng ta biết về trạng thái của con người sau khi chết. Về điểm này, sách ấy hoàn toàn phù hợp với những gì đã được rút ra từ các phần khác của Tân Ước.

> *"Khi Chiên Con mở ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có linh hồn của những người đã bị tàn sát vì lời Đức Chúa Trời và vì lời chứng mà họ giữ. Họ kêu lớn tiếng rằng: Lạy Đấng Chủ Tể thánh khiết và chân thật, cho đến bao giờ Ngài mới xét xử và báo trả huyết chúng tôi nơi những kẻ ở trên đất? Mỗi người trong họ được ban cho một chiếc áo trắng; và có lời bảo họ hãy còn nghỉ ngơi ít lâu nữa, cho đến khi số những người cùng làm đầy tớ và anh em của họ, là những người sẽ bị giết như họ, được đầy đủ" (Khải Huyền 6:9-11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Khi xem xét đoạn văn này, chúng ta giới hạn ở những câu hỏi sau:

- Các linh hồn dưới bàn thờ là ai?
- Các linh hồn ấy ở đâu?
- Biến cố này xảy ra vào thời điểm nào?

2.8.1 Linh hồn của những người tử đạo

Ở đây Giăng thấy linh hồn của những người đã bị tàn sát vì lời Đức Chúa Trời và vì lời chứng mà họ giữ. Tại sao ở đây ông nói về linh hồn của những người tử đạo, mà không nói đơn giản là những người tử đạo? Sự khác biệt ở chỗ nào?

Linh hồn là phần của người tử đạo tiếp tục sống sau khi chết.[87] Những kẻ giết người chỉ có quyền giết thân thể, chứ không giết được linh hồn. Chúa Giê-xu ban sự thật này làm niềm an ủi cho những người bị giết vì danh Ngài:

> *"Đừng sợ những kẻ giết thân thể mà không giết được linh hồn; nhưng thà sợ Đấng có thể hủy diệt cả linh hồn lẫn thân thể trong địa ngục" (Ma-thi-ơ 10:28, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ở đây nói về chính những người như thế. Bản thân họ đã bị giết vì lời Đức Chúa Trời, nhưng linh hồn họ thì không. Ở đây Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa linh hồn và thân thể. Linh hồn bất tử và không thể bị giết, khác với thân thể là cái có thể bị giết. Vì thế, khái niệm "các linh hồn" ở đây hàm ý rằng sự sống trong thân thể trên đất đã chấm dứt qua sự chết, nhưng vẫn tiếp tục không gián đoạn – bên ngoài thân thể – trong một thế giới khác. Giăng thấy các linh hồn, nhưng không thấy những thân thể bằng thịt và huyết trên đất, vì những thân thể ấy vẫn còn ở lại trên đất.[88]

Trong chương 6:9 và 20:4, các linh hồn rõ ràng là chính con người của những người tử đạo. Điều này thấy rõ ở chỗ họ nói và được nói với. Có một cuộc trò chuyện thật sự diễn ra, không mang tính biểu tượng. Một cuộc trò chuyện đòi hỏi ý thức trọn vẹn và những khả năng tinh thần đang hoạt động, mà rõ ràng các linh hồn này có. Như vậy, nhân cách của những người tử đạo sau khi chết vẫn được giữ trọn vẹn, với mọi đặc điểm cốt yếu của một nhân cách con người.

---

87. So sánh mục 3.2.

88. Ý nghĩa của khái niệm "linh hồn" trong sách Khải Huyền không giống nhau. Từ Hy Lạp *psyche* được dùng bảy lần: 6:9 (chính con người của những người tử đạo); 8:9; 12:11 (sự sống, tức là sự hiện hữu trên đất); 16:3 (mọi sinh vật trong biển); 18:13, 14 (linh hồn người, linh hồn); 20:4 (ý nghĩa như 6:9). Một nguyên tắc quan trọng trong việc giải thích Kinh Thánh là mạch văn của một đoạn văn có tính quyết định đối với ý nghĩa của một khái niệm. Bước đầu tiên, dĩ nhiên điều thú vị là tìm hiểu chính các trước giả đã dùng các khái niệm ấy thế nào, trước khi xem xét cách dùng nơi các trước giả khác.

Giăng đã *thấy* các linh hồn. Vậy Giăng đã thấy gì, khi các linh hồn không còn thân thể nữa? Rõ ràng Giăng đã thấy những hình dạng con người mà ông nhận ra là những người tử đạo. Chỉ những hình dạng con người mới có thể nhận một chiếc áo (trắng) để mặc vào và mặc trên mình.[89]

Vậy các linh hồn có một "thân thể" khác với thân thể trên đất và cũng khác với thân thể trong sự sống lại (vì sự sống lại chưa xảy ra). Chúng tôi không có ý nói đến một thân thể thuộc linh đặc biệt được tạo dựng riêng cho thời gian của trạng thái trung gian, nhưng nói đến việc cá tính được giữ lại, trong đó có việc con người vẫn có thể được nhận ra sau khi chết và trước sự sống lại. Linh hồn chính là con người, và trong trạng thái trung gian này, linh hồn là con người theo cách tự biểu hiện trong một hình thể thấy được ở thế giới bên kia. "Diện mạo" của linh hồn ở thế giới bên kia có liên hệ với thân thể trên đất, vì nếu không thì trên trời sẽ không thể nhận ra nhau. Ở thế giới đời này, chúng ta không thể hình dung điều đó. Chúng ta chỉ ghi nhận rằng ở đây những người đã qua đời có ý thức trọn vẹn và thậm chí còn được nhận biết như những con người.

Việc có thể nhận ra nhau cũng được thấy rõ khi Môi-se và Ê-li hiện ra trên núi hóa hình (Ma-thi-ơ 17:1-8). Ở đó hai người này đích thân hiện ra trong hình dạng con người (nếu không thì Phi-e-rơ khó mà có ý định dựng lều cho họ). Ở đây cần lưu ý rằng Môi-se và Ê-li không có thân thể sống lại, vì sự sống lại chưa xảy ra. Diện mạo của họ tương ứng với trạng thái sau khi chết cho đến sự sống lại.[90]

Ở chỗ này, chúng tôi xin nhắc lại rằng khái niệm "linh hồn" ở đây khó có thể hiểu là "sự sống" của thân thể. Nếu vậy thì Giăng đã thấy gì dưới bàn thờ? Vậy khi khái niệm linh hồn được dùng trong mạch văn này, thì đó là nói về việc có thể nhận ra con người. Vì thế, trong Khải Huyền 6:9 và 20:4, chính từ "linh hồn" được dùng, vì đây là nói về việc có thể nhận ra những người đã ra đi này, điều cũng tùy thuộc vào thân thể. Sau khi chết, nhân cách của con người và hình dạng của nhân cách ấy, tức là diện mạo riêng của người ấy và đặc trưng cho người ấy, vẫn được giữ lại.

89. Sách Khải Huyền đầy những biểu tượng, nhưng không phải mọi điều đều phải được giải thích theo nghĩa biểu tượng. Ở đây nói về những con người thật đã bị giết và đang ở một nơi có thật.
90. Tôi biết rằng sự hiện ra này là một ngoại lệ, và vì thế không thể từ đó rút ra điều có giá trị cho mọi người. Tôi chỉ ghi nhận rằng ngoại lệ này có thể được giải thích cách hợp lý dựa trên mọi lời khác của Kinh Thánh.

Chúng tôi tóm tắt: Các linh hồn ở đây là những con người đã chết và đang ở trên trời, bên ngoài thân thể, với ý thức trọn vẹn (tức là không ở trong giấc ngủ của linh hồn).

Phần tiếp theo sẽ cho thấy rằng trời là nơi các linh hồn ở.

2.8.2 Dưới bàn thờ

Các linh hồn được thấy "dưới bàn thờ". Cách nói này liên hệ chặt chẽ với sự thật rằng họ đã hy sinh mạng sống mình vì lời Đức Chúa Trời. Việc họ ở "dưới" bàn thờ gợi nhớ một điều tương tự trong Cựu Ước. Ở đó huyết của một số con sinh tế được đổ dưới chân bàn thờ của lễ thiêu bằng đồng (Xuất Ê-díp-tô Ký 29:12; Lê-vi Ký 4:7-34). Linh hồn ở trong huyết (Lê-vi Ký 17:10-14). Như vậy, sự chết của con người cũng có thể được mô tả là sự đổ linh hồn ra (Thi Thiên 141:8; Ê-sai 53:12). Trong Tân Ước, của lễ là một hình ảnh quen thuộc cho việc dâng hiến mạng sống cho Đức Chúa Trời (Phi-líp 2:17; 2 Ti-mô-thê 4:6; Rô-ma 12:1).

Bàn thờ xuất hiện tám lần trong sách Khải Huyền: chương 6:9; 8:3, 3, 5; 9:13; 11:1; 14:18; 16:7. Sách Khải Huyền không phân biệt hai bàn thờ như trong Cựu Ước (bàn thờ của lễ thiêu bằng đồng và bàn thờ xông hương), dù ở một vài chỗ người ta có thể nghĩ đến bàn thờ của lễ thiêu bằng đồng (6:9; 16:7) và ở những chỗ khác nghĩ đến bàn thờ xông hương bằng vàng (8:3; 9:13).

Vị trí của bàn thờ được xác định rất chính xác.

- Bàn thờ ở trong đền thờ trên trời: "Một thiên sứ khác từ đền thờ trên trời đi ra … Và một thiên sứ khác, có quyền trên lửa, từ bàn thờ đi ra" (14:17-18).
- Bàn thờ ở trước ngôi Đức Chúa Trời: "Tôi thấy bảy thiên sứ đứng trước mặt Đức Chúa Trời … Một thiên sứ khác đến đứng bên bàn thờ, cầm một lư hương bằng vàng; và người được ban cho nhiều hương, để dâng thêm sức cho lời cầu nguyện của mọi thánh đồ trên bàn thờ bằng vàng ở trước ngôi" (8:2-3).
- Bàn thờ ở ngay gần Đức Chúa Trời: "Tôi nghe có tiếng ra từ bốn sừng của bàn thờ bằng vàng ở trước mặt Đức Chúa Trời" (9:13).

Như vậy, rõ ràng linh hồn của những người tử đạo đang ở đâu. Họ ở ngay gần Đức Chúa Trời. Nơi này tương ứng với Ba-ra-đi (thiên đàng), nơi Chúa Giê-xu đã đến khi Ngài phó tâm linh Ngài vào tay Đức Chúa Cha, sau khi Ngài chết trên thập tự giá (Lu-ca 23:43, 46). Chúa đã đến ngay gần Đức Chúa Trời, đến với Cha Ngài. Phao-lô đã được đem lên cùng một "Ba-ra-đi trên trời" ấy, nơi ông nghe những lời không thể nói ra được (2 Cô-rinh-tô 12:2-4).

Các linh hồn dưới bàn thờ làm gì? Họ được bảo hãy nghỉ ngơi ít lâu. Đó không phải là sự nghỉ ngơi của giấc ngủ của linh hồn, cũng không phải là một sự hiện hữu vô thức, nhưng là một trạng thái có ý thức, trong đó sự nghỉ ngơi được tận hưởng như một phước hạnh êm dịu. Kinh Thánh nói rõ:

"Phước cho những người chết là người chết trong Chúa từ nay! Phải, Thánh Linh phán: để họ được nghỉ ngơi khỏi công lao mình, vì việc làm của họ theo sau họ" (Khải Huyền 14:13).

Đối với những người này, thời gian khó nhọc và lao động đã qua. Họ vui hưởng việc được nghỉ ngơi trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Mối liên hệ giữa các linh hồn và bàn thờ cũng cho phép kết luận rằng đó là một nơi thờ phượng (Khải Huyền 8:3). Các thánh đồ, khi chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời trên gương mặt của Đấng Christ, sẽ thờ phượng với lòng kinh ngạc.

Chúng tôi xin nhắc lại: Các linh hồn ở trước ngôi Đức Chúa Trời, ngay gần Ngài, và được nghỉ ngơi khỏi công việc mình. Họ chiêm ngưỡng vinh quang của Đức Chúa Trời và tôn kính Ngài.

Ở đây chúng ta nhận thấy một sự phù hợp nổi bật giữa nơi ở của các thánh đã ngủ với những lời khác của Tân Ước, điều mà với sự hợp nhất của Kinh Thánh cũng không thể khác được. Chúng ta thấy tất cả các thánh đã ngủ, không trừ một ai, ở nơi mà Chúa Giê-xu gọi là Ba-ra-đi. Họ ở với Đấng Christ và ở đó như ở quê nhà, tức là ở nhà với Chúa.

2.8.3 Biến cố này xảy ra vào thời điểm nào?

Chúng ta trở lại một lần nữa với điều này: các linh hồn là những người đã qua đời, vẫn còn đang ở trong trạng thái của sự chết. Kinh Thánh nói rằng họ đã bị tàn sát (câu 9), rằng huyết họ đã đổ ra (câu 10) và rằng họ đã bị giết (câu 11). Họ ở dưới bàn thờ. Họ không được gọi là "anh em" – như những người cùng làm đầy tớ còn đang sống (câu 11b) – mà được gọi là "linh hồn",

vì họ chưa sống lại. Vào thời điểm ấn thứ năm được mở ra (6:9), sự sống lại của những người tử đạo này chưa xảy ra.

Tại sao chúng tôi tin rằng sự sống lại chưa xảy ra? Họ kêu xin báo trả về sự bất công mà họ đã chịu. Lời yêu cầu này không được đáp ứng ngay. Họ được bảo hãy chờ đợi ít lâu, cho đến khi anh em của họ, là những người còn ở trên đất, cũng hoàn tất cuộc đời mình bằng cái chết tử đạo. Chính Chúa Giê-xu Christ sẽ báo trả huyết của các đầy tớ Ngài (19:2) khi Ngài hiện ra trong quyền năng. Chỉ khi Đấng Christ hiện ra thì sự sống lại mới xảy ra (20:4). Do đó, cho đến lúc ấy sự sống lại chưa xảy ra, vì anh em của họ còn ở trên đất và đang bị bắt bớ.

Như vậy, từ vài điểm dựa được nhắc đến dưới ấn thứ năm, chúng ta có thể kết luận rằng sự sống lại của anh em ấy và sự đến của Đấng Christ chưa xảy ra. Cảnh tượng trong 6:9-11 mô tả trạng thái của linh hồn sau khi chết.

2.8.4 Lời kêu xin báo trả

Bây giờ chúng ta trở lại một lần nữa với lời kêu xin báo trả của các linh hồn. Những người chối bỏ một sự sống có ý thức sau khi chết không hiểu những lời này là lời nói của chính các con người ấy, mà giải thích chúng thuần túy theo nghĩa biểu tượng (so sánh Sáng Thế Ký 4:10; Gia-cơ 5:4; Lu-ca 19:40). Ngoài ra, họ lập luận rằng Cơ Đốc nhân không bao giờ kêu xin báo thù, vì họ muốn noi gương Đấng Christ, Đấng ngay trên thập tự giá vẫn còn cầu nguyện cho những kẻ giết Ngài. Vì thế, theo họ, huyết ấy, cũng như huyết của A-bên, chỉ có thể đòi báo trả theo nghĩa biểu tượng.

Quả thật đáng chú ý là các linh hồn đòi báo trả, và như vậy thật sự không phù hợp với tâm tình Cơ Đốc. Tuy nhiên, họ chỉ chối bỏ tâm tình Cơ Đốc nếu họ là Cơ Đốc nhân. Lời giải cho câu hỏi này tùy thuộc vào cách người ta giải thích sách Khải Huyền theo dòng lịch sử. Điều này trước hết liên quan đến câu hỏi: xét theo lịch sử, chúng ta là Cơ Đốc nhân đang đứng ở phần đầu của sách Khải Huyền, ở giữa, hay đã ở phần cuối của nó. Dù không thể bàn chi tiết ở đây, tôi xin tóm tắt khung lịch sử, hay khung tiên tri, theo sự hiểu biết của tôi.

Theo sự phân chia trong Khải Huyền 1:19, bảy bức thư đưa ra một cái nhìn tổng quát mang tính tiên tri về lịch sử của giáo hội Cơ Đốc từ lúc khởi đầu cho đến lúc kết thúc. Theo đó, từ chương 4 trở đi, các Cơ Đốc nhân đã được

tái sinh không còn ở trên đất nữa, mà ở trên trời. Ở đó, các Cơ Đốc nhân cùng với các tín hữu thời Cựu Ước được trình bày như những tín hữu đã được vinh hiển qua hình ảnh 24 trưởng lão.

Sau khi các Cơ Đốc nhân đã ở trên trời, sẽ có người cả từ Y-sơ-ra-ên (Khải Huyền 7:3-8) lẫn từ các dân tộc (Khải Huyền 7:9-12) đến với đức tin. Như vậy có nghĩa là các linh hồn dưới bàn thờ không phải là Cơ Đốc nhân và cũng không thuộc về Hội Thánh của Đức Chúa Trời. Các linh hồn dưới bàn thờ đã tin sự rao giảng Tin Lành của Nước Trời, là Tin Lành sẽ được rao giảng sau sự cất lên của Hội Thánh (Ma-thi-ơ 24:14). Họ bị giết vì đức tin của mình. Tiếng kêu xin báo trả của họ mang nét đặc trưng của Cựu Ước (Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:43; 2 Các Vua 9:7; Thi Thiên 79:10), chứ không phải của Cơ Đốc nhân. Vì thế, không nhất thiết phải hiểu lời kêu xin báo trả theo nghĩa biểu tượng, vì lời ấy phù hợp với sự hiểu biết và địa vị của các tín hữu trong thời kỳ đại nạn.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Câu chuyện về "các linh hồn dưới bàn thờ" có thể là niềm an ủi cho chúng ta như thế nào?
- Tại sao ở đây nói về các thánh đồ đã qua đời?
- Họ có thân thể nào?

2.9 Sự sống đời đời

Khi tìm hiểu về trạng thái của con người sau khi chết, trong sự sống lại hay trong cõi đời đời, người ta gần như tất yếu gặp điều mà Kinh Thánh gọi là "sự sống đời đời".[91] Không phải ngẫu nhiên mà sự sống đời đời, như một yếu tố độc nhất vô nhị của sứ điệp Cơ Đốc, đứng đối diện với sự chết và sự chóng qua. Con người sẽ trả bao nhiêu nếu có thể mua được sự sống này, có gì mà người ta lại không chịu bỏ ra để sở hữu nó! Nhờ Con Đức Chúa Trời, chúng ta thật sự có thể nhận được sự sống này, mà không phải trả gì cả. Vì thế, khi nói đến sự sống đời đời, chỉ có thể nói về các tín hữu. Chỉ họ mới có sự sống

91. Tất cả những chỗ trong Tân Ước nói về sự sống đời đời là Ma-thi-ơ 19:16, 29; 25:46; Mác 10:17, 30; Lu-ca 10:25; 18:30; Giăng 3:15, 16, 36; 4:14, 36; 5:24, 39; 6:27, 40, 47, 54, 68; 10:28; 12:25, 50; 17:2, 3; Công Vụ Các Sứ Đồ 13:46, 48; Rô-ma 2:7; 5:21; 6:22, 23; Ga-la-ti 6:8; 1 Ti-mô-thê 1:16; 6:12; Tít 1:2; 3:7; 1 Giăng 1:2; 2:25; 3:15; 5:11, 13, 20; Giu-đe 21.

đời đời, vì họ tin Con Đức Chúa Trời và đầu phục Ngài.[92] Họ có sự sống đời đời như sự ban cho của ân điển Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:23).

Sự sống đời đời có ý nghĩa gì đối với sự chết của người tín hữu? Có thể nào người ấy trao lại hay đánh mất sự sống đời đời khi chết, rồi trong sự sống lại lại được ban cho một lần nữa không?

Trước khi xem xét câu hỏi này, trước hết chúng ta phải làm rõ sự sống đời đời thật ra là gì.

2.9.1 Sự sống đời đời là gì?

Không có điều gì và không có ai là đời đời ngoài Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng Đời Đời, không có khởi đầu cũng không có kết thúc (Sáng Thế Ký 21:33; Ê-sai 40:28; Rô-ma 16:26). Vì thế, sự sống đời đời là chính sự sống của Đức Chúa Trời đời đời. Về Con đời đời của Đức Chúa Trời, Chúa Giê-xu Christ, Kinh Thánh chép: "Ấy chính Ngài là Đức Chúa Trời chân thật và là sự sống đời đời" (1 Giăng 5:20). Chính Ngài làm chứng về mình: "Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống" (Giăng 14:6; so sánh 11:25). Sự sống đời đời được nhân cách hóa trong Con. Ngài có sự sống trong chính mình (Giăng 1:4), và vì thế là Đấng duy nhất có thể bày tỏ sự sống ấy. "Sự sống đời đời là chính sự sống của Đức Chúa Trời, sự sống có ý thức, biết suy nghĩ, biết muốn, biết cảm nhận, biết nhận biết và biết yêu thương."[93]

Một đặc điểm khác của Đức Chúa Trời có liên hệ chặt chẽ với sự sống này: Đức Chúa Trời ngự trên trời (Thi Thiên 115:3; Ma-thi-ơ 6:9 và các chỗ khác), và vì thế sự sống đời đời là sự sống của thiên đàng. Đó là quê nhà của nó. Sự sống này không thuộc về phạm vi của sự sống tự nhiên trong cõi sáng tạo này. Nó thuộc về một thế giới khác, nằm ngoài phạm vi các giác quan của con người (2 Cô-rinh-tô 4:18).

Chúa Giê-xu nói với Ni-cô-đem về sự sống đời đời theo ý nghĩa này. Ngài gọi đó là "những việc trên trời" (Giăng 3:12). Sự sống đời đời là sự sống trong nhà Cha (Giăng 14:3), được đánh dấu bởi sự thông công (1 Giăng 1:2-3) và tình yêu (Giăng 17:24) của Cha và Con.

Sự sống đời đời là tóm lược của sự đầy trọn của mọi phước thiêng liêng trên trời (Ê-phê-sô 1:3) và của sự giàu có thuộc linh đã được ban cho các tín

92. Giăng 3:16, 36; 6:40, 47, 54; 10:28; 11:25; 1 Giăng 5:13.
93. W.J. Ouweneel, *Das ewige Leben*, Neustadt (Ernst-Paulus Verlag), 1980; tr. 9.

hữu trong Đấng Christ. Trong đó có việc họ đã được đặt vào sự thông công với Cha và Con (1 Giăng 1:1-4; Giăng 14:23; 1 Cô-rinh-tô 1:9). Họ đã có sự sống đời đời ngay bây giờ; họ không chờ đợi để nhận được nó trong tương lai (Giăng 3:36; 5:24).

2.9.2 Sự sống đời đời và sự bất tử

Người ta thường lẫn lộn hai khái niệm này, như thể sự sống đời đời và sự bất tử là một. Đó là một sai lầm lớn. Từ những nhận xét trên, có thể thấy rõ rằng sự sống đời đời trước hết không bao hàm một khoảng thời gian hay độ dài của sự sống (số lượng), mà mô tả "phẩm chất" của sự sống. Phẩm chất của sự sống đời đời là: đó là sự sống của Đức Chúa Trời đời đời, Đấng ngự trên trời. Sự sống này mang theo toàn bộ sự đầy trọn của Đức Chúa Trời ở trong Con. Đó là sự sống được vui hưởng trong nhà Cha, nơi Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã ngự từ trước vô cùng.

Vì thế, đồng nhất sự sống đời đời với sự bất tử hay với sự hiện hữu đời đời là chưa đủ.[94] Dĩ nhiên sự sống đời đời cũng bao hàm sự bất tử, nếu không nó đã chẳng phải là sự sống "đời đời". Nhưng ý nghĩa của sự sống đời đời vượt xa khía cạnh thời gian.

Nếu dùng "sự sống đời đời" và "sự bất tử" như những từ đồng nghĩa, người ta dễ rút ra kết luận sai rằng những người không tin, là những người không có sự sống đời đời, thì không có sự hiện hữu đời đời. Nhưng sự hiện hữu đời đời không tùy thuộc vào việc có sự sống đời đời.

Xin nhắc lại: Sự sống đời đời không chỉ là một sự sống không bao giờ chấm dứt, mà là một sự sống hoàn toàn khác. Người không tin không có sự sống này. Giăng cho thấy rõ điều đó khi ông nói về những người sẽ không thấy "sự sống [đời đời]". Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên họ (Giăng 3:36). Nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời không chỉ dừng lại ở việc con người bị tiêu diệt, với hậu quả là sự chết đời đời. Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời hướng về những tạo vật có trách nhiệm, và vì thế chỉ có thể "ở trên" mãi mãi những con người cũng hiện hữu luôn luôn, tức là đời đời. Câu này cho thấy rõ rằng giữa sự sống đời đời và sự hiện hữu đời đời có một sự khác biệt lớn.

94. Độc giả có thể tự thử đọc chữ sự bất tử thay cho sự sống đời đời. Người ấy sẽ nhanh chóng nhận thấy rằng hai khái niệm này rất ít khi có thể thay thế cho nhau.

2.9.3 Làm sao một người có thể nhận được sự sống của Đức Chúa Trời?

Con người không thể nhận được sự sống đời đời, tức sự sống của Đức Chúa Trời, trừ khi chính Đức Chúa Trời trở nên người. Đó chính là điều đã xảy ra. Sứ đồ Giăng nói về Lời sự sống, là chính Đấng Christ: "vì sự sống đã được bày tỏ, chúng tôi đã thấy, đang làm chứng và rao truyền cho anh em sự sống đời đời, là sự sống vốn ở cùng Đức Chúa Cha và đã bày tỏ ra cho chúng tôi" (1 Giăng 1:2).

Đấng Christ là Lời (*logos*) sự sống, tức là sự diễn đạt trọn vẹn và sự bày tỏ của sự sống, vì trong Ngài có sự sống (Giăng 1:4; 14:6). Với tư cách là con người, Ngài có sự sống trong chính mình, và vì thế Ngài có thể ban sự sống ấy cho con người (Giăng 5:26). Ngôi Lời đã trở nên xác thịt để đem sự sống đến cho thế gian, vì loài người đang nằm trong sự chết (Giăng 5:24; Ê-phê-sô 2:1). Sự chết thuộc linh là hậu quả của tội lỗi. Vì thế, Con Đức Chúa Trời phải trở nên của lễ chuộc tội cho tội lỗi chúng ta (1 Giăng 4:9-10), để chúng ta có thể nhận được sự sống.

Đó là sự sống "thuộc linh" mà những người đã chết về phần thuộc linh trong tội lỗi mình nhận được (Cô-lô-se 2:13). Họ nhận sự sống như sự ban cho của Đức Chúa Trời khi họ tin danh Con Đức Chúa Trời (1 Giăng 5:13). Để được như vậy, cần có sự can thiệp của Đức Chúa Trời qua sự tái sinh, vì con người không thể tự mình làm nên sự sinh ra này (Giăng 1:13). Với sự tái sinh, câu chuyện về sự sống thuộc linh của những người ấy bắt đầu, và sẽ không bao giờ chấm dứt.

Sự sống này trở thành sở hữu của họ, đến nỗi họ có nó trong chính mình (Giăng 6:53; 1 Giăng 3:15). Đồng thời Kinh Thánh nói rằng họ có sự sống ấy trong Con (1 Giăng 5:11), vì họ chỉ có thể có nó khi nương cậy Ngài, là nguồn sự sống. Họ không thể có nó bên ngoài Ngài. Như vậy, họ trở nên người "dự phần" vào bản tính của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 1:4), cũng như một chiếc lá chỉ có thể tươi xanh khi còn ở trên cành.

2.9.4 Các tín hữu có sự sống đời đời như thế nào?

Sự sống mà các tín hữu đã nhận qua sự tái sinh (Giăng 3; 1 Phi-e-rơ 1:23-25) và có trước mặt Đức Chúa Trời là "sự sống đời đời". Điều đó có nghĩa là sự

sống này không chỉ là một thành phần của các tín hữu, có thể (vì bất cứ lý do gì) lại tách rời khỏi họ. Nó không giống như một món quà quý giá mà trong một số trường hợp người ta có thể đánh mất. Sự sống đời đời đã trở thành sự sống của các tín hữu; đó là trạng thái của họ và là sự hiện hữu mới của họ trước mặt Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Phao-lô mô tả sự hiện hữu mới này, như những người từ cõi chết được sống, là một sự sáng tạo mới,[95] là công việc của Đức Chúa Trời.[96] Qua việc nhận sự sống mới, tội nhân trở thành một người mới.

Để minh họa điều nói trên: Chúng ta không mang sự sống tự nhiên của mình (tiếng Hy Lạp *bios*) theo bên mình như một gói đồ mà người ta có thể đánh mất mà không có hậu quả gì. Ai mất sự sống ấy thì chết. Sự sống tự nhiên chính là toàn bộ sự hiện hữu trên đất của chúng ta, sẽ chấm dứt khi thân thể chết. Cách chúng ta có sự sống đời đời cũng có thể so sánh như vậy. Nếu người ta có thể đánh mất sự sống đời đời, thì sự sáng tạo mới cũng bị hủy hoại. Nhưng thực tế hoàn toàn ngược lại. Sự sáng tạo mới không thể bị hủy hoại nữa, vì đó là công việc của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ Giê-xu.

Sự sống trên đất bao hàm một sự hiện hữu có ý thức, khiến con người trở thành một nhân cách. Đó là khả năng bày tỏ mình, sức suy nghĩ, cảm nhận, nhận biết và yêu thương. Chúng ta có thể áp dụng những đặc điểm này của sự sống trên đất cho sự sống đời đời. Như sự sống tự nhiên khiến con người trở thành một nhân cách, thì Phao-lô cũng nói về một nhân cách mới, một cái "tôi" mới: "… không còn là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi" (Ga-la-ti 2:20). Người tín hữu có sự sống mới theo một cách khiến người ấy trở thành một nhân cách mới. Vì thế, giờ đây chúng ta có thể là người bắt chước Đức Chúa Trời, vì chúng ta có sự sống và bản tính của Ngài. Năng lực của sự sống này là Đức Thánh Linh, Đấng đã được ban cho chúng ta cũng như sự sống đời đời.

Sự chết không còn ảnh hưởng gì đến trạng thái này và sự hiện hữu này, vì dĩ nhiên sự sống đời đời không thể chết.

---

95. Dĩ nhiên sự sống đời đời không phải là một tạo vật, nhưng sự thật rằng các tín hữu hiện có sự sống ấy và rằng nó đánh dấu trạng thái mới của họ có thể được xem là một phần của sự sáng tạo mới.

96. 2 Cô-rinh-tô 5:17; Ga-la-ti 6:15; Ê-phê-sô 2:5, 10; 4:23-24; Cô-lô-se 3:9-11.

Sau khi đã xác định bản chất, ý nghĩa và tầm quan trọng của sự sống đời đời, bây giờ chúng ta trở lại câu hỏi ban đầu.

2.9.5 Sự sống đời đời và sự chết

Điều gì xảy ra với sự sống đời đời khi người tín hữu chết? Sự sống đời đời có ý nghĩa gì đối với những người đã ngủ? Đó là câu hỏi cốt lõi về trạng thái của các tín hữu sau khi chết.

Chúa Giê-xu trả lời câu hỏi này cách rõ ràng: "Ta là sự sống lại và sự sống; ai tin Ta thì sẽ sống, dù đã chết rồi; và hễ ai sống mà tin Ta thì sẽ không bao giờ chết" (Giăng 11:25-26). Sự thật rằng Chúa Giê-xu Christ, trong chính thân vị Ngài, là sự sống lại và sự sống, đem lại những hệ quả sâu rộng và đầy phước hạnh cho các tín hữu – cả những người đang sống lẫn những người đã qua đời.

2.9.6 Các tín hữu đã qua đời

Đối với các tín hữu đã chết, lời của Chúa có ý nghĩa gì khi Ngài nói rằng Ngài

- là sự sống lại?
- là sự sống?

Họ sẽ sống, vì một ngày kia họ sẽ sống lại. Trước đây chúng ta đã thấy rằng điều này nói về sự sống lại của thân thể. Vì Ngài là sự sống lại, nên sự sống lại có nghĩa là sự chấm dứt sự chết của thân thể họ và sự trở lại với sự sống. Đó là niềm hy vọng về sự sống lại, đặt nền trên thân vị Ngài, trên công việc chuộc tội của Ngài và trên sự sống lại của Ngài. Sự sống đời đời là sự bảo đảm rằng thân thể sẽ được khiến sống lại. Khi ấy thân thể cũng sẽ dự phần trọn vẹn vào sự sống đời đời.

Họ sẽ sống, dù đã chết: Ở đây nói về trạng thái của người tín hữu ngay sau khi chết. Khi người tín hữu chết, sự sống với mọi đặc điểm của sự sống đời đời (xem mục 2.9.4) vẫn tồn tại. Sự sống đời đời không bị sự chết đụng đến; nó đi qua "cửa sự chết" mà không bị ảnh hưởng gì. Cụ thể, điều đó có nghĩa là sự sống mới, tức cái "tôi" mới của người tín hữu, ý thức về bản thân của con người mới, vẫn tồn tại cả sau khi chết. Sự sống đời đời gắn liền không thể tách rời với người tín hữu.

Trong mối liên hệ này, một lần nữa chúng ta thấy rõ rằng sự sống đời đời không bao giờ có thể bị tách khỏi người tín hữu nữa. Người ấy, dù đã chết, vẫn tiếp tục sống trong năng lực và ý thức của sự sống này. Sự thông công với Cha và Con, điều chỉ trở nên có thể nhờ sự sống đời đời, không bị gián đoạn.

2.9.7 Các tín hữu đang sống

Trong Giăng 11:26, Chúa nói rằng việc Ngài là sự sống lại và sự sống có ý nghĩa gì cho những người đang sống: Những người đang sống sẽ không bao giờ chết. Chúa còn nói ra lẽ thật này hai lần nữa ở chỗ khác: "Đây là bánh từ trời xuống. Không phải như tổ phụ đã ăn rồi chết; ai ăn bánh này sẽ sống đời đời" (Giăng 6:58); và "Nếu ai giữ lời Ta, sẽ không bao giờ thấy sự chết" (Giăng 8:51).

Điều đáng chú ý là trong phần đầu của câu Giăng 11:26, Chúa nói về các tín hữu đã chết, dù trong phần thứ hai Ngài nói rằng các tín hữu sẽ không hề chết nữa. Thế nhưng người tín hữu vẫn chết y như người không tin. Đó có phải là một sự mâu thuẫn không? Trong phần thứ hai của câu, sự chết có một khía cạnh khác. Sự chết của các tín hữu và sự chết của những người không tin không phải là một. Người tín hữu khi chết sẽ không thấy sự chết đời đời, là điều mà người không tin đang hướng đến sau khi thân thể chết. Sự chết của thân thể dẫn tội nhân đến sự phán xét đời đời, tức là sự chết đời đời (Khải Huyền 20:14), vì "theo như đã định cho loài người phải chết một lần, rồi chịu phán xét" (Hê-bơ-rơ 9:27). Đối với tội nhân, chẳng còn lại gì khác ngoài sự chết và sự phán xét. Đối với người ấy không còn hy vọng và không còn sự giúp đỡ nào nữa. Đó là sự chết của người không tin!

Người tín hữu sẽ không chết sự chết này của tội nhân. Nhờ sự sống lại của Đấng Christ, tác động của tội lỗi trên con người (sự chết) đã hoàn toàn bị xóa bỏ cho các tín hữu. Ngay bây giờ họ đã có một bản tính mới không thể chết nữa – dù họ còn phải trải qua sự chết của thân thể. Đó là sự sống của Đấng đã chiến thắng sự chết trong năng lực của sự sống thiên thượng. Vì Ngài là sự sống lại, nên đó là một sự sống mà sự chết không còn quyền gì trên nó nữa.

Người tín hữu, dù đang sống hay đã chết, *luôn luôn* sống trong năng lực và ý thức của sự sống đời đời. Chỉ có thân thể là, vì sự chết, bị loại ra khỏi điều

đó trong một thời gian nhất định.

Tóm tắt: Sự sống đời đời là sở hữu của người tín hữu trong ba giai đoạn khác nhau mà người ấy trải qua. Nó bắt đầu trong đời sống trên đất của người ấy, khi người ấy được tái sinh. Kế đến, nó cũng là sở hữu của người ấy sau khi chết. Sau cùng, nó dẫn đến sự hoàn tất đời đời trong sự sống lại.

2.9.8 Hình thức tương lai của sự sống đời đời

Cả sứ đồ Phao-lô (trong Rô-ma 5:21 và 6:22) lẫn các sách Phúc Âm cộng quan (trong Ma-thi-ơ 18:8; 25:46; Mác 10:30; Lu-ca 18:30) đều nói về sự sống đời đời theo hình thức tương lai, chứ không như một sở hữu hiện tại như nơi Giăng.

Phao-lô gắn việc có trọn vẹn và vui hưởng sự sống đời đời với sự không hề hư nát trong sự sống lại. Ông nói rằng phần thưởng dành cho những người "bền lòng làm lành, tìm kiếm sự vinh hiển, sự tôn trọng và sự không hề hư nát [tức của thân thể trong sự sống lại]" sẽ là sự sống đời đời (Rô-ma 2:7). Đối với Phao-lô, sự sống đời đời theo ý nghĩa trọn vẹn của nó là được giống như Đấng Christ đã sống lại trong vinh hiển. Đó là bầu không khí mà sự sống đời đời ở như ở quê nhà.

Hiện nay, là những người đang sống trên đất, chúng ta vẫn còn có sự sống đời đời trong một thân thể hay chết. Trong sự sống lại, chúng ta sẽ được mặc lấy một "nhà đời đời" (2 Cô-rinh-tô 5:1). Đó là một thân thể sẽ hoàn toàn tương xứng với sự sống đời đời, với trạng thái hoàn tất. Giăng cũng biết khía cạnh này của sự sống đời đời.[97]

Niềm hy vọng và sự trông đợi sự sống đời đời (Tít 1:2; 3:7; Rô-ma 6:22) là chẳng bao lâu nữa được kinh nghiệm và vui hưởng những điều của thiên đàng, của nhà Cha, trong môi trường và bầu không khí riêng của sự sống ấy.

2.9.9 Đức Thánh Linh

Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta.[98] Không đi vào thêm chi tiết ở đây, tôi xin lưu ý rằng Ngài sẽ ở với chúng ta đời đời, như Chúa Giê-xu phán:

---

97. Giăng 4:36; 12:25; so sánh 1 Giăng 3:1-2.
98. Giăng 7:39; 14:16; 15:26; Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8; 19:2; Rô-ma 8:9, 11, 14-16; 1 Cô-rinh-tô 2:12; 3:16; 6:19; 2 Cô-rinh-tô 1:22; Ê-phê-sô 4:30; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:8; 2 Ti-mô-thê 1:14; Gia-cơ 4:5.

"… và Ta sẽ cầu xin Cha, Ngài sẽ ban cho các con một Đấng Yên Ủi khác, để ở với các con đời đời, tức là Thần Lẽ Thật, mà thế gian không thể nhận lãnh, vì chẳng thấy Ngài và chẳng biết Ngài. Các con biết Ngài, vì Ngài vẫn ở với các con và sẽ ở trong các con." (Giăng 14:16-17, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Do đó, Thánh Linh của Đức Chúa Trời cũng ở với chúng ta trong sự chết. Ngay cả khi ấy Ngài vẫn là sức mạnh của chúng ta. Cũng như sự sống đời đời, trong thời gian trung gian này Ngài là sự bảo đảm rằng chúng ta sẽ ở với Chúa Giê-xu với ý thức trọn vẹn, với sức mạnh và sự hiểu biết trọn vẹn. Chính vì điều đó mà Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã được ban cho chúng ta làm của tin, làm sự bảo đảm hướng về giây phút ấy:

"Đấng đã chuẩn bị chúng ta cho chính điều ấy là Đức Chúa Trời, Đấng đã ban của tin của Thánh Linh cho chúng ta" (2 Cô-rinh-tô 5:5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Điều Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta trong đời sống, cũng sẽ thuộc về chúng ta trong sự chết!

2.9.10 Kết luận

Để kết thúc, đối với câu hỏi bao quát "Trạng thái của các tín hữu sau khi chết là gì?", chúng ta có thể ghi nhận như sau: Cả sự sống đời đời lẫn Đức Thánh Linh đều là sự bảo đảm rằng người tín hữu sau khi chết tiếp tục sống trong sự thông công có ý thức với Đấng Christ.

Sự sống trong người tín hữu không thể chết (ngay cả khi người bề ngoài chết), vì người ấy có sự sống ấy trong Con, là Đấng sống đời đời. Người tín hữu cũng không thể đánh mất sự sống ấy nữa, vì nếu vậy người ấy sẽ đánh mất toàn bộ sự hiện hữu mà mình có như một người được sinh bởi Đức Chúa Trời. Sự hiện hữu mới này là công việc của Đức Chúa Trời, một sự sáng tạo mới, không thể bị hủy hoại và cũng sẽ không bao giờ có kết thúc.

Cũng vậy, mọi đặc điểm của Đức Thánh Linh đã được ban cho chúng ta sẽ quyết định sự hiện hữu của chúng ta trong sự chết.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy phân biệt "sự sống đời đời" với "sự bất tử"!

- Sự chết của một tín hữu khác với sự chết của một người không tin như thế nào? Bạn hãy lưu ý lời trong Giăng 11:26!
- Đức Thánh Linh có ý nghĩa gì đối với trạng thái trung gian?

2.10 Các linh bị giam trong ngục

"Các linh bị giam trong ngục" là một khái niệm liên quan trực tiếp đến đề tài của chúng ta. Khái niệm này chỉ xuất hiện một lần trong Kinh Thánh, và chỉ trong thư thứ nhất của Phi-e-rơ. Chính vì thế mà khó hiểu nó cho đúng. Trong thư thứ hai, Phi-e-rơ viết rằng một vài thư của Phao-lô khó hiểu (2 Phi-e-rơ 3:16). Nhưng ở đây, điều đó có lẽ cũng đúng với chính thư của ông, vì đoạn văn nhắc đến các linh (1 Phi-e-rơ 3:19-20) thuộc về những đoạn khó nhất trong Tân Ước. Điều đó đã dẫn đến việc trong lịch sử giáo hội đã có, và ngày nay vẫn còn có, nhiều cách giải thích rất khác nhau.[99]

Chính Phi-e-rơ nêu ra nguyên tắc quan trọng nhất của việc giải thích Kinh Thánh, đó là "không có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh được giải thích theo ý riêng" (2 Phi-e-rơ 1:20). Vì thế, chúng ta cũng sẽ xem xét đoạn văn này trong ánh sáng của mọi câu Kinh Thánh trong Tân Ước mà chúng ta đã bàn trong các mục 2.1 đến 2.9, là những câu đã cho chúng ta một bức tranh toàn diện về trạng thái giữa sự chết và sự sống lại của cả người công chính lẫn người không công chính.

Phi-e-rơ viết cho *những người kiều ngụ tản lạc*:

> *"Vì Đấng Christ cũng đã chịu khổ một lần vì tội lỗi, là Đấng công chính thay cho kẻ không công chính, để đưa chúng ta đến với Đức Chúa Trời; về phần xác thì Ngài đã bị giết, nhưng về phần Thánh Linh thì được làm cho sống; bởi Thánh Linh ấy, Ngài cũng đã đi giảng cho các linh bị giam trong ngục, là những kẻ xưa kia đã không vâng lời, khi sự nhịn nhục của Đức Chúa Trời chờ đợi trong đời Nô-ê, lúc chiếc tàu đang được đóng, trong đó có ít người, tức là tám linh hồn, được vào và được cứu qua nước" (1 Phi-e-rơ 3:18-20, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

99. Xem: William Kelly, *Christ Preaching to the Spirits in Prison*, The Bible Treasury, Vol. 9, 1872; và: Jürgen Kuberski, *Eine Höllenfahrt Jesu?*, Bibel und Gemeinde, 2/1988; và: H.L. Heijkoop, *Der erste Brief des Petrus*, Neustadt (Schriftenverlag Ernst Paulus) 1978. Xem thêm phần Phụ lục.

2.10.1 Ý định của Phi-e-rơ

Phi-e-rơ không bàn câu hỏi trạng thái sau khi chết là gì. Không ai đã hỏi ông về điều đó, cũng không ai đã đưa ra một giáo lý sai cần phải bác bỏ.[100] Các tín hữu mà Phi-e-rơ viết thư cho đang phải chịu sự bắt bớ dữ dội vì có Chúa Giê-xu.[101] Ông muốn khích lệ họ trong hoàn cảnh khó khăn này. Vì thế, ông so sánh hoàn cảnh của họ với hoàn cảnh của Nô-ê trong những ngày trước nước lụt. Nô-ê cùng với gia đình mình là một thiểu số chỉ có tám linh hồn. Theo lời Chúa, ông cùng các con trai đóng một chiếc tàu trên đất khô. Không ai khác theo ông. Cũng như Nô-ê không thấy Đức Chúa Trời, các tín hữu không thấy Đấng Christ (1:8); đó là việc của đức tin. Gương của Nô-ê, cùng với công việc và sự hiện diện của Đấng Christ qua Thánh Linh Ngài, phải thúc giục họ chịu đựng, dù sứ điệp của họ bị khước từ và người ta bức hại họ cách bất công.

2.10.2 Lời giải thích của tôi về đoạn văn

Đấng Christ chịu khổ là gương mẫu cho các tín hữu, là những người cũng như Ngài phải chịu khổ vì làm điều lành. Câu này nói về sự chịu khổ của Đấng Christ vì tội lỗi. Là Đấng công chính, Ngài đã chết thay cho những kẻ không công chính, với mục đích đưa họ đến với Đức Chúa Trời. Đó là sự chịu khổ chuộc tội của Đấng Christ, điều mà các tín hữu không cần phải chịu. Sự chuộc tội của Đấng Christ đã đem sự chết đến cho Ngài; Ngài đã "bị giết về phần xác". Nhưng đó không phải là kết thúc, vì Ngài đã sống lại từ kẻ chết trong quyền năng của Thánh Linh Đức Chúa Trời (Rô-ma 1:4; 8:11).

Bởi Thánh Linh này – chứ không phải với tư cách một con người trên đất – Ngài đã đi giảng cho các linh bị giam trong ngục, là những kẻ xưa kia đã không vâng lời. Đức Thánh Linh, nói cách khác là Thánh Linh của Đấng Christ (1 Phi-e-rơ 1:11), đã hành động trong Nô-ê, người giảng đạo công bình (2 Phi-e-rơ 2:5). Sự rao giảng cho những người cùng thời với Nô-ê kéo dài suốt thời gian chiếc tàu được đóng. Không ai trong số họ ăn năn quay về; tất cả đều chết trong nước lụt vì sự không vâng lời của mình. Giờ đây Thánh

100. Phao-lô đã làm điều đó chẳng hạn trong 1 Cô-rinh-tô 15, nơi ông chống lại việc chối bỏ sự sống lại.
101. 1 Phi-e-rơ 1:6; 2:12, 19-21; 3:14, 17; 4:1, 4, 12, 16; 5:8-9.

Linh của Đấng Christ hành động với cùng mục đích ấy trong các tín hữu (1 Phi-e-rơ 4:14; so sánh 1:11) mà Phi-e-rơ viết thư cho, để qua họ lời chứng về ân điển của Đức Chúa Trời được loan truyền.

Phi-e-rơ gọi những người đã chết trong thời Nô-ê là "các linh bị giam trong ngục". Họ đã không tin tin vui (1 Phi-e-rơ 4:6) và để sự nhịn nhục của Đức Chúa Trời trôi qua suốt nhiều năm, trong thời gian chiếc tàu được đóng. Vì thế, sự phán xét họ bắt đầu khi họ chết (Hê-bơ-rơ 9:27), và họ thấy mình ở trong Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ'), nơi khổ hình (Lu-ca 16:23), là nơi ở đây được gọi là ngục. Điều này cũng là một sự thúc giục cho các tín hữu. Sứ điệp và niềm hy vọng của họ, mà họ phải sẵn sàng giải thích (1 Phi-e-rơ 3:15), là hoàn toàn đúng. Mọi người không theo sứ điệp của họ sẽ đến cùng một nơi ấy. Ngục cũng đang chờ đợi họ sau khi chết. Đó sẽ là chỗ của họ cho đến ngày sống lại và cho đến ngày phán xét lớn, như Phi-e-rơ viết ít lâu sau đó:

> *"… họ sẽ phải khai trình với Đấng đã sẵn sàng xét đoán kẻ sống và kẻ chết" (1 Phi-e-rơ 4:5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Nô-ê đã được cứu trong chiếc tàu qua nước lụt. Hình bóng tương ứng với điều đó, tức là phép báp-têm, ngày nay cũng cứu các tín hữu, ở chỗ họ cũng như Nô-ê được đặt vào một địa vị mới trên đất. Được phân rẽ khỏi thế gian và khỏi những người cùng thời (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:40-41), giờ đây họ phục vụ Đấng Christ đã sống lại và được vinh hiển, là Đấng đã được ban cho mọi quyền phép.

Dưới những tiêu đề sau đây, tôi bàn kỹ hơn về một số khái niệm và cách giải thích mà tôi không cho là đúng theo Kinh Thánh.

2.10.3 Bị giết về phần xác – được làm cho sống về phần Thánh Linh

Dù ở trên đã giải thích hai cách nói này, ở đây tôi xin nêu thêm một vài khía cạnh khác. Về cách nói "bị giết về phần xác" không có những quan điểm khác nhau. Chắc chắn điều này nói về sự chết chuộc tội của Đấng Christ. Sự chết của Ngài đối lập với điều đến sau đó, tức là sự sống lại của Ngài. Sự sống lại được mô tả là "được làm cho sống về phần Thánh Linh". "Được làm cho sống" là cùng một cách nói như trong Rô-ma 4:17; 8:11; 1 Cô-rinh-tô

15:22, 36, 45. Nhưng sự sống lại không có nghĩa là việc "làm cho sống" tâm linh của Chúa, mà là sự sống lại của thân thể (Giăng 2:19-22).

Chính Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng hành động trong sự sống lại, vì về Ngài có lời chép: "Ấy là Thánh Linh làm cho sống" (Giăng 6:63). Phao-lô nói về Đức Thánh Linh trong mối liên hệ với sự sống lại của Chúa và cũng của các tín hữu:

> *"… và được tỏ ra … là Con Đức Chúa Trời có quyền năng, theo Thánh Linh của sự thánh khiết, bởi sự sống lại từ kẻ chết, tức là Chúa Giê-xu Christ, Chúa chúng ta" (Rô-ma 1:4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
> *"Nếu Thánh Linh của Đấng đã khiến Chúa Giê-xu sống lại từ kẻ chết ở trong anh em, thì Đấng đã khiến Đấng Christ sống lại từ kẻ chết cũng sẽ làm cho thân thể hay chết của anh em được sống, vì Thánh Linh Ngài ở trong anh em" (Rô-ma 8:11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Trong Chúa Giê-xu, mọi sự đầy trọn của bản tính Đức Chúa Trời ở cách có hình thể (Cô-lô-se 1:19-20; 2:9), tức là Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Cả ba Ngôi của Đức Chúa Trời đều dự phần vào công việc cứu chuộc, và như vậy cũng dự phần vào sự sống lại của Ngài.

Bởi Thánh Linh này, Ngài đã đi giảng. Vậy Ngài đã không làm điều đó cách đích thân, tức là với tư cách một con người có thịt và huyết. Đó là Thánh Linh của Đấng Christ,[102] là Đấng đã hành động trong các tiên tri thời Cựu Ước trước khi Đấng Christ trở nên người (1 Phi-e-rơ 1:11), và hiện nay cũng đang hành động trong sự rao giảng Tin Lành, và ở đó được gọi là "Đức Thánh Linh" (1 Phi-e-rơ 1:12).

Trong đời Nô-ê, Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã hành động qua Nô-ê, người mà Phi-e-rơ gọi là "người giảng đạo công bình" (2 Phi-e-rơ 2:5). Môi-se cũng nói về công việc của Thánh Linh Đức Chúa Trời trong thời Nô-ê (Sáng Thế Ký 6:3), trong mối liên hệ với sự phán xét bằng nước lụt. Trong Tân Ước, chúng ta cũng thấy một điều tương tự, nơi có chép rằng Đấng Christ đã giảng khi Ngài rao truyền sự bình an (Ê-phê-sô 2:17). Nhưng cả ở đó Ngài cũng không làm điều đó cách đích thân, mà qua các đầy tớ Ngài. Ngài đã thăng lên trời và không còn hiện diện cách đích thân nữa.

---

102. Cách nói "Thánh Linh của Đấng Christ" hay "Thánh Linh của Chúa Giê-xu" có trong Công Vụ Các Sứ Đồ 16:7; Rô-ma 8:9; Phi-líp 1:19; 1 Phi-e-rơ 1:11; "Thánh Linh của Chúa" trong Công Vụ Các Sứ Đồ 5:9; 8:39; 2 Cô-rinh-tô 3:17. Ở mọi chỗ đều là Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

2.10.4 Sự rao giảng cho các linh bị giam trong ngục

Trong số những cách giải thích rất khác nhau, phần lớn đều đồng ý rằng trong khoảng thời gian ngắn giữa sự chết và sự sống lại của Ngài, Đấng Christ đã đích thân giảng cho các linh trong Hades. Điều này kéo theo những câu hỏi có tầm ảnh hưởng sâu rộng.

2.10.5 Nội dung của sự rao giảng

Dù từ sự đa dạng của các cách giải thích có thể thấy rằng người ta không biết nội dung của sự rao giảng, tức là sứ điệp, nhưng tôi chỉ có thể hiểu một sự rao giảng với mục đích đưa con người đến sự ăn năn quay về để họ được cứu. Nói chung, đó là ý nghĩa của sự "rao giảng".[103] Chính Phi-e-rơ định nghĩa sự rao giảng này. Ông nói rằng tin vui đã được rao giảng cho người chết (4:6). Vì thế, một sự rao giảng như vậy trong Hades có nghĩa là những người đã qua đời được ban cho cơ hội thứ hai để ăn năn quay về.

Những cách giải thích về nội dung của sự rao giảng trải dài từ việc công bố chiến thắng của Đấng Christ cho đến việc rao truyền tin vui. Ý tưởng cho rằng chiến thắng của Đấng Christ được công bố cho những người đã qua đời không được Kinh Thánh nhắc đến ở đâu cả. Ý tưởng ấy cũng chẳng có mấy ý nghĩa, vì dù sao thì cũng sẽ đến lúc mọi người – chứ không chỉ những người đã chết cho đến thời điểm Đấng Christ chết – sẽ thừa nhận quyền cai trị của Đấng Christ. Phao-lô nói rằng những kẻ ở trên đất (tức là người sống) và những kẻ ở dưới đất (tức là người chết) đều được bao gồm trong đó:

> *"… hầu cho nghe đến danh Chúa Giê-xu, mọi đầu gối của những kẻ ở trên trời, ở trên đất và ở dưới đất đều phải quỳ xuống, và mọi lưỡi đều phải xưng nhận Chúa Giê-xu Christ là Chúa, để tôn vinh Đức Chúa Trời là Cha" (Phi-líp 2:10-11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*[104]

---

103. Chẳng hạn Ma-thi-ơ 26:13; 1 Cô-rinh-tô 1:23; Ga-la-ti 2:2; Phi-líp 1:15.
104. Từ Phi-líp 2:11 không thể thấy được thời điểm điều này sẽ xảy ra, và đó có phải là cùng một thời điểm cho mọi người được nhắc đến hay không. Tuy nhiên, phù hợp với những lời khác của Kinh Thánh – nhất là từ các phiên xét xử –, có thể suy ra rằng đây là nói về sự phán xét kẻ sống và kẻ chết trước ngôi lớn, là sự phán xét khi ấy sẽ đến trên mọi người cùng một lúc. Theo ý nghĩa này, Chúa Giê-xu cũng nói về "ngày phán xét" (Ma-thi-ơ 10:15; 11:22, 24; Lu-ca 10:14).

Một sự rao giảng như lời kêu gọi ăn năn cho các linh bị giam trong ngục trong khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại của Đấng Christ còn phải bị bác bỏ vì những lý do sau:

- Chúng ta không có thêm chỉ dẫn nào trong Kinh Thánh ủng hộ quan điểm này. Trái lại, Đấng Christ đã đến Ba-ra-đi (thiên đàng), đến với các tín hữu, chứ không đến Hades, như chính Ngài đã phán trong Lu-ca 23:43.
- Phi-e-rơ nói rằng Ngài đã được làm cho sống sau khi Ngài đã chết. Ông không nói về điều đã xảy ra giữa sự chết và sự sống lại.
- Thật không thể hiểu được tại sao chính những người được nói rõ là lúc còn sống đã kinh nghiệm sự nhịn nhục của Đức Chúa Trời và đã khước từ nó, lại được nghe giảng thêm một lần nữa. Lời chứng của Kinh Thánh thật rõ ràng: sau khi chết không còn cơ hội nào để ăn năn quay về nữa.
- Điều đó có nghĩa là Ngài chỉ giảng riêng cho những người đã chết trong nước lụt. Rõ ràng đoạn này nói về những người ấy. Nhưng còn những người đã chết trước hoặc sau đó, mà tổng cộng chắc chắn đông hơn những người này rất nhiều, thì sao? Vậy thì hẳn mọi người đã chết đều phải được nghe giảng.

Điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì, và mở ra khả năng ăn năn sau khi chết. Nhưng điều này sai và không phải là sự dạy dỗ của Kinh Thánh. Những lời dạy của Chúa Giê-xu trong Lu-ca 16 về Hades cho thấy rõ rằng sau khi chết không còn có sự thay đổi nào nữa. Một vực sâu lớn không thể vượt qua ngăn cách nơi phước hạnh với chốn khổ hình.

2.10.6 Linh hồn và các linh

Tám người được cứu trong chiếc tàu được gọi là "linh hồn". Trong thư thứ nhất, Phi-e-rơ dùng chữ "linh hồn" sáu lần.[105] Năm lần ông hiểu "linh hồn" là một yếu tố thuộc bản thể của người tín hữu; chỉ một lần – trong đoạn văn của chúng ta – ông dùng nó để chỉ toàn bộ con người. Nếu ở đây ông nói "người" thay vì "linh hồn", thì ý nghĩa cũng vẫn như vậy, vì khái niệm "linh hồn" thường được dùng như thế trong Kinh Thánh.[106] Ý nghĩa này của "linh hồn" ngày nay vẫn còn trong cách nói của chúng ta.

105. 1:9, 22; 2:11, 25; 3:20; 4:19.
106. Chẳng hạn Sáng Thế Ký 12:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5; Dân Số Ký 31:35; Công Vụ Các Sứ Đồ 2:41; 7:14.

Vậy nếu "linh hồn" chỉ con người như người ấy sống trên đất trong thời Nô-ê, thì "các linh" bị giam trong ngục có nghĩa là gì? Khái niệm "các linh" có chỉ những người đã qua đời không? Điều có thể khẳng định rõ ràng là "linh" không bao giờ được dùng cho con người đang sống trên đất, trái hẳn với "linh hồn". Dĩ nhiên chữ "linh" rất thường được dùng trong mối liên hệ với con người, nhưng khi ấy chỉ như một thành phần bản thể của con người, cũng như trường hợp của linh hồn. Ngược lại, chữ "linh" được dùng cho các thiên sứ, cả những thiên sứ phục vụ Đức Chúa Trời lẫn các quỷ, tức là các thiên sứ sa ngã (chẳng hạn Ma-thi-ơ 10:1; Khải Huyền 12:8).

2.10.7 Các linh ấy có phải là thiên sứ sa ngã không?

Tuy nhiên, như vậy thì quan điểm cho rằng đây là nói về các thiên sứ hiện đang bị giam trong vực sâu thẳm nhất không có cơ sở.[107] Người ta dựa vào những câu Kinh Thánh sau:

> *"Vì nếu Đức Chúa Trời đã không tha các thiên sứ phạm tội, nhưng quăng họ xuống vực sâu thẳm nhất [tiếng Hy Lạp Tartarus] và giao họ cho những xiềng xích của sự tối tăm, để giam giữ họ cho đến sự phán xét …" (2 Phi-e-rơ 2:4, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; so sánh Giu-đe 6),*

trong mối liên hệ với Sáng Thế Ký 6:2-4:

> *"… thì các con trai Đức Chúa Trời thấy con gái loài người xinh đẹp, bèn lấy người nào mình chọn làm vợ. CHÚA phán: Thánh Linh Ta sẽ chẳng tranh cãi với loài người mãi mãi, vì nó chỉ là xác thịt; đời nó sẽ là 120 năm. Trong những ngày ấy có những người khổng lồ trên mặt đất, và cả về sau nữa, khi các con trai Đức Chúa Trời đến với con gái loài người, và họ sinh con cho các con trai ấy."*

Người ta thấy trong những xiềng xích mà Giu-đe viết đến một điều tương ứng với ngục mà Phi-e-rơ viết đến. Biến cố trong Sáng Thế Ký 6, nơi các thiên sứ kết hợp với những người nữ, chắc chắn liên quan đến thời Nô-ê. Theo quan điểm này, Đấng Christ đã đem một sứ điệp đến cho những thiên sứ đã sa ngã, hiện đang bị xiềng và bị giam giữ cho đến sự phán xét. Nhưng đó

107. Xem Kenneth S. Wuest, *First Peter in Greek New Testament*, Michigan (Eerdmans Publishing), 1942.

không thể là sứ điệp về ân điển và sự cứu rỗi, vì theo Hê-bơ-rơ 2:16, Chúa không cứu giúp các thiên sứ để giải thoát họ.

Không có một chỉ dẫn nào trong Kinh Thánh cho thấy Đấng Christ đã công bố cho các thiên sứ chiến thắng của Ngài tại Gô-gô-tha, và điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì, vì đối với họ đã có một ngày phán xét được ấn định sẵn. Đấng Christ sẽ là Thẩm Phán (so sánh 1 Cô-rinh-tô 6:3). Vậy khi ấy, dù sao đi nữa, quyền năng và sự cao cả của Ngài cũng sẽ được bày tỏ.

Sau cùng, không cần phải công bố quyền năng của Đấng Christ, vì các thiên sứ sa ngã, tức là các quỷ hay các tà linh, ngay trước Gô-gô-tha cũng đã biết quyền năng của Đấng Christ, kể cả trong mối liên hệ với sự phán xét, và họ sợ quyền năng của Ngài (Lu-ca 8:27-33; Ma-thi-ơ 8:29). Các quỷ tin và run sợ (Gia-cơ 2:19), dù không có sứ điệp nào được Đấng Christ rao giảng cho chúng.

Từ Sáng Thế Ký 6 có thể thấy rằng các thiên sứ đã kết hợp với những người nữ *trước* thời Nô-ê, và như vậy biến cố này không nhất thiết xảy ra trong những ngày của Nô-ê.

Ở chỗ này mà hiểu "các linh" là các thiên sứ là sai, dù có vẻ như có những điểm liên hệ. Một lần nữa, cần lưu ý mạch văn và toàn bộ lời chứng của Kinh Thánh.

2.10.8 Các linh – những người đã qua đời

Ở đây những người cùng thời với Nô-ê được gọi là "các linh", vì giờ đây, vào thời điểm bức thư được viết, họ đang ở trong ngục. Chữ "ngục" ám chỉ hậu quả của sự không vâng lời của họ, vì sự phán xét họ không có kết thúc. Sự hiện hữu của họ sau khi chết không ở trong thân thể bằng thịt và huyết; họ ở "ngoài thân thể", nếu dùng một cách nói của Phao-lô (2 Cô-rinh-tô 5:8). Vì thế, họ được gọi là các linh. Vài câu sau đó, Phi-e-rơ dùng một cách gọi khác cho những người ở đây được gọi là các linh. Những câu ấy vẫn còn thuộc về các câu đã trích ở trên và thật ra là phần kết của mạch tư tưởng:

> *"Vì cũng vì điều đó mà tin vui đã được rao giảng cho những người chết, để họ bị xét đoán theo loài người về phần xác thịt, nhưng được sống theo Đức Chúa Trời về phần tâm linh" (1 Phi-e-rơ 4:6, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Giờ đây – xét về tâm linh – linh hồn – họ là các linh bị giam trong ngục. Xét về thân thể, giờ đây họ là những người chết. Cả hai cách mô tả đều giải thích cùng một trạng thái, nhưng từ hai phía. Một là khía cạnh thân thể ("những người chết"), và một là khía cạnh tâm linh – linh hồn. Tin vui không được rao giảng cho những người lúc ấy đã chết, mà cho những người giờ đây đã chết, là những người lúc ấy, sau khi đã nghe sứ điệp khi còn sống, đã bỏ mạng trong nước lụt.[108]

Đó là ý nghĩa của chữ "các linh", điều có thể nhận ra từ mạch văn – ngay cả khi không biết ngôn ngữ gốc.

Còn có một chỗ khác nói về các linh, tức là về con người sau khi chết:

> *"… nhưng anh em đã đến gần núi Si-ôn, gần thành của Đức Chúa Trời hằng sống, tức là Giê-ru-sa-lem trên trời; gần hàng vạn thiên sứ, gần đại hội; gần hội của những con đầu lòng có tên ghi trên các từng trời; gần Đức Chúa Trời, là Đấng xét đoán mọi người; và gần các linh của những người công chính được trọn vẹn" (Hê-bơ-rơ 12:22-23, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Trong sự liệt kê tuyệt vời này, ở cuối có khái niệm mà chúng ta quan tâm trong mối liên hệ này: "các linh của những người công chính được trọn vẹn".[109] Vậy ở đây các linh đã bị tách khỏi thân thể và hợp thành một phần của hội những con đầu lòng. Khái niệm này chỉ nói về họ mà thôi, vì chỉ có tội nhân mới được xưng công chính bởi huyết Chúa Giê-xu. Huyết Chúa Giê-xu không dành cho các thiên sứ. Các linh ở đây không thể là thiên sứ, vì trong sự liệt kê này, các thiên sứ được nêu riêng.

---

108. Một số nhà giải kinh hiểu sự chết ở đây theo nghĩa thuộc linh (so sánh Ê-phê-sô 2:1, 5; Cô-lô-se 2:13; Lu-ca 15:24, 32). Nhưng theo thiển ý của tôi, sự chết thuộc linh không bao giờ được nhắc đến trong Cựu Ước, hay được áp dụng cho con người thời Cựu Ước.

109. Sự khác biệt giữa các khái niệm trong 1 Phi-e-rơ và Hê-bơ-rơ 12 là: nơi Phi-e-rơ, "các linh" chỉ toàn bộ con người, còn trong Hê-bơ-rơ 12, các linh được xem như một yếu tố thuộc bản thể của các tín hữu; như vậy thấy rõ rằng ngoài tâm linh còn có một thân thể. Về căn bản, các khái niệm này có cùng một ý nghĩa. Trong mối liên hệ này, tôi xin lưu ý đến khái niệm "đám mây người làm chứng" vây quanh người tranh tài của đức tin như trong một đấu trường. Những người làm chứng là những anh hùng đức tin trong Hê-bơ-rơ 11, hiện đang ở trong Ba-ra-đi trên trời. Có người đã gợi ý rằng họ dõi theo các Cơ Đốc nhân như khán giả theo dõi một cuộc thi đấu. Theo thiển ý của tôi, điều đó không thể có được. Nếu vậy họ sẽ thấy cả cuộc đời chúng ta, kể cả những điều riêng tư. Chúng ta không thể nói gì chắc chắn về điều này, vì Kinh Thánh im lặng về điều ấy.

2.10.9 Ngục tù

Ngục có thật sự là Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') không? Câu trả lời cho câu hỏi này không đơn giản, vì chúng ta chỉ gặp khái niệm "ngục" trong mối liên hệ với các linh một lần trong Kinh Thánh.

Ở đây chữ "ngục" không được dùng theo nghĩa nào khác với nghĩa chúng ta biết từ những chỗ khác trong Tân Ước.[110] Kẻ phạm tội bị bắt giam và không thể thoát khỏi nơi ấy[111] khi vấn đề tội trạng chưa được làm sáng tỏ. Khái niệm "ngục" có thể được giải thích tốt bằng việc những người không công chính bị giam giữ sau khi chết cho đến ngày phán xét. Chính Phi-e-rơ cũng nhắc đến điều đó trong thư thứ hai của ông:

> *"Chúa biết cứu người tin kính khỏi sự cám dỗ, và giam giữ những kẻ không công chính cho đến ngày phán xét để bị hình phạt" (2 Phi-e-rơ 2:9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Lẽ thật này cũng phù hợp với sự hiểu biết ngày nay của chúng ta, ở chỗ trước phiên xét xử có sự tạm giam. Cách giải thích này hoàn toàn không mâu thuẫn với mọi đoạn văn khác mà chúng ta đã xem xét trong mối liên hệ với đề tài của mình. Trái lại, nó làm cho bức tranh về phần của những người không công chính sau khi chết được trọn vẹn.[112]

Đối với một số thiên sứ, điều này cũng đúng: họ đang bị tạm giam trong "ngục". Họ bị giam giữ ở đó cho đến ngày phán xét. Họ ở trong ngục tối cho đến ngày tuyên án.

Chữ "ngục" cũng được hiểu theo nghĩa "ngục tù của tội lỗi". Ê-sai (42:7; 49:9; 61:1) và Lu-ca (4:18-19) dùng cách nói này như vậy. Nhưng theo thiển ý của tôi, ở đây không thể áp dụng như vậy, vì các linh không phải là những người đang sống, mà là những người đã từng sống. Nếu trong mối liên hệ với các linh mà nói đến ngục tù của tội lỗi, thì chỉ theo nghĩa là giờ đây họ bị ràng buộc vào tội lỗi của mình, vì họ không được tha thứ.

---

110. Chẳng hạn Ma-thi-ơ 14:10; Lu-ca 3:20; Công Vụ Các Sứ Đồ 5:19; 2 Cô-rinh-tô 6:5.
111. Có lẽ trong Công Vụ Các Sứ Đồ 1:25 chúng ta cũng có một chỉ dẫn về nơi này.
112. Dường như gần như thừa khi nhắc rằng những người ở trong ngục có ý thức trọn vẹn, vì những người đang ngủ thì không cần bị giam trong ngục.

2.10.10 Các tín hữu thời Cựu Ước được giải thoát khỏi Sheol?

Một quan điểm cũng khá phổ biến là: các tín hữu thời Cựu Ước, là những người ở trong Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ má'), hoặc đã ở một nơi khổ hình, hoặc ở trong một loại tình trạng chờ đợi không thể gọi là phước hạnh. Khi Đấng Christ đến nơi ấy sau khi Ngài chết, Ngài đã giải thoát các tín hữu và đưa họ vào Ba-ra-đi (thiên đàng), hoặc nhờ sự hiện diện của Ngài mà biến nơi ấy thành Ba-ra-đi.

Một trong những nền tảng của quan điểm này là ý nghĩa của khái niệm "Sheol" trong Cựu Ước. Sheol, trong số các ý nghĩa khác, là một nơi tiêu cực, tối tăm, nơi người chết đi đến. Ngược lại, Ba-ra-đi không được Cựu Ước nhắc đến như nơi ở của các tín hữu đã qua đời. Nhưng việc điều đó chưa được bày tỏ không có nghĩa là không có Ba-ra-đi. Lẽ nào Áp-ra-ham sau khi chết lại rơi vào sợ hãi và kinh hoàng? Ngay chính ông đã trông đợi thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời là Đấng xây cất và sáng lập, và trông đợi một quê hương trên trời không thuộc về thế giới này (Hê-bơ-rơ 11:10, 14, 16).

Cũng vậy, người ta phải hỏi: ông có biết, hay có được, sự tha tội không, khi Đấng Christ chưa đến?[113]

Tôi không muốn chỉ trả lời câu hỏi có hay không một sự giải thoát khỏi Sheol bằng những câu hỏi ngược lại. Nhưng chúng ta không có đoạn Kinh Thánh nào về điều này để có thể bàn luận. Theo thiển ý của tôi, ý tưởng này cũng chẳng có ý nghĩa gì, và trong Kinh Thánh không có điều tương tự nào nhắc đến, dù chỉ thoáng qua, một việc làm như thế của Đấng Christ.

Áp-ra-ham đã được về với tổ phụ mình.[114] Chúng ta có thể cho rằng ông đã gặp lại họ ở thế giới bên kia. Đức Chúa Trời của ông, Đấng mà ông biết là Đấng Toàn Năng, là Đức Chúa Trời của kẻ sống (Lu-ca 20:38). Từ đó chúng ta có thể kết luận rằng Áp-ra-ham, người được gọi là bạn của Đức Chúa Trời (Gia-cơ 2:23), hiện đang sống một đời sống phước hạnh, không cần được giải thoát hay được cải thiện cho đến sự sống lại.

---

113. Dựa trên Rô-ma 3:25-26, chúng ta có thể cho rằng Đức Chúa Trời đã không kể tội cho các tín hữu thời Cựu Ước, vì nhìn trước đến sự hy sinh của Chúa Giê-xu, có thể nói là ứng trước. Theo đó, cũng không có lý do gì để Áp-ra-ham phải chịu bất cứ khổ hình nào hay thậm chí một sự thanh tẩy nào sau khi chết.

114. Sáng Thế Ký 25:8; so sánh về Môi-se trong Dân Số Ký 27:13 (xem mục 1.5.3).

Khi Chúa Giê-xu nói về nơi phước hạnh như "lòng Áp-ra-ham", Ngài đã dùng một cách nói mà người Do Thái hoặc đã biết, hoặc có thể hiểu dễ dàng: Đó là một nơi phước lành cho người công chính sau khi chết. Từ đó người ta không thể suy ra rằng Áp-ra-ham là trung tâm cho các tín hữu thời Cựu Ước trong sự chết, cho đến khi Đấng Christ, sau khi Ngài chết, mở cửa vào Ba-ra-đi – cả cho Áp-ra-ham. Ba-ra-đi – nếu có thể nói như vậy – đã mở ra cho các tín hữu của mọi thời đại. Ba-ra-đi luôn luôn có đó, vì đó là sự hiện diện của Đức Chúa Trời trước ngôi Ngài trên trời.

2.10.11 Chúa Giê-xu xuống âm phủ?

Thật ra câu hỏi Chúa Giê-xu có xuống địa ngục hay không là thừa, vì nó đã được trả lời dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Một số bản tín điều, vốn chính chúng cũng nhiều lần được thay đổi, xưng nhận Chúa Giê-xu là Đấng đã xuống địa ngục hoặc xuống âm phủ (cõi của người chết). Luther và những người khác cùng với ông đã dịch "Hades" là "Hölle" (địa ngục), và từ đó đã hình thành ý tưởng về việc Đấng Christ "xuống địa ngục".

Để làm nền tảng cho việc "xuống địa ngục", người ta viện dẫn chẳng hạn Ê-phê-sô 4:8-10:

> *"Vì vậy, có lời rằng: 'Ngài đã lên nơi cao, đã dẫn những kẻ bị tù làm phu tù, và đã ban các ân tứ cho loài người.' Vả, chữ 'Ngài đã lên' có nghĩa gì khác hơn là Ngài cũng đã xuống những miền thấp hơn của đất? Đấng đã xuống, ấy chính là Đấng đã lên trên hết các từng trời, để làm cho đầy dẫy mọi sự."*

Ở đây nói về sự tôn cao và về chiều sâu của sự hạ mình của Chúa Giê-xu. Điểm thấp nhất của sự hạ mình của Ngài là sự chết. Việc Ngài, Đức Chúa Con, *ở trên* đất với tư cách một con người đã là một sự hạ mình (so sánh Phi-líp 2:5-11). Nhưng vì chúng ta, Ngài còn đi vào sự chết và bị chôn. Đó là ý nghĩa của "*những miền thấp hơn của đất*", như câu sau đây cũng nói.

Trong Ma-thi-ơ 12:40, điều được nói đến là sự chết thể xác, chứ không phải việc ở trong cõi của người chết.

> *"Vì như Giô-na đã ở trong bụng cá lớn ba ngày ba đêm, thì Con Người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm như vậy."*

Từ lời trích Thi Thiên 16:10 trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, người ta có thể đi đến kết luận rằng Chúa Giê-xu đã ở trong Hades:

> *"… vì Ngài sẽ không để linh hồn tôi trong Hades, và cũng không để Đấng Thánh của Ngài thấy sự hư nát."*

Nhưng câu này không phải là bằng chứng cho thấy Chúa thật sự đã ở trong Hades. Xem lời giải thích ở mục 2.1.8. (và cả phần Phụ lục)

2.10.12 Kết luận

Tôi không mệt mỏi nhấn mạnh rằng sau khi chết, Chúa Giê-xu đã không đến Hades, và lại càng không đến địa ngục. Ngài đã đến Ba-ra-đi, như chính Ngài đã phán với tên trộm trên thập tự giá.

Việc xuống Hades với mục đích rao giảng ở đó không có thêm điểm dựa nào trong Kinh Thánh. Hơn nữa, một sự rao giảng ở đó, dù nội dung của nó là gì đi nữa, cũng chẳng có ý nghĩa gì. Mọi người chết, kể cả các thiên sứ sa ngã, đều bị giam giữ mà không có cơ hội ăn năn quay về cho đến sự phán xét họ, khi ấy họ sẽ đối diện với quyền xét xử của Đấng Christ.

Số phận của tội nhân không ăn năn là một sự thúc giục cho các tín hữu, để dù gặp khó khăn họ vẫn không im lặng, và như Nô-ê, là người giảng đạo công bình.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- "Các linh" trong 1 Phi-e-rơ 3 là ai?
- Ai đã giảng cho họ, và điều đó xảy ra khi nào?
- Chúa Giê-xu đã ở đâu giữa sự chết và sự sống lại của Ngài – và không ở đâu?
- Tại sao?
- Phi-e-rơ dùng đoạn này thế nào để khích lệ các tín hữu thời ấy (và chúng ta ngày nay)?

2.11 Trải nghiệm lúc lâm chung và trải nghiệm cận tử

Với lời chứng của Kinh Thánh, chúng ta đã có được một bức tranh rõ ràng về thế giới bên kia. Nhưng trong thời đại chúng ta, bức tranh này không chỉ phải đối diện với những quan điểm sai lầm về thần học hay giáo lý, mà còn với những trải nghiệm khi cận kề sự chết, tức là trải nghiệm lúc lâm chung và

trải nghiệm cận tử. Đây là nói về những người tuy đã chết "lâm sàng" và được hồi sinh, nhưng chưa chết "sinh học". Họ đã ở "đâu đó" trong vùng giữa sự chết và sự sống. Họ chưa chết theo ý nghĩa mà tôi luôn giả định về sự chết trong phần khảo sát của mình, tức là như một điều không thể đảo ngược và dứt khoát.

Để hiểu rõ hơn chết lâm sàng là gì, tôi xin trích lời một bác sĩ: "Chết lâm sàng một mặt có nghĩa là ngừng thở, tức là việc hấp thụ oxy từ không khí chung quanh và việc thải khí carbonic ra môi trường hoàn toàn ngưng lại. Nó còn có nghĩa là tim ngừng đập, tức là sự tuần hoàn hoàn toàn bị tê liệt. Khi đã chết lâm sàng, điện tâm đồ hiện trên màn hình cái gọi là đường thẳng số không, tức là không còn chút đường cong nào của nhịp tim. Chết lâm sàng có thể đảo ngược được trong một khoảng thời gian rất giới hạn, chẳng hạn bằng những xung sốc điện rất mạnh. Nếu việc hồi sinh không thành công, thì sau vài phút 'chết sinh học' xảy ra. Chết sinh học có nghĩa là các hệ cơ quan riêng lẻ, nhất là não, ngừng hoạt động … Bên kia ngưỡng cửa của sự chết sinh học, theo lẽ thường không còn đường trở lại."[115]

Trong vùng giữa sự sống và sự chết "dứt khoát" này đã xuất hiện những hiện tượng mà bây giờ tôi muốn bàn đến.[116] Đây không phải là nói về những người đã trở lại với sự sống qua một sự sống lại, mà là những người chỉ chết *lâm sàng* trong một thời gian rất ngắn. Trong thời gian ấy, linh hồn của họ – ý thức của họ – đã rời khỏi thân thể. Chẳng hạn, họ đã thấy các bác sĩ trong phòng mổ đang giành giật sự sống cho họ. Họ kể về những cuộc gặp gỡ với những hữu thể ánh sáng thân thiện và những người quen cũ trong một khung cảnh dễ chịu. Họ không muốn trở lại thân thể mình nữa. Những trải nghiệm tích cực này không chỉ được các Cơ Đốc nhân kể lại, mà cả những người chẳng liên quan gì đến đức tin nơi Đấng Christ. Đối với họ, sau một trải nghiệm như thế, sự chết không còn gì đáng sợ nữa, và họ truyền lại kinh nghiệm này như một tin vui.

Các Cơ Đốc nhân phải có khả năng bày tỏ rõ ràng lập trường của mình về những hiện tượng này, vì những lời kể ấy đặt sự chết trong xã hội chúng ta

115. Dr. med. Hartmut Maier-Gerber, *Sterben – Der Höhepunkt des Lebens*, Wuppertal, 1994, tr. 20 và trang tiếp theo; được trích trong R. Moeckel, *Ist Sterben doch ganz anders*, Sehnde.
116. Bản thân tôi chưa từng có trải nghiệm lúc lâm chung, và cũng không quen biết riêng ai đã có trải nghiệm ấy. Vì thế, việc đánh giá những hiện tượng này chỉ dựa trên tài liệu viết mà tôi có và mọi người đều có thể tiếp cận.

dưới một ánh sáng mới, thậm chí hấp dẫn. Kẻ thù cuối cùng của con người dường như đã bị đánh bại, vì với những trải nghiệm này, sự chết là bước chuyển vào một thế giới hoàn hảo, đầy dẫy tình yêu thương. Khi ấy "Tất cả chúng ta, tất cả đều lên thiên đàng" là một bài hát mà người ta có lý do để hát. Hoặc rốt cuộc vẫn là: "Mọi sự sẽ tốt đẹp."

Từ khi có các ấn phẩm của Dr. Raymond Moody, Robert A. Monroe, E. Kübler-Ross và những người khác, những ý tưởng này về sự chết đã lan truyền rộng rãi. Bà Kübler-Ross tóm gọn sứ điệp của các nhà nghiên cứu về sự chết: "Đức Chúa Trời không phải là một hữu thể trừng phạt và kết án. Điều chúng ta biết được từ những người đã trở lại là sự bảo đảm rằng mỗi người, sau khi đi sang bên kia, đều có thể kinh nghiệm cảm giác bình an, quân bình và trọn vẹn"[117].

Đó chẳng phải là những khám phá ngoạn mục sao? Quả thật, vén bức màn bí mật của sự chết và của thế giới bên kia còn quan trọng hơn việc con người đặt chân lên mặt trăng hay sao Hỏa. Dường như cuối cùng cũng có một cái nhìn sang bên kia, và cái nhìn ấy cất đi nỗi sợ sự chết của chúng ta, vì ở đó không có Đức Chúa Trời nào mà trước mặt Ngài người ta phải khai trình về đời sống mình. Tất cả những điều ấy được khoác lên một lớp vỏ khoa học, khiến những khám phá này có vẻ nghiêm túc và đáng tin cậy.

2.11.1 Những lời kể này đúng được bao nhiêu?

Phải xem xét những lời kể này hết sức thận trọng. Không thể tin từng chữ những gì các tác giả nói trên trình bày, vì chúng thường mang dấu ấn của một thế giới quan ngoại giáo, của thuật thông linh và của phong trào New Age, và các hiện tượng cũng được giải thích theo thế giới quan ấy. Dù vậy, vẫn có đủ lý do để nghiêm túc nhìn nhận những hiện tượng khác thường này và không nghi ngờ tính chân thật của chúng. Có quá nhiều người, cả Cơ Đốc nhân lẫn người không phải Cơ Đốc nhân, đã trải qua những điều như thế. Gạt bỏ những lời kể ấy như chuyện ma quái và tưởng tượng là một kết luận quá dễ dãi, thậm chí sai lầm. Nhưng thật ra chúng ta phải nghĩ gì về chúng, và làm sao có thể xếp đặt và đánh giá những lời kể này theo Kinh Thánh?

117. Elisabeth Kübler-Ross, *Über den Tod und das Leben danach*, Berlin, 1994, tr. 44.

2.11.2 Trải nghiệm lúc lâm chung trong Kinh Thánh?

Câu hỏi đầu tiên luôn là: chúng ta có tìm thấy những hiện tượng thuộc loại này trong Lời Đức Chúa Trời không? Vì chúng ta có những lời tường thuật về những người được khiến sống lại, nên hãy xem xét những người ấy.

Lời tường thuật nổi tiếng nhất là việc Chúa Giê-xu khiến La-xa-rơ sống lại (Giăng 11). Lời tường thuật này cho biết La-xa-rơ đã chết bốn ngày và thân thể ông đã bắt đầu thối rữa. Ở đây chúng ta phải nói đến cái chết sinh học. Chúa của sự sống và sự chết đã gọi La-xa-rơ trở lại sự sống. Đó là một phép lạ và một dấu lạ để làm chứng cho người Do Thái.

Điều đáng chú ý là không có gì được kể lại về những gì La-xa-rơ đã trải qua trong thời gian ông chết. Dù sao thì Kinh Thánh cũng hầu như không kể gì về La-xa-rơ, nhưng ở đây chắc hẳn phải có điều gì đó để kể. Những lời ông nói về thế giới bên kia hẳn đã có tầm vóc hoàn toàn khác với những gì ngày nay chúng ta được nghe.

Hai lần khác Chúa Giê-xu khiến người chết sống lại cũng không kém phần ngoạn mục. Đó là con gái của Giai-ru (Mác 5:22; Lu-ca 8:41) và chàng trai ở thành Na-in (Lu-ca 7:11). Họ cũng đã chết về mặt sinh học, và được Chúa Giê-xu, Chúa của sự sống (Công Vụ Các Sứ Đồ 3:15), khiến sống lại. Về họ, cũng không có gì được kể lại về những trải nghiệm ở thế giới bên kia.

Nhân tiện, điều này cũng đúng với mọi trường hợp người chết sống lại khác được tường thuật trong Cựu Ước hay Tân Ước.

Ngay cả Chúa Giê-xu, Đấng theo chính lời Ngài đã ở trong Ba-ra-đi (thiên đàng) trong thời gian Ngài chết, cũng không kể gì về thời gian ở đó. Lẽ nào Ngài không thể kể Ba-ra-đi vinh hiển biết bao và ở đó có niềm vui thế nào khi Ngài gặp các tín hữu của mọi thời đại?

Điều đáng chú ý là trong Lời Ngài, Đức Chúa Trời chỉ nói đến một trải nghiệm duy nhất xác nhận cho chúng ta sự hiện hữu của Ba-ra-đi dựa trên lời kể của người đã trải qua. Đó là Phao-lô, người đã được đem lên đến tầng trời thứ ba, vào Ba-ra-đi (2 Cô-rinh-tô 12:1-4).

Mặt khác, việc Kinh Thánh không kể gì về những trải nghiệm như thế (ngoại trừ một trường hợp) chưa phải là bằng chứng rằng chúng không có. Nhưng điều đó làm sáng tỏ một nguyên tắc căn bản. Đức Chúa Trời không đưa ra bằng chứng, vì Ngài không cần làm vậy. Trong Lời Ngài, Ngài đã nói

đủ và rõ ràng, không thể hiểu lầm, rằng có Ba-ra-đi và Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ'), cũng như có thiên đàng và địa ngục.

Điều này thấy rất rõ nơi La-xa-rơ nghèo khó và người giàu trong Lu-ca 16. Người giàu ở trong Hades, chịu khổ hình, và biết rằng nếu các anh em mình không ăn năn, một ngày kia họ cũng sẽ theo ông đến nơi khủng khiếp này. Họ sống như ông đã sống. Ông thấy khả năng duy nhất để họ quay trở lại là có ai đó được sai đến nhà họ để khẩn thiết cảnh báo họ: "Người giàu nói: Vậy, thưa cha, tôi xin cha sai La-xa-rơ đến nhà cha tôi, vì tôi có năm anh em, để người khẩn thiết cảnh báo họ, kẻo họ cũng sa vào chốn khổ hình này chăng. Nhưng Áp-ra-ham nói với người: Họ đã có Môi-se và các tiên tri; họ phải nghe lời các đấng ấy. Người giàu nói: Không, thưa Áp-ra-ham tổ tôi, *nhưng nếu có một người từ nơi kẻ chết đến cùng họ, thì họ sẽ ăn năn*. Áp-ra-ham nói với người: Nếu họ không nghe Môi-se và các tiên tri, thì dầu có ai từ kẻ chết sống lại, họ cũng chẳng tin" (Lu-ca 16:27-31).

Đức Chúa Trời biết con người và sự vô tín của họ, và Ngài biết rằng người tội lỗi vẫn không đáp ứng, ngay cả khi có người từ kẻ chết sống lại. Đức Chúa Trời đòi hỏi người tội lỗi phải ăn năn và vâng lời bởi đức tin. Người tội lỗi có lời chứng của công trình sáng tạo và có lương tâm. Ngoài ra, Đức Chúa Trời đã ban cho người Lời của Ngài và sự rao giảng Tin Lành. Lời chứng của Kinh Thánh về căn bản là đủ. Con người đòi bằng chứng và dấu lạ; nhưng công việc của Chúa Giê-xu qua rất nhiều phép lạ đủ mọi loại đã cho thấy rằng ngay cả những bằng chứng áp đảo về thần tính của Ngài cũng không khiến con người quay trở lại, mà chỉ khiến họ càng thù ghét hơn.

Chúa Giê-xu Christ đã nói rằng Ngài đi vào Ba-ra-đi, và từ đó Ngài trở lại trong sự sống lại. Ngài không cho chúng ta biết gì về thời gian Ngài ở trong Ba-ra-đi. Kết luận của tôi là: biết điều đó không quan trọng đối với chúng ta. Điều Ngài quan tâm không phải là thế giới bên kia, mà là đời này, cụ thể là Nước Đức Chúa Trời trên đất. Điều khiến các môn đồ bận tâm là khi nào Chúa sẽ lập Nước Đức Chúa Trời. Trong 40 ngày sau sự sống lại, Chúa Giê-xu đã nói chuyện với họ về điều đó nhiều giờ (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:3). Ở đây cũng thấy rõ rằng trọng tâm của toàn bộ Kinh Thánh không phải là thế giới bên kia hay trạng thái trung gian, mà luôn luôn là sự hoàn tất trong sự sống lại và sự hoàn tất các đường lối của Đức Chúa Trời với toàn thể công trình sáng tạo.

2.11.3 Sứ đồ Phao-lô và sứ đồ Giăng

Những nhận định trên chưa đưa ra câu trả lời cuối cùng cho những câu hỏi khó về trải nghiệm lúc lâm chung. Nhưng chúng ta đã nêu ra một nguyên tắc mà chúng ta phải dùng đến khi đối diện với những hiện tượng này.

Chúng ta thấy nơi Phao-lô và Giăng, và cả nơi những tín hữu khác, rằng họ kể về thiên đàng và về Ba-ra-đi. Cuối đời, Giăng bị giam trên đảo Bát-mô (Khải Huyền 1). Tại đó ông nhận được những khải tượng mà ông đã chép lại trong sách Khải Huyền. Sách Khải Huyền là lời kể về một trải nghiệm từ thiên đàng. Vào ngày của Chúa, Giăng ở trong Thánh Linh. Điều đó có nghĩa là Thánh Linh của Đức Chúa Trời đến trên ông, và ông bước vào một thế giới khác, nơi ông gặp Đấng đã sống lại. Kinh Thánh còn nói rằng ông được gọi lên trời. Đó không phải là giấc mơ, đó là hiện thực, và hiện thực ấy tác động đến ông mạnh mẽ đến nỗi ông đã chép lại mọi điều mình thấy một cách chi tiết. Đó không phải là trải nghiệm lúc lâm chung, cũng không phải là trải nghiệm cận tử. Nhưng điều đó cho thấy rõ rằng Đức Chúa Trời đã ban cho con người những trải nghiệm, qua đó họ được tiếp xúc với thiên đàng, với các thiên sứ và với chính Chúa Giê-xu. Các vị tiên tri như Ê-sai (chẳng hạn chương 6), Đa-ni-ên, Ê-xê-chi-ên và những người khác cũng đã có cùng trải nghiệm ấy. Nhưng nơi những người này, đó là việc thi hành chức vụ đặc biệt của họ với tư cách là các tiên tri, là những người đã viết nên Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước. Vậy đây không phải là những trải nghiệm lúc lâm chung "bình thường".

Nơi Phao-lô cũng vậy: "Thật tôi không nên khoe mình, vì chẳng có ích gì; nhưng tôi sẽ nói đến các khải tượng và sự mặc khải của Chúa. Tôi biết một người trong Đấng Christ, cách mười bốn năm trước (hoặc trong thân thể, tôi không biết; hoặc ngoài thân thể, tôi không biết; có Đức Chúa Trời biết), một người *được đem lên đến tầng trời thứ ba*. Và tôi biết người ấy (hoặc trong thân thể hoặc ngoài thân thể, tôi không biết; có Đức Chúa Trời biết), rằng người *được đem lên đến Ba-ra-đi*, và nghe những lời không thể nói ra, là những lời mà loài người không được phép nói" (2 Cô-rinh-tô 12:1-4).

Nơi Phao-lô, có thể đây là một trải nghiệm lúc lâm chung và một sự sống lại. Giữa lúc viết thư thứ hai gửi người Cô-rinh-tô và lúc Phao-lô bị ném đá ở Lít-trơ, như được tường thuật trong Công Vụ Các Sứ Đồ 14:19, là 14 năm.

Việc ném đá không kết thúc trước khi chắc chắn rằng người bị ném đá thật sự đã chết. Người ta kéo Phao-lô ra ngoài thành, vì tin chắc rằng ông đã chết. Nhưng rồi Phao-lô cứ thế đứng dậy – ở đây không hề nói đến việc các môn đồ tìm cách hồi sức cho ông – và trở vào thành. Đó là một phép lạ. Hoặc Phao-lô đã được khiến sống lại, hoặc ông tự tỉnh lại. Trong biến cố này, ông có được đem lên Ba-ra-đi không? Chúng ta không thể chứng minh, nhưng cũng không thể loại trừ. Gương của vị sứ đồ cho thấy rõ rằng về nguyên tắc, có thể có những trải nghiệm khác thường – trong trường hợp này là của tín hữu – ở thế giới bên kia.

Cũng vậy, người tử đạo Ê-tiên đã thấy trời mở ra theo nghĩa đen, không phải trong giấc mơ (Công Vụ Các Sứ Đồ 7:55-56). Đó không phải là trải nghiệm lúc lâm chung, dù ngay sau đó ông chết vì bị ném đá. Ngày nay chúng ta cũng không nên loại trừ về nguyên tắc một sự mặc khải như thế.

2.11.4 Trải nghiệm lúc lâm chung – thiên đàng và địa ngục

Việc có rất nhiều trải nghiệm lúc lâm chung trong thời đại chúng ta phần lớn là nhờ các phương tiện kỹ thuật hiện đại giúp hồi sức người bệnh. Trình độ kỹ thuật cao của xã hội chúng ta đặt ra những câu hỏi mà Kinh Thánh không trực tiếp bàn đến. Ở đây chúng ta phải tìm những câu trả lời, hay những nguyên tắc, mà chúng ta chỉ có thể tìm thấy trong Lời Đức Chúa Trời nhờ sự giúp đỡ của Thánh Linh Ngài. Lời Đức Chúa Trời vẫn còn mang tính thời sự và có thẩm quyền trong thời đại chúng ta, dù đôi khi không dễ áp dụng Lời ấy cho những câu hỏi của thời đại. Một sự hiểu biết Kinh Thánh sống động và do Thánh Linh tác động được nhận ra chính ở chỗ người ta áp dụng Lời Đức Chúa Trời vào thời đại mình, và nhận biết cũng như đánh giá các thời kỳ theo chiều kích thuộc linh của chúng (1 Sử Ký 12:32).

Điều quan trọng trong các trải nghiệm lúc lâm chung là cũng có những trải nghiệm cực kỳ tiêu cực. Thiên đàng và địa ngục khác nhau thế nào, thì những trải nghiệm lúc lâm chung cũng khác nhau như vậy. Có người kể về những trải nghiệm địa ngục, về khổ hình và về ma quỷ. Những trải nghiệm kinh hoàng này không được kể lại trong các sách bán chạy, vì chúng làm méo mó bức tranh đẹp đẽ về sự chết với những trải nghiệm tích cực, và cho thấy có khả năng thật sự có địa ngục và hình phạt cho tội lỗi. Một số người chẳng

bao lâu dồn nén và quên đi điều mình đã trải qua; những người khác thì tìm sự cứu rỗi trong Đấng Christ.

Với thông tin này, được bác sĩ Rawlings[118] trình bày chi tiết, thì theo định nghĩa không thể nói nữa rằng mọi người đều có thiên đàng và địa ngục chỉ là một điều do giáo hội bịa ra. Vì vậy, câu trích dẫn của bà Kübler-Ross nêu ở trên là không đúng sự thật!

Chúng ta có thể kết luận rằng các trải nghiệm lúc lâm chung phù hợp với bức tranh của Kinh Thánh ở chỗ chúng phản ánh cả hai nơi chốn hay hai trạng thái của thế giới bên kia. Như thể Hades và Ba-ra-đi đã phóng bóng của mình đi trước vào vùng giáp ranh giữa sự sống và sự chết này.

2.11.5 Sự lừa dối của bóng tối

Điều khiến chúng ta phải dè chừng là những người không muốn dính dáng gì đến Chúa Giê-xu Christ và Kinh Thánh lại có những trải nghiệm lúc lâm chung tích cực, gặp những thực thể thiên sứ và những người quen, là những người rõ ràng đang sống rất tốt ở thế giới bên kia. Họ không gặp một Đấng Phán Xét nào bắt họ chịu trách nhiệm, và thậm chí còn được bênh vực và bào chữa về những điều ác họ đã làm.

Những thực thể họ gặp là những thực thể thân thiện, tỏa sáng rực rỡ, toát ra tình yêu thương. Sự đánh giá của chúng ta về những thực thể này rất rõ ràng, vì chúng nói điều không thật: Đó là các quỷ, bắt chước chiến thuật của thủ lãnh tối cao của chúng là ma quỷ (2 Cô-rinh-tô 12:7; Khải Huyền 12:8). Kẻ này mạo làm thiên sứ sáng láng (2 Cô-rinh-tô 11:14), và nhờ đó lừa con người, khiến những ý đồ bại hoại của nó trông như tốt lành.

Tại chỗ giáp ranh với thế giới bên kia, các tà linh chỉ chực chờ để gây ảnh hưởng xấu xa của chúng. Điều đó cho chúng ta thấy rõ các tà linh ở gần con người biết bao, và không chỉ ở ngưỡng cửa sự chết. Qua những lời kể này, sự hiện diện của các tà linh càng thêm rõ ràng. Chúng ở trong không trung và vì vậy ở giữa loài người; chúng cũng đã chiếm hữu một số người và ở trong họ, điều đặc biệt lộ rõ khi Chúa Giê-xu Christ có mặt trên đất và qua những lần Ngài chữa lành hay giải phóng người ta. Phao-lô viết cho người Ê-phê-sô: "là những điều anh em đã làm theo khi trước, theo thói quen đời này, theo *vua*

118. Dr. med. Maurice S. Rawlings, *Zur Hölle und zurück, Leben nach dem Tod – überraschende Beweise*, Hamburg (Verlag C.M. Fliß), 1996.

cầm quyền chốn không trung, tức là thần hiện đang hành động trong các con bạn nghịch" (Ê-phê-sô 2:2) và: "Vì chúng ta đánh trận, chẳng phải cùng thịt và huyết, nhưng cùng chủ quyền, cùng thế lực, cùng vua chúa của thế gian mờ tối này, cùng các thần dữ ở các miền trên trời" (Ê-phê-sô 6:12).

Tôi e rằng Cơ Đốc nhân thường đánh giá thấp hoạt động và ảnh hưởng của các quỷ; vì vậy, đáng tiếc là một phần trong họ đã trở thành nạn nhân của mưu kế kẻ thù. Đây là một cuộc tấn công cực kỳ mang tính Sa-tan vào lối suy nghĩ của nhân loại. Nỗi sợ sự chết bị xóa bỏ. Nhưng đó là một lời dối trá trơ tráo. Ngoài ma quỷ ra, còn ai muốn trình bày sự chết như một điều vô hại và như lối vào một thế giới tươi đẹp vô tận?

Ngay lúc chết, La-xa-rơ nghèo khó đã được các thiên sứ của Đức Chúa Trời đem vào lòng Áp-ra-ham. Về các thiên sứ này chúng ta đọc: "Há chẳng phải tất cả đều là các thần hầu việc, được sai đi để phục vụ vì cớ những người sẽ hưởng cơ nghiệp cứu rỗi sao?" (Hê-bơ-rơ 1:14). Vậy họ có mặt nơi ranh giới giữa đời này và thế giới bên kia.

2.11.6 Kẻ cầu hồn người chết là điều gớm ghiếc trước mặt CHÚA

Đức Chúa Trời đã đặt một ranh giới rõ ràng giữa người sống và người chết. Ngài cấm mọi nỗ lực liên lạc với người chết. Những kẻ cầu hồn người chết vượt qua ranh giới rõ ràng này. Vì vậy, sự phán xét của Đức Chúa Trời trên những người nam và người nữ ấy rất nghiêm khắc: "Khi nào một người nam hay một người nữ có thần cầu hồn hay thần bói khoa, thì chắc sẽ bị xử tử; người ta sẽ ném đá họ: huyết họ sẽ đổ lại trên mình họ" (Lê-vi Ký 20:27).[119]

Lời này cũng cho thấy rõ rằng những khả năng – hay nói đúng hơn, những nỗ lực – liên lạc với người chết được điều khiển bởi các tà linh đã chiếm hữu những kẻ cầu hồn (1 Sa-mu-ên 28:7-8). Không phải ít vì lý do đó mà Đức Chúa Trời kết án những người này nặng nề như vậy. Vậy những gì thấy được ở đây không phải là khả năng của con người, mà là những sức mạnh siêu nhiên có nguồn gốc từ vương quốc của sự ác. Rõ ràng đây là ảnh hưởng của các thế lực gian ác.

Vì vậy cũng rõ ràng rằng các tà linh này lừa dối, vì chúng không thể đem các linh của người chết đến. Thật là dối trá khi nói rằng các thiên sứ sa ngã,

119. Xem thêm Lê-vi Ký 19:31; 20:6; Phục Truyền Luật Lệ Ký 18:11-12; 1 Sa-mu-ên 28:3; 2 Các Vua 21:6; 1 Sử Ký 10:13.

những kẻ đã theo Sa-tan trong cuộc nổi loạn của nó, có khả năng chiếm lấy người chết. Khả năng của chúng là bắt chước người được gọi đến giống như thật. Chúng lừa dối tất cả những ai muốn liên lạc với người chết qua kẻ cầu hồn, để biết những điều mà bằng cách khác họ không thể biết. Bằng cách này, ma quỷ mở rộng ảnh hưởng của nó với tư cách là thần của đời này.

Qua Ê-sai, Đức Chúa Trời kêu gọi dân Ngài cầu hỏi Đức Chúa Trời của mình: "Nếu có ai bảo các ngươi: Hãy cầu hỏi những kẻ cầu hồn và những thầy bói, là kẻ nói ríu rít và thì thầm, thì hãy đáp: Một dân há chẳng nên cầu hỏi Đức Chúa Trời mình sao? Há lại vì người sống mà cầu hỏi kẻ chết sao?" (Ê-sai 8:19).

Trong bối cảnh này, điều quan trọng là phải thấy rằng nhiều nhà nghiên cứu về sự chết, chẳng hạn như bà Kübler-Ross, cũng đã giao tiếp sâu đậm với thế giới các linh. Bà kể về các linh của bà, những linh mà bà thường giao tiếp. Ma quỷ, kẻ cầm quyền sự chết, biết nỗi sợ sự chết của con người, và lợi dụng nỗi sợ ấy để đánh lừa con người rằng sự chết không phải là một sự phán xét và hậu quả của tội lỗi. Như vậy con người không cần sự cứu chuộc, dù Đấng chiến thắng sự chết đã làm thành sự cứu chuộc ấy. "Hai ngươi chẳng chết đâu" – đó là lời dối trá của kẻ lừa dối ngay từ ban đầu (Sáng Thế Ký 3:4), và nó luôn tìm ra những lý lẽ mới để ngụy trang lời dối trá này.

Nhiều nhà nghiên cứu về sự chết là những người theo thuật thông linh và gắn bó với phong trào New Age. Vì vậy họ chỉ có thể là những người bị lừa dối.

2.11.7 Sau-lơ và Sa-mu-ên

Câu chuyện về Sau-lơ và bà đồng ở Ên-đô-rơ trong 1 Sa-mu-ên 28 là một ngoại lệ đáng chú ý. Mặc dù ở đây Sau-lơ đã phạm một sai lầm lớn, và những kẻ cầu hồn không thể gọi người chết lên, nhưng trong trường hợp này Sa-mu-ên đã thật sự hiện ra. Có hai điều cho thấy rõ điều đó: Thứ nhất, không phải người đàn bà đã gọi Sa-mu-ên lên. Ông hiện ra mà không cần bà làm gì. Sự kinh hãi của người đàn bà cho thấy ở đây đã xảy ra một điều hoàn toàn khác với điều bà quen thấy. Bà không làm chủ được tình huống. Không bao giờ vị tiên tri của Đức Chúa Trời lại bị một thần bói khoa gọi lên. Thứ hai, Sa-mu-ên rõ ràng đã nói lẽ thật, là điều Sau-lơ đã biết từ trước. Vậy đó không phải là một linh nào đó mạo xưng là Sa-mu-ên và nói dối Sau-lơ. Ở

đây Sa-mu-ên hiện ra, cũng như về sau Môi-se và Ê-li đã hiện ra trên núi hóa hình.

Vậy câu chuyện này xác nhận rằng người chết không thể được gọi lên bởi những kẻ cầu hồn hay bởi các tà linh. Chỉ Đức Chúa Trời mới làm được điều đó, và theo những gì Kinh Thánh tường thuật, Ngài chỉ làm điều đó tại đây mà thôi. Đơn giản là không có sự qua lại giữa thế giới của người sống ở đời này và thế giới của người chết ở bên kia. Giữa người sống và những người đã qua đời có một sự ngăn cách không thể phá vỡ. Tôi không muốn nói đến thế giới của các quỷ, là thế giới rất muốn tìm cách tiếp xúc với thế giới đời này. Nhưng các quỷ không còn liên quan gì đến những người đã qua đời.

2.11.8 Sự lừa dối của kẻ địch lại Đấng Christ trong thời kỳ cuối cùng

Những vấn đề đạo đức và luân lý nảy sinh từ sự phát triển kỹ thuật tiến nhanh vùn vụt là một dấu hiệu của thời kỳ cuối cùng. Các trải nghiệm lúc lâm chung, vốn chỉ có thể xảy ra ở quy mô lớn nhờ kỹ thuật, cũng mở cửa cho các quỷ và những sự dạy dỗ của chúng: "Vả, Thánh Linh phán rõ ràng rằng trong những thời kỳ sau, có mấy kẻ sẽ bỏ đức tin, mà theo các thần lừa dối và những sự dạy dỗ của quỷ" (1 Ti-mô-thê 4:1).

Ngay hôm nay, các biến cố của thời kỳ cuối cùng, như được mô tả trong sách Khải Huyền, đã phóng bóng của chúng đi trước: "*vì đó là các thần của quỷ, làm những dấu lạ, …*" (Khải Huyền 16:14). Tinh thần của kẻ địch lại Đấng Christ hiện nay đã hành động, và sau sự cất lên của Hội Thánh sẽ phát triển trọn vẹn với một quy mô chưa từng có. Hắn sẽ làm những dấu lạ và phép lạ, và chúng ta không biết Đức Chúa Trời sẽ để cho Sa-tan bao nhiêu chỗ để làm những phép lạ mà người ta chỉ gán cho Đức Chúa Trời. Phao-lô viết cho người Tê-sa-lô-ni-ca: "Bấy giờ kẻ nghịch cùng luật pháp kia sẽ hiện ra, là kẻ mà Chúa Giê-xu sẽ diệt bằng hơi thở của miệng Ngài và hủy bằng sự chói sáng của sự đến của Ngài; kẻ ấy sẽ đến *theo sự hành động của Sa-tan, với mọi thứ quyền phép, dấu lạ và phép lạ giả dối*, và với mọi sự lừa dối của sự gian ác cho những kẻ hư mất, vì họ đã không nhận lãnh lòng yêu mến lẽ thật để được cứu rỗi" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8-10).

Tôi nhắc đến những câu này vì chúng mô tả chính xác tình hình ngày nay. Cả những trải nghiệm lúc lâm chung hoàn toàn không phù hợp với Lời Đức

Chúa Trời cũng thuộc về chương trình thời kỳ cuối cùng của Sa-tan. Nó không bỏ qua một cơ hội nào, và đây mới chỉ là sự khởi đầu.

2.11.9 Kết luận[120]

Vậy chúng ta nên nghĩ gì về các trải nghiệm lúc lâm chung? Không thể trả lời câu hỏi này bằng một câu. Một số khía cạnh của các trải nghiệm lúc lâm chung rất phức tạp và liên quan đến những vấn đề của tâm lý học, cận tâm lý học và huyền bí học. Vì vậy, tôi kết thúc chương này bằng một vài nhận định căn bản, nhờ đó người ta có thể đi đến một sự đánh giá rõ ràng.

Nơi những người có trải nghiệm lúc lâm chung, tức là những người đã "trở về", sự chết không phải là sự chết không thể đảo ngược, vì vậy những trải nghiệm của họ không thật sự cho biết gì về thế giới bên kia.

Họ không ở thiên đàng, cũng không ở địa ngục. "Đang chết" không giống như "đã chết". Lái xe đến München rồi quay về theo cùng con đường ấy không có nghĩa là đã đến München, càng không có nghĩa là sống ở đó.

Nếu điều họ trải qua tương ứng với thiên đàng hay địa ngục,[121] thì chúng ta đang đối diện với một vùng giữa sự sống và sự chết mà Kinh Thánh không nói gì đến. Tuy nhiên, dựa trên nhiều lời chứng về những trải nghiệm như thế, chúng ta kết luận rằng trong vùng mà linh hồn rời thân thể trong một thời gian ngắn,[122] các linh có thể đến gần linh hồn, cả các thiên sứ của Đức Chúa Trời lẫn các quỷ, là các thiên sứ của Sa-tan (2 Cô-rinh-tô 12:7). Sự lừa dối của Sa-tan là ở chỗ nó khiến những người này tưởng như thấy thiên đàng, dù họ đang hư mất. Những thông tin được đem về từ "thế giới bên kia" trong hầu hết các trường hợp không phù hợp với lẽ thật của Kinh Thánh.

Thời kỳ cuối cùng mang dấu ấn của sự lừa dối đến từ ma quỷ, và sự lừa dối ấy cũng không dừng lại trước Cơ Đốc nhân. Nhiều điều được kể lại pha trộn với ước muốn chủ quan của các tác giả và của những người tự cho là nhà nghiên cứu; những điều khác thì đơn giản là lừa đảo. Trong phần lớn các

120. Để tìm hiểu kỹ hơn về các trải nghiệm lúc lâm chung, tôi giới thiệu các sách của John Ankerberg & John Weldon (xem Thư mục).

121. Cũng có những người đã chết lâm sàng mà không trải qua điều gì cả.

122. Những trải nghiệm tương tự có thể gây ra bằng ma túy, vì vậy không nhất thiết liên quan đến sự chết. Có vô số lời kể về những người đã có trải nghiệm ở ngoài thân thể mình mà không hề trải qua sự chết.

trường hợp, thế giới quan của những người được gọi là nhà nghiên cứu về sự chết tương ứng với phong trào New Age, với chủ nghĩa thần bí và với các tôn giáo và triết lý phương Đông. Chỉ riêng vì điều đó, những người này đã bị phó mặc, không chỗ bám víu, cho sự lừa dối của Sa-tan.

Khi những người xưng mình là Cơ Đốc nhân có trải nghiệm lúc lâm chung, thì có một điều phải luôn đứng vững: Kinh điển Kinh Thánh đã khép lại. Sẽ không có những sự hiểu biết mới có thể mặc khải cho chúng ta điều gì mà chúng ta chưa biết từ Kinh Thánh. Những Cơ Đốc nhân đã có những trải nghiệm như vậy không nên rút ra những kết luận thần học, mà nên tự hỏi: qua điều mình đã trải qua, Đức Chúa Trời muốn nói gì với mình về đời sống thuộc linh cá nhân?

Chúng ta hãy cầu nguyện để có thể phân biệt các thần (1 Cô-rinh-tô 12:10; 1 Giăng 4:1) và giữ một lập trường rõ ràng, theo Kinh Thánh.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn sẽ trả lời thế nào cho một người khẳng định rằng mình đã chết và đã trở về?
- Mặt khác, bạn trả lời thế nào trước lời phản bác: "Rốt cuộc thì đã có ai trở về đâu!"?
- Tại sao các trải nghiệm lúc lâm chung không cho biết về thiên đàng và địa ngục?
- Một Cơ Đốc nhân đã có trải nghiệm lúc lâm chung nên phản ứng thế nào?
- Tại sao các trải nghiệm lúc lâm chung không thể đem đến những sự hiểu biết mới?

3 Quan niệm về con người trong Kinh Thánh

Việc dùng khái niệm "tâm linh – linh hồn" buộc chúng ta phải khảo sát quan niệm của Kinh Thánh về con người. Nói chung, không thể thật sự hiểu đề tài "sự chết" và "sự bất tử của linh hồn", nếu không khảo sát con người và những gì làm nên con người. Ở đây điều đó sẽ được thực hiện trong phạm vi giới hạn và nhắm vào đề tài của chúng ta. Tuy nhiên, Kinh Thánh không phải là sách giáo khoa về nhân học[123], để có thể nói về con người một cách toàn diện ở một chỗ. Hơn nữa, Kinh Thánh nói về con người không bằng ngôn ngữ của các nhà thần học hay các nhà tâm lý học, mà bằng ngôn ngữ đời thường. Ngôn ngữ Kinh Thánh rất phong phú và thường dùng cùng một từ với những ý nghĩa khác nhau. Không chỉ vì vậy mà đề tài này khó và rộng; vì thế cần phải nỗ lực mới có được cái nhìn tổng quát. Dù đề tài khó và có nhiều ý kiến khác nhau, tín hữu cũng không nên để điều đó ngăn cản mình tìm hiểu. Vì đề tài này nói về chính người ấy, về việc Đức Chúa Trời đã tạo dựng người ấy thế nào và đã muốn người ấy ra sao! Trong đó có thể nhận ra sự vĩ đại và khôn ngoan của Đức Chúa Trời.

Ai cầm Lời Đức Chúa Trời lên để tìm hiểu đề tài này sẽ thấy nhiều từ ngữ mô tả các yếu tố bản chất của con người. Đó là những từ như "lòng, tâm linh, linh hồn, lòng dạ, xương cốt, thịt, thân thể, ý tưởng, lương tâm, tâm trí, ý chí" v.v. Phải khảo sát những từ này trong văn mạch của chúng.

Khi làm vậy, người ta sẽ thấy rằng các từ này được dùng với rất nhiều ý nghĩa và được dịch theo nhiều cách. Vậy cuối cuộc khảo sát sẽ không có một lời giải mà trong đó chúng ta có những định nghĩa tinh khiết và rõ ràng tuyệt đối. Nhưng những khái niệm chính yếu sẽ sáng tỏ hơn, và chúng ta sẽ có thể xếp đặt nhiều khái niệm tốt hơn. Sẽ nhận ra được một cấu trúc hay một trật

123. Môn học về con người.

tự chung mà chúng ta có thể gọi là quan niệm của Kinh Thánh về con người.[124]

Cuộc khảo sát của tôi cũng không phải là một công trình nghiên cứu sâu rộng tự nó và tách khỏi mọi bối cảnh. Nó được thực hiện đặc biệt nhằm vào quan điểm sai lầm cho rằng sau khi chết con người không còn hiện hữu dưới bất cứ hình thức nào. Người ta khẳng định rằng con người không có linh hồn và tâm linh như những yếu tố khác biệt với thân thể. Con người được nhìn *duy nhất* trong tính toàn thể và tính thống nhất của mình, là điều bị sự chết hủy diệt. Do đó, sự chết có nghĩa là sự không hiện hữu cho đến sự tạo dựng mới trong sự sống lại. Theo đó, tâm linh và linh hồn, là chỗ ngự và trung tâm của nhân cách con người, chỉ là tạm thời và cũng hay hư nát như thân thể.

Vì tôi đã trình bày chi tiết rằng có ý thức sau khi chết, nên không có gì ngạc nhiên khi những quan điểm sai lầm này dựa trên một quan niệm về con người không phù hợp với quan niệm của Kinh Thánh.

3.1 Con người gồm những gì?

Như đã gợi ý, trong Cựu Ước và Tân Ước có nhiều từ ngữ chỉ các thành phần bản chất của con người. Và đứng hàng đầu không phải là các từ "tâm linh" và "linh hồn", mà là "lòng" – từ mô tả bản chất con người hơn mọi từ khác. Từ "lòng" xuất hiện hơn một ngàn lần trong Kinh Thánh, với những ý nghĩa khác nhau. Lòng của con người – không phải khối cơ rỗng bơm máu – theo nghĩa bóng là trung tâm của con người, là bản chất sâu kín nhất và vì vậy cũng ẩn giấu của người ấy.

Là vương miện của công trình sáng tạo và là hình ảnh của Đức Chúa Trời, con người là một hữu thể vô cùng phức tạp. Chia con người thành hai hay ba yếu tố thì quá đơn giản. Con người không gồm những "chất" có thể tháo rời ra, mà là một thể thống nhất với nhiều khía cạnh khác nhau. Một khía cạnh[125]

124. Về nguyên tắc, khi khảo sát phải xuất phát từ điều này: con người trong toàn bộ cấu tạo của mình, tức là mọi yếu tố bản chất của người, đều đã chịu ảnh hưởng của tội lỗi, và vì vậy không yếu tố nào có thể được xem là trung lập hay không bị tội lỗi ảnh hưởng. Ở điểm này thấy rõ rằng các quan niệm về con người nói chung hoàn toàn trái ngược với quan niệm của Kinh Thánh về con người. Nơi các nhà tâm lý học và triết gia không biết Đấng Tạo Hóa và vì vậy chối bỏ sự mặc khải của Ngài, chúng ta khó tìm được những câu trả lời có kể đến sự sa ngã hay trách nhiệm của con người trước Đấng Tạo Hóa.

125. Về điều này, xem trình bày chi tiết của W.J. Ouweneel, *Psychologie, Ein Bibelorientiert-Wissenschaftlicher Entwurf*, Dillenburg (CVD), 1993, tr. 61-67.

mô tả con người từ một lập trường hay một góc nhìn nhất định. Chúng ta xem xét con người dưới khía cạnh sự siêu thời gian của người. Câu hỏi của chúng ta là: điều gì xảy ra với con người khi chết?

Điều đáng chú ý là câu hỏi này thường liên quan đến các yếu tố bản chất hay các khía cạnh bản chất được gọi là "tâm linh" và "linh hồn".[126] Còn "lòng", là *khái niệm* nhân học tiêu biểu nhất của Kinh Thánh hơn mọi khái niệm khác, thì trong bối cảnh này hầu như không, hoặc hoàn toàn không, được nói đến.

Hai đoạn Kinh Thánh sẽ được dùng làm điểm xuất phát cho cuộc khảo sát của tôi. Một đoạn quay về sự tạo dựng con người, đoạn kia hướng về tương lai:

> *"CHÚA Đức Chúa Trời nắn nên con người, là bụi từ đất, hà hơi sống vào lỗ mũi; và con người trở nên một linh hồn sống (loài sinh linh)" (Sáng Thế Ký 2:7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder) và:*
> *"Nguyện chính Đức Chúa Trời bình an khiến anh em nên thánh trọn vẹn; và nguyện toàn thể tâm linh, linh hồn và thân thể của anh em được giữ không chỗ trách được khi Chúa Giê-xu Christ chúng ta đến" (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Trong những câu này, chúng ta thấy các từ "tâm linh", "linh hồn" và "thân thể" gắn với nguồn gốc hay sự tạo dựng con người và với tương lai của người. Phao-lô nói về sự đến của Chúa, và đối với ông, trong đoạn Kinh Thánh này, toàn thể con người gồm tâm linh, linh hồn và thân thể. Cụm từ "khiến anh em nên thánh *trọn vẹn*" nhấn mạnh rõ ràng lẽ thật này. Thật vậy, "trật tự" này của các yếu tố bản chất chỉ xuất hiện một lần trong Lời Đức Chúa Trời, đó là ở đây. Từ đoạn này, nhiều người suy ra rằng con người chỉ

126. Chẳng hạn Sáng Thế Ký 8:21; Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:5; 26:16; Châm Ngôn 4:23; Ma-thi-ơ 22:37; Mác 7:21; Rô-ma 1:21; 2:15; 10:9.

có thể chia làm ba phần mà thôi.[127] Nếu vậy thì lòng của con người ở đâu, và khi đó làm sao giải thích tất cả những từ khác đã nêu ở trên? Phao-lô nói chung không giới hạn con người trong ba khía cạnh này, vì chính ông cũng dùng những từ khác trong các thư của mình. Ở đây ông nhìn về tương lai và nói rằng toàn thể con người, trong sự phong phú của mình, trong mọi khía cạnh của mình, được gìn giữ cho đến ngày của Đấng Christ.

Đối với Phao-lô, điều quan trọng là có cái nhìn này về con người khi hướng về tương lai. Và cái nhìn của ông không gì khác hơn là sự tiếp nhận và tóm lược tất cả các đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước, bắt đầu từ Sáng Thế Ký 2:7, nói về cấu tạo của con người. Cũng không thể khác được, vì Kinh Thánh, gồm Cựu Ước và Tân Ước, là một thể thống nhất do Đức Chúa Trời kết hợp lại. Như vậy, quan niệm về con người của Phao-lô hoàn toàn phù hợp với sự mặc khải của Đức Chúa Trời như đã được ban trong Cựu Ước. Vậy đó không phải là một quan niệm về con người mới mẻ, càng không phải là quan niệm Hy Lạp, mà nếu muốn nói vậy, là một quan niệm về con người của người Hê-bơ-rơ hay của người Do Thái.

Phao-lô nêu một thứ tự nhất định, trong đó ông đặt tâm linh của con người lên hàng đầu. Tuy nhiên, thân thể không vì đứng hàng cuối mà bị xem nhẹ[128]. Lý do chọn thứ tự này được thấy từ sự tạo dựng con người, nơi tâm linh (hơi sống) là yếu tố chủ yếu khiến con người thật sự trở thành con người, là hình ảnh của Đức Chúa Trời.

---

127. Ở đây tôi không theo đuổi cuộc tranh luận cũ về việc con người, theo nghĩa Kinh Thánh, hiện hữu theo lối nhị phân (gồm hai phần) hay tam phân (gồm ba phần). Tôi ưa cách tiếp cận cho rằng không có sự phân ranh rõ ràng như thế giữa linh hồn và tâm linh, vì các từ này có nhiều ý nghĩa. Vì vậy, nhận định sau đây rất hữu ích: "Xét về chức năng, nơi con người đang sống, nếu kể đến tính toàn thể của người, thì hoàn toàn có thể nói về tâm linh, linh hồn và thân thể, như chẳng hạn trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23. Nhưng xét về bản thể, thì con người vẫn chỉ gồm hai 'phần': phần siêu việt là tâm linh – linh hồn và phần nội tại là thân thể. Như vậy có thể nói về một sự nhị phân về bản thể và một sự tam phân về chức năng. Vậy linh hồn không có sự hiện hữu riêng, độc lập với thân thể và tâm linh, dù linh hồn cũng không hoàn toàn đồng nhất với tâm linh, mà luôn luôn – kể cả sau khi một người chết – vẫn có thể phân biệt được" (Roland Antholzer, *Geist, Seele und Leib – der Mensch in seiner Beschaffenheit*).

128. Tuy nhiên, đó là một thứ tự mà Cơ Đốc nhân nên lưu ý: Những nhu cầu của thân thể có thể trở thành gánh nặng thừa thãi và vì vậy thành trở ngại cho sự tăng trưởng thuộc linh. Vì thế Phao-lô nói: "Tôi đãi thân thể tôi cách nghiêm khắc và bắt nó làm tôi mọi" (1 Cô-rinh-tô 9:27). Ông không muốn "bị thân thể chi phối", mà muốn được chi phối bởi tâm linh mình, là tâm linh được Đức Thánh Linh đổi mới. Thân thể ông phải là công cụ của tâm linh ông và làm theo ý tưởng của ông, chứ không phải ngược lại.

3.2 Tâm linh của con người

Những lời chính của Cựu Ước về sự tạo dựng con người là:

> *"Đức Chúa Trời phán: Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ảnh Chúng ta, theo sự giống như Chúng ta … Đức Chúa Trời dựng nên loài người theo hình ảnh Ngài, Ngài dựng nên loài người theo hình ảnh Đức Chúa Trời" (Sáng Thế Ký 1:26-27, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*
> *"CHÚA Đức Chúa Trời nắn nên con người, là bụi từ đất, hà hơi sống vào lỗ mũi; và con người trở nên một linh hồn sống (loài sinh linh)" (Sáng Thế Ký 2:7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Ở đây chúng ta thấy con người đầu tiên, lúc đầu không có sự sống, được nắn nên từ bụi đất. Rồi đến một diễn biến có một không hai trong câu chuyện sáng tạo, là việc ban sự sống: Đức Chúa Trời hà hơi sống vào lỗ mũi người. Kết quả là con người sống, với một thân thể vật chất được nắn nên từ đất, là tạo vật duy nhất có hơi sống của Đức Chúa Trời ở trong mình. Hơi sống đi vào người và ở lại đó, và như vậy thuộc về cấu tạo của người.[129] Hơi sống ấy làm cho người trở thành con người, là hình ảnh của Đức Chúa Trời.

3.2.1 Hơi sống

Hơi sống mà Đức Chúa Trời ban ra từ chính Ngài tương ứng với tâm linh con người, như Phao-lô cũng gọi trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5.[130] Từ "hơi thở" được dịch theo nhiều cách khác nhau. Từ này có một phạm vi ý nghĩa rộng. Nó được dùng cho Đức Chúa Trời, cho con người và cho loài vật. Một ý nghĩa của nó là: hơi sống là tâm linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho con người, được hà vào con người như yếu tố chủ yếu nhất trong cấu tạo của người, khác với loài vật.

Nhờ tâm linh mà Đức Chúa Trời ban cho mỗi người,[131] con người trở thành một nhân vị độc lập, nghĩa là một cái "tôi", và như vậy cũng là một "ngươi"

129. Sự cấu thành, bản chất, trật tự.
130. Điều này được Cựu Ước xác nhận nhiều lần: Gióp 27:3; 32:8; 33:4, 6; 34:14-15; Ê-sai 42:5; 57:16; 1 Các Vua 17:17, 21 cùng với Thi Thiên 104:29-30 và Ê-xê-chi-ên 37:1-14.
131. Không được lẫn lộn "thần linh từ Đức Chúa Trời" với Đức Thánh Linh, là Đấng mà chúng ta gọi là ngôi thứ ba của Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Đó là thần linh từ Đức Chúa Trời, nhưng không phải là một Ngôi, mà là một năng lực ban sự sống. Đó là điều Đức Chúa Trời đã ban cho con người từ chính Ngài.

đối diện với Đức Chúa Trời. Khái niệm "nhân vị", vốn rất quen thuộc với chúng ta, có nguồn gốc chính ở đây. Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời vô hạn nhưng lại có ngôi vị, Ngài là Đấng Tạo Hóa và Đấng Gìn Giữ con người.

Con người được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời là một nhân vị, mà nhân cách của người được bắt nguồn từ nhân cách của Đức Chúa Trời.

3.2.2 Thần linh từ Đức Chúa Trời và tâm linh của con người

Nếu thần linh mà Đức Chúa Trời ban làm cho con người thành một nhân vị bằng cách Ngài tạo nên tâm linh của con người, thì chúng ta phải phân biệt rõ hai khía cạnh của tâm linh này, là những khía cạnh rất quan trọng cho đề tài của chúng ta. Một mặt, đó là và vẫn là thần linh đến từ Đức Chúa Trời. Điều đó không làm cho con người ngang bằng với Đức Chúa Trời, nhưng con người có thần linh này như một *sự ban cho* trong sự lệ thuộc vào Đấng ban cho, cũng như lá cây chỉ có sức lực và sự sống khi còn gắn liền với cây. Phải hiểu lời của Phao-lô theo nghĩa này, khi ông nói với người Hy Lạp trên đồi A-rê-ô-ba rằng chúng ta là "dòng dõi của Đức Chúa Trời" (Công Vụ Các Sứ Đồ 17:28-29; so sánh gia phả của Chúa Giê-xu trong Lu-ca 3:38, nơi Đức Chúa Trời đứng ở đầu như Đấng khởi nguyên của dòng giống loài người: "con A-đam, *con Đức Chúa Trời*").

Khía cạnh thứ hai nằm ở sự hiện hữu riêng của tâm linh này nơi con người. Thần linh từ Đức Chúa Trời đã trở thành *tâm linh của con người* ở trong con người, là điều làm cho người trở thành một nhân vị (Rô-ma 1:9; 1 Cô-rinh-tô 16:18; 2 Cô-rinh-tô 2:13; 7:13; Phi-líp 4:23; 2 Ti-mô-thê 4:22, Phi-lê-môn 25).

Vì vậy, Kinh Thánh cũng nói về tâm linh (hơi thở) "của họ" – tức là của con người – là tâm linh mòn mỏi trước mặt Đức Chúa Trời (Ê-sai 57:16). Ở đây đó là tâm linh con người trong sự yếu đuối và mong manh của nó, trái với thần linh từ Đức Chúa Trời là thần linh không thể mòn mỏi.

Tâm linh là bản chất sâu kín nhất của con người (Thi Thiên 32:2; cũng được gọi là lòng: Mác 7:20-23; Ê-sai 57:15; 1 Cô-rinh-tô 7:34)[132]. Tâm linh là trung tâm chủ thể, là cái "tôi" với tư cách một nhân vị (Ê-sai 26:9). Thần linh từ Đức Chúa Trời này ban cho con người sự giống hình ảnh Đức Chúa Trời

132. So sánh "*người bề trong*" trong 2 Cô-rinh-tô 4:16, tuy nhiên ở đó từ này mô tả sự sống mới của tín hữu.

("Đức Chúa Trời là Thần"; Giăng 4:24) và làm nên bản chất con người của người, như Đức Chúa Trời đã định.

Tâm linh không phải là lý trí của con người như người ta thường nghĩ. Quan điểm này bắt nguồn từ triết học Hy Lạp, nơi tâm linh đồng nghĩa với "lý trí" và "sự hiểu biết". Quan điểm này làm lu mờ quan niệm độc đáo của Kinh Thánh về con người. Chính Kinh Thánh nêu rõ sự khác biệt giữa "tâm linh" và "lý trí", dù tâm linh vừa suy nghĩ vừa cảm nhận. Sự suy nghĩ, điều chúng ta gán cho lý trí, chỉ là *một* chức năng của tâm linh (Châm Ngôn 20:27; 1 Cô-rinh-tô 2:11; 14:14; Ê-sai 29:24).

Tâm linh con người cũng là "chỗ" trong chúng ta mà Đức Chúa Trời có thể nói vào. Đó là điểm tiếp xúc và là ăng-ten cho công việc của Đức Chúa Trời nơi con người (Châm Ngôn 20:27). Chẳng hạn, Đức Thánh Linh làm chứng với tâm linh chúng ta (tức là tâm linh con người) rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:16). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời nói với cả con người. Tâm linh là lối vào cho lời phán của Đức Chúa Trời, nhưng khi con người quy phục Đức Chúa Trời, thì chính cả con người dâng mình để phục vụ Đức Chúa Trời.

Tâm linh con người là điều cốt yếu của con người, cả nơi tín hữu lẫn nơi người không tin (Sáng Thế Ký 41:8; 45:27; E-xơ-ra 1:1, 5; Đa-ni-ên 6:3). Nhưng không có Đức Thánh Linh, tâm linh con người thuộc về xác thịt (Rô-ma 8:4-8), không thể liên lạc với Đức Chúa Trời.

Sự hướng về Đức Chúa Trời của con người đã sa vào tội lỗi và của tâm linh con người nơi người được bày tỏ rõ trong các tôn giáo. Trong sự hướng về Đức Chúa Trời ấy, con người không tìm đến Đấng Tạo Hóa mình, mà tìm đến các hình tượng, là những thứ mà đằng sau chúng là các quỷ.

Điểm chủ yếu cho sự khảo sát của chúng ta là: tâm linh do Đức Chúa Trời ban có đặc tính bất tử. Sự bất tử của tâm linh con người tuy không được nói ra cách rõ ràng, nhưng được suy ra từ sự kiện hơi thở của Đức Chúa Trời không thể chết. Đó là hơi thở, hay thần linh, của Đức Chúa Trời đời đời (Rô-ma 16:26). Nhưng hơi thở của Đức Chúa Trời, mà mỗi người có trong mình từ ban đầu, không phải là Đức Thánh Linh, một Ngôi của Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Chỉ về con cái Đức Chúa Trời mới có lời nói rằng Đức Thánh Linh ngự trong họ. Hơi thở của Đức Chúa Trời không có nghĩa là Ngôi vị của Thánh Linh Đức Chúa Trời, mà là hơi thở của Đức Chúa Trời như một điều tương

ứng với sự sống của Đức Chúa Trời, và vì vậy là năng lực ban sự sống cho con người. Hơi thở này của Đức Chúa Trời, về bản chất và về "chất liệu", đến từ Đức Chúa Trời. Nếu con người có thần linh này, thì tâm linh người – luôn luôn trong sự lệ thuộc vào Đức Chúa Trời đời đời – cũng phải bất tử, hay siêu thời gian.

Ở đây tôi xin nhắc lại: Con người có hơi thở của Đức Chúa Trời như một sự ban cho có tính quyết định cho việc người là con người. Trong sự hiện hữu riêng của nó, hơi thở ấy đồng thời làm nên nhân vị của con người. Vì vậy, thật thú vị khi tìm hiểu Kinh Thánh nói gì về tâm linh con người liên quan đến sự chết.[133] Đoạn kinh điển trong sách Truyền Đạo, thường được trích dẫn, nói rằng bụi đất, tức là thân thể con người, trở về đất, còn tâm linh trở về nơi Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó (Truyền Đạo 12:7). Ở đây tâm linh được nhìn trong sự không hề hư nát của nó, vì nó tồn tại lâu hơn sự chết và sự mục nát của thân thể. Nhưng tâm linh này không chỉ là thần linh từ Đức Chúa Trời như là điều ban sự sống cho con người. Nó đồng thời là tâm linh của con người, trong đó có nhân cách và ý thức về bản ngã của người. Khi tâm linh trở về nơi Đức Chúa Trời, thì tâm linh của con người, tức là nhân vị (không chỉ là sự sống của thân thể), trở về nơi Đức Chúa Trời, và Đức Chúa Trời tiếp nhận người, hoặc để phán xét, hoặc để ban phước.

Tâm linh con người không bị ràng buộc vào thân thể và không qua đi như thân thể khi chết. Khi tác giả Thi Thiên nói rằng tâm linh ra đi và trở về đất (Thi Thiên 146:4),[134] thì không thể từ đó kết luận rằng nhân vị bị ràng buộc vào thân thể, và điều làm nên cái tôi trở thành đất. Nhân vị của con người gắn liền với tâm linh của người (1 Cô-rinh-tô 5:5) và không thôi hiện hữu khi thân thể chết và hư nát.

Tân Ước cho chúng ta thấy tâm linh của con gái Giai-ru đã trở lại trong cô bé đã chết thế nào (Lu-ca 8:55; Gia-cơ 2:26), và Ê-tiên đã phó tâm linh mình vào tay Chúa Giê-xu ra sao (Công Vụ Các Sứ Đồ 7:59; so sánh Lu-ca 23:46; Thi Thiên 31:5). Phi-e-rơ cũng nói theo nghĩa này về các linh hiện đang bị giam trong ngục (1 Phi-e-rơ 3:19). Một mặt, đó là chính những con người ấy;

133. So sánh mục 1.7.1.

134. Đoạn Thi Thiên này là một bằng chứng cho thấy từ "tâm linh" có nhiều ý nghĩa khác nhau, và ở đây, chẳng hạn, chỉ đơn giản có nghĩa là "hơi thở".

mặt khác, vì đã chết, họ ở trong một trạng thái thuộc tâm linh, nghĩa là phi vật chất (Hê-bơ-rơ 12:23).

3.2.3 Tóm tắt

Khái niệm về tâm linh của Kinh Thánh khác về căn bản với khái niệm về tâm linh của các quan niệm khác về con người. Tâm linh nâng linh hồn con người lên thành tâm linh – linh hồn và làm cho con người thành một nhân vị. Tâm linh là điều bảo đảm cho bản sắc của con người. Tâm linh phân biệt con người, là hình ảnh của Đức Chúa Trời, với loài vật. Vì con người có tâm linh, nên Đức Chúa Trời có thể nói với người và người có thể nói với Ngài. Tâm linh hiện hữu đời đời, vì đó là thần linh đến từ Đức Chúa Trời. Như vậy, con người là một hữu thể của cõi đời đời, hướng về một thế giới cao hơn, vô hình.

3.3 Linh hồn của con người

Giữa tâm linh và thân thể của con người, Phao-lô nêu linh hồn. Trong Kinh Thánh, tâm linh và linh hồn đôi khi gắn bó chặt chẽ với nhau, đến nỗi mỗi từ riêng lẻ (1 Phi-e-rơ 2:11; Phi-líp 1:27) có thể chỉ người bề trong (2 Cô-rinh-tô 4:16; Thi Thiên 103:1), tức là khía cạnh phi vật chất và vô hình của con người. Tuy vậy, hai từ này cũng được phân biệt với nhau (Hê-bơ-rơ 4:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23).

Người ta thường chỉ ra, một cách không đúng, rằng *linh hồn* chỉ đơn giản có nghĩa là sự sống, như sự sống làm sinh động cơ thể vật chất của người và thú vật (xem Ma-thi-ơ 2:20; 16:25-26; Lu-ca 12:22). Từ *linh hồn* cũng có ý nghĩa này, nhưng nó có sự phong phú về ý nghĩa có thể sánh với từ *tâm linh*.

Linh hồn thường được phân biệt với ý nghĩa đơn thuần là "sự sống". Vì *linh hồn*, cũng như tâm linh của con người, là thành phần chủ yếu của người (Giốp 19:2; Châm Ngôn 3:21-22; Ma-thi-ơ 10:28; Lu-ca 12:20; 2 Phi-e-rơ 2:8).

Chẳng hạn, sự an khang của linh hồn được đặt đối diện với sự an khang của thân thể và của sự sống thân thể, và như vậy được phân biệt rõ với điều đó (3 Giăng 2). Người ta có thể giết thân thể, nhưng không thể giết linh hồn (Ma-thi-ơ 10:28). Nếu trong câu này linh hồn là sự sống, thì linh hồn đã bị giết cùng với sự sống của thân thể. Ở chỗ này, Chúa Giê-xu rõ ràng mô tả linh hồn như một yếu tố bản chất của con người, không chết cùng với sự chết của thân thể. Theo lời Chúa Giê-xu, linh hồn rõ ràng là một yếu tố của con

người được phân biệt với tâm linh và thân thể của người (Lu-ca 17:33; so sánh 1 Phi-e-rơ 2:25; Công Vụ Các Sứ Đồ 14:22).

Là một phần của con người, linh hồn, bên cạnh tâm linh, cũng là từ chỉ con người trong tính toàn thể của người. Vì vậy Kinh Thánh dùng từ "linh hồn" khi đếm người (so sánh Sáng Thế Ký 46:25-27; Công Vụ Các Sứ Đồ 2:41).

Linh hồn cùng với tâm linh tạo nên nhân cách nơi con người (Lu-ca 9:24; Hê-bơ-rơ 6:19; 10:39). Linh hồn – cũng như tâm linh – đại diện cho cái "tôi" của con người (2 Cô-rinh-tô 1:23; Ê-sai 53:11; Ca Thương 3:24).

Nếu linh hồn chiếm một vị trí nào đó ở giữa tâm linh và thân thể, thì một mặt nó có liên hệ với tâm linh, vì vậy chúng ta cũng gọi nó là "tâm linh – linh hồn". Mặt khác, nó gắn bó chặt chẽ với thân thể, là người bề ngoài.

Mối liên hệ của linh hồn với thân thể được bày tỏ rõ khi chúng ta đọc rằng linh hồn của xác thịt ở trong huyết (Lê-vi Ký 17:11; Phục Truyền Luật Lệ Ký 12:23). Linh hồn của người và của thú vật được gắn với huyết (Sáng Thế Ký 9:4-5). Vì vậy, cái chết của con người cũng được gọi là sự đổ linh hồn ra (Thi Thiên 141:8; Ê-sai 53:12). Dù khác biệt với thân thể, linh hồn vẫn gắn bó rất chặt chẽ với thân thể, là điều không đúng với tâm linh theo cách ấy. Vì vậy, khi tạo dựng con người, Kinh Thánh nói rằng người trở nên một linh hồn sống, cũng như thú vật được gọi là linh hồn sống (Sáng Thế Ký 1:20-21, 24; 2:19; 9:10).

Việc con người trong tính toàn thể của mình trở nên một linh hồn sống cho thấy rõ mối liên hệ chặt chẽ giữa linh hồn và thân thể, vì ở đó điều được nói đến là việc ban sự sống cho đất, cho vật chất chết. Chính theo nghĩa này, chứ không theo nghĩa nào khác, mà thú vật cũng được gọi là "linh hồn sống". Linh hồn của thú vật không được Đấng Tạo Hóa hà vào, là điều chính xảy ra nơi con người. Sự khác biệt chủ yếu giữa thú vật và con người là ở chỗ đó (Lê-vi Ký 24:17-18).

Trong Cựu Ước, xác chết (trong tiếng Hê-bơ-rơ) cũng được gọi là "linh hồn" (Dân Số Ký 5:2; 6:6, 11; 19:11, 13). Ở đây linh hồn chỉ thân thể và hình dáng của con người. Như vậy thân thể đồng thời cũng là hình thức bên ngoài của linh hồn, nhưng không phải là bản thể của linh hồn, nghĩa là xác chết không phải là linh hồn. Xác chết không thể là linh hồn, vì linh hồn ra khỏi người khi người chết (Sáng Thế Ký 35:18). Đối với thân xác người chết, từ

"linh hồn" có nghĩa là hình dáng của linh hồn thuần túy về mặt thân thể, vật chất, nhưng không có linh hồn.

Sự gắn bó chặt chẽ này của thân thể với linh hồn gợi ý rằng ngay cả sau khi người chết, linh hồn vẫn gắn với hình thức và hình dáng của thân thể con người "của mình". Theo đó, linh hồn xuất hiện "trong hình dáng có thân thể" (theo nghĩa của Lu-ca 3:22). Tuy nhiên, "thân thể" này của trạng thái trung gian không còn là vật chất. Như vậy, sau khi chết, linh hồn cũng xuất hiện trong hình dáng con người và có thể được nhận ra như thế.

Trong ánh sáng này, có thể hiểu được tại sao Giăng thấy linh hồn của những người đã bị giết vì Lời Đức Chúa Trời (Khải Huyền 6:9; 20:4). Nếu linh hồn chỉ là sự sống, thì ông đã thấy gì? Rõ ràng ông đã thấy những hình dáng con người mà ông nhận ra được là như thế. Về tính có thân thể thuộc tâm linh của họ trong thế giới vô hình đối với chúng ta, không thể suy ra điều gì hơn thế, tức là hơn việc Giăng nhận ra các linh hồn là những hình dáng con người. Ở đây cần làm rõ rằng việc có thể nhận ra nhau sau khi chết có liên quan đến dáng vẻ bên ngoài của con người, cũng như trên đất điều đó xảy ra qua thân thể vật chất.

Những suy nghĩ này về sự tiếp tục hiện hữu của linh hồn sau khi chết cũng chạm đến câu hỏi về sự bất tử. Việc linh hồn tồn tại sau sự chết của thân thể đã được trình bày rõ. Còn linh hồn có bất tử hay không, nghĩa là có hiện hữu đời đời hay không, thì chỉ có thể trả lời khi xét đến mối liên hệ của linh hồn với tâm linh. Vì tâm linh, vốn bất tử, ngự trong linh hồn và trong cấu tạo của con người có mối liên hệ không thể tách rời với linh hồn, và hai từ này thường diễn tả cùng một điều, nên linh hồn con người, với tư cách là tâm linh – linh hồn, cũng phải bất tử. Linh hồn không bất tử tự nơi chính mình, vì chỉ Đức Chúa Trời mới tự mình bất tử. Linh hồn bất tử là nhờ Đức Chúa Trời gìn giữ nó, và vì Ngài muốn nó sống và không chết.

3.3.1 Tóm tắt

Mặc dù không thể đưa ra một định nghĩa, vì từ "linh hồn" có nhiều tầng ý nghĩa (755 lần trong Cựu Ước), nhưng chính từ sự phong phú ấy có thể rút ra: Linh hồn của con người là một trong những yếu tố bản chất của người. Linh hồn là tâm linh – linh hồn, và như thế khác với linh hồn của thú vật, là linh hồn không phải là *tâm linh* – linh hồn. Linh hồn là mối nối giữa tâm linh

và thân thể. Linh hồn là chỗ ngự của nhân cách và của đời sống bản ngã cá nhân. Nhờ tâm linh ngự trong mình, linh hồn bất tử và gìn giữ con người như một nhân vị vượt qua sự chết của thân thể. Ở đây cũng vậy – như nơi tâm linh của con người – thấy rõ rằng con người là một hữu thể của cõi đời đời.

3.4 Thân thể của con người

Thân thể cũng là một yếu tố bản chất của con người. Phần hữu hình của con người dễ hiểu hơn nhiều so với phần vô hình của người, vì vậy ít gây khó khăn cho sự hiểu biết của chúng ta hơn. Đức Chúa Trời đã ban một thân thể theo như Ngài muốn (1 Cô-rinh-tô 15:38). Thân thể là sự bày tỏ sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời – ngay cả sau sự sa ngã – và luôn khiến chúng ta kinh ngạc về cách kỳ diệu mà chúng ta đã được dựng nên (Thi Thiên 139). Thân thể bằng thịt và huyết (Hê-bơ-rơ 2:14) làm cho chúng ta có thể hiện hữu trong thế giới hữu hình và định hình sự hiện hữu ấy. Với thân thể, chúng ta sống, trải nghiệm và cảm nhận thế giới.

Qua sự chết, là điều đã xâm nhập thế gian này bởi tội lỗi, thân thể, tức là xác thịt, bị phục dưới sự chết và sự chóng qua (Rô-ma 6:23; Ê-sai 40:6-8; 1 Phi-e-rơ 1:24). Theo cái nhìn của con người tự nhiên, là cái nhìn không vượt qua bên kia sự chết, thì – như sách Truyền Đạo nói – con người chịu cùng một số phận như loài thú: người trở về bụi đất (Truyền Đạo 3:19). Người bề ngoài hư nát dần (2 Cô-rinh-tô 4:16), cũng như hình trạng của thế gian này qua đi (1 Cô-rinh-tô 7:31; Ê-sai 51:6), nghĩa là như mọi điều hữu hình đều qua đi (2 Cô-rinh-tô 4:18).

Thân thể cũng đã trở thành công cụ của tội lỗi (Rô-ma 6). Vì vậy, khi nói về sự bất lực của con người bị tội lỗi bắt làm nô lệ, Phao-lô nói: "Ai sẽ cứu tôi thoát khỏi thân thể hay chết này?" (Rô-ma 7:24).

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa thân thể là một nhà tù mà chỉ khi chết người ta mới được giải thoát. Đó là quan niệm của triết học Hy Lạp, hoàn toàn trái ngược với cái nhìn của Kinh Thánh về thân thể (so sánh chương 4). Thân thể có giá trị thế nào trước mắt Đức Chúa Trời được thấy rõ trong sự mầu nhiệm lớn nhất của lịch sử thế giới: Chính Đức Chúa Trời đã trở nên người, Đức Chúa Trời được tỏ ra trong xác thịt (1 Ti-mô-thê 3:16).

Giăng nói rằng Ngôi Lời đã trở nên xác thịt và ở giữa chúng ta (Giăng 1:14). Chúa Giê-xu đã để cho một thân thể được sắm sẵn cho Ngài (Hê-bơ-rơ 10:5), để phó thân thể ấy cho sự chết làm của lễ trên thập tự giá (Hê-bơ-rơ 10:10). Khi Ngài chết, Ngài không bỏ đi mãi mãi thân thể mà Ngài đã dâng làm của lễ. Trong sự sống lại, vì Ngài là người trọn vẹn và vẫn là người đời đời, Ngài đã nhận một thân thể được vinh hiển, đồng thời là khuôn mẫu cho mọi tín hữu, khi họ được mặc lấy cùng một thân thể vinh hiển ấy trong sự biến hóa và sự sống lại (Phi-líp 3:21; Rô-ma 8:23).

Nhờ sự cứu chuộc, thân thể của các tín hữu đã trở thành nơi ngự của Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 6:19), vì Đức Chúa Trời, là Đức Thánh Linh, ngự trong đó. Vì vậy, thân thể, dù hay chết vì tội lỗi, là công cụ mà hiện nay Đức Chúa Trời được tôn vinh qua đó trên đất (Rô-ma 12:1-2; 1 Cô-rinh-tô 6:20). Cả con người được đặt vào sự phục vụ Đức Chúa Trời.

Sự sống lại của các tín hữu là bằng chứng rằng Đức Chúa Trời không loại bỏ cũng không bỏ lại thân thể, như thể Ngài có lẽ thích một hình thức hiện hữu khác hơn. Điều xưa kia đã ra từ tay Đức Chúa Trời cách trọn vẹn, nhưng bị tội lỗi làm biến dạng và hư hoại, một ngày kia, trên nền tảng sự chết và sự sống lại của Đấng Christ, sẽ được phục hồi để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Quyền làm con của các tín hữu chỉ đạt đến trọn vẹn khi thân thể được cứu chuộc (Rô-ma 8:23).

Tâm linh, linh hồn và thân thể, tức là cả con người, từ khi được tạo dựng đã được định cho cõi đời đời. Chỉ trong sự sống lại thân thể mới được dự phần vào sự bất tử. Khái niệm "sự bất tử", như là điều trái ngược với "sự hay chết", cũng chỉ áp dụng cho thân thể *đã sống lại* (Rô-ma 8:11), vì thân thể này đã trở thành một thân thể "hay chết" bởi tội lỗi. Vì vậy, Kinh Thánh không nói về "sự bất tử của linh hồn", vì linh hồn chưa bao giờ hay chết và cũng không trở thành hay chết, như điều đã thật sự xảy ra với thân thể.

3.5 Kết luận

Không thể chối cãi: Kinh Thánh biết con người trong *sự thống nhất* của tâm linh, linh hồn và thân thể. Dù con người đã sa ngã khỏi mục đích được sống trong sự thông công với Đức Chúa Trời, quan niệm của Kinh Thánh về con người, như được trình bày từ sự sáng tạo, vẫn còn nguyên (Gia-cơ 3:9).

Ở đây tôi nhấn mạnh rằng ba khía cạnh này tạo nên một thể thống nhất không thể tách rời và trình bày con người trong tính toàn thể của người, là điều được giữ nguyên cho đến khi chết. Sự chết gây ra một sự phân rẽ tạm thời giữa thân thể và tâm linh – linh hồn. Qua sự sống lại, sự thống nhất này của con người được phục hồi.

Con người là một hữu thể của cõi đời đời. Điều đó không có nghĩa chỉ một phần của con người, mà là cả con người trong sự thống nhất và đồng thời trong sự phong phú của người, về mặt các khía cạnh khác nhau của người, như Đức Chúa Trời đã muốn và đã thực hiện từ ban đầu.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Tại sao quan niệm của Kinh Thánh về con người là có một không hai?
- Bạn hãy nêu những từ ngữ mà Kinh Thánh dùng cho quan niệm của mình về con người?
- Đâu là khái niệm trung tâm và tại sao?
- Tại sao tâm linh của con người bất tử?
- Bạn hãy nêu một vài đặc điểm chính của tâm linh con người!
- Bạn hãy nêu một vài đặc điểm chính của linh hồn!
- Bạn hãy nêu một vài đặc điểm chính của thân thể con người!

4 Sự bất tử của linh hồn

Vì tôi đã dùng khái niệm "sự bất tử của linh hồn" nhiều lần, giờ đây tôi muốn dành cho nó một chương riêng, để có thể dẹp bỏ những hiểu lầm vô căn cứ và, đáng tiếc thay, cả những lời gán ghép.

Khái niệm này khiến nhiều Cơ Đốc nhân chia rẽ. Trong dòng lịch sử Hội Thánh cho đến ngày nay, nó đã dẫn đến những cuộc tranh luận rộng lớn và gay gắt. Tuy vậy, nó đã được thừa nhận rộng rãi trong Cơ Đốc giáo, là điều tự nó chưa xác nhận rằng nó đúng. Theo dõi sự hiểu biết về sự bất tử của linh hồn trong dòng lịch sử Hội Thánh sẽ là một đề tài rộng lớn và thú vị. Nhưng đó không phải là ý định của tôi, vì những lập trường khác nhau, như đã hình thành từ rất sớm, về căn bản vẫn giữ nguyên cho đến ngày nay.[135]

Điều đáng chú ý là Kinh Thánh không dùng khái niệm "sự bất tử của linh hồn", cũng không nói trực tiếp về sự kiện này. Tuy nhiên, việc thiếu khái niệm này hay một cách diễn đạt tương đương không phải là lý do để chối bỏ lẽ thật mà nó chứa đựng. Cũng vậy, người ta nói về Ba Ngôi Đức Chúa Trời (Trinity), về sự thay thế của Đấng Christ hay về bản chất cũ, dù Kinh Thánh cũng không nhắc đến những từ này. Dù vậy, chúng diễn tả các lẽ thật một cách không những đúng mà còn hữu ích.

Những người chối bỏ sự bất tử của linh hồn chỉ ra đúng rằng ở đây chúng ta đang đối diện với một khái niệm ngoại giáo, trong trường hợp này là của người Hy Lạp. Trong tư tưởng của mình, người Hy Lạp có sự bất tử của linh hồn. Nhân tiện, họ cũng dùng từ "Hades" (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') cho nơi ở của người chết và cho vị thần cai quản cõi âm.

Nhưng ai chỉ vì nguồn gốc của khái niệm "sự bất tử của linh hồn" mà chối bỏ một sự sống có ý thức sau khi chết và trong cõi đời đời, thì lại rơi vào thái cực ngược lại. Cuộc chiến chống lại ảnh hưởng của tư tưởng Hy Lạp đôi khi mãnh liệt đến nỗi người ta chối bỏ luôn mọi sự bất tử ngoài sự bất tử của chính Đức Chúa Trời, và có thể nói là đổ nước tắm đổ luôn cả đứa bé.

Ở đây tôi không muốn khăng khăng giữ khái niệm này và bênh vực thuật ngữ của nó, càng không muốn Cơ Đốc hóa nó. Vấn đề là chúng ta phải hiểu

135. Chẳng hạn *Texte der Kirchenväter*, München (Kösel Verlag), 1966, tập 1, 4, 5.

sự bất tử của linh hồn theo nghĩa của Kinh Thánh như thế nào.[136] Dù thế nào chúng ta cũng không được hé mở cánh cửa, dù chỉ một khe nhỏ, cho triết học ngoại giáo.

"Sự bất tử của linh hồn" có nghĩa là linh hồn, khác với thân thể, không chết (Ma-thi-ơ 10:28). Lẽ nào người Hy Lạp lại không có một mức độ lẽ thật nào đó, bắt nguồn từ việc Đức Chúa Trời đã đặt sự đời đời trong lòng loài người (Truyền Đạo 3:11)? Niềm tin vào sự sống sau khi chết là một phần của mọi nền văn hóa cổ. Con người biết lẽ thật, nhưng giữ lẽ thật trong sự không công chính và đè nén nó, vì lòng họ đã bị tối tăm (Rô-ma 1:18-32).[137]

4.1 Sự sống đời đời và sự bất tử của linh hồn

Một lời phản bác sự bất tử của linh hồn được nêu lên trong câu hỏi: Tại sao con người còn cần sự sống đời đời, nếu người đã có sự bất tử của linh hồn một cách *tự nhiên*?

Từ cách đặt câu hỏi này, thấy rõ rằng sự sống đời đời và sự bất tử của linh hồn được hiểu là một. Đó là một sự hiểu sai, vì hai điều này khác nhau về căn bản (so sánh 2.9.2.). Mỗi người sinh ra với một linh hồn bất tử. Nhưng vì là dòng dõi của A-đam, người là kẻ có tội, nên toàn bộ con người của người bị tội lỗi thấm nhiễm. Vì vậy người cần sự sống "mới". Câu trả lời của tôi cho câu hỏi này là: Ngoài linh hồn bất tử, hay sự hiện hữu đời đời của mình, con người còn cần "thêm" sự sống đời đời. Vì theo bản chất, với tư cách là tạo vật, người đã có sự hiện hữu đời đời, nên người không cần thêm một lần nữa một sự sống không cùng, vì người đã có điều đó rồi. Người cần "sự sống đời đời", là điều lớn lao hơn nhiều so với chỉ sự hiện hữu đời đời. Người cần một sự hiện hữu "mới", là điều người nhận được cùng với sự sống đời đời. Người trở thành con cái Đức Chúa Trời, vì người được sinh lại để trở nên như thế (Giăng 1:12-13; 3:1-21).

---

136. Người đọc Kinh Thánh, vốn không biết tư tưởng của người Hy Lạp, cũng không có kiến thức về các ngôn ngữ gốc, thì phải hiểu thế nào những đoạn Kinh Thánh mà chúng ta đã khảo sát trong chương 2? Đối với người ấy, "sự bất tử của linh hồn" không phải là một con ngựa thành Troy, không phải là sự xâm nhập của tư tưởng ngoại giáo, mà người ấy hoàn toàn có thể hiểu khái niệm này theo Kinh Thánh trong khuôn khổ những gì đã được trình bày ở chương 2, và cũng dùng nó theo nghĩa ấy. Trong ánh sáng của Tân Ước, khái niệm này có lý do chính đáng; nó không nhất thiết phải chuyên chở tư tưởng ngoại giáo.

137. Xem thêm Don Richardson, *Ewigkeit in ihren Herzen*, Lahr (Verlag der Liebenzeller Mission), 1999.

Người không có sự sống đời đời vẫn có sự hiện hữu đời đời. Nhưng đó là một sự hiện hữu đời đời không có Đức Chúa Trời. Trong đời sống trên đất, người sống không có Đức Chúa Trời, chết không có Đức Chúa Trời, và sau khi được khiến sống lại sẽ tiếp tục sống đời đời không có Đức Chúa Trời. Vậy vấn đề không phải là con người có hiện hữu đời đời hay không, mà là người hiện hữu đời đời trong mối liên hệ nào với Đức Chúa Trời. Mỗi người đều có sự hiện hữu đời đời; tín hữu, với tư cách con cái Đức Chúa Trời, nhờ sự sống đời đời mà có một sự hiện hữu mới và đời đời trong sự thông công với Đức Chúa Trời. Người không tin có một sự hiện hữu đời đời không có Đức Chúa Trời, vì tội lỗi phân cách người khỏi Đức Chúa Trời.

4.2 Sự bất tử trong Tân Ước

Từ "sự bất tử" (tiếng Hy Lạp *atanasia*) chỉ xuất hiện ba lần trong Tân Ước. 1 Ti-mô-thê 6:16 nói rằng Đức Chúa Trời "một mình có sự bất tử". Đức Chúa Trời có sự bất tử theo nghĩa tuyệt đối tự nơi chính Ngài. Sự bất tử là một thuộc tính mà theo hình thức này chỉ Đức Chúa Trời mới có.[138] Không ai đã ban nó cho Ngài, và không ai có thể lấy nó khỏi Ngài. Đó là sở hữu thuộc về bản chất của Ngài, vì Ngài là "Đấng Hằng Hữu đời đời" (Xuất Ê-díp-tô Ký 3:13-14) và là Đức Chúa Trời không hề thay đổi (Rô-ma 16:26). Vì vậy, mọi sự bất tử đều bắt nguồn từ Ngài, chỉ Ngài mới có thể ban nó.

Từ đó người ta có thể kết luận rằng ngoài Đức Chúa Trời, không ai bất tử. Tuy nhiên, Chúa Giê-xu nói về các thiên sứ rằng họ không chết (Lu-ca 20:36); nói cách khác: họ bất tử. Vậy ngoài Đức Chúa Trời, có ai có thể có sự bất tử không? Điều đó há chẳng mâu thuẫn với việc "một mình" Đức Chúa Trời có sự bất tử sao? Không, các thiên sứ không bất tử theo nghĩa như Đức Chúa Trời. Họ không có đặc tính này tự nơi mình hay độc lập với Đức Chúa Trời. Họ cũng được Đức Chúa Trời gìn giữ sự sống, như điều đúng với mọi vật sống. Muôn vật được nâng đỡ bởi lời quyền phép của Ngài (Hê-bơ-rơ 1:3). Theo nghĩa này, mọi sự sống, và vì vậy cả "sự bất tử", đều bắt nguồn từ Đức Chúa Trời và lệ thuộc vào Ngài. Mọi vật sống đều sống vì Ngài muốn (Khải

138. Điều đáng chú ý là Kinh Thánh không nói rằng Đức Chúa Trời bất tử. Chỉ sau khi sự chết đã vào trong công trình sáng tạo, việc nói về sự bất tử mới có ý nghĩa. Đó là điều trái ngược với "hay chết". Có lẽ không thích hợp khi nói Đức Chúa Trời bất tử, vì Ngài chưa bao giờ có liên quan gì đến sự chết. Ngài "có" sự bất tử, không phải vì đó là bản chất của Ngài, mà vì Ngài ban nó cho những hữu thể hay chết.

Huyền 4:11; 1 Ti-mô-thê 6:13; Công Vụ Các Sứ Đồ 17:25). Điều đó cũng đúng với tâm linh – linh hồn của con người. Câu hỏi không phải là ngoài Đức Chúa Trời có ai có thể bất tử không, mà là người ấy bất tử theo cách nào.

Sứ đồ Phao-lô còn dùng từ này hai lần nữa trong chương nói về sự sống lại (1 Cô-rinh-tô 15:53-54). Ở đó sự bất tử chỉ liên quan đến thân thể mới mà các tín hữu nhận được trong sự sống lại hay sự biến hóa. Chỉ với thân thể mới này, các tín hữu mới nhận được sự bất tử theo ý nghĩa của Kinh Thánh.

Như vậy, trong Kinh Thánh, sự bất tử luôn liên quan đến cả con người. Nhưng nó chỉ bắt đầu với sự sống lại. Khi ấy nó bao gồm cả con người, chứ không chỉ linh hồn của người. Nói cho rõ: Kinh Thánh không dùng khái niệm sự bất tử gắn với linh hồn. Nhưng mặt khác, cũng không có chỗ nào nói rằng linh hồn chết, khi linh hồn được trình bày như một yếu tố bản chất của con người. Vì sự bất tử chỉ liên quan đến thân thể, nên sự hay chết cũng chỉ áp dụng cho thân thể. Nhưng vì linh hồn không hay chết, nên cũng không có sự bất tử của linh hồn. Linh hồn cũng không phải mãi về sau mới nhận được sự bất tử qua việc nhận lãnh sự sống đời đời, như một số người khẳng định.

Trong Tân Ước, sự hay chết chỉ áp dụng cho thân thể (Rô-ma 6:12; 8:11; 1 Cô-rinh-tô 15:53-54; 2 Cô-rinh-tô 4:11; 5:4). Thân thể hay chết và vì vậy thuộc về công trình sáng tạo hữu hình và do đó chóng qua (2 Cô-rinh-tô 4:18). Còn về linh hồn, là điều chúng ta không thấy được, thì khác với thân thể, linh hồn là đời đời.

Như vậy, khái niệm "sự bất tử của linh hồn" không thật sự chính xác. Điều tôi quan tâm không phải là bênh vực khái niệm này, mà là lẽ thật mà nó diễn tả. Chúng ta nên nói đúng hơn là "sự hiện hữu đời đời của linh hồn". Nếu tôi tiếp tục dùng khái niệm "sự bất tử của linh hồn", và thậm chí dùng làm tựa đề của cuốn sách, thì đó là để dễ hiểu nhau hơn.

Sự hiện hữu đời đời của con người không chỉ bao gồm sự hiện hữu đời đời của linh hồn, mà cả của thân thể (trong sự sống lại). Con người trong tính toàn thể của mình được định cho cõi đời đời. Việc khái niệm "sự bất tử của linh hồn" chỉ nói đến một khía cạnh là linh hồn trong tính toàn thể của con người là vì nó chỉ liên quan đến khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại. Vậy trong khuôn khổ Kinh Thánh, khái niệm này chỉ có giá trị cho khoảng thời gian ấy. Mọi ý nghĩa vượt xa hơn thế sẽ là sự tiếp nhận ý tưởng Hy Lạp, là điều phải hoàn toàn khước từ.

4.3 Giữa sự chết và sự sống lại

Trong khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại, tâm linh – linh hồn không có thân thể. Thân thể hư nát và chỉ được đem ra lại trong sự sống lại. Ở đây có người phản bác rằng linh hồn không thể có sự hiện hữu riêng nếu không có thân thể, vì không có thân thể và các giác quan của nó thì không thể có ý thức. Họ cho rằng sự thống nhất của con người là như thế nào đó mà sự chết chấm dứt *mọi* chức năng của con người.

4.3.1 Ý thức của linh hồn khi không có thân thể

Trạng thái của con người sau khi chết hoàn toàn bất thường, vì sự chết phá vỡ sự thống nhất của con người. Sự chết phân rẽ tâm linh – linh hồn khỏi thân thể. Giờ đây tâm linh – linh hồn phải "xoay xở" mà không có thân thể. Rõ ràng trạng thái này không trọn vẹn. Nhưng điều đó không chứng minh rằng tâm linh – linh hồn không có thân thể thì không có ý thức. Trong thế giới hữu hình, chúng ta cần thân thể và các giác quan để có ý thức. Nhưng chúng ta không thể áp dụng điều đó cho thế giới bên kia sự chết, là thế giới vô hình đối với chúng ta và hoàn toàn khác biệt.

Từ những đoạn văn đã được bàn trong chương 2, đã thấy rõ rằng sau khi chết, không có sự giới hạn nào cho linh hồn và ý thức của linh hồn khi không có thân thể. Ý thức của linh hồn sau khi chết không bị ràng buộc vào thân thể. Những chức năng như nói và nghe, vốn thật ra chỉ có thể gán cho thân thể, cũng áp dụng cho "linh hồn" của những người đã bị giết (Khải Huyền 6:9; so sánh mục 2.9). Dù chúng ta không thể hình dung trạng thái của linh hồn không có thân thể, chúng ta cũng không được vì vậy mà loại trừ sự hiện hữu của một trạng thái như thế. Hãy nghĩ đến các thiên sứ: Họ là các linh (Hê-bơ-rơ 1:7, 14), không có thân thể. Thế mà họ có ý thức về nhân vị.

Sứ đồ Phao-lô cho là có thể ông đã ở "ngoài thân thể" khi được đem lên đến tầng trời thứ ba (2 Cô-rinh-tô 12:1-4).

4.3.2 Linh hồn còn cần thân thể không?

Một lý lẽ khác như sau: "Nếu linh hồn con người tiếp tục sống sau khi chết và linh hồn của tín hữu vào Ba-ra-đi (thiên đàng), thì còn cần sự sống lại để

làm gì? Chúng ta cần thân thể để làm gì, nếu không có nó chúng ta vẫn đạt được một hình thức hiện hữu đầy phước hạnh?"

Ở đây tôi cũng nhấn mạnh rằng khoảng thời gian giữa sự chết và sự sống lại là một tình trạng ngoại lệ tuyệt đối. Có thể nói rằng con người không được dựng nên cho khoảng thời gian này. Nói theo cách loài người, sự chết không nằm trong dự định. Đức Chúa Trời không muốn con người phải chết. Vì vậy, không thể gọi trạng thái sau khi chết là trọn vẹn, dù các tín hữu ở trong Ba-ra-đi. Thân thể họ đã rơi vào tay sự chết.

Lý lẽ này đưa chúng ta trở lại với lẽ thật đã được bàn nhiều lần về giá trị của thân thể do Đức Chúa Trời dựng nên và về sự thống nhất của con người. Công việc này của Đức Chúa Trời đã bị sự chết phá hủy. Nhưng sự chết chỉ có thể bị đánh bại và bị bãi bỏ bởi sự sống lại.

Công việc của Chúa Giê-xu Christ sẽ không trọn vẹn thế nào nếu không có sự sống lại của Ngài (Rô-ma 4:25), thì sự cứu chuộc (Rô-ma 8:23) cũng sẽ không trọn vẹn y như thế, nếu thân thể của các tín hữu đã chết cứ ở lại trong mồ mả. Sự chết hẳn đã thắng, nếu không có sự sống lại. Sự sống lại liên quan đến sự tôn trọng và sự tôn vinh Đức Chúa Trời, là điều sẽ bị giảm đi nếu không có sự sống lại.

Sau khi chết, Đấng Christ đã vào Ba-ra-đi (so sánh mục 2.3). Nhưng Ngài không ở lại đó, dù đó là nơi phước hạnh tột bậc. Ngài đã sống lại từ kẻ chết. Sự cứu rỗi của chúng ta đứng hay đổ cùng với sự sống lại của Ngài. Không có sự sống lại của Ngài thì không có sự xưng công chính và cũng không có sự bình an với Đức Chúa Trời. Điều đó không mâu thuẫn với việc Ngài đã vào Ba-ra-đi và tâm linh – linh hồn của Ngài không chết. Ở đây chúng ta thấy rằng sự bất tử của linh hồn và sự sống lại không loại trừ nhau hay triệt tiêu lẫn nhau. Vậy sự bất tử của linh hồn theo nghĩa của Kinh Thánh không làm cho sự sống lại trở nên vô nghĩa. Nhưng nếu người ta tin sự bất tử của linh hồn theo nghĩa Hy Lạp, thì quả thật người ta không cần sự sống lại. Khái niệm sự bất tử của triết học Hy Lạp không có điểm chung nào với sự bất tử theo Kinh Thánh, như sự đối chiếu sau đây cho thấy.

4.4 Sự bất tử trong Kinh Thánh và trong triết học Hy Lạp

Lý lẽ mạnh nhất mà người ta đưa ra để chống lại giáo lý về sự bất tử của linh hồn là nguồn gốc ngoại giáo của nó. Quan niệm của người Hy Lạp về sự bất

tử có hình thức nổi tiếng nhất nơi Plato, dù niềm tin vào sự bất tử của linh hồn đã có từ rất lâu trước người Hy Lạp, chẳng hạn nơi người Ba-by-lôn.

Cơ Đốc giáo có tiếp nhận quan niệm của người Hy Lạp về sự bất tử và pha trộn nó với giáo lý của Kinh Thánh không? Đáng tiếc là chúng ta phải nhận thấy rằng quả thật đã như vậy. Ở điểm này tôi phải công nhận những người chối bỏ sự bất tử của linh hồn là đúng. Vì vậy, phải vạch một đường phân ranh rõ ràng và khước từ mọi sự pha trộn.

Dựa trên những điểm đối nghịch giữa tư tưởng Hy Lạp và niềm hy vọng về sự sống lại của Cơ Đốc nhân, gắn liền với khái niệm sự bất tử *theo Kinh Thánh*, tôi sẽ cho thấy rõ rằng tôi không thỏa hiệp với ngoại giáo. Những điểm khác biệt được nêu trong bốn điểm (chắc chắn đó không phải là tất cả những điểm khác biệt có thể có) hẳn đủ để cho thấy hai quan niệm này không thể dung hòa với nhau đến mức nào. Chúng có điểm xuất phát và điểm kết thúc hoàn toàn trái ngược nhau.

4.4.1 Thuyết nhị nguyên

Triết học Hy Lạp chia con người thành hai bản thể: thân thể và linh hồn, hay vật chất và tinh thần. Theo cái nhìn của Kinh Thánh, sự phân chia này vẫn còn có thể chấp nhận được,[139] nếu đó là một sự phân chia ngang giá trị. Nhưng không phải vậy, vì người Hy Lạp coi linh hồn và những gì thuộc tinh thần cao hơn thân thể, và xem thân thể là nhà tù của linh hồn. Vì vậy, đối với họ sự chết là sự giải thoát khỏi nhà tù, nhờ đó linh hồn tìm được sự sống thật. Nơi họ có một sự đối nghịch giữa tinh thần và vật chất.

Trong Kinh Thánh, bắt đầu từ sự tạo dựng con người, thân thể không bao giờ là thứ yếu, vì nó là công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời và vì vậy là tốt lành (so sánh mục 3.3). Dù tội lỗi đã gây ra sự chết, vẫn còn nguyên sự thật rằng thân thể của tín hữu là đền thờ mà chính Đức Chúa Trời ngự trong đó (1 Cô-rinh-tô 6:19). Với thân thể mình, tín hữu là một chi thể của thân thể Đấng Christ.

4.4.2 Sự sống lại

Người Hy Lạp không biết đến sự sống lại của thân thể, vì điều đó không hợp với lối suy nghĩ của họ (Công Vụ Các Sứ Đồ 17:32-34). Bởi vì sự sống lại của

139. Như "người bề trong" và "người bề ngoài".

thân thể sẽ đưa linh hồn trở lại nhà tù của thân thể.

Thân thể không phải là điều mà linh hồn phải được giải thoát khỏi. Sự kiện sự sống lại cho thấy rõ điều đó. Chính Đức Chúa Trời sẽ phục hồi thân thể trong sự sống lại.

Khi Cơ Đốc nhân tin rằng tâm linh – linh hồn hiện hữu đời đời, thì họ không vì vậy mà từ bỏ sự sống lại. Sự sống lại không bị thay thế cũng không bị loại trừ bởi sự bất tử của linh hồn theo ý nghĩa của Kinh Thánh. Hai điều này nhất định phải đi chung với nhau, đến nỗi không có điều này thì không có điều kia.

Vì Đức Chúa Trời đã dựng nên tâm linh – linh hồn của con người là bất tử, nên Ngài đã làm cho sự sống lại về thân thể, với cùng một nhân vị, trở nên khả thi. Như vậy, sự sống lại không phải là một sự tạo dựng mới từ một hư không mà con người rơi vào khi chết, mà là sự kết hợp tâm linh – linh hồn với thân thể. Ý muốn của Đức Chúa Trời là bản sắc cá nhân của mỗi người được giữ lại và được tiếp tục trong sự sống lại.

Như vậy, sự sống lại của người chết là điều kiện tiên quyết cho sự bất tử của linh hồn. Nếu không có sự sống lại, thì cũng không có sự bất tử của linh hồn. Chương trình của Đức Chúa Trời bao gồm con người trong tính toàn thể của người. Vì vậy không thể có sự hiện hữu đời đời của linh hồn mà không có thân thể. Đức Chúa Trời sẽ phục hồi sự thống nhất của con người.

Từ những nguồn đã dẫn, chúng ta biết rằng người Pha-ri-si tin chắc vào sự bất tử của linh hồn và tin sự sống lại. Họ cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp, nhưng sự sống lại là niềm tin của họ dựa trên Cựu Ước. Đối với họ, việc nhận ra mối liên hệ giữa sự bất tử của linh hồn và sự sống lại không phải là vấn đề và không phải là mâu thuẫn.

Sự bất tử của linh hồn và sự sống lại của người chết không phải là những điều đối nghịch nhau. Theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, chúng đi chung với nhau (so sánh mục 2.2); chúng là điều kiện cho nhau. Đó không phải là một sự thỏa hiệp, cũng không phải là một hình thức pha trộn giữa giáo lý Cơ Đốc và những ý tưởng ngoại giáo.

4.4.3 Sự bất tử của linh hồn không phải là trạng thái cuối cùng

Nơi người Hy Lạp, linh hồn đạt đến mục đích sau cùng của nó sau khi chết; nó là phần "thần thánh" trong con người, trở về với thần linh. Vì theo Kinh

Thánh có sự sống lại, nên sau khi chết linh hồn chưa đạt đến mục đích cuối cùng của mình. Giáo lý về sự bất tử của linh hồn theo cái nhìn của Kinh Thánh không mô tả một trạng thái cuối cùng đời đời. Sau khi chết, đó là một trạng thái tạm thời của linh hồn, chỉ kéo dài đến sự sống lại. Sự chết đã gây ra một "tình trạng ngoại lệ" có giới hạn về thời gian, là tình trạng sẽ được bãi bỏ nhờ sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ.

4.4.4 Nhân cách

Người Hy Lạp tin vào sự tiền hiện hữu của linh hồn: Như linh hồn, là tia lửa thần thánh, trở về với thần linh sau khi chết, thì nó cũng đã hiện hữu trong thần linh trước khi con người được thụ thai. Họ xem linh hồn là một phần của một "linh hồn vũ trụ" siêu nhiên. Sau khi bỏ nhà tù là thân thể, linh hồn ấy lại từ bỏ tính cá thể của mình.

Ở đây có một sự khác biệt quyết định so với khái niệm linh hồn của Kinh Thánh. Trong Kinh Thánh, nhờ sự sáng tạo của Đức Chúa Trời, linh hồn là chỗ ngự và là sự bày tỏ nhân cách của mỗi người. Linh hồn là một tâm linh – linh hồn cá biệt và mãi mãi vẫn như vậy. Sự hiện hữu của nó không bắt đầu trước, mà bắt đầu cùng với lịch sử của từng cá nhân, và không bao giờ chấm dứt.

Với những khác biệt hệ trọng như vậy, người ta còn có thể giữ lời cáo buộc rằng khi nói về sự bất tử của linh hồn, Cơ Đốc nhân có ý giống như người Hy Lạp không? Có phải họ chỉ đơn giản tiếp nhận tư tưởng ngoại giáo không? Những khác biệt đã nêu hẳn đủ cho thấy rõ rằng không phải vậy.

4.5 Kết luận

Sau đây tôi tóm tắt trong ba điểm lý do tại sao tôi tin rằng mỗi người đều có một sự hiện hữu đời đời, mà theo sự dạy dỗ của Kinh Thánh, một tâm linh – linh hồn đời đời cũng thuộc về sự hiện hữu ấy.

- Tâm linh của con người là thần linh của sự sống do chính Đức Chúa Trời hà vào (so sánh mục 3.1). Vì thần linh này đến từ Đức Chúa Trời và đồng thời tạo nên tâm linh của con người, nên tâm linh – linh hồn của con người phải hiện hữu đời đời như chính thần linh của Đức Chúa Trời. Sự hiện hữu này chỉ dựa trên ý muốn của Đức Chúa Trời, là Đấng gìn giữ sự sống của muôn vật.

- Kế đến, chúng ta đã khảo sát kỹ những lời chứng của Kinh Thánh về trạng thái sau khi chết (mục 2.1-10). Qua đó đã thấy rõ rằng khi chết, con người không thôi hiện hữu, mà tiếp tục sống. Chúng ta phải giải thích sự kiện này thế nào? Lời giải thích hợp lý nhất là tâm linh – linh hồn của con người không bị phục dưới sự chết của thân thể.
- Bên cạnh những người có sự sống đời đời, có những người không có sự sống ấy. Đó là những người không tin, mà Chúa Giê-xu nói rằng họ sẽ vào khổ hình đời đời. Sự khổ hình này, cũng như niềm vui đời đời của các tín hữu, không có kết thúc, tức là đời đời (Ma-thi-ơ 18:8; 25:41, 46; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9; Hê-bơ-rơ 6:2). Cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời ở trên những người hư mất mãi mãi (Giăng 3:36; so sánh mục 6.2).

René Pache[140] đã tóm tắt đề tài này cách chính xác:

Con người nhận được

- khi sinh ra, cùng với linh hồn mình, sự hiện hữu không cùng
- khi được sinh lại … sự sống đời đời
- khi sống lại, cùng với thân thể mình, sự bất tử

Sự bất tử của linh hồn không phải là sự né tránh thực tại của sự chết, mà là một thành phần thiết yếu của sự hiện hữu con người, như Kinh Thánh mô tả.

4.6 Ý nghĩa của lẽ thật này

Lẽ thật quan trọng này có ý nghĩa lớn lao cho sự rao giảng Tin Lành. Chính trong sự kiện mỗi người đều có một linh hồn bất tử mà có động lực để đem Tin Lành đến với mọi người. Phao-lô nói: "Vậy, vì chúng tôi biết sự kinh khiếp của Chúa, nên tìm cách thuyết phục người ta" (2 Cô-rinh-tô 5:11). Tòa án của Đấng Christ, đối với những người không tin và không ăn năn, sẽ là giây phút mà bản án đóng ấn số phận đời đời của họ được tuyên bố trên họ (Rô-ma 14:10-12; Khải Huyền 20:11-15). Vì vậy, mỗi Cơ Đốc nhân nên được thôi thúc bởi sự cần thiết phải rao giảng Tin Lành: "vì khốn cho tôi, nếu tôi không rao giảng Tin Lành!" (1 Cô-rinh-tô 9:16).

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Tại sao sự bất tử của linh hồn thường bị chối bỏ?

140. René Pache, *Das Jenseits*, Wuppertal (Verlag Sonne und Schild), 1957.

- Sự chối bỏ này có chính đáng không?
- Ý nghĩa của sự bất tử của linh hồn theo Kinh Thánh là gì?
- Sự khác biệt giữa sự sống đời đời và sự bất tử của linh hồn là gì?
- Những người nào có linh hồn bất tử?
- Những người nào có sự sống đời đời?
- Linh hồn có thể có ý thức khi không có thân thể không, và tại sao?
- Linh hồn có thật sự cần thân thể không, và tại sao?
- Sự hiểu biết của người Hy Lạp và của Kinh Thánh về sự bất tử của linh hồn khác nhau ở những điểm nào?

5 Tương lai của người chết

Trong các chương trước, đã thấy rõ rằng con người, dù là tín hữu hay không, khi chết chưa đạt đến trạng thái cuối cùng. Trạng thái ngay sau khi chết, mà con người trải qua cách có ý thức, có thời hạn giới hạn. Vì vậy, đó là một trạng thái trung gian, một trạm dừng chân trên con đường đến cõi đời đời. Tuy nhiên, ngay khi trạng thái trung gian bắt đầu, người chết đã biết rõ họ sẽ ở đâu trong cõi đời đời, vì thời gian này đã mang dấu ấn của điều sẽ là phần của họ trong cõi đời đời: một bên là khổ hình, một bên là niềm vui.

Đức Chúa Trời có một dự định lớn lao đối với các tín hữu, là con cái Đức Chúa Trời. Ý định của Ngài là làm cho họ được vinh hiển và trở nên giống như hình ảnh của Con Ngài (Rô-ma 8:17, 29-30). Điều đó liên quan đến mọi tín hữu – bất kể khi Đấng Christ trở lại, họ còn sống hay đã chết. Sự chết không thể cản trở ý định của Đức Chúa Trời, vì sự chết đã bị hủy phá trong sự sống lại của Đấng Christ.

Đối với những người đã chết mà chưa được hòa giải và không có sự bình an với Đức Chúa Trời thì khác. Họ cũng có một tương lai. Họ không bị tiêu diệt trong sự chết, vì họ có một tâm linh – linh hồn bất tử. Nhưng tương lai của họ sẽ khủng khiếp. Theo lời Kinh Thánh, họ là những người "hư mất". Đối với họ, trạng thái trung gian cũng sẽ chấm dứt, và rồi họ sẽ bị đem đến trước Đấng Phán Xét của cả thế gian (Sáng Thế Ký 18:25) để nghe tuyên án.

Tương lai của tín hữu và của người không tin khác nhau về căn bản. Điều đó cũng liên quan đến trình tự thời gian của các biến cố. Vì vậy chúng ta sẽ theo dõi hai tuyến, để xem Đức Chúa Trời đạt đến mục đích của Ngài với tín hữu và với người không tin như thế nào.

Trạng thái trung gian được đánh dấu bởi sự phân rẽ tâm linh – linh hồn khỏi thân thể. Vì Đức Chúa Trời luôn nhìn đến cả con người, nên đây không thể là trạng thái sau cùng. Vì vậy sự sống lại – tức là sự phục hồi sự thống nhất của con người – là biến cố lớn tiếp theo mà người chết sẽ trải qua.

5.1 Sự sống lại

Sự sống lại chấm dứt tình trạng của sự chết, tức là sự phân rẽ giữa thân thể với tâm linh – linh hồn. Ý định của Đức Chúa Trời, vốn đặt nền tảng trong sự sáng tạo, là phục hồi con người trong sự toàn vẹn của nó, nghĩa là con người gồm tâm linh, linh hồn và thân thể (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23).

Sự phục hồi này trong sự sống lại không phải là một sự sáng tạo mới từ hư không, như thể con người đã hoàn toàn tiêu mất và bị xóa sạch khi chết. Khi A-đam trở về bụi đất sau khi chết, điều đó không liên quan đến A-đam "trọn vẹn", mà chỉ liên quan đến thân thể hay chết của ông, vốn được làm từ bụi đất. Tâm linh – linh hồn của ông không tiêu mất như thân thể hay chết. Nó cũng không thể tiêu mất, vì trong nó có hơi sống của Đức Chúa Trời.

Như vậy, sau khi chết, tâm linh – linh hồn của con người tiếp tục sống, tách khỏi thân thể, cho đến lúc Đức Chúa Trời hợp nhất nó lại với thân thể của nó trong sự sống lại (2 Cô-rinh-tô 5:1-4).

Việc tâm linh – linh hồn tiếp tục hiện hữu cho đến sự sống lại là lý do và điều kiện tiên quyết để danh tính cá nhân của mỗi người vẫn được giữ nguyên trong sự sống lại. Điều đó có nghĩa là trong sự sống lại, con người cũng chính là con người đã từng sống trên đất. Nhân cách của con người – bao gồm tâm linh, linh hồn và thân thể – như Đức Chúa Trời đã ban cho mỗi người (so sánh Thi Thiên 33:15; Ê-sai 45:9; Rô-ma 9:20-21), không bị mất đi. Nó không bị thay đổi, cũng không được tạo dựng lại, nhưng được giữ nguyên. Vậy sẽ không có một người khác ra khỏi mồ mả, dù thân thể sẽ là mới. Chẳng phải thật tuyệt vời khi thấy mỗi con người, với tư cách một nhân cách, quý giá biết bao đối với Đức Chúa Trời sao!?

Bằng chứng cho điều đó là sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ. Chính Chúa đã chết trên thập tự giá cũng là Đấng đã từ kẻ chết sống lại. Sự chết của Ngài với tư cách một con người cũng là sự phân rẽ tâm linh – linh hồn của Ngài khỏi thân thể. Ngài – nghĩa là tâm linh – linh hồn của Ngài (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31) – khi chết đã đi vào Ba-ra-đi (thiên đàng), lên trời với Cha Ngài (Lu-ca 23:43, 46). Thân thể Ngài nằm trong mộ ba ngày. Vì thế, không có nghi ngờ gì rằng Ngài đã thật sự chết. Trong sự sống lại của Ngài, sự phân rẽ ấy được xóa bỏ, đến nỗi giờ đây, với tư cách một con người trong sự sống lại, Ngài giữ địa vị thứ nhất, là Con cả giữa nhiều anh em (Rô-ma 8:29).

Tuy vậy, về phương diện thân thể, sự sống lại giống như một sự sáng tạo mới. Chỉ một mình Đức Chúa Trời, Chúa của sự sống và sự chết, mới có thể làm được điều đó. Điều ấy giống như trong sự sáng tạo: "Vì Ngài phán, thì việc liền có; Ngài truyền lệnh, thì vật liền đứng vững" (Thi Thiên 33:9). Chính Đức Chúa Trời là Đấng "ban sự sống cho kẻ chết, gọi những điều không có như là có" (Rô-ma 4:17). Chỉ một mình Ngài mới có thể khiến thân thể đã tan rã xuất hiện trở lại với những nét riêng vốn có của từng người. Trong đó, sự lớn lao của quyền năng Đức Chúa Trời và sức mạnh của năng lực Ngài được bày tỏ (Ê-phê-sô 1:19-20).

5.1.1 Sự sống lại trong Cựu Ước

Ngay từ thời Cựu Ước, sự sống lại của kẻ chết đã là niềm hy vọng của con người. Vì thế Áp-ra-ham có can đảm vâng lời Đức Chúa Trời và dâng con trai một của mình, vì "người nghĩ rằng Đức Chúa Trời cũng có quyền làm cho kẻ chết sống lại" (Hê-bơ-rơ 11:19; so sánh Sáng Thế Ký 22; Rô-ma 4:17). Ê-sai nói: "Những kẻ chết của Ngài sẽ sống, những xác chết của tôi sẽ chỗi dậy. Hỡi những kẻ nằm trong bụi đất, hãy thức dậy và reo hò" (Ê-sai 26:19). Đa-ni-ên nói: "Nhiều kẻ ngủ trong bụi đất sẽ thức dậy: kẻ thì để được sự sống đời đời, kẻ thì để chịu sự xấu hổ, sự ghê tởm đời đời" (Đa-ni-ên 12:2). Ê-xê-chi-ên nói: "Chúa là CHÚA phán như vầy: Này, Ta sẽ mở mồ mả các ngươi, khiến các ngươi ra khỏi mồ mả, hỡi dân Ta, và đem các ngươi vào đất Y-sơ-ra-ên" (Ê-xê-chi-ên 37:12; xem thêm câu 5 và 6).

Sự sống lại (dù là sự sống lại của cả dân tộc hay sự sống lại của thân thể) là niềm tin của người Y-sơ-ra-ên tin kính (Hê-bơ-rơ 6:2; Công Vụ Các Sứ Đồ 26:6-8; Giốp 19:25-27). Trái với người Sa-đu-sê, người Pha-ri-si đặc biệt nổi tiếng về niềm hy vọng sự sống lại này; họ tin rằng khi Đấng Mê-si-a đến và thiết lập vương quốc của Ngài, sẽ có sự sống lại của kẻ chết (Công Vụ Các Sứ Đồ 23:6).

Tuy nhiên, sự thật về sự sống lại chỉ mang hình thức cụ thể với sự sống lại của Chúa Giê-xu Christ, vì sự sống lại của Ngài là nền tảng cho chính sự sống lại của kẻ chết: "Vì bởi một người mà có sự chết, thì cũng bởi một người mà có sự sống lại của kẻ chết" (1 Cô-rinh-tô 15:21). Vì Ngài đã chết với tư cách một con người và sống lại với tư cách một con người, nên sự sống lại của con người được bảo đảm. Điều đó đặc biệt đúng với các tín hữu, vì họ

được hiệp một với Đấng Christ, Đấng đã sống lại, cả trong sự sống lẫn trong sự chết (Rô-ma 14:8-9).

Nhưng sự sống lại không chỉ giới hạn rõ ràng cho những người được cứu chuộc, mà là phần của mọi người, kể cả người không tin (Giăng 5:29; Công Vụ Các Sứ Đồ 24:15).[141] Tuy nhiên, sự sống lại của người công chính và sự sống lại của người không công chính khác nhau về căn bản, cả về thời điểm lẫn về tính chất. Kinh Thánh dạy rõ rằng có một sự sống lại thứ nhất, là sự sống lại để được sống, chỉ liên quan đến những người được cứu chuộc, và một sự sống lại sau cùng dành cho "những kẻ khác", là sự sống lại để bị xét đoán (Khải Huyền 20:5). Vì thế sẽ không có một sự sống lại "chung" vào "ngày sau rốt" (Giăng 11:24), là ngày mà mọi người không trừ ai sẽ cùng sống lại một lúc.

5.1.2 Sự sống lại để được sống

Sự sống lại để được sống chỉ về sự sống lại của các tín hữu, vì nó được thực hiện bởi và mang dấu ấn của sự sống phục sinh của Con Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:9-10). Bên mộ của La-xa-rơ đã chết, Ngài phán: "Ta là sự sống lại và sự sống" (Giăng 11:25). Chính Ngài là sự sống lại và sự sống. Không có Ngài thì không có sự sống lại, cũng không có sự sống vượt qua sự chết! Các tín hữu sẽ sống lại, vì họ có sự sống của Chúa Giê-xu làm sự sống của mình.

Một lý do khác khiến các tín hữu đã chết sẽ sống lại là Đức Thánh Linh ở trong họ: "Nếu Thánh Linh của Đấng đã làm cho Chúa Giê-xu sống lại từ trong kẻ chết ở trong anh em, thì Đấng đã làm cho Đấng Christ sống lại từ trong kẻ chết cũng sẽ làm cho thân thể hay chết của anh em được sống, bởi Thánh Linh Ngài ở trong anh em" (Rô-ma 8:11).

Cũng chính Thánh Linh đã ở trong Chúa Giê-xu (Cô-lô-se 2:9; Hê-bơ-rơ 9:14) và đã tỏ ra trong quyền năng khi Ngài sống lại (Rô-ma 1:4; 1 Phi-e-rơ 3:18), đang ở trong chúng ta (1 Cô-rinh-tô 6:19; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:8; 1 Giăng 4:13). Vì thế Thánh Linh của sự sống (Rô-ma 8:2) cũng sẽ hành động khi các tín hữu đã qua đời được khiến sống lại. Đức Thánh Linh là của cầm, và do đó là sự bảo đảm rằng các tín hữu sẽ được khiến sống lại (2 Cô-rinh-tô 5:5) và sẽ không bị bỏ lại khi Chúa đến (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17).

141. Tuy nhiên, Kinh Thánh chỉ nói về các tín hữu rằng họ được làm cho sống.

Trong sự sống lại và sự biến hóa, công việc cứu chuộc trên các tín hữu sẽ được hoàn tất (Rô-ma 8:23; Phi-líp 1:6; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23). Khi Chúa Giê-xu trở lại với tư cách Cứu Chúa cho các tín hữu (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; 4:15-16; Giăng 14:3) để biến đổi thân thể hèn mạt của chúng ta, thì chúng ta, những tội nhân được cứu chuộc, cũng sẽ mang ảnh tượng của Đấng thuộc về trời (Phi-líp 3:20-21; Tít 2:13; 1 Cô-rinh-tô 15:49). Ngay bây giờ Ngài đã là Cứu Chúa của chúng ta (Đấng Giải Cứu; Giăng 4:42), vì tội lỗi chúng ta đã được tha, và Ngài đã đem chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:19; 2:24; 3:18). Nhưng trước khi Chúa đến, thân thể chúng ta chưa có phần trong sự giải cứu này và vẫn còn chết vì cớ tội lỗi (Rô-ma 8:10; so sánh 6:12). Thân thể của tín hữu vẫn còn phục dưới sự hay chết. Vì thế chúng ta, những người đang sống, trông đợi Ngài là Cứu Chúa cho thân thể chúng ta.

Điều đó cũng áp dụng cho những người đã ngủ trong Đấng Christ; trên họ, cũng chính năng lực hữu hiệu của Cứu Chúa sẽ được bày tỏ cách không gì cản nổi khi họ được khiến sống lại. Khi đó, điều mà trong ý định của Đức Chúa Trời đã từ lâu được xem như đã hoàn tất cũng sẽ trở thành hiện thực. Chúng ta sẽ được vinh hiển, và Đấng Christ sẽ giữ địa vị Con cả giữa vòng anh em (Rô-ma 8:29-30). Ngài là Đầu của một cuộc sáng tạo mới (Cô-lô-se 1:18), là kết quả của sự sống lại của Ngài.

Trong sách Khải Huyền, sứ đồ Giăng gọi sự sống lại để được sống là sự sống lại "thứ nhất": "Ấy là sự sống lại thứ nhất. Phước thay và thánh thay người được dự phần vào sự sống lại thứ nhất! Sự chết thứ hai không có quyền gì trên những người ấy, nhưng họ sẽ làm thầy tế lễ của Đức Chúa Trời và của Đấng Christ, và sẽ cùng Ngài cai trị một ngàn năm" (Khải Huyền 20:5-6).

Người nào dự phần vào sự sống lại thứ nhất được gọi là phước, vì sự chết thứ hai, tức sự chết đời đời trong địa ngục, không có quyền gì trên người ấy. Vì vậy những người không công chính sẽ không dự phần vào sự sống lại thứ nhất, vì họ không thể được gọi là phước và thánh. Đây là sự sống lại của người công chính, trong đó họ sẽ được báo đáp cho những việc làm công chính của mình (Lu-ca 14:14; 20:35-36; Công Vụ Các Sứ Đồ 24:15). Sứ đồ Phao-lô bàn chi tiết về sự sống lại của kẻ chết, và đặc biệt là của các tín hữu, trong 1 Cô-rinh-tô 15. Lý do của cuộc bàn luận này là có mấy người ở Cô-rinh-tô cho rằng không có sự sống lại của kẻ chết (câu 12). Họ đã bỏ qua một

điều: như vậy có nghĩa là Đấng Christ cũng không thể đã từ kẻ chết sống lại – và đức tin của họ sẽ trở nên vô nghĩa. Sau khi bênh vực sự sống lại của Đấng Christ là nền tảng của đức tin Cơ Đốc và bác bỏ các giáo sư giả, Phao-lô tiếp tục giải thích bản chất của sự sống lại.

"Nhưng bây giờ, Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại, là trái đầu mùa của những kẻ ngủ" (1 Cô-rinh-tô 15:20). Đấng Christ được trình bày như Đấng khởi đầu sự sống lại của những người thuộc về Ngài. Ngài được hiệp một với họ mãi mãi. Ngài là Đầu của một gia đình mới (Rô-ma 5:12-21). Ngài là Đấng đi trước và mở đường cho họ, vì Ngài đã mở cho họ cánh cửa từ sự chết vào sự sống. Giờ đây Ngài ở bên kia sự chết, và sự chết không còn cai trị trên Ngài nữa (Rô-ma 6:9).

Từ "trái đầu mùa" diễn tả một địa vị ưu tiên. Về mặt thời gian, Ngài là người đầu tiên của một loại sự sống lại nhất định. Vì trước sự sống lại của Ngài, cũng đã có những người được khiến sống lại. Nhưng họ không nhận được thân thể phục sinh, mà về sau lại chết. Trong sự sống lại của Ngài, sự chết đã bị đánh bại vĩnh viễn. Khi Ngài khiến các tín hữu sống lại, họ sẽ không còn chết nữa.

Phao-lô cũng mô tả địa vị ưu tiên của Chúa Giê-xu ở một chỗ khác: "Ngài là … Đấng sinh ra trước nhất từ trong kẻ chết, để trong mọi sự Ngài đứng đầu" (Cô-lô-se 1:18). Sự sống lại của Ngài đã xảy ra "từ trong" kẻ chết (Mác 9:9; 1 Phi-e-rơ 1:3, 21). Các tín hữu cũng sẽ được khiến sống lại "từ trong" kẻ chết, nghĩa là những người khác – những người không tin – tạm thời vẫn còn ở lại. Những người này không dự phần vào sự sống lại thứ nhất, nhưng chỉ được gọi ra khỏi mồ mả vào sự sống lại "sau cùng". Vì thế Kinh Thánh phân biệt rõ "sự sống lại của kẻ chết" với "sự sống lại từ [trong] kẻ chết [ra]" (Lu-ca 20:35; Công Vụ Các Sứ Đồ 4:2; Phi-líp 3:11).

Bởi một người, là A-đam, sự chết đã vào thế gian và lan đến mọi người, đến nỗi mọi người đều chết (Rô-ma 5:12, 21). Nhưng trong Đấng Christ, sự chết bị hủy phá, vì với tư cách một con người, Ngài đã chiến thắng sự chết bằng sự sống lại của Ngài – chính sự chết mà trước đó Ngài phải nếm trải (Hê-bơ-rơ 2:9). Sự sống lại của Đấng Christ từ trong kẻ chết là cách duy nhất để đánh bại sự chết.

1 Cô-rinh-tô 15 chỉ bàn về sự sống lại của các tín hữu. Ở đây nói về những người thuộc về Đấng Christ (câu 23), nghĩa là những người thuộc về Ngài, ở

trong Ngài (câu 22) và sẽ kinh nghiệm quyền năng ban sự sống của người thứ hai (câu 45-47). Nhưng những người không tin cũng sẽ được khiến sống lại. Họ không có mối liên hệ nào với Đấng Christ. Ngài sẽ thi hành quyền năng của Đấng đã sống lại trên họ, khi Ngài gọi họ ra khỏi mồ mả để chịu xét đoán (Giăng 5:29). Sự bày tỏ quyền năng này của Con Người thuộc về phần kết thúc các đường lối của Đức Chúa Trời với cuộc sáng tạo thứ nhất (Khải Huyền 21:4). Cuối cùng Ngài cũng sẽ cất bỏ kẻ thù sau cùng, là sự chết, đến mãi mãi.

Biến cố này cũng bao gồm sự sống lại của những người không công chính, vì khi sự chết bị cất bỏ, sự chết (về thân thể) của họ cũng chấm dứt. Như vậy, sự sống lại của những người không tin, dù không được nói đến trực tiếp, vẫn được bao hàm trong 1 Cô-rinh-tô 15. Sự sống lại này vẫn ở phía sau như một biến cố tất yếu. Những người không tin không có phần gì trong chiến thắng của Chúa Giê-xu trên sự chết, là điều được mô tả cách nổi bật trong chương này.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy nêu những lý do vì sao các tín hữu được dự phần vào "sự sống lại để được sống"!
- Hãy phân biệt điều đó với sự sống lại của những người không tin!

5.1.3 Thân thể trong sự sống lại

Tính chất của thân thể phục sinh khó mô tả, vì không có gì tương tự để giúp chúng ta hình dung thân thể mới này. Chúng ta chỉ biết thân thể mà chúng ta đang có. Thân thể ấy là "thịt và máu", là một thân thể tự nhiên, được làm từ bụi đất. Vì tội lỗi, nó phải chịu sự hay chết và sự hư nát.

Phao-lô nói rằng "thịt và máu" không thể hưởng Nước Đức Chúa Trời trên trời (1 Cô-rinh-tô 15:50). Vì thế cần có một sự biến hóa của thân thể thuộc về đất. Đức Chúa Trời ban cho các tín hữu – những người đã ngủ thì trong sự sống lại, những người đang sống thì trong sự biến hóa – một thân thể thuộc về trời (1 Cô-rinh-tô 15:40, 48-50). Thân thể này sẽ phù hợp với những điều kiện sống trên trời.

Vậy chắc chắn đó phải là một thân thể khác với thân thể hiện nay. Tuy vậy, nó sẽ có sự giống với thân thể hiện nay. Sẽ có một sự liên tục, trong đó hình dạng của con người vẫn còn. Chúng ta hãy nghĩ đến Chúa khi Ngài đã sống

lại. Các môn đồ nhận ra Ngài. Chính Ngài là Đấng họ đã theo. Ngay cả những vết thương do bị đóng đinh trên thập tự giá vẫn còn thấy được.[142]

Sự giống nhau này cũng được Phao-lô diễn tả. Ông nói rằng thân thể hay chết của chúng ta sẽ được làm cho sống. Thân thể hay chết mà chúng ta đang có sẽ được hồi sinh và trong sự sống lại sẽ nhận lấy sự bất tử.

Đồng thời Kinh Thánh cũng nhấn mạnh rằng đó sẽ là một thân thể khác. Qua việc so sánh sự sống lại với hạt giống được gieo, ta thấy rõ rằng cái mọc lên từ đất khác với hạt giống đã được gieo xuống đất. Hình ảnh này cũng một lần nữa cho thấy rõ có một sự giống nhau và một sự liên tục: hạt giống và kết quả mọc lên từ nó "về bản chất" là một, vì chúng là cùng một cây.

Chúng ta phải ghi nhớ cả hai khía cạnh này (sự giống nhau và sự khác biệt). Con người gắn liền với thân thể mà chúng ta đang có vẫn được giữ nguyên và sẽ được nhận biết như chính người ấy. Nhưng loại thân thể sẽ hoàn toàn mới. Có thể so sánh điều đó với cuộc sáng tạo cũ và cuộc sáng tạo mới. Cuộc sáng tạo mới cũng sẽ giống với cuộc sáng tạo cũ, dù đồng thời nó sẽ hoàn toàn mới (Khải Huyền 21:1).

Điều lớn lao nhất về thân thể mới này là sự thật rằng chúng ta sẽ giống như Ngài, Con Đức Chúa Trời (1 Giăng 3:2). Phao-lô nói: "được sống lại trong vinh hiển" (1 Cô-rinh-tô 15:43). Mọi sự sẽ mang dấu ấn vinh hiển của Đấng Christ. Đó là vinh hiển mà Ngài đã nhận khi Ngài thăng thiên và được tôn vinh. Sự giống như Chúa liên quan đến vinh hiển bề ngoài của Ngài. Như vậy, khi chúng ta hiện ra cùng Ngài, chúng ta sẽ mang ảnh tượng của Đấng *thuộc về trời* (1 Cô-rinh-tô 15:49; Phi-líp 3:20-21). Vì thế Ngài sẽ được chiêm ngưỡng trong những người đã tin (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10).

Vì sự chết đã bị đánh bại, thân thể mới sẽ không còn hay chết nữa (1 Cô-rinh-tô 15:54-55). Về thân thể đã chết, Kinh Thánh nói rằng nó sẽ mặc lấy *sự không hề hư nát*. Thân thể đã chết đã tan rã. Điều đó sẽ không bao giờ xảy ra với thân thể mới nữa. Về thân thể chưa chết của những người đang sống, Kinh Thánh nói rằng nó sẽ mặc lấy sự bất tử. Sự chết sẽ không còn nữa (Khải Huyền 21:4)!

142. Chắc chắn đó sẽ là một ngoại lệ, vì đó là những vết thương của công việc cứu chuộc của Ngài (so sánh Chiên Con như đã bị giết, hoặc với vết thương đến chết; Khải Huyền 5). Theo tôi, các tín hữu sẽ không mang dấu vết thương nào trên thân thể phục sinh của mình.

Những đặc điểm này, tức sự không hề hư nát và sự bất tử của thân thể mới, cũng là đặc điểm của Con Đức Chúa Trời đã sống lại: "vì biết rằng Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại thì không chết nữa" (Rô-ma 6:9). Chúa Giê-xu phán rằng trong sự sống lại, những người công chính sẽ không còn chết nữa. Họ giống như các thiên sứ, là những hữu thể bất tử (Lu-ca 20:36).

Trong cùng mạch văn ấy, Chúa cũng phán rằng trong sự sống lại sẽ không còn quan hệ hôn nhân, và do đó cũng không còn sự sinh sản. Điều đó không có nghĩa là sự phân biệt giới tính cũng biến mất. Sự phân biệt này vẫn được giữ lại, vì Đức Chúa Trời giữ gìn nhân cách của con người, mà việc là nam hay là nữ cũng thuộc về nhân cách ấy.

Thân thể tự nhiên được tạo dựng cho trái đất. Vì thế nó được định hình và chi phối bởi mối liên hệ với trái đất. Nó phục dưới các định luật và điều kiện sống của trái đất. Nhưng trong sự sống lại, chúng ta sẽ nhận được một "thân thể thuộc linh" (1 Cô-rinh-tô 15:44). Thân thể này sẽ không còn phục dưới các điều kiện của trái đất nữa. Điều đó thấy rõ nơi thân thể của Chúa Giê-xu trong sự sống lại. Thân thể ấy không bị ràng buộc bởi không gian và thời gian. Chúa đi qua những cánh cửa đóng kín. Theo nhận định của các môn đồ, đó chỉ có thể là một linh. Nhưng Chúa phán rằng một linh thì không có những đặc điểm của một thân thể có thịt và xương. Các môn đồ có thể rờ Ngài, và Ngài còn ăn cá nướng nữa (Lu-ca 24:36-43).

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy kể ra vài đặc tính của thân thể phục sinh!

5.1.4 Thời điểm của sự sống lại

Vậy sẽ không có một sự sống lại chung, đồng loạt của mọi kẻ chết vào cuối các ngày. Kinh Thánh phân biệt rõ thời điểm sự sống lại của người công chính với thời điểm sự sống lại của người không công chính. Ngay sự thật rằng có một sự sống lại của các tín hữu "từ trong" kẻ chết, trong đó những kẻ chết khác tạm thời chưa được khiến sống lại, đã chứng tỏ điều đó. Danh xưng sự sống lại "thứ nhất" (Khải Huyền 20:5) cũng cho thấy rõ rằng về sau sẽ còn có một sự sống lại "thứ hai" hay "sau cùng".

Người ta suy ra giả định rằng chỉ có *một* sự sống lại chung vào cuối các ngày, tiếp theo là một sự phán xét, từ lời của Chúa Giê-xu: "Chớ lấy điều đó làm lạ, vì giờ đến, khi mọi người ở trong mồ mả sẽ nghe tiếng Ngài và ra

khỏi: ai đã làm điều lành thì sống lại để được sống, còn ai đã làm điều dữ thì sống lại để bị xét đoán" (Giăng 5:28-29).

Từ chữ "giờ", người ta suy ra rằng chỉ có thể có *một* sự sống lại chung. Ở đây người ta hiểu giờ là một thời điểm. Nhưng ở đây chúng ta phải nghĩ đến một giai đoạn kéo dài trong một khoảng thời gian khá lâu. Giăng thường nói đến một "giờ" theo nghĩa này (Giăng 4:21, 23; 5:25; 16:2, 25; 1 Giăng 2:18; Khải Huyền 3:10; 14:7; 17:12). Từ những câu này, ta thấy rõ rằng giờ không chỉ về một thời điểm hay một đơn vị thời gian 60 phút, mà chỉ về một thời kỳ, một mặt kéo dài lâu hơn một giờ rất nhiều, mặt khác được đánh dấu bởi những đặc điểm và biến cố nhất định.

Trong Giăng 5:25, Chúa nói về một giờ không thể bị giới hạn trong khoảng thời gian 60 phút, mà bao gồm thời kỳ ân điển nay đã kéo dài 2000 năm, trong đó tiếng của Con Đức Chúa Trời gọi con người ra khỏi sự chết thuộc linh của họ. Khi liên quan đến sự sống lại, "giờ" ấy kéo dài qua một khoảng thời gian ít nhất 1000 năm. Ý nghĩa bóng này của chữ giờ cũng áp dụng cho "ngày sau rốt" (Giăng 6:39 và các câu tiếp theo; 11:24). Ngày này không chỉ về một thời điểm đánh dấu sự tận cùng của thế giới, nhưng giống như giờ, là một khoảng thời gian, một thời kỳ, trong đó các sự sống lại khác nhau sẽ diễn ra.

Sự sống lại để được sống, tức là sự sống lại của các tín hữu, diễn ra khi Đấng Christ trở lại. Điều đó thuộc về thứ tự mà Đức Chúa Trời đã định: "Nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi đến những người thuộc về Đấng Christ, khi Ngài đến" (1 Cô-rinh-tô 15:23). Ở đây thời điểm sự sống lại của người công chính được đồng nhất với thời điểm Đấng Christ đến. Như vậy thời điểm đã được xác định chính xác. Mặt khác, sự đến (tiếng Hy Lạp *parousia*) của Đấng Christ lại xảy ra vào hai thời điểm khác nhau. Do đó, sự sống lại "thứ nhất" cũng có hai, hay đúng hơn là ba giai đoạn: 1. Đấng Christ, 2. các tín hữu vào lúc được cất lên, 3. những người tử đạo vào lúc khởi đầu vương quốc hòa bình.

Trước hết, Chúa Giê-xu sẽ trở lại để đem mọi tín hữu đang sống lên trời với Ngài (Giăng 17:24; Phi-líp 3:20-21), vào nhà Cha (Giăng 14:2-3). Đó là sự đến của Ngài để cất các tín hữu lên; khi ấy những người chết trong Đấng Christ sẽ được khiến sống lại và các tín hữu đang sống sẽ được biến hóa (1 Cô-rinh-tô 15:51-52; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17). Sự đến lần thứ nhất chỉ dành

cho các tín hữu. Khi đó Ngài không đến cách mọi người đều thấy được, như sẽ xảy ra vào một thời điểm về sau.

Sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ là niềm hy vọng của các tín hữu. Họ trông đợi Con Đức Chúa Trời từ trời, là Đấng sẽ giải cứu họ khỏi cơn thịnh nộ sắp đến, là cơn thịnh nộ sẽ giáng trên đất khi họ ở trên trời (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10). Các tín hữu thời Cựu Ước cũng sẽ thuộc về sự sống lại này (Hê-bơ-rơ 11:35, 39-40). Sau sự sống lại, họ cùng với các tín hữu của Hội Thánh được thấy trong 24 trưởng lão, là những người sẽ ở chung quanh ngôi Đức Chúa Trời và Chiên Con trên trời (Khải Huyền 4:4 và các câu tiếp theo). Những người đã sống lại ở trên trời khi cơn thịnh nộ và sự phán xét của Đức Chúa Trời giáng trên đất (Khải Huyền 6-19).

Rồi Chúa Giê-xu Christ sẽ hiện ra lần thứ hai cách mọi người đều thấy, trong quyền năng và vinh hiển (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7-8; Hê-bơ-rơ 1:6; Khải Huyền 1:7; 19:11-16). Khi đó cũng có những tín hữu sẽ sống lại. Đó là những người đã chết sau sự cất lên. Giăng nói về họ rằng họ đã bị chém đầu vì lời Đức Chúa Trời và vì lời chứng của Chúa Giê-xu, và họ đã không thờ lạy con thú; họ sẽ được làm cho sống (Khải Huyền 20:4).

Vì vậy, sự sống lại thứ nhất diễn ra theo hai bước:

- trước hết là các tín hữu của Hội Thánh và của thời Cựu Ước
- sau đó là các tín hữu đã chết từ sau sự cất lên cho đến vương quốc hòa bình

Các tín hữu của sự sống lại thứ nhất sẽ được đưa vào trời với thân thể vinh hiển. Ở đó họ sẽ cư ngụ đời đời. Họ nhận được một thân thể thuộc về trời, và với thân thể ấy, quê hương đời đời của họ không ở trên đất mà ở trên trời.

Đối với các tín hữu đã được khiến sống lại, sẽ không còn sự phán xét nào nữa. Vấn đề phán xét đã được giải quyết cho họ trên thập tự giá tại Gô-gô-tha. Cũng dễ hiểu rằng những người đã được làm cho trọn vẹn và đang mang thân thể vinh hiển sẽ không còn bị xét đoán, với khả năng rốt cuộc vẫn bị hư mất.

Tuy vậy, các tín hữu sẽ ra trước tòa án Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 5:10). Nhưng khi đó không phải là vấn đề sự cứu rỗi. Ở đó là việc đánh giá công việc của họ và việc ban thưởng (1 Cô-rinh-tô 3:12-15). Ở đó họ sẽ nhìn và đánh giá đời sống mình theo cách nhìn của Đức Chúa Trời, để họ biết như họ

đã được biết (1 Cô-rinh-tô 13:12). Họ sẽ nhận biết và tôn ngợi ân điển đã đưa họ đến đích cách an toàn.

5.1.5 Sự sống lại để bị xét đoán

Kinh Thánh nói ít về sự sống lại của những người không công chính (Công Vụ Các Sứ Đồ 24:15). Một vài điều đã được nói đến khi đối chiếu với sự sống lại để được sống. Kinh Thánh nói về sự sống lại này như một biến cố quan trọng sẽ xảy ra, và qua đó Đức Chúa Trời sẽ kết thúc lịch sử của cuộc sáng tạo thứ nhất.

Sự sống lại này sẽ diễn ra trong một khoảnh khắc và bao gồm mọi kẻ chết đã không dự phần vào sự sống lại thứ nhất, tức là những kẻ còn lại (Khải Huyền 20:5). Chỉ theo nghĩa này người ta mới có thể nói đến một sự sống lại chung vào ngày sau rốt.

Chúa Giê-xu sẽ gọi những người không công chính ra khỏi mồ mả của họ (Giăng 5:28-29). Ngài gọi sự sống lại này là "sự sống lại để bị xét đoán", vì nó được đánh dấu bởi sự phán xét. Những người không công chính, ngay trong đời mình, đã bị xét đoán rồi, vì họ đã không tin (Giăng 3:18). Sau khi sống lại, họ đi vào sự phán xét đời đời, bắt đầu với phiên xét xử trước tòa lớn và trắng (Khải Huyền 20:11).

Sứ đồ Giăng nói về biến cố này trong Khải Huyền 20:11-15. Ông nói về những kẻ chết *còn lại* (Khải Huyền 20:5), là những người không được sống lại cho đến khi 1000 năm cai trị của Đấng Christ được trọn. Như vậy thời điểm của sự sống lại sau cùng cũng đã được xác định chính xác. Vào cuối thời kỳ cai trị này (1 Cô-rinh-tô 15:24), những kẻ chết sẽ được gọi. Họ sẽ sống lại để bị đem đến trước mặt Đấng Phán Xét kẻ sống và kẻ chết (Hê-bơ-rơ 12:23; Rô-ma 2:16; 2 Ti-mô-thê 4:1).

Giăng mô tả biến cố tương lai này cách đầy ấn tượng: trước hết ông thấy một tòa lớn và trắng. Tòa ấy lập tức gợi lên ấn tượng về thẩm quyền tối cao, về sự công chính và thánh khiết tuyệt đối (1 Giăng 1:5). Rồi ông thấy Đấng ngồi trên tòa. Trước mặt Đấng ấy, trời và đất đều trốn mất. Đó là sự kết thúc của cuộc sáng tạo thứ nhất (1 Cô-rinh-tô 15:24). Đất và trời trốn đi (Khải Huyền 20:11) và bị lửa thiêu tan (2 Phi-e-rơ 3:7, 11). Giờ đây cuộc sáng tạo cũ phải nhường chỗ cho cuộc sáng tạo mới. Đấng gây nên một biến cố như vậy

phải là Đấng thế nào! Còn những người sẽ đứng trước mặt Đấng ấy sẽ cảm thấy thế nào!?

Ai là Đấng ngồi trên tòa? Đó là Chúa Giê-xu Christ, Con Người, Đấng mà Đức Chúa Cha đã giao trọn quyền phán xét (Giăng 5:22, 27; Công Vụ Các Sứ Đồ 10:42; 17:31; 2 Cô-rinh-tô 5:10). Đấng Phán Xét là một con người, chính Ngài đã sống trên đất và biết trọn vẹn thân phận làm người. Vì thế không ai có thể cho rằng Ngài không thể đánh giá một hoàn cảnh nào đó của con người từ kinh nghiệm.

Rồi ánh mắt của Giăng nhìn tiếp, và ông thấy một đám đông lớn đứng trước tòa. Đó là tất cả những kẻ chết không tin, những người đã từng sống trên đất. Không một ai bị quên sót. Từ kẻ nhỏ nhất đến kẻ lớn nhất, tất cả họ sẽ có mặt ở đó. Trong giờ phút của sự thật này, không có sự phân biệt nào.

Điều đáng chú ý là sau khi được khiến sống lại, những người này vẫn còn được gọi là "kẻ chết". Đó không phải là điều mâu thuẫn, vì đã thấy rõ rằng trước tòa lớn và trắng chỉ có những người không công chính đứng mà thôi. Sự sống lại thứ nhất, tức là sự sống lại của người công chính, đã diễn ra ít nhất 1000 năm trước đó. Khi những người đứng trước tòa vẫn được gọi là "kẻ chết" dù đã được khiến sống lại, thì điều đó chỉ về tình trạng hư mất của họ: họ chết thuộc linh trong tội lỗi mình (Ê-phê-sô 2:1), họ đã chết sự chết thân thể như tiền công của tội lỗi, và sau khi bản án được tuyên bố, họ đi vào sự chết đời đời với ý thức đầy đủ về tội lỗi và sự bại hoại của mình (Khải Huyền 20:6, 14).

Bằng chứng cho bản án là sách sự sống[143] và những sách trong đó mọi việc làm đều được ghi chép (Đa-ni-ên 7:10). Trong sách sự sống có tên tất cả những người dự phần vào sự sống lại để được sống. Vì thế những người này hoàn toàn không đứng trước tòa này, vì sự sống lại của họ đã diễn ra 1000 năm trước đó. Kinh Thánh nói rằng hễ ai trong sự phán xét này không thấy có tên trong sách sự sống thì bị ném xuống hồ lửa. Vậy ở đây chỉ có những người sẽ bị ném xuống hồ lửa đứng mà thôi!

Tuy nhiên, từ sự mô tả của Giăng, người ta có thể suy ra rằng trước tòa cũng có những người không bị ném xuống hồ lửa, vì chúng ta thấy sách sự sống ở đó. Tại sao sách ấy được đem ra? Lý do là sự phán xét này diễn ra cực kỳ chính xác. Mọi nghi ngờ có thể nảy sinh ở đó về tình trạng của một người

143. Lu-ca 10:20; Phi-líp 4:3; Hê-bơ-rơ 12:23; Khải Huyền 3:5; 13:8; 17:8; 20:12, 15; 21:27; 22:19.

đều được loại bỏ. Việc xem xét sách ấy sẽ loại trừ mọi sự nhầm lẫn. Không một ai có sự sống và có tên trong sách này lại bị ném oan xuống hồ lửa.

Ở đó con người sẽ hoàn toàn bị chứng minh là có tội và được cho biết sự thật về chính mình. Những sách khác, trong đó mọi việc làm đều được ghi chép, cũng phục vụ cho mục đích này. Ở đây đặc biệt cần lưu ý rằng những người không tin bị xét đoán theo việc làm của họ. Mọi việc làm – những việc tưởng là tốt và những việc xấu – đều được xem xét, thử nghiệm và đánh giá. Trước Đấng Phán Xét này, con người phải thừa nhận đời sống mình đã bại hoại đến mức nào. Sự nhận biết này thật khủng khiếp, vì ở đó không còn sự bù đắp nào, và cũng không có người cầu thay nào đứng ra bênh vực cho người ấy.

Sẽ không có một bản án hời hợt hay qua loa nào. Sự phán xét sẽ tuyệt đối công chính và không thể mua chuộc, cho đến từng chi tiết, vì Đấng Phán Xét công chính và biết mọi sự sẽ thi hành sự phán xét (2 Ti-mô-thê 4:8; Thi Thiên 7:11; 9:4).

Một lần nữa Giăng dường như suy nghĩ xem nhiều kẻ chết như vậy từ đâu đến. Ông thấy biển, sự chết và Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') trả lại những kẻ chết mình có. Như vậy không còn nơi nào và tình trạng nào bị bỏ sót, nơi còn có thể có kẻ chết. Sự chết và Hades bị ném xuống hồ lửa, và như vậy kẻ thù sau cùng, là sự chết, đi đến chỗ kết thúc (1 Cô-rinh-tô 15:26).

Khi đó sự chết thứ nhất, tức sự chết của thân thể, không còn nữa, vì sau sự sống lại sau cùng sẽ không còn kẻ chết theo nghĩa là tâm linh – linh hồn bị tách khỏi thân thể. Vì thế Hades, nơi của kẻ chết, không còn cần đến nữa. Hệ quả khủng khiếp của sự thật này là những người không công chính, tức là những người hư mất, sẽ phải chịu sự chết thứ hai, là hồ lửa, cùng với thân thể của họ. Chúa Giê-xu phán rằng người ta phải sợ Đấng "có thể làm cho cả linh hồn lẫn thân thể hư mất trong địa ngục" (Ma-thi-ơ 10:28). Từ những lời này thấy rõ không thể hiểu lầm rằng con người sẽ đi vào địa ngục, tức là hồ lửa, với cả linh hồn và thân thể.

Như vậy, sự sống lại thứ hai này chỉ xảy ra với mục đích là những người không công chính bị đày vào địa ngục cùng với thân thể của họ. Sự hư mất của họ sẽ không chỉ giáng trên linh hồn họ, mà cả trên thân thể họ. Như vậy,

sau sự sống lại và sự phán xét, những kẻ chết đi vào trạng thái cuối cùng và đời đời.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Bạn hãy phân biệt các giai đoạn (hay các thời điểm) khác nhau của sự sống lại của tín hữu và người không tin!

6 Con người trong cõi đời đời

Sự khởi đầu của trạng thái đời đời, khởi đầu của một cuộc sáng tạo hoàn toàn mới (Khải Huyền 21:1), là sự hoàn tất các đường lối của Đức Chúa Trời với thế gian. Lịch sử cứu rỗi đã kết thúc sau một thời gian dài. Cuối cùng Đức Chúa Trời đã đạt đến mục đích của Ngài và hoàn tất ý định đời đời của Ngài. Ngài sẽ được tôn vinh trong đó. Ngài đã làm mọi sự và ban mọi sự, để con người, là tạo vật và hình ảnh của Ngài, có thể kinh nghiệm phước hạnh và niềm vui đời đời.

Nếu về sự sống sau khi chết chúng ta hoàn toàn phải nhờ vào sự mặc khải của Lời Đức Chúa Trời, thì điều này cũng đúng khi nói về con người trong cõi đời đời. Trong vấn đề này, chúng ta cũng cần sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nhờ ân điển lớn lao của Đức Chúa Trời, Ngài cũng bày tỏ cho chúng ta điều này đến mức chúng ta có thể rút ra những kết luận quan trọng cho đời sống mình. Mục đích của Đức Chúa Trời luôn là việc tìm hiểu những điều tương lai không chỉ thỏa mãn sự tò mò của chúng ta, mà còn tác động đến đời sống hằng ngày của chúng ta.

Trong cõi đời đời, cũng như ngày nay, sẽ có hai nhóm người: những người có sự sống từ Đức Chúa Trời, và những người không có sự sống từ Đức Chúa Trời. Đây là mối liên hệ với đề tài của chúng ta, tức sự hiện hữu đời đời của con người, hay nói cách khác, sự bất tử của linh hồn. Nếu người ta cho rằng sau khi chết con người mất đi sự hiện hữu của mình – dù chỉ tạm thời – thì có thể rút ra kết luận rằng đến một lúc nào đó con người mất đi sự hiện hữu của mình vĩnh viễn. Vì thế, nơi những người tin rằng linh hồn hay chết, người ta thấy quan điểm cho rằng những người không tin một ngày kia sẽ bị tiêu diệt. Các giáo lý về sự hay chết của linh hồn và về sự tiêu diệt con người thường đi chung với nhau, vì sự hay chết của linh hồn dĩ nhiên là điều kiện tiên quyết cho sự tiêu diệt con người. Nhưng dựa vào Kinh Thánh, chúng ta đã xác định rằng con người có một sự hiện hữu đời đời, và vì thế những người không tin sẽ không bao giờ bị tiêu diệt.

Muộn nhất là trong phần khảo sát sau đây, sẽ thấy rõ rằng lẽ thật về sự bất tử của linh hồn, hay sự hiện hữu đời đời của con người, không phải là điều

phụ hay thứ yếu. Không được gạt bỏ nó đi vì lợi ích của sự hiệp một giữa các Cơ Đốc nhân. Nếu người ta từ bỏ lẽ thật này, thì hình ảnh của sự dạy dỗ trong Kinh Thánh bị bóp méo (Rô-ma 6:17) và sứ điệp Tin Lành bị thu hẹp.

6.1 Các tín hữu trong cõi đời đời

Rất ít tín hữu nghi ngờ rằng mình có một tương lai đời đời. Dù có những quan niệm khác nhau về "ở đâu" và "như thế nào", nhưng tất cả đều vui mừng trông đợi cõi đời đời. Chúng ta trông đợi ngày của Đức Chúa Trời đến, và trông đợi trời mới và đất mới (2 Phi-e-rơ 3:11-13).

Đức Chúa Trời đã gọi chúng ta trong Đấng Christ Giê-xu đến sự vinh hiển đời đời của Ngài (1 Phi-e-rơ 5:10). Chúng ta được gọi đến sự vinh hiển của chính Ngài và đến vương quốc của chính Ngài (1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12). Một sự vinh hiển không thể tả được đã được sắm sẵn cho chúng ta, vượt xa sự hình dung của chúng ta (chẳng hạn Rô-ma 8:18, 21, 29-30; 2 Ti-mô-thê 2:10).

"Trên thiên đàng, mọi điều làm cho cuộc sống chúng ta ở dưới đất này nặng nề sẽ được vượt qua mãi mãi. Cư dân của nơi ấy sẽ không bao giờ còn phải chịu đau đớn, buồn rầu, chán nản, bệnh tật, sự chết, tội lỗi, sự ích kỷ, mệt mỏi hay đau khổ nữa, vì 'những sự thứ nhất đã qua rồi' (so sánh Khải Huyền 21:4; 22:3). Thiên đàng sẽ là một nơi của tình yêu không thể tả, của vẻ đẹp, sự bình an, niềm vui, những cuộc phiêu lưu và sự thông công với Đức Chúa Trời (Khải Huyền 21:4). Chúng ta khó có thể hình dung một Đức Chúa Trời yêu thương vô hạn, toàn năng và biết mọi sự sẽ làm gì trong cõi đời đời cho những người mà vì họ Ngài đã sẵn lòng hy sinh Con một của Ngài (so sánh Rô-ma 8:32; 1 Cô-rinh-tô 2:9; 3:21-23). Cuộc sống ở đó sẽ vượt xa sự hình dung của chúng ta. Nếu trên thiên đàng không còn mọi điều tiêu cực, thì nơi ấy phải đầy dẫy mọi điều mới mẻ và tích cực: 'Đấng ngồi trên ngôi phán rằng: Này, Ta làm mới lại hết thảy muôn vật. Ngài lại phán: Hãy chép, vì những lời này là chân thật và chắc chắn!' (Khải Huyền 21:5)."[144]

Thật đáng công để suy ngẫm thêm về những sự vinh hiển này và những phước lành thuộc về trời của Cơ Đốc nhân, và bây giờ tôi rất muốn tiếp tục bàn về điều đó. Nhưng ở đây không phải là vấn đề sự hiện hữu đời đời của

144. John Ankerberg và John Weldon, *Fakten über Sterbeerlebnisse*, Pfäffikon (Verlag Mitternachtsruf), 2001, tr. 67.

các tín hữu. Không ai nghi ngờ điều đó. Còn đối với những người không tin và tương lai của họ thì khác. Ở đây các quan niệm khác nhau về căn bản.

6.2 Những người không tin trong cõi đời đời

Những người không tin, là những người đã không ăn năn và không có sự tha tội, sẽ chết trong tội lỗi mình (Giăng 8:21). Sau đó, sự phán xét chờ đợi họ (Hê-bơ-rơ 9:27). Họ sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống (Hê-bơ-rơ 10:31), là Đấng thánh khiết tuyệt đối, vì thế ghét và gớm ghiếc tội lỗi. Vì vậy, sự sống lại của những người không tin chỉ là để bị xét đoán (Giăng 5:29). Đó là một sự thật không thể chối cãi, dựa trên những lời phán của Lời Đức Chúa Trời: cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời thánh khiết sẽ ở trên người không tin mãi mãi (Giăng 3:36).

Cùng với sứ đồ Phi-e-rơ, chúng ta hỏi: "thì cuối cùng của những kẻ không vâng theo Tin Lành của Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào?" (1 Phi-e-rơ 4:17-18). Lời Đức Chúa Trời không để chúng ta mơ hồ về điều đó. Nhưng trước khi trả lời câu hỏi này, tôi muốn nhắc lại một lần nữa rằng Đức Chúa Trời là Cứu Chúa đã làm mọi sự trong việc dâng Con một của Ngài làm của lễ, để cứu những tội nhân hư mất. Ý muốn của Đức Chúa Trời không phải là để tội nhân bị hư mất (1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9), mà là để người ấy được sống và được cứu khỏi sự chết đời đời. Đức Chúa Trời quan tâm đến từng người và tìm cách đến với người ấy bằng tình yêu thần thượng của Ngài. Không một người nào có thể đổ lỗi cho Đức Chúa Trời về số phận đời đời của mình. Sự đoán phạt đời đời sẽ giáng trên tất cả những người đã không tôn kính Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa và đã khước từ Con Ngài.

Sứ đồ Phao-lô nói về cách Đức Chúa Trời hành động cách công chính, cả trong ân điển lẫn trong sự phán xét: "Hay là ngươi khinh dể sự giàu có của lòng nhân từ, sự nhẫn nại và sự khoan dung của Ngài, mà không biết rằng lòng nhân từ của Đức Chúa Trời dẫn ngươi đến sự ăn năn sao? Nhưng theo sự cứng cỏi và lòng không ăn năn của ngươi, ngươi tự chất chứa cơn thịnh nộ cho mình trong ngày thịnh nộ và ngày bày tỏ sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời, là Đấng sẽ báo trả cho mỗi người tùy theo việc làm của họ: cho những ai bền lòng làm lành mà tìm kiếm vinh hiển, tôn trọng và sự không hề hư nát, thì Ngài ban sự sống đời đời; còn cho những kẻ hay tranh cãi, không vâng theo lẽ thật mà lại vâng theo sự không công chính, thì là cơn thịnh nộ và

sự giận dữ. Hoạn nạn và khốn cùng sẽ giáng trên mọi linh hồn người nào làm điều dữ" (Rô-ma 2:4-9, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

Cơn thịnh nộ, sự giận dữ, hoạn nạn và khốn cùng ở đây là những từ diễn tả sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời trên tội nhân không ăn năn. Kinh Thánh nói cách không thể hiểu lầm về sự phán xét tương lai và đời đời. Kinh Thánh không giấu đi thực tại của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi, như ngày nay đáng tiếc người ta thường làm. Sự thánh khiết và công chính của Đức Chúa Trời, vốn phó tội nhân cho địa ngục, không hợp với lối suy nghĩ của phần đông con người, và đáng tiếc cũng không hợp với lối suy nghĩ của nhiều Cơ Đốc nhân. Người ta quá thường tin, hay đúng hơn là hy vọng, rằng Đức Chúa Trời sẵn sàng thỏa hiệp và sẽ bỏ qua tội lỗi trong ân điển. Nhưng giả định này chẳng giúp ích được ai, vì nó dẫn con người đến chỗ lầm lạc về bản chất của Đức Chúa Trời và bản chất của tội lỗi, và do đó cũng lầm lạc về số phận đời đời của chính mình.[145]

Kinh Thánh dùng những danh xưng khác nhau và những hình ảnh hay so sánh mạnh mẽ để mô tả sự phán xét đời đời cách ấn tượng nhất có thể. Những điều ấy nhằm cho con người thấy Đức Chúa Trời xem tội lỗi nghiêm trọng thế nào, và Ngài đáng kính sợ biết bao trong sự phán xét. Kinh Thánh nói về thiên đàng và địa ngục như những nơi thật sự hiện hữu, và dùng ngôn ngữ hình ảnh để mô tả chúng. Chúng ta không nghi ngờ thực tại của thiên đàng chỉ vì thiên đàng được mô tả bằng hình ảnh (xem sách Khải Huyền), và vì thế chúng ta cũng không thể nghi ngờ thực tại của địa ngục.

Chúng ta hãy khảo sát ba khái niệm và hình ảnh chính nói về sự phán xét này. Đó là địa ngục, hồ lửa và sự chết thứ hai.

6.2.1 Địa ngục (Gehenna)

Chính Chúa Giê-xu Christ nói về địa ngục mười một lần trong các sách Phúc Âm (Ma-thi-ơ 5:22, 29-30; 10:28; 18:9; 23:15, 33; Mác 9:43, 45, 47; Lu-ca 12:5; trong Tân Ước chỉ còn Gia-cơ 3:6). Địa ngục là nơi những người không công

145. Việc xem nhẹ và khước từ khổ hình đời đời được thể hiện qua những biến thể khác nhau: 1. Thuyết phổ quát và thuyết mọi người đều được cứu (Universalism): cuối cùng mọi người đều được cứu 2. Thuyết bất tử có điều kiện (Conditionalism), hay sự bất tử có điều kiện: những người chưa được cứu chuộc sẽ bị tiêu diệt – cũng gọi là "thuyết hủy diệt" (Annihilationism) 3. Khả năng ăn năn và được cứu sau khi chết (thuyết bất tử có điều kiện mang tính giả định). Mỗi giáo lý này phải bị bác bỏ vì không phù hợp với Kinh Thánh và làm rỗng đức tin.

chính bị bỏ mặc một mình mãi mãi với ý thức đầy đủ về tội lỗi của mình và bị Đức Chúa Trời phán xét.

Điều đáng chú ý là chính Chúa Giê-xu Christ là Đấng nói nhiều nhất về địa ngục, nơi của sự phán xét khủng khiếp, dù chính Ngài là sự bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời. Không ai biết tình yêu của Đức Chúa Trời như Ngài, và Ngài đã đến để bày tỏ tình yêu ấy. Nhưng làm sao tình yêu của Đức Chúa Trời lại có thể đi đôi với một sự phán xét khủng khiếp như vậy? Vì cũng không ai biết sự thánh khiết của Đức Chúa Trời như Ngài. Sứ đồ Giăng nói: "Này là lời truyền giảng mà chúng tôi đã nghe nơi Ngài và truyền lại cho anh em: Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm chút nào" (1 Giăng 1:5). Từ *sự sáng* ở đây chỉ về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, đối lập với sự tối tăm, là từ chỉ về tội lỗi và mọi điều liên quan đến tội lỗi.

Người Do Thái thời Chúa Giê-xu có một hình dung nhất định về điều được hiểu là "địa ngục" (tiếng Hy Lạp *gehenna*). Hình dung này bắt nguồn từ một địa điểm nổi tiếng và lịch sử của nó. Từ Hy Lạp này tương ứng với từ Hê-bơ-rơ "ge-hinnom". Từ ấy chỉ về trũng Hi-nôm, dốc xuống ở phía nam thành Giê-ru-sa-lem (Giô-suê 15:8; 18:16). Trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, dưới thời các vua A-cha (2 Các Vua 16:3) và Ma-na-se (2 Các Vua 21:6), đây là nơi thờ hình tượng gớm ghiếc nhất. Ở đó người ta dâng con trẻ cho thần tượng Mo-lóc (2 Sử Ký 28:3; 33:6). Người ta thiêu chúng trong tiếng trống, để át tiếng kêu khóc của chúng. Đức Chúa Trời đã báo trước một sự đoán phạt khủng khiếp vì những điều gớm ghiếc ấy (Giê-rê-mi 7:32; 19:5-9; 32:35).

Trong cuộc phục hưng dưới thời vua Giô-si-a, nơi này bị phá hủy và biến thành một đống đổ nát (2 Các Vua 23:10). Về sau, nơi này trở thành bãi đổ xà bần và rác. Rác rưởi và đồ dơ bẩn của thành Giê-ru-sa-lem được đem đến đó. Người ta cũng đem xác của những tội phạm bị xử tử đến đó để thiêu. Đó là một bãi rác, nơi lửa cháy liên tục để thiêu hủy rác. Giòi tìm được đủ thức ăn trong rác, nên chúng có thể sống ở đó. Vì thế, khi nói đến địa ngục, Kinh Thánh cũng thường nói đến sâu bọ chẳng hề chết và lửa chẳng hề tắt (Mác 9:43-48; Ê-sai 30:33; 66:24).

Trong các sách vở của người Do Thái, những gì xảy ra ở nơi này được so sánh với sự đoán phạt đời đời trong thời kỳ cuối cùng dành cho những

người không công chính.[146] Ở đây Chúa Giê-xu Christ dựa vào hình dung của người Do Thái thời ấy. Trái với hình dung của người Do Thái, lời Ngài là sự mặc khải lẽ thật thần thượng. Ngài đặc biệt nhấn mạnh hai điều:

- Cả con người bị phó cho sự phán xét của địa ngục: "nhưng thà các ngươi hãy sợ Đấng có thể làm cho cả linh hồn lẫn thân thể hư mất trong địa ngục" (Ma-thi-ơ 10:28; so sánh Lu-ca 12:5). Sự phán xét của địa ngục (Ma-thi-ơ 5:29-30) sẽ giáng trên linh hồn cũng như trên thân thể (Lu-ca 12:47).
- Địa ngục gắn liền không thể tách rời với lửa: "còn ai mắng anh em mình là đồ điên, thì đáng bị lửa địa ngục" (Ma-thi-ơ 5:22). "Thà ngươi què cụt mà vào sự sống, còn hơn là có đủ hai tay mà sa vào địa ngục, trong lửa chẳng hề tắt, là nơi sâu bọ của họ chẳng hề chết và lửa chẳng hề tắt" (Mác 9:43-44; so sánh Ma-thi-ơ 5:29).

Con người sợ lửa. Trong địa ngục, sự phán xét giáng trên thân thể, linh hồn và tâm linh. Hình ảnh lửa nói về khổ hình và sự kinh hoàng. Chúng ta không thể hình dung điều đó. Hình ảnh này đã đủ mạnh. Đó là một lời cảnh cáo không thể nào khẩn thiết hơn. Lửa thường được dùng để diễn tả sự phán xét của Đức Chúa Trời, là sự phán xét trong ngày phán xét sẽ hướng đến mọi điều không phù hợp với Đức Chúa Trời (Sáng Thế Ký 19:24; Lê-vi Ký 10:2; Dân Số Ký 16:35; 1 Cô-rinh-tô 3:13; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:8; Hê-bơ-rơ 10:27; 2 Phi-e-rơ 3:7; Khải Huyền 20:9; 21:8).

Những câu khác tuy không nhắc đến chữ "địa ngục", nhưng mô tả cùng một sự phán xét, là:

"Thà ngươi què cụt hay là què chân mà vào sự sống, còn hơn là có đủ hai tay hay hai chân mà bị quăng vào lửa đời đời" (Ma-thi-ơ 18:8, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

"… và họ sẽ quăng chúng [những con của quỷ dữ] vào lò lửa: ở đó sẽ có khóc lóc và nghiến răng" (Ma-thi-ơ 13:42, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; so sánh 8:12).

Giu-đe nói: "khi chịu hình phạt của lửa đời đời" (Giu-đe 7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

146. Strack / Billerbeck, *Exkurs: Scheol, Gehinnom u. Garten Eden*, München (Verlag C.H. Beck) tr. 1029-1037. G.W. Bromiley, *Theological Dictionary of the NT*, Grand Rapids (Eerdmans) 1985, tr. 113.

6.2.2 Hồ lửa

Phù hợp với những câu trên, hồ lửa là một danh xưng khác của địa ngục (Khải Huyền 19:20; 20:10, 14-15). Về nơi này chỉ có ít chi tiết được nhắc đến. Đó là nơi tội nhân sẽ đời đời không được yên nghỉ. Hồ, cũng như biển, gợi lên một sự xao động không bao giờ dứt (Khải Huyền 14:11).

Trước hết, con thú và tiên tri giả (hai con người của thời kỳ cuối cùng, xem Khải Huyền 13) bị ném xuống hồ lửa (Khải Huyền 19:20). Chúng đi vào nơi có lửa và diêm sinh cháy bừng bừng ấy khi còn sống nguyên thân thể. 1000 năm sau, ma quỷ bị ném xuống hồ lửa, để chịu khổ hình ngày đêm từ cõi đời đời đến cõi đời đời (20:10).

Hồ lửa, tức lửa đời đời, đã được sắm sẵn cho ma quỷ và các quỷ sứ của nó – chứ không phải cho con người! (Ma-thi-ơ 25:41). Nhưng vì con người đã theo ma quỷ, đã đi cùng một con đường không vâng lời và không muốn thuận phục Đức Chúa Trời, nên con người cũng sẽ gặp số phận đời đời của mình ở đó (Khải Huyền 20:10, 14-15; 14:10).

Lửa có mục đích thiêu đốt và loại bỏ một thứ gì đó, như đã xảy ra với rác trong trũng Hi-nôm. Nhưng trong sự phán xét của địa ngục, vấn đề không phải là sự thiêu đốt theo nghĩa tiêu diệt.

Ngoài giáo lý về sự tiêu diệt hoàn toàn con người, còn có quan niệm cho rằng con người chỉ ở trong địa ngục một thời gian có hạn. Thời gian ấy nhằm trả xong một mức hình phạt có hạn, hoặc thậm chí nhằm sự thanh tẩy theo nghĩa luyện ngục. Nếu người ta giải thích hình ảnh lửa theo nghĩa ấy, thì mọi kẻ không tin kính sẽ bị thiêu rụi ngay tức khắc khi bị đặt vào lửa này. Họ không có sự sống mới, cũng không có điều gì tốt có thể còn lại sau một sự thanh tẩy. Không có lối thoát ra khỏi địa ngục; địa ngục chỉ có lối vào, mà không có lối ra.

Lửa, như lửa đã cháy trong trũng Hi-nôm, là một hình ảnh về thực tại của địa ngục, vì nó mô tả những khổ hình của tội nhân.

6.2.3 Sự chết thứ hai

Chúng ta đã xác định rằng sự chết không phải là sự chấm dứt hiện hữu của con người, mà về căn bản là một sự thay đổi hình thức hiện hữu. Ngoài ra, sự chết luôn gây ra một sự phân rẽ. Sự chết thứ hai, và cũng là sự chết sau cùng

(Khải Huyền 20:6, 14), là sự phân rẽ vĩnh viễn của tội nhân khỏi Đức Chúa Trời. Sự phán xét đời đời của tội nhân là ở chỗ đó. Vì thế Phao-lô gọi sự phán xét này là "sự hư mất đời đời *xa cách mặt Chúa*" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9). Vì Đức Chúa Trời không thể nhìn tội lỗi, Ngài phải đày tội nhân ra khỏi sự hiện diện của Ngài mãi mãi (Ma-thi-ơ 7:23; 25:12), vì sự sáng và sự tối tăm không thể thông công với nhau (2 Cô-rinh-tô 6:14). Tội nhân bị đày vào nơi tối tăm bên ngoài. Khi đó người ấy biết rằng Đức Chúa Trời không thể chấp nhận mình cùng với tội lỗi mình (Ma-thi-ơ 22:13; Lu-ca 13:22-28; 2 Phi-e-rơ 2:17; Giu-đe 13). Nhiều người không muốn dính dáng gì đến Đức Chúa Trời – vậy thì họ cũng sẽ ở xa Đức Chúa Trời mãi mãi. Sự thật này khiến chúng ta rùng mình trước điều sẽ là phần của các tội nhân mãi mãi và không bao giờ dứt.

Việc Đức Chúa Trời quay mặt đi và vắng mặt vĩnh viễn có nghĩa là ở trong sự tối tăm cùng cực của sự chết – một sự hư mất không bao giờ dứt.

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Tân Ước mô tả số phận đời đời của những người không tin bằng những hình ảnh nào?

6.3 Hình phạt kéo dài bao lâu?

Đây là một câu hỏi quan trọng, đã được bàn cãi nhiều qua các thế kỷ của lịch sử giáo hội cho đến ngày nay. Ở đây quan niệm của nhiều Cơ Đốc nhân khác nhau. Một số người cho rằng hình phạt có giới hạn về thời gian. Khi con người đã chịu xong mức hình phạt của mình, người ấy sẽ bị tiêu diệt vĩnh viễn hoặc sẽ vào thiên đàng. Những người khác, trong đó có tác giả, dựa trên Lời Đức Chúa Trời, tin chắc rằng hình phạt sẽ không bao giờ chấm dứt.

Không thể trả lời câu hỏi này cách khách quan nếu những hình dung (theo ý muốn) và cảm xúc của con người được quyền lên tiếng. Kinh Thánh phải là thẩm quyền duy nhất. Những lời phán của Kinh Thánh cho thấy rõ, không thể hiểu lầm, rằng hình phạt và khổ hình của kẻ không tin kính sẽ là đời đời, tức là không giới hạn về thời gian. Điều đó thấy rõ qua những câu Kinh Thánh sau đây:

> *"Thà ngươi què cụt mà vào sự sống, còn hơn là có đủ hai tay mà sa vào địa ngục, trong lửa chẳng hề tắt" (Mác 9:43, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; so sánh Ma-thi-ơ 3:12; Ê-sai 66:24; Giê-rê-mi 17:4).*

"Thà ngươi què cụt hay là què chân mà vào sự sống, còn hơn là có đủ hai tay hay hai chân mà bị quăng vào lửa đời đời" (Ma-thi-ơ 18:8, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).
"Khi chịu hình phạt của lửa đời đời" (Giu-đe 7, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).
"Thì người ấy cũng sẽ uống rượu thịnh nộ của Đức Chúa Trời, là rượu không pha đã rót trong chén thịnh nộ của Ngài; và người ấy sẽ bị khổ hình trong lửa và diêm sinh trước mặt các thiên sứ thánh và trước mặt Chiên Con. Khói của khổ hình họ bay lên từ cõi đời đời đến cõi đời đời; và họ không được nghỉ ngơi ngày và đêm …" (Khải Huyền 14:10-11, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder; so sánh 20:10).

Lửa cháy đời đời, nghĩa là không thể dập tắt. Độ dài của cõi đời đời, điều mà con người không thể hình dung ("từ cõi đời đời đến cõi đời đời"), ở đây được so sánh – để chúng ta dễ hình dung hơn – với sự nối tiếp không dứt, không ngừng của ngày và đêm.

"Rồi những kẻ này sẽ vào khổ hình đời đời, còn những người công chính sẽ vào sự sống đời đời" (Ma-thi-ơ 25:46, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder). "Sự dạy dỗ về . . . sự phán xét đời đời" (Hê-bơ-rơ 6:2). "Sự hư mất đời đời xa cách mặt Chúa" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9). "Là những kẻ đã có sự tối tăm mù mịt để dành cho đời đời" (Giu-đe 13; so sánh 2 Phi-e-rơ 2:17). "Nhưng cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người ấy" (Giăng 3:36).

"Nhưng ai nói phạm đến Đức Thánh Linh thì chẳng hề được tha *đời đời*, mà phải mắc tội *đời đời*" (Mác 3:29; Ma-thi-ơ 6:15; 12:32). Nơi nào đời đời không có sự tha tội, thì ở đó cũng sẽ có sự phán xét của Đức Chúa Trời trên tội lỗi đời đời. Chưa nói đến câu hỏi đây là những người nào đã nói phạm đến Đức Thánh Linh, câu này cũng cho thấy rõ rằng trong cõi đời đời sẽ có những người không có sự tha tội và cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ ở trên họ đời đời.

Tuy nhiên, người ta phản bác rằng các từ "đời đời" và "cõi đời đời" không phải lúc nào cũng mô tả một khoảng thời gian vô tận, mà cũng có thể mô tả một khoảng thời gian có giới hạn. Vì thế chúng ta phải khảo sát ý nghĩa của những từ này trong Tân Ước khi liên quan đến sự phán xét.

6.3.1 "Đời đời" và "mãi mãi" trong Tân Ước

Từ "cõi đời đời" tương ứng với từ Hy Lạp "*aion*". Từ này có thể mang ý nghĩa một thời kỳ nhất định hay một thời đại có giới hạn: xem Ma-thi-ơ 12:32; 24:3; 28:20; Lu-ca 16:8; 20:34; Rô-ma 12:2; 1 Cô-rinh-tô 1:20; 2 Cô-rinh-tô 4:4; Ga-la-ti 1:4; 1 Ti-mô-thê 6:17; 2 Ti-mô-thê 4:10; Tít 2:12; Hê-bơ-rơ 9:26.

Những câu này cho thấy rõ rằng vấn đề không chỉ là thời gian tự nó, mà là những đặc điểm đạo đức làm nên tính chất của thời đại hay dòng thời gian ấy.

"Cõi đời đời" cũng – ở phần lớn các chỗ – là một khoảng thời gian vô tận:

- "Cho đến đời đời" (tiếng Hy Lạp *eis ton aiona*). Cụm từ này xuất hiện trong những câu sau: Ma-thi-ơ 21:19; Mác 3:29; 11:14; Lu-ca 1:55; Giăng 4:14; 6:51, 58; 8:35, 51-52; 10:28; 11:26; 12:34; 13:8; 14:16; 1 Cô-rinh-tô 8:13; 2 Cô-rinh-tô 9:9; Hê-bơ-rơ 5:6; 6:20; 7:17, 21, 24, 28; 1 Phi-e-rơ 1:25; 1 Giăng 2:17; 2 Giăng 2.
- "Vào các cõi đời đời" (*eis tous aionas*). Xem những chỗ sau: Lu-ca 1:33; Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; 2 Cô-rinh-tô 11:31; Hê-bơ-rơ 13:8.
- "Cho đến mọi cõi đời đời" (*eis pantas tous aionas*): Giu-đe 25
- "Vào cõi đời đời của các cõi đời đời" (*eis ton aiona tou aionos*): Hê-bơ-rơ 1:8.
- "Vào các cõi đời đời của các cõi đời đời" (*eis tous aionas ton aionon*). Cụm từ này xuất hiện nhiều lần: Rô-ma 16:27; Ga-la-ti 1:5; Phi-líp 4:20; 1 Ti-mô-thê 1:17; 2 Ti-mô-thê 4:18; Hê-bơ-rơ 13:21; 1 Phi-e-rơ 4:11; 5:11; Khải Huyền 1:6, 18; 4:9-10; 5:13; 7:12; 10:6; 11:15; 14:11; 15:7; 19:3; 20:10; 22:5.

Trong Khải Huyền 14:11 và 20:10, chúng ta thấy một cách diễn tả không thể mạnh hơn được nữa về tính vô tận của hình phạt sẽ giáng trên ma quỷ, con thú và tiên tri giả, nhưng cũng trên những người đã theo con thú. Họ sẽ bị khổ hình "từ cõi đời đời đến cõi đời đời". Trong tiếng Hy Lạp, chữ cõi đời đời ở số nhiều. Vậy nguyên văn là: "vào các cõi đời đời của các cõi đời đời".

Tính từ "đời đời" cũng chỉ về sự không giới hạn về thời gian. Người ta có thể thấy rõ điều đó qua những phước lành "đời đời" của các tín hữu. Các tín hữu có:

- "sự cứu rỗi đời đời" (Hê-bơ-rơ 5:9)
- "sự cứu chuộc đời đời" (Hê-bơ-rơ 9:12)

- "cơ nghiệp đời đời" (Hê-bơ-rơ 9:15)
- "sự vinh hiển đời đời" (2 Ti-mô-thê 2:10; 1 Phi-e-rơ 5:10)
- "nhà đời đời" (2 Cô-rinh-tô 5:1)
- "vương quốc đời đời" (2 Phi-e-rơ 1:11).

Không một con cái nào của Đức Chúa Trời nghĩ rằng những điều này có giới hạn về thời gian. Chính những điều ấy đối lập với những điều tạm thời và chóng qua (2 Cô-rinh-tô 4:17-18).

Đối lập với những phước lành của các tín hữu là số phận của những người không tin:

- "khổ hình đời đời" (Ma-thi-ơ 25:46)
- "lửa đời đời" (Ma-thi-ơ 18:8; 25:41; Giu-đe 7)
- "sự phán xét đời đời" (Hê-bơ-rơ 6:2)
- "sự hư mất đời đời" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9).

Cả những phước lành của các tín hữu lẫn hình phạt của kẻ không tin kính đều đời đời như nhau, nghĩa là không có kết thúc, như Ma-thi-ơ tóm tắt ngắn gọn: "Rồi những kẻ này sẽ vào khổ hình đời đời, còn những người công chính sẽ vào sự sống đời đời" (Ma-thi-ơ 25:46).

Một lập luận khác chống lại khổ hình đời đời cho rằng tính từ "đời đời" không áp dụng cho sự hiện hữu của tội nhân và thời gian kéo dài của sự phán xét trên người ấy, mà chỉ giới hạn ở tác dụng hay hậu quả của sự phán xét. Khi đó sự chết thứ hai, tức sự chết đời đời, là sự tiêu diệt kẻ không tin kính. Nhưng thật ra có thể nói đến sự *tiêu diệt* con người không? "Sự hư mất" có nghĩa là sự chấm dứt hiện hữu của con người không?

6.3.2 "Sự hư mất"

Nếu từ "sự hư mất" được hiểu là sự tiêu diệt, tức là sự chấm dứt hiện hữu của con người, thì hình phạt địa ngục sẽ không vô tận mà có giới hạn. Nhưng quan niệm này mâu thuẫn với những câu Kinh Thánh đã được trích dẫn. Nếu con người thật sự bị tiêu diệt, thì làm sao khói của sự đau đớn và khổ hình của người ấy có thể bay lên từ cõi đời đời đến cõi đời đời (Khải Huyền 14:11; 20:10)? Hình phạt của lửa đời đời để làm gì, nếu không còn ai để lửa ấy "cháy" cho (Giu-đe 7)? Tại sao lửa phán xét lại không thể dập tắt (Mác 9:43)?

Những lời Kinh Thánh này cho thấy rõ rằng *sự hư mất* không thể mang ý nghĩa *sự tiêu diệt*. Những chỗ khác trong Tân Ước cũng cho thấy rõ điều đó. Tân Ước tiếng Hy Lạp có nhiều từ chỉ sự hư mất; ở đây tôi nêu ra những từ quan trọng nhất, cũng được dùng cho sự phán xét kẻ không tin kính trong cõi đời đời.

Danh từ "sự hư mất" (apoleia)

Từ này xuất hiện 19 lần và được dịch theo nhiều cách khác nhau:

- "sự phí phạm" hay "sự lãng phí" (Ma-thi-ơ 26:8; Mác 14:4)
- "nộp" (Công Vụ Các Sứ Đồ 25:16)
- "con của sự hư mất" (Giăng 17:12; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3)
- "sự hư mất" (Ma-thi-ơ 7:13; Rô-ma 9:22; Phi-líp 1:28; 3:19; 1 Ti-mô-thê 6:9; Hê-bơ-rơ 10:39; 2 Phi-e-rơ 2:1; 3:7; 3:16; Khải Huyền 17:8, 11)

Động từ "làm hư mất" (apollymai)

Điều tương tự cũng đúng với động từ "làm hư mất" (86 lần xuất hiện trong Tân Ước):

- "sự hủy diệt" của trái đất trong cơn nước lụt (2 Phi-e-rơ 3:6; so sánh Hê-bơ-rơ 1:11)
- "qua đi" (1 Phi-e-rơ 1:7 và những chỗ khác)
- "giết" (Ma-thi-ơ 2:13; 12:14; 21:41; 27:20 và những chỗ khác)
- "chết mất" (Ma-thi-ơ 5:29-30; 8:25; 26:52; Giu-đe 11 và những chỗ khác)
- "bị mất" khi nói về người, thú vật và đồ vật (Ma-thi-ơ 10:6; 15:24; 16:25; 18:11, 14; 2 Cô-rinh-tô 2:15; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10; 2 Giăng 8 và những chỗ khác)
- "làm hư mất" thân thể và linh hồn trong địa ngục (Ma-thi-ơ 10:28)
- "hư" bầu da đựng rượu (Ma-thi-ơ 9:17)
- "diệt" (Giu-đe 5)

Danh từ "sự hư mất" (olethros)

Từ này xuất hiện bốn lần trong Tân Ước: 1 Cô-rinh-tô 5:5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:3; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:9; 1 Ti-mô-thê 6:9.

> *Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7-9, chúng ta có một sự mô tả đầy ấn tượng về sự phán xét của Chúa khi Ngài hiện ra, nhưng đồng thời cũng về sự phán xét đời đời: "và ban cho anh em, là những người bị hoạn nạn, được yên nghỉ với*

chúng tôi, khi Chúa Giê-xu từ trời hiện đến với các thiên sứ của quyền phép Ngài, giữa ngọn lửa hừng, báo trả những kẻ không nhận biết Đức Chúa Trời và những kẻ không vâng theo Tin Lành của Chúa chúng ta là Chúa Giê-xu Christ; họ sẽ phải chịu hình phạt, là sự hư mất đời đời từ [hoặc: xa cách] mặt Chúa và từ sự vinh hiển của quyền năng Ngài" (dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).

6.3.3 Tóm tắt

Giống như *sự sống đời đời*, những khái niệm này cũng có những ý nghĩa khác nhau. Ở một vài chỗ, chúng có thể có nghĩa là sự tiêu hủy một vật, hay việc loại bỏ con người khỏi mặt đất. Nhưng *sự hư mất* không bao giờ có nghĩa là sự tiêu diệt hay sự xóa sạch con người. Nó có thể có nghĩa là mất đi sự sống trên đất. Nhưng đó không phải là sự chấm dứt hiện hữu, mà chỉ là sự chuyển sang một hình thức hiện hữu khác.

Sự hư mất là sự suy sụp và đổ nát về đạo đức, không phải là sự tiêu diệt, mà là sự suy đồi tận gốc của một tình trạng. Sự hư mất không bao giờ là việc mất đi sự hiện hữu, mà là việc mất đi mọi điều làm cho sự hiện hữu có giá trị. Nếu trong những câu này người ta thay từ "hư mất" bằng từ "tiêu diệt" hay "sự tiêu diệt", thì không những ý nghĩa bị bóp méo – mà những câu ấy còn trở nên hoàn toàn khó hiểu.

Sự hư mất đời đời của kẻ không tin kính là ở chỗ họ sẽ bị cắt đứt khỏi Đức Chúa Trời mãi mãi và phải chịu sự phán xét. Họ bị hư mất và ở trong nơi tối tăm bên ngoài (Ma-thi-ơ 8:12; 22:13; 25:30; Giu-đe 13)

Câu hỏi để suy ngẫm sâu hơn

- Làm thế nào bạn có thể đối đáp với những quan niệm sai lầm cho rằng …
- những người không tin, hay linh hồn của họ, sẽ bị tiêu diệt?
- hình phạt của họ có giới hạn về thời gian?

6.3.4 Sự công chính và thánh khiết của Đức Chúa Trời

Đối với sự hiểu biết và cảm nhận của con người, thật khó hình dung rằng có một sự phán xét đời đời và một sự trừng phạt không ngừng trên tội nhân. Nhưng người ta thường chỉ nhìn thấy kết cục, mà không để ý điều đó đã xảy ra thế nào. Sự hình dung của chính chúng ta không được dẫn dắt chúng ta. Chính trong câu hỏi tối hậu này, người ta có khuynh hướng đặt suy nghĩ của

mình lên trên Lời Đức Chúa Trời. Nhưng Lời Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn duy nhất, mà trong mọi vấn đề chúng ta chỉ có thể khiêm nhường thuận phục.

Chúng ta hãy nhớ lại một lần nữa rằng Đức Chúa Trời không vui lòng đoán phạt tội nhân: "Vì Chúa chẳng vui lòng làm khổ và làm buồn con cái loài người" (Ca Thương 3:33). Nhưng vậy thì tại sao có sự phán xét đời đời? Câu trả lời là: vì Đức Chúa Trời không chỉ là tình yêu, mà cũng là sự sáng: Ngài là Đức Chúa Trời của sự công chính và thánh khiết tuyệt đối. Sự công chính của Đức Chúa Trời đòi hỏi món nợ tội phải được trả, tội nhân phải bị trừng phạt. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời không thể dung chịu tội lỗi và phải cất bỏ, thiêu hủy mọi điều có liên quan đến tội lỗi (Giô-suê 24:19).

> *Tiên tri Ê-sai nói: "Nhưng CHÚA vạn quân sẽ được tôn cao trong sự phán xét, và Đức Chúa Trời là Đấng Thánh sẽ tỏ mình ra thánh trong sự công chính" (Ê-sai 5:16, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

Khi người ta chối bỏ sự phán xét đời đời, thì người ta đặt dấu hỏi trên chính bản chất của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không thay đổi trong bản chất của Ngài và không bao giờ từ bỏ sự công chính và thánh khiết của Ngài. Bên cạnh sự không thay đổi của Đức Chúa Trời, người ta cũng đánh giá thấp bản chất và tầm mức của tội lỗi. Tội lỗi là lý do của sự phán xét đời đời. Và tội lỗi là gì trước mắt Đức Chúa Trời? Tội lỗi không phải là sự yếu đuối, cũng không phải là một lỗi nhỏ đáng bỏ qua; "tội lỗi là *sự trái luật pháp*" (1 Giăng 3:4). Sự trái luật pháp không chỉ là vi phạm một điều răn, mà là khước từ mọi luật pháp của Đức Chúa Trời, tức là sự tự ý và sự chối bỏ thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Rốt cuộc đó là sự vô chính phủ, sự coi thường quyền của Đấng Tạo Hóa trên các tạo vật của Ngài. Tội lỗi là sự thù nghịch và sự phản loạn chống lại Đức Chúa Trời.

Tội lỗi không nhất thiết biểu hiện bằng sự thù nghịch công khai đối với Đức Chúa Trời, nhưng thể hiện dưới nhiều hình thức. Qua tội lỗi, sự uy nghi và danh dự của Đức Chúa Trời bị xúc phạm. Vì thế Đức Chúa Trời sẽ không để tội lỗi khỏi bị trừng phạt. Ngài sẽ phục hồi danh dự của Ngài và làm trọn những đòi hỏi của sự thánh khiết Ngài. Con cái Đức Chúa Trời cũng có liên hệ với cùng một Đức Chúa Trời ấy, nhưng những đòi hỏi của Đức Chúa Trời đối với họ thì Con Đức Chúa Trời đã làm trọn trên thập tự giá.

Đáng tiếc, ngay cả cảm nhận của chúng ta là con cái Đức Chúa Trời cũng bị tội lỗi ảnh hưởng và làm cho mờ đục. Chính chúng ta vốn bản chất là tội nhân. Vì thế chúng ta không trung lập trong sự đánh giá của mình[147] và không thể điều chỉnh cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi theo tiêu chuẩn của chúng ta. Chúng ta có hình dung gì về cảm nhận của Đức Chúa Trời đối với tội lỗi? Chúng ta có muốn ra lệnh cho Ngài rằng Ngài không được trừng phạt tội nhân đời đời vì tội lỗi của người ấy không? Việc Ngài đối xử với tội nhân thế nào hoàn toàn và duy nhất là việc của Đức Chúa Trời. Ngài không bao giờ cần biện minh cho việc Ngài làm, thế nhưng Ngài vẫn giải thích cho chúng ta những điều này trong Lời Ngài.

Sự phán xét đời đời không đặt dấu hỏi trên tình yêu của Đức Chúa Trời. Ngài đã làm mọi sự và đã chứng minh rằng thiên đàng và sự vinh hiển đời đời mở ra cho mọi người. Vì thế Đức Chúa Trời thánh khiết và công chính[148] không bất công khi Ngài đoán phạt tội nhân đời đời. Đức Chúa Trời cũng sẽ được tôn vinh trong điều đó. Đức Chúa Trời vinh hiển trong sự thánh khiết (Xuất Ê-díp-tô Ký 15:11)!

> *Sứ đồ Phao-lô nói: "Nhưng Đức Chúa Trời là chân thật, còn mọi người đều là kẻ nói dối, như có chép rằng: 'Ấy vậy Chúa sẽ được xưng công chính trong lời phán của Ngài, và sẽ thắng khi Ngài bị xét đoán.' Nhưng nếu sự không công chính của chúng ta tỏ ra sự công chính của Đức Chúa Trời, thì chúng ta sẽ nói làm sao? Đức Chúa Trời giáng cơn thịnh nộ thì có phải là bất công chăng?" (Rô-ma 3:4-5, dịch theo bản Kinh Thánh tiếng Đức Elberfelder).*

6.3.5 Thập tự giá tại Gô-gô-tha

Vì nay chúng ta đã đến phần cuối của cuốn sách này, chúng ta hãy, dưới ấn tượng của sự phán xét khủng khiếp đang chờ đợi tội nhân, nhìn vào những giờ quan trọng nhất trong lịch sử nhân loại.

Chúng ta đã xác định rằng Đức Chúa Trời không bao giờ từ bỏ sự công chính và thánh khiết của Ngài vì có tình yêu và ân điển của Ngài. Thập tự giá tại Gô-gô-tha cho chúng ta bằng chứng rõ ràng nhất về điều đó. Thập tự giá nhắc chúng ta về sự thánh khiết và công chính của Đức Chúa Trời, là điều

147. Mục đích không ngừng của Đức Thánh Linh là để chúng ta hiểu tội lỗi là gì, hầu cho chúng ta ghét tội lỗi và cảm nhận tội lỗi như Đức Chúa Trời cảm nhận (so sánh 1 Giăng 1:5-2:2).
148. Khải Huyền 16:5; Thi Thiên 47:8; 119:137; Ê-sai 6:3.

không có ngoại lệ ngay cả đối với Con Đức Chúa Trời, khi Ngài phó chính mình vì tội lỗi chúng ta: một công việc trọn vẹn cách thần thượng, được một Đấng thần thượng hoàn tất, để giải cứu chúng ta khỏi một sự phán xét vô tận.

Con Đức Chúa Trời, Đấng không có tội, đã thay thế chúng ta mà gánh lấy sự phán xét. Ngài mang tội lỗi chúng ta mà đối diện với Đức Chúa Trời thánh khiết, là Đấng đã trừng phạt Ngài vì tội lỗi ấy trên thập tự giá. Ngài đã gánh tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gỗ (1 Phi-e-rơ 2:24), Ngài đã bị làm nên tội lỗi thay cho chúng ta (2 Cô-rinh-tô 5:21), Ngài đã trở nên sự rủa sả vì chúng ta trên cây gỗ (Ga-la-ti 3:13).

Marc Tapernoux diễn tả điều đó cách xác đáng: "Điều này đã xảy ra để tội lỗi được chuộc và những đòi hỏi của sự công chính, sự thánh khiết và vinh hiển của Đức Chúa Trời được thỏa đáp, và mặt khác để Đức Chúa Trời có thể ban ân tha cho tội nhân. Sự lớn lao của của lễ này [Hê-bơ-rơ 10:1-18], giá trị vô hạn của Đấng [Ma-thi-ơ 3:17; 17:5] đã chuộc tội [1 Giăng 2:2; 4:10], sức nặng của sự phán xét đã giáng trên Ngài [Ma-thi-ơ 27:46; Thi Thiên 22; 42; 69], giúp chúng ta hiểu được sức nặng của tội lỗi cần được chuộc và mức độ của sự hư mất mà tội lỗi đã đẩy con người vào: đó là một sự hư mất đời đời."[149]

Ai nói rằng hình phạt có giới hạn về thời gian, thì qua đó cho rằng tội lỗi trước mắt Đức Chúa Trời không đủ nghiêm trọng để phải chịu một hình phạt đời đời. Nhưng nếu tội lỗi vô hại đến thế, thì tại sao Đức Chúa Trời lại phán xét chính Con Ngài cách khủng khiếp như vậy trên thập tự giá? Tại sao Ngài lại lìa bỏ Con ở đó trong ba giờ tối tăm? Tại sao Ngài đã đánh Con cách khủng khiếp như vậy (Ê-sai 53; Xa-cha-ri 13:7)?

Công việc kinh khủng này có cần thiết không, nếu chúng ta chỉ cần được giải cứu khỏi một số khổ đau tạm thời? Chắc chắn là không. Ngài đã không giải cứu chúng ta khỏi một số khổ đau có giới hạn về thời gian, mà khỏi cơn thịnh nộ thánh của Đức Chúa Trời, là cơn thịnh nộ khủng khiếp đến nỗi ngay cả chính Con của Đức Chúa Trời cũng không được miễn (Rô-ma 5:8-10; 8:32).

Khi người ta cho rằng tội nhân hư mất sẽ không bị trừng phạt đời đời, mà một ngày kia sẽ bị tiêu diệt, thì người ta coi thường những sự thương khó của Con Đức Chúa Trời! Đó là hệ quả tai hại tất yếu phát sinh từ quan niệm này. Nếu vấn đề chỉ là giải cứu chúng ta khỏi một khổ hình tạm thời, thì Con

149. Marc Tapernoux, *Das ewige Gericht*, Zürich (Beröa-Verlag), 1962, tr. 5.

Đức Chúa Trời đã không cần phải đến với chúng ta và dâng chính mình vì chúng ta. Nhưng vì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và sự phán xét là đời đời, nên chỉ một Đấng thần thượng mới có thể gánh lấy những điều ấy thay cho chúng ta và giải cứu chúng ta khỏi chúng.

Khi người ta chối bỏ khổ hình đời đời, thì hậu quả sâu rộng đến nỗi người ta thậm chí đụng chạm đến và hạ thấp công việc cứu chuộc của Chúa Giê-xu Christ. Xin Đức Chúa Trời gìn giữ chúng ta khỏi việc làm giảm giá trị vô hạn của của lễ lớn lao thần thượng ấy dưới bất cứ hình thức nào! Chúng ta hãy giữ vững điều này: tại đó Con Đức Chúa Trời đã gánh lấy trọn vẹn hình phạt lẽ ra đã giáng trên chúng ta đời đời.

Đó là bằng chứng lớn nhất về tình yêu vô hạn của Đức Chúa Trời, đồng thời về sự thánh khiết không thay đổi của Đức Chúa Trời.

Ấy là lòng thương xót đời đời,
vượt trên mọi ý tưởng loài người;
lòng thương xót của Đấng dang tay yêu thương
cúi xuống cùng kẻ tội nhân;
Đấng giải cứu ta khỏi rủa sả và sự chết,
đưa ta vào vinh hiển của Chúa Giê-xu.

Ta chẳng phải hư mất đời đời,
Đức Chúa Trời muốn ta được cứu giúp;
vì thế Con đã xuống thế gian
rồi sau đó lên trời ngự trị.
Nên nay từ ngôi ân điển tuôn tràn
sự đầy dẫy ân điển qua Con.

Ôi ân điển, nay có thể xóa sạch
mọi tội lỗi bởi huyết Đấng Christ,
và khiến khắp nơi rao truyền
sự tha thứ, bình an cho mọi người.
Sự cứu rỗi đời đời nay đã sẵn sàng,
ôi thời kỳ ân điển diệu kỳ!

7 Phụ lục

7.1 Kinh Thánh dạy gì về Sheol và Hades?

Phần giải đáp thắc mắc trong Bible Treasury, tập N 9, tr. 79

Câu hỏi

Câu "Con Người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm" (Ma-thi-ơ 12:40) có chỉ về điều gì hơn là mồ mả không, và câu "Ngài đã xuống các miền thấp của đất" (Ê-phê-sô 4:9) có chỉ về điều gì hơn là sự chết và mồ mả không?

Có phù hợp với Kinh Thánh không khi chúng ta nói rằng Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ *sheol*; bản BTT thường dịch là 'âm phủ' hoặc 'mồ mả') hay Hades (tiếng Hy Lạp *hadēs*; bản BTT dịch là 'âm phủ') (kể cả lòng Áp-ra-ham và Ba-ra-đi) ở dưới đất, và rằng Chúa Giê-xu đã xuống đó và đem một số người lên nơi cao với Ngài? Hay là Ba-ra-đi (thiên đàng), tức lòng Áp-ra-ham, luôn luôn ở trên trời và chưa bao giờ ở dưới đất, ngay cả trong thời Cựu Ước?

Cụm từ "xuống Sheol" có nghĩa là gì?

"Vực sâu" có phải là điều gì khác với "Hades" không?

Có thể áp dụng các từ Sheol hay Hades cho thiên đàng, vốn cũng là một phần của cõi vô hình, không?

J.C.B.

Trả lời

Từ "Sheol" trong Cựu Ước xuất hiện 65 lần và trong "Authorised Version" được dịch 31 lần là "mồ mả", 3 lần là "vực sâu" và 31 lần là "địa ngục". Điều đó cho thấy từ này có thể có những ý nghĩa khác nhau. Cũng từ ấy, trong bản Bảy Mươi (Septuaginta – bản dịch Cựu Ước sang tiếng Hy Lạp) được dịch 31 lần là "Hades", hai lần là "sự chết" (thanatos) (2 Sa-mu-ên 22:6; Châm Ngôn 23:14), và ở hai chỗ (Gióp 24:19; Ê-xê-chi-ên 32:21) hoàn toàn không được dịch, vì tiếng Hy Lạp không có từ nào có thể diễn đạt ý nghĩa ở những chỗ này.

Ở những chỗ sau đây – chỉ kể ra một vài chỗ – Sáng Thế Ký 37:35; 42:38; 44:29, 31; Dân Số Ký 16:30-31; 1 Các Vua 2:6, 9; Thi Thiên 49:15; 141:7, "Sheol" chỉ có nghĩa là "mồ mả", và trong bản tiếng Anh cũng được dịch như vậy,

ngoại trừ Dân Số Ký 16, nơi có chữ "vực sâu", còn ở tất cả những chỗ khác, từ "Sheol" chỉ về nơi ở của các tâm linh đã lìa trần. Mồ mả tiếp nhận thân xác không còn sự sống. Tóm lại, chúng ta có thể nói rằng từ "Sheol" trong Cựu Ước được dùng cho cả mồ mả lẫn nơi ở của các tâm linh đã lìa trần.

Khi chúng ta chuyển sang Tân Ước, ý nghĩa kép này biến mất, vì sự sống và sự không hề hư nát đã được Tin Lành phơi bày ra nơi sáng. Từ "Hades", vốn thật ra là bản dịch tiếng Hy Lạp của từ Hê-bơ-rơ "Sheol", trong Tân Ước chỉ được dùng cho thế giới của các tâm linh đã lìa trần, cũng như các từ "sự chết" và "mồ mả" (Khải Huyền 20) chỉ liên quan đến thân thể chứ không liên quan đến linh hồn và tâm linh. Chính thân thể chết đi, còn tâm linh trở về cùng Đức Chúa Trời, là Đấng đã ban nó. Tâm linh và linh hồn không bao giờ thôi hiện hữu. Hades chỉ tiếp nhận những kẻ chết không tin. Khi tín hữu được gọi về nhà, người ấy không đi vào Hades, mà vào Ba-ra-đi.

Một số người cho rằng khi chết, Hades tiếp nhận cả tín hữu lẫn người không tin như nhau, và rằng hai hạng người này dù vậy vẫn bị ngăn cách bởi một vực sâu lớn. Không có chỗ nào trong Kinh Thánh nói rằng tín hữu đi vào Hades, mà trái lại, họ ở rất xa nơi ấy (Lu-ca 16:23). Nếu câu 10 trong Thi Thiên 16, một câu được trích dẫn hai lần trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2, là nền tảng cho giáo lý rằng sau khi chết Chúa đã xuống Sheol hay Hades và linh hồn Ngài không bị để lại ở đó – nhưng chúng ta biết rằng Ngài đã đi vào Ba-ra-đi, một khu vườn của sự vui thỏa chứ không phải của sự tối tăm, là nơi tên trộm trên thập tự giá cũng đã ở –, thì ở đó phải có hai phần, dành cho tín hữu và người không tin. Nhưng sai lầm này phát sinh từ việc dịch sai câu này trong bản tiếng Anh. Câu này diễn tả: "Ngài sẽ không phó linh hồn tôi vào [không phải: ở trong] Sheol (giao cho hay đày đến đó)". Bản dịch đúng này được xác nhận bởi "bản văn đã hiệu đính" của Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31, được Lachmann, Tischendorf, Tregelles, Westcott, Hort và những dịch giả khác thừa nhận.

Trong Tân Ước, từ "Hades" không bao giờ được dùng với ý nghĩa tích cực. Nếu trong Hades có cả một khu vực cho tín hữu lẫn một khu vực cho người không tin, thì tại sao chúng ta đọc về Hades luôn luôn, không có ngoại lệ, liên quan đến người không tin, và không tìm thấy một dấu hiệu nào cho thấy có một tín hữu ở đó?

Các cụm từ "trong lòng" hay "các miền thấp của đất" chỉ về mồ mả. Chúa chúng ta không chỉ chết, mà còn được chôn và được khiến sống lại vào ngày thứ ba. Giô-na là hình bóng về điều đó. Thi Thiên 139:15 có thể giữ chúng ta khỏi việc giải thích những từ này quá theo nghĩa đen. Không nghi ngờ gì, các nơi thấp của đất ở đây chỉ về điều gì đó vô hình hay ẩn kín. Mồ mả đã được canh giữ bởi lính canh sau khi được niêm phong bằng một hòn đá (Ma-thi-ơ 27:66). Không mắt người nào có thể nhìn vào khu vực thánh nơi thân thể Chúa Giê-xu nằm.

Trước khi Đấng Christ đến, cụm từ "trong lòng Áp-ra-ham" đối với người Do Thái tin kính là hình ảnh tiêu biểu của phước hạnh, vì người ấy biết rằng Áp-ra-ham được gọi là "bạn của Đức Chúa Trời". Được ở với Đấng Christ là triển vọng phước hạnh của một Cơ Đốc nhân. Điều đó ở trên cao, trong Ba-ra-đi của Đức Chúa Trời. Ba-ra-đi không đồng nghĩa với Hades. Áp-ra-ham không ở trong Hades, nhưng linh hồn bị khổ hình ở trong Hades đã thấy ông "từ đằng xa". Việc cho rằng Chúa đã ở trong Hades và giải thoát một người nào đó khỏi đó là một điều do con người bịa ra. Chúa đã không đi vào Hades, mà vào Ba-ra-đi. Kinh Thánh không đưa ra một dấu hiệu nào về một sự giải thoát khỏi Hades. Các câu Các Quan Xét 5:12; Thi Thiên 68:18; Ê-phê-sô 4:8 không nói về sự giải thoát những kẻ bị cầm tù, mà nói về việc bắt giữ các quyền lực gian ác, ở đây được gọi là những kẻ bị cầm tù. Đấng Christ đã lột bỏ các quyền cai trị và các thế lực, và công khai bêu chúng ra, khi Ngài khải hoàn trên chúng (Cô-lô-se 2:15). Ngài đã dẫn những kẻ bị cầm tù đi làm phu tù. Điều đó không liên quan đến việc thả những kẻ bị cầm tù ra khỏi địa ngục, như một số người giải thích.

"Xuống Sheol" liên quan đến mồ mả hay hầm hố. Cả hai đều ở dưới đất.

Vực sâu (Khải Huyền 20) là một nơi không người nào đến, nhưng là nơi Sa-tan sẽ bị xiềng một ngàn năm, trước khi cuối cùng bị ném xuống hồ lửa đời đời. Trái lại, Hades tiếp nhận linh hồn và tâm linh của những người đã chết mà chưa được hòa giải với Đức Chúa Trời, tức là những kẻ chết không tin, là những người mà tâm linh đã từng ở trong thân thể hay chết. Linh hồn và tâm linh đi vào Hades, còn thân thể, được nắn nên từ bụi đất, tìm được một chỗ trong mồ mả (dưới biển hay trên đất liền) và chờ đợi sự sống lại để bị xét đoán. Khi con người được khiến sống lại – lúc ấy trời và đất không còn nữa –, người ấy không bị ném vào Hades (khi đó không còn tồn tại nữa), mà

bị ném xuống hồ lửa, là nơi không được sắm sẵn cho con người, mà cho ma quỷ và các quỷ sứ của nó (Ma-thi-ơ 25:41). Tín hữu đã ngủ sẽ được khiến sống lại không phải để bị xét đoán, mà để vào vinh hiển (Phi-líp 3:20-21).

Các từ "Sheol" hay "Hades" không thể áp dụng cho thiên đàng, vì chúng đối lập với thiên đàng.

Ghi chú của người dịch (ấn bản tiếng Đức)

Từ Hades xuất hiện trong Tân Ước ở những chỗ sau:

Ma-thi-ơ 11:23 (Lu-ca 10:15): Ở hai chỗ này, Hades đối lập rõ ràng với thiên đàng. Chúa nói rằng Ca-bê-na-um sẽ bị hạ xuống đến Hades. Ý nghĩa tiêu cực là điều hiển nhiên.

Ma-thi-ơ 16:18: Ở đây Chúa nói rằng người nào qua sự tái sinh và đức tin đã trở nên một hòn đá sống trong nhà Đức Chúa Trời thì không thể bị các cửa Hades thắng được, tức là sẽ không bao giờ vào Hades. Chỗ này cũng rõ ràng mang ý nghĩa tiêu cực, vì Chúa nói điều không thể xảy ra.

Lu-ca 16:23: Người giàu ngước mắt lên trong Hades và ở đó chịu khổ hình. Không có lời nào nói rằng La-xa-rơ cũng ở trong Hades. Trái lại, người giàu thấy La-xa-rơ trong lòng Áp-ra-ham. Lòng Áp-ra-ham, hay Ba-ra-đi, không phải là một phần của Hades, mà cả hai là những nơi được phân biệt rõ ràng, và không thể đi từ nơi này sang nơi kia. "Vả lại, giữa chúng ta và các ngươi có một vực sâu lớn ngăn cách."

Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31: Theo tôi, bản dịch câu trích dẫn từ Thi Thiên 16:10 trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31 không đúng. Trong bản Bảy Mươi, nguyên văn là *enkataleiphes eis haden* ("để vào Hades"). Dạng gốc của động từ là *enkataleipo*, và ở những chỗ khác được dịch tốt hơn là "phó cho" (hoặc: "lìa bỏ"). Từ *enkataleipo* này, ngoài Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31, còn xuất hiện 8 lần trong Tân Ước và đã được dịch 6 lần là "lìa bỏ" (Ma-thi-ơ 27:46; Mác 15:34; 2 Cô-rinh-tô 4:9; 2 Ti-mô-thê 4:10, 16; Hê-bơ-rơ 13:5), một lần là "để lại" (Rô-ma 9:29) và một lần là "bỏ bê" hay "bỏ" (Hê-bơ-rơ 10:25). Điều quyết định là ở đây không ghi *en haden* (tặng cách, như trong Lu-ca 16:23), mà là *eis haden* ("vào Hades", đối cách). Giới từ *eis* ("vào") chỉ đi với đối cách. Trong tiếng Hy Lạp cũng như trong tiếng Đức, đối cách chỉ về sự chuyển động hay phương hướng. Nếu nguyên bản ghi *en haden*, thì có thể dịch *enkataleiphes* là "bỏ lại". Cụm từ *eis haden* loại trừ khả năng này. Ở đây không phải là vấn đề

các dị bản khác nhau, mà rõ ràng là vấn đề dịch thuật[150] (so sánh những nhận xét chi tiết của W. Kelly trong các sách của ông *An Exposition of the Acts of the Apostles* và *The Preaching to the Spirits in Prison*).[151]

Giới từ *eis* xuất hiện, chẳng hạn, trong Ma-thi-ơ 18:20: "nhóm lại trong (nguyên văn: vào) danh Ta"; rồi liên quan đến phép báp-têm, chẳng hạn Rô-ma 6:3-4; 1 Cô-rinh-tô 10:2 v.v. (so sánh lời tựa trong bản Elberfelder (bản dịch Kinh Thánh tiếng Đức) về phép báp-têm).

Chính vì thế mà trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2, Phi-e-rơ trích dẫn Thi Thiên 16:10, để chứng minh rằng Đức Chúa Trời đã khiến sống lại Đấng đã bị tay những kẻ không luật pháp đóng đinh trên thập tự giá và giết đi. Chúa không thể ở lại trong sự chết và bị sự chết giữ lại. Qua câu trích dẫn này trong các câu 25-27, Phi-e-rơ muốn nói rằng Chúa chưa bao giờ ở trong Hades. Đức Chúa Trời không thể để linh hồn của Chúa ở trong Hades trong thời gian thân thể Ngài nằm trong mộ. Cũng như thân thể Ngài không thấy sự hư nát thể nào, thì linh hồn Ngài cũng không bị đày vào Hades thể ấy. Những kẻ không luật pháp hẳn đã làm điều đó nếu họ có quyền. Nhưng Đức Chúa Trời nghĩ khác, vì Chúa Giê-xu có trọn sự đẹp lòng của Đức Chúa Trời. Rồi Đức Chúa Trời cũng đã chứng minh điều đó cách rõ ràng nhất, khi Ngài khiến

150. Tuy nhiên, quan điểm này khác với quan điểm của J.N. Darby, người đã dịch những chỗ này cách khác (so sánh lời tựa của bản Elberfelder về Hades và địa ngục, do J.N. Darby viết, *Coll. Writings*, tập 13).

151. W. Kelly, *The Preaching to the Spirits in Prison, 1 Peter III. 18-20*, Sunbury (Belivers Bookshelf), tr. 133, 134: "Từ Hê-bơ-rơ trong Thi Thiên 16:10 không có nghĩa là 'trong', mà là 'đến' Sheol; nó không bao hàm sự đi xuống, cũng như Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27 trong bản văn phê bình (*eis haden*) của Alford, Lachmann, Tischendorf, Tregelles, Wordsworth, Westcott và Hort. Vì thế Revised Version đã dịch đúng tiếng Hê-bơ-rơ: 'Ngài sẽ không để linh hồn tôi đến Sheol [phó linh hồn tôi cho Sheol]' v.v., dù bản ấy đã dịch sai tiếng Hy Lạp là 'trong' thay vì 'đến'. Khi Chúa chúng ta chết, Ngài đã giao tâm linh Ngài vào tay Cha Ngài, là Đấng chắc chắn ở trên trời; và tên trộm đã ăn năn, dù muộn màng đến đâu, đã ở với Ngài trong Ba-ra-đi ngay chính ngày hôm ấy (Lu-ca 23). Bây giờ chúng ta đã thấy rằng, thay vì ở trong Hades, Ba-ra-đi ở trên trời, và như đã nói, là phần vinh hiển nhất của trời. Một sứ đồ liên kết Ba-ra-đi với 'tầng trời thứ ba' (2 Cô-rinh-tô 12:3-4); và Chúa chúng ta, qua một sứ đồ khác, phán rằng Ngài sẽ cho người thắng (khi được vinh hiển) ăn trái cây sự sống, chắc chắn không phải ở trong Hades (Khải Huyền 2:7). Trong Cựu Ước, Hades cũng như sự chết, sự sống và sự không hề hư nát vẫn còn chưa được xác định rõ; nhưng những điều này và còn nhiều hơn nữa đã được Tin Lành phơi bày ra nơi sáng. Vì thế, trong ví dụ sau cùng của Lu-ca 16, Chúa chúng ta mô tả người giàu, là người không có đức tin cũng không có tình yêu thương, ngước mắt lên trong Hades sau khi chết – còn La-xa-rơ là người tin thì được phước bên cạnh Áp-ra-ham trung tín. Một vực sâu lớn như thế đã được đặt để loại trừ việc qua lại từ cả hai phía. Hades thật sự ở 'đằng xa'; và ở đó có nghĩa là ở 'trong khổ hình'. Không một lời nào nói rằng La-xa-rơ đã ở đó; ông ở trong lòng Áp-ra-ham."

Chúa sống lại. Có chỗ nào cho thấy rõ hơn tính chất tiêu cực của Hades không?

Khải Huyền 1:18: Ở đây chúng ta thấy Chúa cầm chìa khóa của sự chết và của Hades. Trong câu này, Chúa được trình bày cho chúng ta như Đấng Phán Xét, như chúng ta cũng thấy Ngài trong Khải Huyền 20:11-15, nơi Ngài phán xét mọi kẻ chết. Ở đó sự chết và Hades phải trả lại mọi kẻ chết để họ bị phán xét. Sa-tan không tự nguyện trả lại những kẻ chết. Nhưng Chúa có quyền tối hậu cả trên sự chết và Hades.

Khải Huyền 6:8: Hades theo sau con ngựa màu xám nhợt, trên đó có sự chết cưỡi. Chỗ này liên quan đến những sự phán xét sau sự cất lên, sẽ giáng trên đất. Những người bị sự chết giết thì lập tức được Hades tiếp nhận, dĩ nhiên chỉ là linh hồn và tâm linh của những kẻ chết. Trái lại, những người Do Thái trung tín bị giết trong thời gian này thì ở dưới bàn thờ (chương 6:9).

Khải Huyền 20:13-14: Ở đây sự chết và Hades bị ném xuống hồ lửa. Sự chết và Hades là những điều sau cùng đối nghịch với Đức Chúa Trời, và vì thế bị ném xuống hồ lửa. Lẽ nào Đức Chúa Trời lại đày tâm linh và linh hồn của một tín hữu, là những điều đã được cứu, đến một nơi đối nghịch với Ngài? Điều đó không thể có! Sự chết tuy cũng đối nghịch với Đức Chúa Trời, nhưng đối với tín hữu, đó là cánh cửa đi vào cõi vô hình. Nếu Chúa không đến trước, thì chúng ta cũng còn phải đi qua sự chết, vì thân thể của tội lỗi chưa được cứu. Nhưng niềm hy vọng của chúng ta là Chúa đến, và Ngài sắp đến, và "Ngài sẽ biến hóa thân thể hèn mạt của chúng ta, làm cho đồng hình với thân thể vinh hiển của Ngài, theo năng lực hành động mà Ngài có thể dùng để bắt muôn vật phục Ngài" (Phi-líp 3:21).

Werner Mücher

7.2 Bảng các thuật ngữ khác nhau

Danh xưng	Câu Kinh Thánh	Ý nghĩa
Sheol (tiếng Hê-bơ-rơ)	65 lần trong Cựu Ước; chẳng hạn Sáng Thế Ký 37:35; 42:38; 44:29, 31; Dân Số Ký 16:30-33; 1 Các Vua 2:6, 9; Thi Thiên 49:15; 141:7 v.v.	Trước hết là mồ mả, cái huyệt trong lòng đất. Nhưng sau đó cũng là âm phủ (cõi của người chết), không phân biệt theo nơi ở của người tin hay người không tin
Hades (tiếng Hy Lạp)	Ma-thi-ơ 11:23; 16:18; Lu-ca 10:15; 16:23; Công Vụ Các Sứ Đồ 2:27, 31; Khải Huyền 1:18; 6:8; 20:13-14	Nơi ở của những kẻ chết không tin. Nơi khổ hình. Trong Tân Ước, Hades luôn mang ý nghĩa tiêu cực
Ba-ra-đi	Lu-ca 23:43; 2 Cô-rinh-tô 12:4; Khải Huyền 2:7	Nơi của các tín hữu đã ngủ, trong niềm vui có ý thức
Lòng Áp-ra-ham	Lu-ca 16:22-23	Một danh xưng khác của Ba-ra-đi
Hồ lửa – hồ có lửa và diêm sinh cháy bừng bừng	Khải Huyền 19:20; 20:14-15; 21:8 (so sánh "khổ hình đời đời" trong Ma-thi-ơ 25:46)	Nơi ở của con người, của Sa-tan và các quỷ của nó, là những kẻ sẽ chịu khổ hình của sự phán xét không ngừng cho đến đời đời. Cho đến ngày nay chưa có ai ở trong hồ lửa. Trước hết con thú và tiên tri giả sẽ bị đày đến đó, Sa-tan thì mãi 1000 năm sau; rồi cùng với nó là mọi người không tin.
Địa ngục (tiếng Hy Lạp gehenna)	Ma-thi-ơ 5:22, 29-30; 10:28; 18:9; 23:15, 33; Mác 9:43, 45, 47; Lu-ca 12:5; Gia-cơ 3:6	Một tên khác của hồ lửa
Vực sâu (tiếng Hê-bơ-rơ abbadon)	Gióp 26:6; 28:22; 31:12; Thi Thiên 88:11; Châm Ngôn 15:11; 27:20; Lu-ca 8:31; Rô-ma 10:7; 2 Phi-e-rơ 2:4; Khải Huyền 9:1, 11; 11:7; 17:8; 20:1, 3	Vực sâu, ngoài những ý nghĩa khác, là nơi giam giữ các thiên sứ sa ngã mà Đức Chúa Trời đã xiềng lại cho đến sự phán xét cuối cùng.

Trời	hơn 700 lần trong Kinh Thánh	Kinh Thánh phân biệt tầng trời thứ 1 (= bầu khí quyển), tầng trời thứ 2 (vũ trụ, không gian giữa các vì sao) và tầng trời thứ 3, nơi có ngôi Đức Chúa Trời và Ba-ra-đi (2 Cô-rinh-tô 12)
Nhà Cha	Giăng 14:2	Trời không do tạo dựng, nơi ba Ngôi của Đức Chúa Trời đã ngự từ trước vô cùng, và là nơi mọi tín hữu của Hội Thánh Đức Chúa Trời (hội chúng, giáo hội, Hội Thánh) sẽ bước vào

8 Thư mục

Ankerberg, J., *Fakten über das Leben nach dem Tod*, Pfäffikon (Verlag Mitternachtsruf) 2001

Ankerberg, J., *Fakten über Sterbeerlebnisse*, Pfäffikon (Verlag Mitternachtsruf) 2001

Bergmann, G., *Leben nach dem Tod*?, Gladbeck 1960

Brand, Reinhard, Godzik, Peter *Die gemeinsame christliche Hoffnung über den Tod hinaus und ihre unterschiedliche Auslegung*, 1992

Brinke, G. R., *Jenseitiges und Zukünftiges*, Frutigen

Brockhaus, R., *Botschafter des Heils in Christo*, "Unsterblichkeit der Seele, Seelenschlaf und Verdammnis", 1919

Bouter, H., *Onnaspeurlijke Rijkdom, Bijbelstudies over het Paradijs van God*, Gouda, 2003

Cremer, H., *Jenseits des Grabes*, 1886, Gießen (TVG) 1987

Darby, J. N., *Die ewige Pein*, Neustadt (E.-P. Verlag)

Fijnvandraat, J. G., *Wiedergeboren – in Ewigkeit*?, Schwelm 1980

Grant, F. W., *Facts and Theories as to a future state*, North Carolina 1889

Hallesby, O., *Himmel, Tod und Hölle*, Wuppertal (Rudolf Brockhaus Verlag)

Hauke, Dr., Rainer, *Wo sind unsere Toten? Ein vernachlässigter Aspekt der individuellen Eschatologie* (bài thuyết trình nhận học vị Habilitation)

Heidler, F., *Die biblische Lehre von der Unsterblichkeit der Seele* (Beiträge zur systematischen Theologie), Vandenhoek & Ruprecht

Hole, F. B., *Das Feuer, das nicht erlischt*, Hückeswagen (CSV) 1987

Ironside, H. A., *Death and afterwards*, Neptune (Loizeaux Brothers) 1924

Jennings, F. C., *The Human Body, Its Source, History and Destiny*, Essex 1927

Lockyer, H., *Was geschieht nach dem Tod*, Wetzlar (Verlag Hermann Schulte) 1976

Lutzer, E. W., *Fünf Minuten nach dem Tod*, Dillenburg (CVD) 1999

Ouweneel, W. J., *Das ewige Leben*, Neustadt (E.-P. Verlag) 1980

Ouweneel, W. J., *Herz und Seele*, Dillenburg (CVD) 1991

Ouweneel, W. J., *De leer van de mens*, Buiten & Schipperheijn, 1986

Ouweneel, W. J., *Ende gut – alle(s) gut?*, Bielefeld (CLV) 1993

Pache, R., *Das Jenseits*, Wuppertal (Verlag Sonne und Schild) 1957

Pfannmüller, G., *Tod, Jenseits und Unsterblichkeit*

Pollock, A. J., *Eternal Life*, London

Rawlings, M., *Zur Hölle und zurück*, Hamburg (C. M. Fliß) 1996

Rienecker, F., *Das Schönste kommt noch I, II*, Wuppertal (Verlag Sonne und Schild) 1964

Rincke, H. W., *Vom Zustand nach dem Tode*, Basel, 1885

Schwengeler, B., chủ biên, *Sterbeerlebnisse, Ufo, Anthroposophie*, Berneck, 1981

Steinmeister, A., *Auferstehung – Realität oder Illusion*, Wuppertal (Telos) 1989

Swihart, P. J., *Der Tod – wirklich anders?*, Bad Liebenzell, 1979

Tapernoux, Marc, *Das ewige Gericht*, Zürich (Beröa Verlag) 1962

Zodhiates, S., *Leben nach dem Tod*, Dillenburg (CVD) 1978

Những sách sau đây trình bày toàn bộ hoặc một phần quan điểm ngược lại

Cullmann, O., *Unsterblichkeit der Seele oder Auferstehung der Toten*, Stuttgart (Quell Verlag) 1986

Custance, A. C., *Journey out of time*, A study of the interval between death and resurection of the body, Ontario (Doorway Publication)

Le Seur, P., *Die Zukunft der Toten*, Wuppertal (Aussaat Verlag) 1974

Jukes, A., *Der zweite Tod und die Wiederbringung aller Dinge*, 1912 (1987)

Magner, J., *Zukunft ohne Tod*, Hamburg (Saatkorn Verlag)

Petry, P., *Allaussöhnung, Tod und letzte Dinge*, Pforzheim (Konkordanter Verlag) 1986

Raiber, H., *Wir werden was wir sind* (Chiron Verlag) 1986

Tobler, G., *Wann beginnt das ewige Leben*, Zürich (Advent-Verlag)

Tod und Leben, Studien zur christlichen Anthropologie, Genf (Edition Oikumene) 1840

Tomasi, M., *Tod und Auferstehung, Himmel und Hölle*, Zürich (Advent Verlag)

77 Fragen an die Gemeinschaft der Siebenten-Tags-Adventisten, 1988

Sách tra cứu

Handreichungen aus dem Worte Gottes, nguyệt san 1913-1938, Bielefeld (CLV)

Kommentar zum Neuen Testament aus Talmud und Midrasch, C. H. Beck, München (Strack & Billerbeck),

Texte der Kirchenväter, München (Kösel Verlag) 1963

The Bible Treasury, edited by William Kelly 1856-1920, Winschoten (H. L. Heijkop Verlag)

The Collected Writings of John Nelson Darby, Winschoten, (H.L. Heijkoop Verlag) tái bản 1972

Tạp chí

An Outline of Sound Words, W. C. Reid, Edingburgh

Bibel und Gemeinde, tạp chí của Bibelbund

De Bode van het heil in Christus, Vassen (Uitgeverij H. P. Medema)

Sách giải nghĩa Kinh Thánh

Best, E., *Second Corinthians, A Bible Commentary for Teaching and Preaching*, Atlanta (John Knox Press)

de Boor, W., *Der zweite Brief des Paulus an die Korinther*, Wuppertal (R. Brockhaus Verlag) 1972

Godet, F., *Kommentar zu dem Evangelium des Lukas*, TVG

Godet, F., *Kommentar zum 1. Brief an die Korinther*, TVG

Grosheide, F.W., *Paulus eerste Brief aan de Kerk te Korinthe*, Korte Verklaring der Heilige Schrift, Kampen

Kelly, W., *Notes on the second Epistle of Paul the Apostle to the Corinthians with a new Translation*, London

McDonald, W., *2 Corinthians* (Emmaus Bible School), 1961,

Ouweneel, W. J., *Wij zien Jezus, Bijbelstudies over de Brief aan de Hebreen*

Ouweneel, W. J., *De Openbaring van Jezus Christus, deel 1 en 2*

Rienecker, F. *Lukas, Wuppertaler Studienbibel*, Wuppertal (Brockhaus Verlag)

Zahn, T., *Das Evangelium des Lukas*, TVG

Tài liệu hỗ trợ học tập

Begriffslexikon zum Neuen Testament, TVG

Bibleworkshop, Computer-Bibel, media C

Bromiley, G. W., *Theological Dictionary of the New Testament*, Eerdmans

Metzger, B. M., *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, London, New York (United Bible Societies), 1971

Rienecker, *Sprachlicher Schlüssel zum griechischen Neuen Testament*

Vine, W. E., *Expository Dictionary of New Testament Words*, Fleming H. Revell

Wigram, G., *Publishing Englishmans Greek Concordance*

Sách tham khảo chung

Bruce, F. F., *Zeitgeschichte des Neuen Testaments*, Wuppertal (TVG) 1986

Gitt, W., *Und die anderen Religionen?*, Bielefeld (CLV)

Gitt, W., *Schuf Gott durch Evolution?*, Bielefeld (CLV)

Hunt, D., *Whatever happened to heaven*, Harvest House Publishers, Eugene, 1988

Josephus, F., *Geschichte des Jüdischen Krieges*, Wiesbaden (Fourier Verlag)

Josephus, F., *Jüdische Altertümer*, Wiesbaden (Fourier Verlag)

Scott, W., *Doctrinal Summaries*, Glasgow (G. T. Publications) 1982

Walvoord, J., *The Prophecy Knowledge Handbook*, Wheaton (Victor Books) 1990

Chú thích

Bìa mềm

W. & M. Deppe

Auswege oder Wege ins Aus?

320 trang (bằng tiếng Đức)

ISBN 3-89397-290-0

Các cộng đồng theo đạo sư (guru), giáo phái, các tôn giáo huyền bí và các nhóm tâm lý ngày càng được ưa chuộng và có số thành viên ngày càng tăng trong thế giới phương Tây.

Thêm vào đó, từ những năm 1980, chúng ta bị nhấn chìm trong một làn sóng huyền học không sao kể xiết.

Gần như cùng lúc, điều mà hàng thế kỷ không ai có thể tưởng tượng đang xảy ra – trên khắp thế giới, các cuộc đối thoại giữa các tôn giáo lớn trên thế giới bắt đầu!

Hệ quả là các Cơ Đốc nhân ngày càng thường gặp những người đã pha trộn tư tưởng Cơ Đốc với những yếu tố từ các tôn giáo khác, và hơn bao giờ hết, Cơ Đốc nhân được kêu gọi đối diện với những trào lưu khác nhau của thời đại chúng ta.

Cuốn sách này là một sự trợ giúp tốt để định hướng trong mê cung của sự đa dạng tôn giáo!

Người chết vẫn sống – hay sự chết là dấu chấm hết của mọi hiện hữu? Con người rơi vào giấc ngủ của linh hồn – hay vẫn có ý thức bên kia sự chết? Đó là những câu hỏi khiến mọi người bận tâm. Trả lời những câu hỏi ấy, nhưng cũng đem lại hy vọng, là mục đích của cuốn sách này, trong đó câu hỏi về sự bất tử của linh hồn là đề tài trung tâm. Những người chết mà vẫn sống – Kinh Thánh giải được nghịch lý ấy: Sự chết không phải là dấu chấm hết, mà là khởi đầu của một sự sống không bao giờ chấm dứt nữa. Lẽ thật của lời khẳng định này được bảo đảm bởi một ...